

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HOÀNG THỊ THINH

QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

HÀ NỘI - 2024

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HOÀNG THỊ THINH

QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ
Mã số: 931 01 02

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS ĐOÀN XUÂN THUY

HÀ NỘI - 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Thinh', is centered on a white rectangular background.

Hoàng Thị Thinh

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO	8
1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án ở trong và ngoài nước.....	8
1.2. Khái quát kết quả các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án và những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu	32
Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO.....	36
2.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo.....	36
2.2. Nội dung, tiêu chí đánh giá và nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo	53
2.3. Kinh nghiệm thực tiễn về đảm bảo hài hòa lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở một số nước trên thế giới và bài học cho Việt Nam	68
Chương 3. THỰC TRẠNG QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở VIỆT NAM	85
3.1. Khái quát về sự phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam	85
3.2. Tình hình quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam	91
3.3. Đánh giá chung về quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam.....	119
Chương 4. QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO HÀI HÒA LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở VIỆT NAM.....	128
4.1. Dự báo tình hình và quan điểm về đảm bảo hài hòa lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam	128
4.2. Giải pháp đảm bảo hài hòa lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam đến năm 2030	134
KẾT LUẬN.....	156
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ.....	158
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	158
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	159

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ASEAN	: Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
COD	: Công nhận vận hành thương mại
EVN	: Tập đoàn Điện lực Việt Nam
FIT	: Biểu giá hỗ trợ cho năng lượng tái tạo
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội
GW	: Giga oát
IEA	: Cơ quan Năng lượng Quốc tế
IRENA	: Cơ quan Năng lượng tái tạo quốc tế
KT - XH	: Kinh tế - xã hội
KWh	: Kilo oát giờ
MW	: Mega oát
PPP	: Hình thức đầu tư theo phương thức đối tác công tư
REC	: Chứng chỉ năng lượng tái tạo
RPS	: Tiêu chuẩn danh mục đầu tư năng lượng tái tạo

DANH MỤC BẢNG

	Trang
Bảng 1.1. Tổng hợp các nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án	32
Bảng 3.1. Số liệu về bức xạ mặt trời tại Việt Nam	85
Bảng 3.2. Tổng hợp tiềm năng kỹ thuật năng lượng tái tạo cho phát điện tại Việt Nam..	88
Bảng 3.3. Tỷ trọng điện gió, điện mặt trời trong cơ cấu công suất đặt nguồn điện giai đoạn 2015 - 2022.....	89
Bảng 3.4. Tổng hợp cơ chế khuyến khích phát triển điện tái tạo từ năm 2017	94
Bảng 3.5. Khung giá phát điện nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp.....	94
Bảng 3.6. Cơ chế khuyến khích cho dự án điện tái tạo nổi lưới tại Việt Nam	95
Bảng 3.7. Thống kê số lượng dự án điện mặt trời, điện gió giai đoạn 2017 - 2022.....	96
Bảng 3.8. Thống kê công suất năng lượng tái tạo vận hành năm 2022	96
Bảng 3.9. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp/nhà máy điện gió, điện mặt trời ở Việt Nam năm 2021	100
Bảng 3.10. Hiệu quả tỷ suất sinh lời của nhà máy điện năng lượng tái tạo tiêu chuẩn giai đoạn 2017 - 2022	102
Bảng 3.11. Đóng góp của các dự án điện gió, điện mặt trời vào ngân sách một số địa phương từ 2019 đến nay	103
Bảng 3.12. Chương trình cho vay các dự án năng lượng tái tạo của một số ngân hàng giai đoạn 2017 - 2022	112
Bảng 3.13. Nhu cầu diện tích đất sử dụng cho phát triển năng lượng tái tạo	114
Bảng 3.14. Chi phí sử dụng đất cho các công trình điện mặt trời quy mô lớn giai đoạn 2017 - 2022.....	115
Bảng 3.15. Giá mua điện mặt trời và điện gió (giá FIT) đến năm 2022	
Bảng 3.16. Điện sản xuất toàn hệ thống năm 2022.....	116
Bảng 3.17. Sản lượng điện thương phẩm năm 2022 của EVN và các Tổng công ty điện lực.....	117
Bảng 3.18. Ước tính số việc làm trực tiếp được tạo ra xét đến năm 2030.....	120
Bảng 3.19. Trình độ lao động của nguồn nhân lực theo loại hình năng lượng giai đoạn 2017 – 2022	124
Bảng 3.20. Tổng hợp một số chủ trương, chương trình, chính sách, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước trong phát triển năng lượng tái tạo giai đoạn 2017 - 2022....	126

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

	Trang
Biểu đồ 3.1. Dự kiến tiềm năng điện mặt trời quy mô lớn và số giờ phát công suất cực đại quy đổi	86
Biểu đồ 3.2. Tiềm năng kỹ thuật nguồn điện gió trên bờ toàn quốc.....	86
Biểu đồ 3.3. Tiềm năng kỹ thuật gió ngoài khơi tại Việt Nam.....	87
Biểu đồ 3.4. Tăng trưởng công suất đặt nguồn điện giai đoạn 2017 - 2022.....	88
Biểu đồ 3.5. Cơ cấu nguồn điện năm 2022	89
Biểu đồ 3.6. Quy mô phát triển hệ thống điện giai đoạn 2017 - 2022.....	90
Biểu đồ 3.7. Hiện trạng điện sản xuất của các loại hình nguồn điện theo từng miền giai đoạn 2015 - 2020	98
Biểu đồ 3.8. Chi phí lắp đặt các nhà máy điện gió, điện mặt trời giai đoạn 2017 - 2021	99
Biểu đồ 3.9. Giá bán lẻ điện của Việt Nam từ 2017 đến nay.....	106
Biểu đồ 3.10. Mô tả biểu đồ phát của điện mặt trời và nhu cầu sử dụng trong ngày ...	107
Biểu đồ 3.11. Dự nợ tín dụng xanh ở Việt Nam giai đoạn 2017 - 2022.....	113
Biểu đồ 3.12. Lợi nhuận sau thuế của EVN giai đoạn 2017 - 2022	118

DANH MỤC SƠ ĐỒ

	Trang
Sơ đồ 2.1. Quy trình sản xuất điện gió.....	48
Sơ đồ 2.2. Quy trình sản xuất điện mặt trời	48
Sơ đồ 2.3. Quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo.....	53
Sơ đồ 3.1. Sơ đồ tổ chức thực hiện quy hoạch điện VIII.....	93

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hiện nay, thế giới đang phải đối mặt với vấn đề cạn kiệt nguồn năng lượng truyền thống và tình trạng biến đổi khí hậu toàn cầu. Để giải quyết những thách thức đó, việc sử dụng năng lượng tái tạo là tất yếu và vô cùng cấp bách. Tại hội nghị “Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu 2022” (COP27), hầu hết các quốc gia trên thế giới đã thỏa thuận và tán thành việc chuyển đổi năng lượng nhằm xây dựng và phát triển nền kinh tế bền vững, chống biến đổi khí hậu, đảm bảo quyền tiếp cận năng lượng với giá cả phải chăng, bền vững và hiện đại cho mọi người. Chuyển đổi từ năng lượng hoá thạch sang sử dụng năng lượng tái tạo không chỉ thúc đẩy hành động vì môi trường mà còn góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, tạo ra các lợi ích kinh tế và một tương lai thịnh vượng, bền vững cho tất cả các quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Đối với Việt Nam, trước yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhu cầu tiêu thụ năng lượng không ngừng gia tăng, trong khi nguồn cung năng lượng truyền thống ngày càng cạn kiệt. Trước bối cảnh biến đổi khí hậu và tình hình an ninh năng lượng đang tác động tiêu cực đến nền kinh tế của nước ta, chuyển đổi năng lượng, phát triển năng lượng tái tạo là một trong những biện pháp chủ yếu để hiện thực hoá mục tiêu đưa mức phát thải ròng về "0" vào năm 2050. Với tiềm năng to lớn, phát triển năng lượng tái tạo sẽ giúp nước ta có thể cắt giảm nhiên liệu hoá thạch nhập khẩu, đồng thời góp phần giảm lượng phát thải khí nhà kính, đảm bảo an ninh năng lượng và phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội (KT - XH) của đất nước. Nhận thức được tầm quan trọng của phát triển năng lượng tái tạo, “Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” đã nhấn mạnh: “Từng bước gia tăng tỉ trọng nguồn năng lượng tái tạo trong sản xuất và tiêu thụ năng lượng quốc gia nhằm giảm sự phụ thuộc vào nguồn năng lượng hoá thạch, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, giảm nhẹ biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường và phát triển kinh KT - XH bền vững” [52]. Với lợi thế về vị trí địa lí, Việt Nam có tiềm năng to lớn để phát triển

năng lượng tái tạo, đặc biệt là năng lượng mặt trời và năng lượng gió. Những năm gần đây, với chính sách ưu tiên phát triển của Đảng và Nhà nước, ngành năng lượng tái tạo ở nước ta đã và đang đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Thủ tướng Chính phủ đã ký “Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/05/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII)”. Theo Quy hoạch điện VIII, các nguồn năng lượng tái tạo được ưu tiên phát triển với mục tiêu: “Phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo phục vụ sản xuất điện, đạt tỉ lệ khoảng 30,9 - 39,2% vào năm 2030, hướng tới mục tiêu tỉ lệ năng lượng tái tạo 47% với điều kiện các cam kết theo Tuyên bố chính trị thiết lập Quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) với Việt Nam được các đối tác quốc tế thực hiện đầy đủ, thực chất. Định hướng đến năm 2050 tỉ lệ năng lượng tái tạo lên đến 67,5 - 71,5%”. [55]

Thời gian qua, phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta đã mang lại lợi ích kinh tế cho xã hội, cộng đồng và doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững. Đảng và Nhà nước ta đã chú trọng đến đảm bảo lợi ích của các chủ thể liên quan như lợi ích của xã hội, lợi nhuận của các doanh nghiệp, lợi ích của người tiêu dùng,... Tuy nhiên, sự phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta vẫn còn tồn tại nhiều bất cập, mâu thuẫn, đặc biệt là vấn đề quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo. Về mặt thực tiễn, hiện nay, mâu thuẫn và xung đột về lợi ích giữa các chủ thể (Nhà nước, doanh nghiệp, người tiêu dùng,...) trong phát triển năng lượng tái tạo đang là một thách thức lớn đối với sự phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam. Những xung đột, chông chéo về lợi ích giữa các chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo; những bất cập trong công tác quản lý, điều hành thực hiện quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo; sự thiếu gắn kết giữa các chủ thể,... đã trở thành lực cản đối với việc đảm bảo hài hòa quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta. Về mặt lí luận, những nghiên cứu về quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam hiện nay cũng chưa được quan tâm đúng mức. Những rào cản trong quan hệ lợi ích kinh tế giữa các chủ thể liên quan đã và đang đặt ra nhu cầu phải nghiên cứu và giải quyết.

Xuất phát từ cơ sở lí luận và thực tiễn trên, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài luận án:

"Quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam" làm luận án tiến sĩ, ngành Kinh tế chính trị.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở luận giải những vấn đề lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về thực hiện đảm bảo hài hoà quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo, luận án phân tích và đánh giá thực trạng quan hệ lợi ích trong lĩnh vực này ở Việt Nam từ năm 2017 - 2022. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất các quan điểm và giải pháp nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam đến năm 2030.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích nghiên cứu, luận án tập trung thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu sau:

- *Một là*, hệ thống hóa và làm rõ thêm những vấn đề lý luận về quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo, cụ thể là làm rõ khái niệm, xây dựng khung phân tích về nội dung, tiêu chí đánh giá, các nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo; nghiên cứu kinh nghiệm thực tiễn về giải quyết quan hệ lợi ích trong lĩnh vực phát triển năng lượng tái tạo của một số quốc gia trên thế giới để rút ra bài học cho Việt Nam.

- *Hai là*, phân tích thực trạng quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta từ năm 2017 đến năm 2022. Từ đó đánh giá thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong việc thực hiện quan hệ lợi ích trong lĩnh vực này để làm cơ sở cho việc đề xuất quan điểm và giải pháp giải quyết hài hoà quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam.

- *Ba là*, đề xuất một số quan điểm và giải pháp giải quyết hài hòa lợi ích nhằm thúc đẩy sự phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta đến năm 2030.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án

Đối tượng nghiên cứu của luận án là quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở cấp độ quốc gia.

3.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án

- *Về nội dung:* Trong phạm vi luận án không đề cập đến quan hệ lợi ích nói chung mà chỉ làm rõ lợi ích kinh tế, quan hệ lợi ích kinh tế ở góc độ kinh tế chính trị giữa các chủ thể chính trong phát triển năng lượng tái tạo. Cụ thể, luận án sẽ tập trung nghiên cứu và làm rõ quan hệ lợi ích kinh tế của ba chủ thể chủ yếu trong phát triển năng lượng tái tạo bao gồm: Nhà nước, doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo (doanh nghiệp tham gia phát triển điện gió, điện mặt trời) và người tiêu dùng. Trong thực tế: chủ thể cung ứng điện từ năng lượng tái tạo bao gồm cả các doanh nghiệp và hộ gia đình (trong trường hợp sản xuất điện mặt trời áp mái), tuy nhiên trong giới hạn nghiên cứu, đề tài tập trung phân tích doanh nghiệp tham gia phát triển điện gió, điện mặt trời.

Sự tương tác giữa các chủ thể trên sẽ dẫn đến hình thành các mối quan hệ lợi ích kinh tế bao gồm: (1) Quan hệ lợi ích kinh tế giữa Nhà nước và doanh nghiệp tham gia phát triển điện gió, điện mặt trời; (2) Quan hệ lợi ích kinh tế giữa Nhà nước và người tiêu dùng; (3) Quan hệ lợi ích kinh tế giữa doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo và người tiêu dùng.

Năng lượng tái tạo bao gồm nhiều loại, có thể chuyển hoá thành nhiều dạng năng lượng khác nhau, tuy nhiên trong phạm vi luận án, tác giả tập trung nghiên cứu năng lượng mặt trời, năng lượng gió chuyển hoá thành điện năng.

- *Về không gian:* Luận án nghiên cứu quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam.

- *Về thời gian:* Luận án tập trung nghiên cứu quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo được thực hiện chủ yếu trong giai đoạn 2017 - 2022, đây là giai đoạn mối quan hệ lợi ích giữa các chủ thể được hình thành rõ rệt và bộc lộ những mâu thuẫn, xung đột lợi ích mang tính điển hình và đưa ra quan điểm, giải pháp đến năm 2030.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, Nhà nước về quan hệ lợi ích, phát triển

năng lượng tái tạo; đồng thời kế thừa có chọn lọc những kết quả nghiên cứu của các công trình đã công bố có liên quan đến đề tài luận án.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận, luận án sử dụng phương pháp chủ yếu của Kinh tế chính trị là trừu tượng hóa khoa học và các phương pháp khoa học khác để phân tích, đánh giá, so sánh, luận giải nội dung nghiên cứu của đề tài. Có thể phân tích cụ thể các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong luận án như sau:

- *Phương pháp trừu tượng hóa khoa học*: Luận án tập trung nghiên cứu các yếu tố, quá trình mang tính chất điển hình, phổ quát; bỏ qua các hiện tượng ngẫu nhiên, không thuộc bản chất của đối tượng nghiên cứu liên quan đến đề tài để có thể rút ra những kết luận, đánh giá mang tính khái quát về quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam. Đồng thời, trong quá trình nghiên cứu, tác giả còn tách riêng từng nhân tố, tạm thời gác lại các nhân tố khác để nghiên cứu, phát hiện bản chất của vấn đề quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo. Trong quá trình sử dụng phương pháp trừu tượng hóa khoa học, tác giả cũng lưu ý đến giới hạn của sự trừu tượng hóa để đảm bảo tính khách quan và khoa học của các kết luận được rút ra.

- *Phương pháp lôgic kết hợp với lịch sử*: Luận án nghiên cứu, tiếp cận bản chất, các xu hướng vận động gắn với tiến trình hình thành, phát triển của các quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo. Phương pháp lôgic kết hợp với lịch sử được sử dụng trong việc nghiên cứu sự hình thành quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo, từ đó rút ra tính quy luật gắn liền với bản chất của lợi ích kinh tế trong lĩnh vực này ở Việt Nam.

- *Phương pháp phân tích và tổng hợp*: Tác giả sử dụng phương pháp này ở các nội dung của luận án như: Chương I trong mục Tổng quan tình hình nghiên cứu nhằm rút ra được những điểm kế thừa từ các nghiên cứu trước cho luận án, những khoảng trống nghiên cứu, từ đó đặt vấn đề nghiên cứu của luận án; Chương II, mục 2.1. Cơ sở lí luận về quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo, hệ thống hóa cơ sở lí luận về quan hệ lợi ích nhằm làm cơ sở đề xuất khung phân tích thực trạng quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo; phân tích và tổng hợp cấu trúc quan hệ lợi ích; phân tích và tổng hợp các mâu thuẫn và xung đột lợi ích; phân tích và tổng hợp kinh nghiệm thực tiễn trong việc giải quyết quan hệ lợi

ích trong phát triển năng lượng tái tạo để rút ra những chính sách, giải pháp hợp lí.

- *Phương pháp so sánh, đối chiếu:* Tác giả sử dụng phương pháp này trong chương III để phân tích, so sánh các số liệu thống kê, đánh giá khách quan nhất thực trạng phát triển năng lượng tái tạo, thực trạng quan hệ lợi ích trong lĩnh vực này, chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế để từ đó, đề xuất quan điểm và giải pháp phù hợp nhằm giải quyết hài hòa lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam.

- *Phương pháp thu thập, xử lí và phân tích số liệu:* Luận án thu thập và sử dụng các dữ liệu liên quan đến phạm vi nghiên cứu của đề tài do các cơ quan đã báo cáo và công bố như số liệu của Chính phủ, Bộ Công thương, Viện Năng lượng, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng cục thống kê, số liệu điều tra, khảo sát của các Viện nghiên cứu, kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tham gia sản xuất điện gió, điện mặt trời, số liệu của các bên liên quan và các kết quả nghiên cứu đã công bố.

Sau khi thu thập số liệu, căn cứ vào giới hạn phạm vi về nội dung, không gian, thời gian, tác giả sẽ tiến hành phân tích số liệu theo các chủ thể và sử dụng Excel để xử lí số liệu (hàm SUM, COUNT, AVERAGE...) và biểu diễn một số kết quả thành các biểu đồ cột, biểu đồ đường, biểu đồ cơ cấu,... để làm rõ nghiên cứu.

Sau khi các số liệu được xử lí, tác giả sẽ sử dụng phương pháp thống kê mô tả các kết quả và tiến hành phân tích, tổng hợp, đối chiếu để làm rõ quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam.

5. Những đóng góp mới về khoa học của luận án

5.1. Đóng góp về lí luận

Với cách tiếp cận về quan hệ lợi ích ở góc độ khoa học Kinh tế chính trị, luận án góp phần làm rõ hơn một số vấn đề lý luận về quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo: quan niệm, đặc điểm, nội dung, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam.

5.2. Đóng góp về thực tiễn

Thứ nhất, luận án phân tích kinh nghiệm của một số quốc gia về thực hiện quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo và rút ra bài học cho Việt Nam. Luận án cũng làm rõ thực trạng quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo, từ đó chỉ ra những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của thành tựu,

hạn chế trong việc thực hiện quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam. Những mô tả, đánh giá thực trạng này chưa được công bố trong công trình nghiên cứu nào ở Việt Nam.

Thứ hai, luận án đề xuất một số giải pháp nhằm đảm bảo sự hài hòa quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta đến năm 2030.

Thứ ba, những kết quả nghiên cứu của luận án là tài liệu tham khảo cho những nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách và nghiên cứu giảng dạy các hệ đào tạo chuyên ngành có liên quan đến quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo.

6. Kết cấu của luận án

Để đạt được mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu trên, ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, nội dung của luận án gồm 4 chương, 10 tiết như sau:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo

Chương 2. Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo

Chương 3. Thực trạng quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam

Chương 4. Quan điểm và giải pháp đảm bảo hài hòa lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN Ở TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về lợi ích, lợi ích kinh tế, quan hệ lợi ích, quan hệ lợi ích kinh tế

Trong khoa học kinh tế chính trị, lợi ích, lợi ích kinh tế, quan hệ lợi ích, quan hệ lợi ích kinh tế là vấn đề cốt lõi, thu hút sự quan tâm nghiên cứu của các đại biểu thuộc các trường phái kinh tế và các tác giả khác nhau. Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã bàn đến những vấn đề chung của lợi ích, lợi ích kinh tế, quan hệ lợi ích (quan niệm, hình thức biểu hiện, vai trò của lợi ích kinh tế, quan hệ lợi ích), quan hệ lợi ích kinh tế; quan hệ lợi ích trong các lĩnh vực cụ thể của nền kinh tế. Từ khoảng thế kỷ XVIII, nhận thức về vấn đề lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế của các nhà khoa học đã rõ ràng hơn. Một số nghiên cứu của các tác giả tiêu biểu trong và ngoài nước đề cập đến vấn đề này như:

1.1.1.1. Các công trình nghiên cứu về lợi ích, lợi ích kinh tế

Tác giả Tresnôcôp, Đ.I (1973) với tác phẩm “*Chủ nghĩa duy vật lịch sử với tính cách là xã hội học của chủ nghĩa Mác - Lênin*” đã phân tích nguồn gốc, bản chất của lợi ích kinh tế. Tác giả cho rằng, lợi ích kinh tế có nguồn gốc từ quá trình giải quyết các nhu cầu sống của con người để xác định phương thức tồn tại của mình. Lợi ích mang tính khách quan của con người đối với hoàn cảnh sống và các nhu cầu hiện có của các chủ thể, là mối quan hệ kích thích, tác động đến các chủ thể nhằm đảm bảo điều kiện sống và sự phát triển của họ.

Tác giả V.P.Ca-man-kin (1982) trong cuốn sách “*Các lợi ích kinh tế dưới chủ nghĩa xã hội*” đã làm rõ quan niệm về lợi ích kinh tế, tính tất yếu khách quan của lợi ích kinh tế, mối quan hệ trong lợi ích kinh tế. Ca-man-kin cho rằng: “*Lợi ích kinh tế của một chủ thể nhất định là sự tác động lẫn nhau giữa các nhu cầu kinh tế của chủ thể đó*” [5, tr.7]. Xuất phát điểm của lợi ích kinh tế chính là các

nhu cầu kinh tế trong hoạt động của các chủ thể, lợi ích kinh tế là lợi ích cốt lõi. Có thể thấy, tác giả đã xuất phát từ góc độ kinh tế để làm rõ nhu cầu của con người, đó là các nhu cầu kinh tế chứ không phải là những nhu cầu chung chung.

Tác giả Đào Duy Tùng và các cộng sự của mình (1982) với nghiên cứu “*Bàn về lợi ích kinh tế*” cho rằng “Lợi ích kinh tế là hình thức biểu hiện của những quan hệ kinh tế, quan hệ giữa người với người trong sản xuất. Lợi ích kinh tế dưới chế độ xã hội chủ nghĩa được biểu hiện dưới hình thức lợi ích của xã hội, lợi ích của tập thể, lợi ích của cá nhân người lao động. Lợi ích kinh tế là biểu hiện của các quan hệ kinh tế dưới hình thức những động cơ, mục đích, những nhân tố kích thích khách quan thúc đẩy hoạt động lao động của con người”. Lợi ích kinh tế gắn liền với nhu cầu kinh tế nhưng không đồng nhất lợi ích kinh tế với nhu cầu kinh tế.

Nghiên cứu “*Lợi ích động lực của sự phát triển bền vững*” của tác giả Hoàng Văn Luân (2000) xuất phát từ nhu cầu và những hoạt động của con người nhằm thỏa mãn nhu cầu để nghiên cứu vấn đề lợi ích. Các hoạt động cơ bản của con người bao gồm hoạt động sản xuất và hoạt động trao đổi của cải vật chất để đáp ứng nhu cầu của con người. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra giải pháp nhằm giải quyết hài hòa lợi ích, để lợi ích thực sự là động lực cho sự phát triển bền vững.

Trong đề tài nghiên cứu khoa học của Nguyễn Thị Thu Hương (2008) “*Mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*”, tác giả đã phân tích những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề lợi ích và mối quan hệ biện chứng giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội. Tác giả cho rằng, mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội vừa có tính thống nhất, song cũng có sự khác biệt và mâu thuẫn. Trên cơ sở khảo sát và rút ra những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân, nghiên cứu đã đưa ra 5 giải pháp cụ thể nhằm giải quyết những mâu thuẫn trong quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội ở Việt Nam, gồm: một là, giải quyết hợp lý vấn đề sở hữu - cơ sở để giải quyết mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội; hai là, thực hiện tốt các hình thức phân phối, đảm bảo lợi ích cho cá nhân và xã hội; ba là, thực hiện tốt các chính sách xã hội, đảm bảo công bằng xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; bốn là, tích cực đấu tranh chống tham

những để hạn chế sự phân cực và bất bình đẳng trong xã hội và năm là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Tác giả Đặng Quang Định (2011) với công trình *“Thống nhất lợi ích kinh tế giữa giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay”*. Tác giả đã đề cập đến bản chất và các nhân tố ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế giữa các giai cấp trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đồng thời, tác giả còn nêu bật những vấn đề còn phát sinh trong việc thực hiện lợi ích kinh tế giữa các giai cấp này. Từ đó, tác giả đã đưa ra quan điểm và giải pháp góp phần tạo lập sự thống nhất lợi ích kinh tế giữa các giai cấp trên.

Nhóm tác giả Nguyễn Ngọc Duy và cộng sự (2014) với nghiên cứu *“Phân phối lợi ích trong chuỗi giá trị sản phẩm: Trường hợp mặt hàng thủy sản khai thác biển ở Khánh Hòa”* đã khảo sát quá trình phân phối lợi ích giữa các chủ thể thông qua phương pháp phân tích kinh tế chuỗi giá trị trường hợp đối với mặt hàng thủy sản khai thác cá ngừ sọc dưa ở Khánh Hòa. Để làm rõ lợi ích và phân phối lợi ích giữa các tác nhân trong chuỗi giá trị sản phẩm thủy sản gồm ngư dân, trung gian mua bán, công ty chế biến xuất khẩu, người bán buôn và bán lẻ và người tiêu dùng cuối cùng, nghiên cứu đã phân tích các nội dung và sử dụng phương pháp tính toán như: Xác định cấu trúc kênh thị trường của chuỗi giá trị, xác định các tác nhân tham gia, các mối liên kết; phân tích chi phí và lợi nhuận biên; phân tích phân phối lợi ích. Ngoài ra, nghiên cứu còn điều tra khảo sát trực tiếp các tác nhân then chốt tham gia trong chuỗi bằng bảng hỏi để thấy rõ lợi ích và những xung đột lợi ích trong phân phối của các chủ thể trong chuỗi giá trị sản phẩm cá ngừ sọc dưa tại Khánh Hòa.

Nghiên cứu về *“Giải quyết quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay”* của Hoàng Văn Khải (2019), tác giả cho rằng: lợi ích kinh tế là những lợi ích phản ánh trực tiếp các quan hệ kinh tế và các điều kiện sinh hoạt kinh tế của xã hội. Nghiên cứu cũng khẳng định: *“Thực chất quan hệ xã hội dù được xem xét ở bất cứ lĩnh vực nào đi nữa, cũng là quan hệ lợi ích, là quan hệ giữa người với người trong hoạt động*

nhằm thỏa mãn nhu cầu của mình” [28, tr.50]. Trên cơ sở đó, tác giả phân tích mối quan hệ lợi ích trong điều kiện nền kinh tế thị trường với những nội dung chủ yếu gồm: giải quyết tốt lợi ích cá nhân chính đáng tạo cơ sở, điều kiện để giải quyết lợi ích xã hội; giải quyết tốt lợi ích xã hội sẽ tạo tiền đề để lợi ích cá nhân chính đáng được thực hiện; nếu giải quyết không đúng đắn quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội sẽ gây tổn hại cả lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội.

1.1.1.2. Các công trình nghiên cứu về quan hệ lợi ích, quan hệ lợi ích kinh tế

Tác giả Laprinmenco (1978) với tác phẩm “*Những vấn đề lợi ích trong chủ nghĩa Mác - Lênin*”, trong công trình này Laprinmenco đã phân tích quan niệm, bản chất, nội dung, đặc điểm của lợi ích kinh tế, quan hệ lợi ích kinh tế. Các quan điểm về lợi ích kinh tế, quan hệ lợi ích kinh tế của Laprinmenco trong nghiên cứu này chủ yếu xuất phát từ việc phân tích, phát triển các quan điểm của Lênin. Tác giả cho rằng: Khi các chủ thể thực hiện hoạt động thực tiễn sẽ bộc lộ vị trí, vai trò cũng như khẳng định bản thân mình trong đời sống xã hội; từ đó bộc lộ bản chất và nội dung lợi ích khách quan của họ. Từ đó tác giả quan niệm, lợi ích kinh tế chính là phương thức tự khẳng định vị trí, vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế, trước hết là phương thức thỏa mãn những lợi ích vật chất. Lợi ích kinh tế mang tính thực tiễn, tính lịch sử khách quan và tính giai cấp, là sự biểu hiện các quan hệ kinh tế khách quan.

Tác giả Janos Kornai (1992) với cuốn sách “*The Socialist System: The Political Economy of Communism*”, trong nghiên cứu này, tác giả đã phân tích những vấn đề cơ bản liên quan đến mối quan hệ giữa thị trường, quyền tài sản và hệ tư tưởng của chủ nghĩa xã hội. Tác giả đã chỉ ra những vấn đề liên quan đến biểu hiện của lợi ích kinh tế trong CNXH như vấn đề việc làm, tiền lương và mối quan hệ giữa lao động và người sử dụng sức lao động; vấn đề phân phối lợi ích và các hình thức phân phối lợi ích kinh tế trong chủ nghĩa xã hội (phân phối đầu vào, đầu ra và theo phúc lợi xã hội). Tác giả còn làm rõ những vấn đề về quan hệ kinh tế, hệ thống mối quan hệ lợi ích kinh tế trong CNXH.

Nguyễn Linh Khiếu (1999) với nghiên cứu “*Lợi ích - động lực phát triển xã hội*”, trong nghiên cứu này, ông cho rằng quan hệ lợi ích nảy sinh trong những hoàn cảnh xã hội nhất định, khi những nhu cầu không trực tiếp thực hiện được. Nói cách

khác, quan hệ lợi ích là mối quan hệ khách quan giữa các chủ thể trong việc thực hiện nhu cầu.

Nguyễn Linh Khiếu (2002) với công trình “*Góp phần nghiên cứu quan hệ lợi ích*”. Tác giả đi sâu phân tích về vai trò của lợi ích trong phát triển KT - XH ở Việt Nam và khẳng định: “Quan hệ kinh tế của một xã hội biểu hiện tập trung nhất của các quan hệ lợi ích”. Trên cơ sở nghiên cứu các mối quan hệ kinh tế thể hiện cụ thể các quan hệ lợi ích kinh tế, ông cho rằng nền kinh tế ở nước ta hiện nay có những xu hướng vận động cụ thể, mỗi thành phần kinh tế có định hướng khác nhau. Gắn với xu hướng vận động là một hệ thống lợi ích kinh tế riêng. Đó là sự vận động theo hướng tổng lực các thành phần kinh tế, trong đó, các thành phần kinh tế vận động theo xu hướng XHCN đang đóng vai trò chủ đạo.

Tác giả Ngô Tuấn Nghĩa (2011) với cuốn sách có nhan đề “*Bảo đảm quan hệ lợi ích hài hòa về sở hữu trí tuệ trong hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam*”. Trong nghiên cứu này, tác giả xây dựng khung lí thuyết và thực tiễn về quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ; phân tích các biểu hiện cụ thể của quan hệ lợi ích trong lĩnh vực này từ năm 1986 đến nay. Cũng trong nghiên cứu này, tác giả đã làm rõ các chủ thể hợp thành quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ: chủ thể sáng tạo, chủ thể sở hữu và chủ thể sử dụng tài sản trí tuệ. Trên cơ sở lí thuyết đã xây dựng, tác giả đã làm rõ những xung đột, mâu thuẫn và đưa ra quan điểm, giải pháp nhằm đảm bảo hài hoà quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.

Tác giả Trần Thị Minh Châu (2012) với nghiên cứu “*Quan hệ lợi ích giữa các chủ thể kinh tế trong Luật Đất đai ở Việt Nam*” đã phân tích quan hệ lợi ích giữa các chủ thể kinh tế trong Luật Đất đai ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu chỉ ra những bất cập trong phân chia quyền và lợi ích từ đất giữa chủ thể Nhà nước - đại diện chủ sở hữu toàn dân đối với đất đai và người sử dụng đất, biểu hiện ra chính là những xung đột lợi ích giữa các chủ thể như tình trạng quy hoạch “treo”, quyền thu hồi đất của Nhà nước khiến người sử dụng đất chỉ có quyền trong những giới hạn chật hẹp, tình trạng quản lí lỏng lẻo và kém hiệu quả [6, tr.42-43], đó là những minh chứng cho thấy quan hệ lợi ích giữa các chủ thể chưa thật sự bảo đảm một

cách hài hòa dẫn đến kìm hãm sự phát triển, nhất là đối với người sử dụng đất.

Tác giả Đỗ Huy Hà (2013) trong cuốn sách “*Giải quyết quan hệ lợi ích kinh tế trong quá trình đô thị hóa ở nước ta hiện nay*” đã phân tích và làm rõ những vấn đề chung về lợi ích kinh tế: khái niệm, vai trò của lợi ích kinh tế, nội dung của việc giải quyết quan hệ lợi ích kinh tế trong quá trình đô thị hóa ở nước ta hiện nay. Tác giả cho rằng: “*Để giải quyết đúng đắn các quan hệ (mâu thuẫn) về lợi ích kinh tế trong đời sống xã hội, trước hết phải tạo điều kiện thỏa mãn tốt nhất lợi ích của tất cả các chủ thể tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động kinh tế nảy sinh các quan hệ lợi ích đó...*” [15, tr.13]. Nghiên cứu cũng nhấn mạnh vai trò của lợi ích kinh tế với tư cách là động lực thúc đẩy quá trình đô thị hóa. Đồng thời, tác giả đã khái quát nội dung giải quyết quan hệ lợi ích kinh tế trong quá trình đô thị hóa ở nước ta ở các khía cạnh: quan hệ lợi ích giữa người dân bị thu hồi đất với Nhà nước, quan hệ lợi ích giữa người dân bị thu hồi đất với nhà đầu tư sử dụng đất, quan hệ lợi ích giữa nhà đầu tư sử dụng đất với Nhà nước và quan hệ lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và nhân dân bị thu hồi đất. Nghiên cứu còn chỉ ra những nhân tố tác động đến việc giải quyết quan hệ lợi ích kinh tế trong quá trình đô thị hóa gồm: điều kiện địa lý tự nhiên và vị thế của mỗi địa phương; sự phát triển KT - XH trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế; quy hoạch, thể chế, chính sách của Trung ương và địa phương; thời gian, tiến độ, chất lượng thực hiện các dự án và các yếu tố thuộc về tập quán, tâm lý xã hội.

Nguyễn Văn Thuận (2015) với nghiên cứu “*Quan hệ lợi ích giữa người nuôi và doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu trong chuỗi giá trị cá Tra ở Đồng bằng sông Cửu Long*” đã làm rõ mối quan hệ lợi ích giữa người nuôi và doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu trong chuỗi giá trị cá Tra ở Đồng bằng sông Cửu Long. Tác giả đã tiến hành khảo sát thực trạng lợi ích của người nuôi cá Tra ở các khía cạnh như năng suất bình quân, chi phí đầu vào, doanh thu, tiền lời; đối với lợi ích của doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu trong chuỗi giá trị cá Tra đã khảo sát thực trạng về chi phí, doanh thu xuất khẩu, lợi nhuận. Kết quả nghiên cứu chỉ ra những thách thức, rủi ro đối với lợi ích của người nuôi cá và doanh nghiệp chế biến xuất khẩu khi quan hệ lợi ích giữa các chủ thể chưa thật sự hài hòa.

Tác giả Trần Hoàng Hiếu (2020) với nghiên cứu “*Quan hệ lợi ích kinh tế giữa nông dân và doanh nghiệp trong phát triển cánh đồng lớn ở Đồng bằng sông Cửu Long*” đã phân tích lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế giữa nông dân và doanh nghiệp trong phát triển cánh đồng lớn. Trong đó, nghiên cứu chỉ ra những lợi ích kinh tế của người nông dân trong phát triển cánh đồng lớn gồm: (i) được hưởng lợi từ quyền sử dụng đất nông nghiệp, (ii) thu nhập của người nông dân được nâng cao, (iii) gia tăng chất lượng, giá trị sản phẩm, đảm bảo việc làm và đầu ra của sản phẩm và (iv) các lợi ích kinh tế thu được từ chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước đối với nông dân; đối với các doanh nghiệp, lợi ích kinh tế trước hết là có được lợi nhuận cao, có nhiều cơ hội để mở rộng đầu tư và phát triển sản xuất, làm đa dạng hóa các hoạt động kinh doanh và các lợi ích khác từ sự hỗ trợ và các chính sách ưu đãi của Nhà nước [21, tr.48]. Bên cạnh đó, tác giả cho rằng mối quan hệ lợi ích kinh tế giữa nông dân và doanh nghiệp trong mô hình cánh đồng lớn biểu hiện tập trung ở hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của hoạt động sản xuất kinh doanh của hai chủ thể nêu trên.

Tác giả Trương Văn Thủy (2021) với luận án “*Quan hệ lợi ích trong phát triển chuỗi giá trị cà phê ở tỉnh Đắk Lắk*” đã phân tích những vấn đề chung về quan hệ lợi ích trong phát triển chuỗi giá trị cà phê, chỉ ra những chủ thể trong quan hệ lợi ích từ nhà cung cấp đầu vào, người nông dân, thương lái, đại lí, doanh nghiệp chế biến, thu mua cà phê và chế biến, tiêu thụ cà phê. Trên cơ sở làm rõ mối quan hệ giữa các chủ thể, tác giả phân tích thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích nhằm thúc đẩy sự phát triển chuỗi giá trị cà phê tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới.

Tác giả Bùi Thị Tiến (2022) với luận án “*Quan hệ lợi ích trong phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn thành phố Hà Nội*” đã phân tích những vấn đề chung về quan hệ lợi ích trong phát triển nông nghiệp hữu cơ. Nghiên cứu cũng chỉ ra các chủ thể liên quan đến quan hệ lợi ích trong phát triển nông nghiệp hữu cơ bao gồm: Nhà nước, chủ thể cung ứng yếu tố đầu vào, chủ thể trực tiếp sản xuất, chủ thể chế biến và tiêu thụ hàng nông sản hữu cơ. Trên cơ sở đó, tác giả khái quát về thực trạng quan hệ lợi ích trong lĩnh vực này và đề xuất các giải pháp nhằm giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

Từ tổng quan các công trình nghiên cứu trên cho thấy, những nghiên cứu cả trong và ngoài nước có liên quan đến lợi ích, lợi ích kinh tế, quan hệ lợi ích, quan hệ lợi ích kinh tế khá phong phú và đa dạng, phục vụ cho những mục đích nghiên cứu khác nhau và đề cập đến một số khía cạnh của đề tài luận án. Tổng hợp lại có thể thấy, những nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước đều thống nhất với quan điểm cho rằng: quan hệ lợi ích không phải là cái gì trừu tượng và có tính chủ quan, mà cơ sở của quan hệ lợi ích là nhu cầu khách quan của con người.

1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về năng lượng tái tạo, phát triển năng lượng tái tạo

Những năm gần đây, phát triển năng lượng tái tạo trở thành xu thế chung của toàn cầu. Vấn đề này đã dành được sự quan tâm của các nhà khoa học trong và ngoài nước với nhiều công trình nghiên cứu có giá trị, được công bố rộng rãi dưới dạng sách tham khảo, đề tài nghiên cứu khoa học, luận án hay bài báo khoa học. Nghiên cứu sinh đã chọn lọc và tổng quan lại một số công trình nghiên cứu tiêu biểu có liên quan như dưới đây:

Tác giả Wang (2007) với nghiên cứu “*Legal and policy frameworks for renewable energy to mitigate climate change*” đề cập đến vai trò của khung pháp lí, chính sách và khuôn khổ pháp luật nhằm thu hút đầu tư quy mô lớn cho phát triển năng lượng tái tạo. Chính sách đòi hỏi phải có sự nhất quán và dài hạn, có cơ chế đảm bảo an toàn và dự toán rõ ràng; có sự quản lí chặt chẽ với thủ tục hành chính công khai, minh bạch; khả năng thực thi là chìa khoá thành công cho sự phát triển năng lượng tái tạo của các quốc gia.

Tác giả Nguyễn Đức Cường (2009) với nghiên cứu “*Quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam*”, trên cơ sở phân tích tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam như thủy điện nhỏ, năng lượng sinh khối, mặt trời, gió, địa nhiệt, tác giả đã làm rõ hiện trạng khai thác và sử dụng năng lượng tái tạo cho sản xuất điện; khai thác và sử dụng năng lượng tái tạo cho nhu cầu nhiệt và nhiên liệu. Tác giả cũng đưa ra ý kiến về việc quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam, xem xét việc khai thác các nguồn năng lượng tái tạo với nhiều hình thức và cấp độ khác nhau.

Công trình của tác giả Maw Maw Tun (2011) có tựa đề "*An Overview of Renewable Energy Sources and Their Energy Potential for Sustainable Development in Myanmar*" đề cập đến sự phát triển năng lượng tái tạo ở Myanmar (thủy điện, năng lượng mặt trời, năng lượng gió,...) và tác động của nó đến sự phát triển của bền vững trên các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường.

Tác giả Luiz Augusto Barroso và Gabriela Elizondo Azuela (2012) với nghiên cứu "*Design and performance of Policy instruments to promote the development of renewable energy: Emerging experience in selected developing countries*" cho rằng chính sách phát triển năng lượng tái tạo cần linh hoạt ở việc lựa chọn công cụ chính sách, xây dựng chính sách; trong từng chính sách phải phù hợp với điều kiện thực tế; có thể quản lý được rủi ro và điều chỉnh linh hoạt sao cho ngày càng hoàn thiện.

Roland Wengenmayr và Thomas Bührke (2013) với công trình nghiên cứu "*Renewable Energy: Sustainable Energy Concepts for the Energy*", hai tác giả đã nhấn mạnh nguồn năng lượng tái tạo là rất cần thiết cho thế kỷ XXI. Việc ngày càng có nhiều nhà máy điện gió, bộ thu năng lượng mặt trời chứng tỏ rằng đổi mới để khai thác các nguồn năng lượng tái tạo có ý nghĩa lớn lao đối với sự phát triển KT – XH hiện nay.

Nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyễn Thị Nhâm Tuất, Ngô Văn Giới (2013) với nhan đề "*Đánh giá thực trạng và tiềm năng khai thác năng lượng tái tạo ở Việt Nam*" nhấn mạnh đến vấn đề phát triển năng lượng tái tạo, thực trạng và tiềm năng phát triển lĩnh vực này ở nước ta; công trình nghiên cứu "*Tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ và cải thiện môi trường - kinh nghiệm của Việt Nam*" của tác giả Nguyễn Thế Chinh (2017) cũng đề cập đến các giải pháp để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam, trong đó nhấn mạnh việc tăng trưởng kinh tế gắn với sử dụng năng lượng, nguyên liệu, vật liệu đầu vào, bằng những biện pháp khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, các vật liệu, nguyên liệu mới, thân thiện với môi trường. Một nghiên cứu khác nhấn mạnh đến thực trạng ở Việt Nam như nghiên cứu của tác giả Hoàng Thị Thu Hường (2014) với công trình "*Thực trạng năng lượng tái tạo Việt Nam và hướng phát triển bền vững*".

Tác giả Wing và Jin (2014) với nghiên cứu “*Risk management methods applied to renewable and sustainable energy: A review*” đã phân tích những lợi ích của năng lượng tái tạo như giảm sự phụ thuộc vào năng lượng truyền thống (không tái tạo), đa dạng hóa nguồn phát điện hỗn hợp, giảm tác động đến môi trường.

Tác giả Phạm Thị Thanh Mai và Nguyễn Vĩnh Thuy (2014) với bài viết “*Nghiên cứu phương pháp lựa chọn quy hoạch năng lượng cho hệ thống điện Việt Nam*” cho rằng, cơ cấu hợp lý về công suất các nguồn năng lượng tái tạo được tính toán đó là 5,9% năm 2020; 10,05% vào năm 2025 và 10,6% vào năm 2030. Để đạt được tỉ lệ đó đòi hỏi sự tham gia của nhiều bên, đặc biệt là Nhà nước trong việc thiết lập chính sách hỗ trợ để huy động tối đa tiềm năng các nguồn năng lượng tái tạo ở nước ta.

Tác giả Janet L. Sawin (2015) với công trình “*Renewable 2015 Global status report*” phân tích về sự ảnh hưởng của yếu tố chính sách đầu tư năng lượng tái tạo bởi lẽ những chính sách hỗ trợ này góp phần làm tăng khả năng cạnh tranh về chi phí của các công nghệ năng lượng tái tạo. Ở nhiều quốc gia, năng lượng tái tạo có thể cạnh tranh một cách bình đẳng với năng lượng truyền thống. Sự phát triển về công nghệ cũng như sự thay đổi về nhận thức đã thu hút lượng lớn đầu tư vào năng lượng tái tạo trên toàn cầu.

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia (2015) với nghiên cứu “*Tổng luận Tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam*” đã phân tích và làm rõ tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam, với vị trí địa lý, khí hậu đã tạo điều kiện cho Việt Nam có tiềm năng lớn để khai thác và sử dụng như thủy điện nhỏ, sinh khối, gió, mặt trời, khí sinh học, đặc biệt là các nguồn năng lượng từ sức gió, năng lượng mặt trời.

Tác giả Viola Burton (2016) với cuốn sách “*Renewable Energy: Sources, Applications and Emerging Technologies*”, tác giả cung cấp các nghiên cứu hiện tại về các nguồn, công nghệ mới nổi; những chiến lược chính sách có thể thành công để triển khai năng lượng tái tạo trên quy mô lớn; đề xuất một phương pháp luận bao gồm các bước cụ thể và mục tiêu cụ thể của vùng/quốc gia, hướng tới việc xây dựng chiến lược tối ưu để thúc đẩy sự phát triển năng lượng tái tạo.

Tác giả Nguyễn Hùng Cường (2017) với luận án “*Chính sách năng lượng tái tạo của một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*”, trong nghiên cứu của này, tác giả tập trung làm rõ chính sách năng lượng tái tạo của một số quốc gia trên thế giới như Trung Quốc, Ấn Độ, từ đó rút ra kinh nghiệm để phát triển cho Việt Nam.

Nhóm tác giả Moomaw, W., F. Yamba et al. (2018) với nghiên cứu “*Renewable Energy Sources and Climate Change*” đề cập đến những vấn đề chung của năng lượng tái tạo, thực trạng môi trường và biến đổi khí hậu, làm rõ sự phát triển năng lượng tái tạo như một giải pháp để giảm thiểu biến đổi khí hậu. Trên cơ sở nghiên cứu vấn đề lí luận chung về năng lượng tái tạo và biến đổi khí hậu, các tác giả đề xuất định hướng phát triển năng lượng tái tạo, nhằm cải thiện chất lượng môi trường.

Tác giả Lin, B. & Zhu, J., (2019) với bài báo “*Determinants of renewable energy technological innovation in China under CO₂ emissions constraint*” đã phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc đổi mới công nghệ năng lượng tái tạo với quá trình chuyển đổi năng lượng tái tạo ở Trung Quốc; làm rõ những tác động của giá năng lượng đối với quá trình đổi mới công nghệ. Kết quả nghiên cứu cho thấy lợi ích của việc đổi mới công nghệ năng lượng tái tạo đã làm giảm lượng CO₂ phát thải; các nhà đầu tư và Nhà nước đều có lợi.

Nghiên cứu của nhóm tác giả Visal Veng, Beni Suryadi, Aloysius Damar Pranadi, Nadhilah Shani (2019) với tựa đề “*A review of renewable energy development and its policy under nationally determined contributions in ASEAN*” đã phân tích tổng quan về phát triển năng lượng tái tạo và chính sách ở các quốc gia trong khu vực ASEAN. Trên cơ sở đánh giá nhu cầu năng lượng của ASEAN dự đoán sẽ tăng gấp 2,4 lần vào năm 2040 (theo triển vọng Năng lượng ASEAN lần thứ 5); dự báo năm 2040, GDP của ASEAN sẽ tăng gấp ba lần từ mức chỉ 2,56 nghìn tỉ USD năm 2015 và tổng dân số của khu vực tăng lên hơn 760 triệu người với tốc độ tăng trưởng trung bình 0,7%/năm so với mức 630 triệu người năm 2015. Nhu cầu năng lượng tăng sẽ dẫn dắt ASEAN chuyển đổi thành một nền kinh tế sử dụng nhiều năng lượng hơn trong khu vực. Nguồn năng lượng hạn chế cộng với sự phát triển

nhanh chóng về kinh tế và xã hội thúc đẩy ASEAN phát triển nhiều nguồn năng lượng tái tạo hơn như một trong những giải pháp quan trọng nhất cho thách thức năng lượng trong tương lai của khu vực. Theo “Kế hoạch Hành động ASEAN về Hợp tác Năng lượng (APAEC) 2016 – 2025”, ASEAN tìm kiếm cơ hội đảm bảo nguồn cung cấp năng lượng bền vững bằng cách cam kết đóng góp 23% năng lượng tái tạo trong tổng nguồn cung cấp năng lượng sơ cấp (TPES) vào năm 2025. Nghiên cứu này đã làm nổi bật một số khung chính sách năng lượng hiệu quả để hỗ trợ mỗi quốc gia thành viên ASEAN và đề xuất biện pháp để giải phóng các tiềm năng đó, hướng tới một cộng đồng thống nhất, toàn diện, bền vững và kiên cường.

Tác giả Trần Việt Dũng (2020) với nghiên cứu “*Legal and policy framework for renewable energy and energy efficiency development in Vietnam*”, tác giả nhấn mạnh khung pháp lí và chính sách ảnh hưởng đến việc triển khai năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng hiệu quả ở Việt Nam. Tác giả cũng xác định các rào cản chính đối với việc triển khai quy mô lớn và đưa ra một số giải pháp khả thi.

Tác giả Phạm Thị Thu Hà (2020) với bài viết “*Phát triển thị trường năng lượng tái tạo ở Việt Nam*”, trong bài viết này, tác giả tập trung vào việc phân tích hiện trạng, xác định các thách thức vẫn còn tồn tại và đối mặt, nhằm đề xuất các giải pháp hiệu quả để thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo. Cụ thể, tác giả đề cập đến việc tập trung vào các biện pháp chính sách như: huy động vốn đầu tư, điều chỉnh thuế nhập khẩu và thuế thu nhập doanh nghiệp, hỗ trợ miễn, giảm tiền sử dụng đất và tiền thuê đất cho các dự án năng lượng tái tạo, đặc biệt là trong các lĩnh vực được ưu đãi đầu tư. Tác giả cũng đề cập đến việc áp dụng các biện pháp nhằm nâng cao khả năng tiếp cận vốn và tăng tính khả thi tài chính cho các dự án năng lượng tái tạo. Đồng thời, việc phối hợp đồng bộ giữa các bộ ngành, giữa các cấp quản lí từ địa phương đến Trung ương cũng được nhấn mạnh, đặc biệt trong việc xây dựng và thực hiện quy hoạch.

John Twidell (2021) với cuốn sách “*Renewable Energy Resources*”, trong công trình này, tác giả đã phân tích năng lượng tái tạo bao gồm nhiều dạng được phát triển trên toàn thế giới bằng cách khai thác các nguồn tài nguyên bền vững, giảm thiểu biến đổi khí hậu và cung cấp các dịch vụ hiệu quả về chi phí. Nội dung

cuốn sách phân tích chi tiết về các loại năng lượng và các yếu tố thể chế kinh tế ảnh hưởng đến sự phát triển lĩnh vực này.

Tác giả Hoàng Thị Xuân (2022) với luận án “*Phát triển năng lượng tái tạo vì sự phát triển kinh tế bền vững ở một số quốc gia châu Á và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*”. Trong nghiên cứu của mình, tác giả đã làm rõ cơ sở lý luận liên quan đến đề tài, phân tích tiềm năng, thực trạng, thách thức và chính sách phát triển năng lượng tái tạo của một số quốc gia châu Á bao gồm Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản. Từ đó, luận án rút ra bài học và đề xuất một số giải pháp cho phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam gắn liền với mục tiêu phát triển kinh tế bền vững.

1.1.3. Nhóm các công trình nghiên cứu về quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo

1.1.3.1. Các công trình nghiên cứu về quan hệ lợi ích giữa các chủ thể và vai trò của việc đảm bảo quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo

Nghiên cứu “*Intergovernmental Panel on climate change mitigation*” của tác giả Edenhofer và cộng sự (2012) chỉ ra rằng, đầu tư cho phát triển năng lượng tái tạo là một trong những công cụ không những góp phần cải thiện an ninh năng lượng, mà còn mang lại lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp, cải thiện chất lượng môi trường, gia tăng tiếp cận năng lượng và tạo việc làm xanh.

Krishnan (2013) với nghiên cứu “*Implementation of renewable energy to reduce carbon consumption and fuel cell as a back-up power for national broadband network (NBN) in Australia*” chỉ ra ý nghĩa và lợi ích của năng lượng tái tạo ở tính tái tạo, bền vững; giúp các nước giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu nhiên liệu hoá thạch và sự căng thẳng tài chính gây ra bởi biến động giá cả trên thị trường thế giới.

Krithika và Siddha Mahajan (2014) với nghiên cứu có nhan đề “*Governance of renewable energy in India: Issues and challenges*” đã khẳng định việc: “Phát triển năng lượng tái tạo là một trong những chương trình nghị sự quan trọng trong quá trình lập kế hoạch năng lượng của Ấn Độ”. Chính phủ Ấn Độ đã đặt mục tiêu tích cực cho năng lượng tái tạo và một số ưu đãi, sáng kiến chính sách ở cấp trung

ương và bang được đưa ra cho cả năng lượng tái tạo nối lưới và ngoại lưới. Các tác giả còn khẳng định, để thúc đẩy sự phát triển năng lượng tái tạo cần có sự kết hợp của khuôn khổ pháp lí, thể chế, cơ chế tài trợ, phối hợp giữa các bên liên quan để cùng nhau thực hiện chiến lược.

Idam Infrastructure Advisory Private Limited (2014) trong nghiên cứu “*Renewable Energy - Energising India: Policy, Regulation and Financial Initiatives to Augment Renewable Energy deployment in India*” cùng đồng quan điểm khi cho rằng, để thúc đẩy sự phát triển năng lượng tái tạo cần có sự thống nhất giữa các chủ thể liên quan. Trong đó: Chính phủ cần thiết lập mục tiêu để thúc đẩy niềm tin của các nhà đầu tư, mang lại sự tin cậy trong chính sách phát triển năng lượng tái tạo. Sự phối hợp công tư thông qua sự tham gia của Nhà nước và tư nhân, Nhà nước cung cấp môi trường kinh doanh hấp dẫn và vườn ươm cho sự tăng trưởng và phát triển của ngành công nghiệp năng lượng tái tạo.

Nghiên cứu của Economic Research Institute for ASEAN and East Asia (ERIA, 2015) với nhan đề “*Financing Renewable Energy Development in East Asia Summit Countries - A Primer of Effective Policy Instruments*” cũng cùng quan điểm khi cho rằng, để thúc đẩy sự phát triển năng lượng tái tạo cần tập trung vào 5 vấn đề cốt lõi, bao gồm: (1) Các chính sách tạo thị trường như tiêu chuẩn danh mục năng lượng tái tạo, chứng chỉ năng lượng tái tạo (REC); (2) Giảm sự không chắc chắn của đầu tư vào năng lượng tái tạo thông qua cung cấp sự ổn định của các chính sách, quy định, thể chế và pháp luật; (3) Cải thiện lợi nhuận của các dự án thông qua việc mua điện thỏa thuận, đo lường mạng, giá bán lẻ phù hợp và thậm chí cả các ưu đãi tài chính; (4) Các rào cản liên quan đến công nghệ, cần hỗ trợ cho R&D, kết nối lưới điện, dữ liệu về các nguồn năng lượng tái tạo và xây dựng năng lực của dự án; (5) Mở rộng các nguồn quỹ dành riêng cho năng lượng tái tạo và giảm chi phí tài chính cho dự án năng lượng tái tạo. Nghiên cứu này còn chỉ ra các rào cản đối với các nước Đông Nam Á như thiếu cơ sở hạ tầng, thiếu khung pháp lí (đặc biệt là quy tắc kết nối và cơ chế giá), thiếu kinh nghiệm và năng lực, thiếu sự phối hợp giữa các chủ thể liên quan.

Cơ quan “Năng lượng tái tạo quốc tế (IRENA)” (2017) với nghiên cứu

“*Renewable energy benefits: understanding the socio-economics*”, IRENA đã khẳng định lợi ích KT - XH của phát triển năng lượng tái tạo trong việc thúc đẩy một loạt các lợi ích KT - XH khác, bao gồm tạo việc làm, sức khỏe và hòa nhập xã hội nhiều hơn, tạo việc làm và kỹ năng sau đó đã được mở rộng để bao gồm các khía cạnh như tổng sản phẩm quốc nội (GDP), rộng hơn là các biện pháp phúc lợi, tạo ra giá trị kinh tế địa phương, cải thiện sinh kế, giới và các lợi ích khác.

Bài viết của nhóm nghiên cứu Zhao, X. & Luo, D., (2017) với nhan đề “*Drivers of Renewable Energy Growth in China: Environment, Regulations, and Employment*” đã làm rõ lợi ích kinh tế của phát triển năng lượng tái tạo thông qua việc xem xét tác động đến chất lượng môi trường, việc làm, thu nhập. Tác giả cũng làm rõ mối quan hệ giữa năng lượng tái tạo và thu nhập, việc làm có thể thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo.

Nhóm nghiên cứu Wang, B. et al, (2018) với bài viết “*Role of renewable energy in China’s energy security and climate change mitigation: an index decomposition analysis*” đã phân tích lợi ích của phát triển năng lượng tái tạo: đảm bảo sự tự chủ về năng lượng và giảm thiểu biến đổi khí hậu, vấn đề đảm bảo an ninh năng lượng và phát triển kinh tế bền vững ở Trung Quốc.

Bài viết “*The Many Economic Benefits of Renewable Energy*” của tác giả Emily Folk (2019) đã chỉ rõ những lợi ích kinh tế cụ thể của phát triển năng lượng tái tạo liên quan đến từng chủ thể như: người lao động có việc làm; chủ đất được trả tiền thuê đất; giảm giá thành năng lượng cho người tiêu dùng; gia tăng giá trị tài sản cho người tiêu dùng; lợi ích của đất nước: giảm sự phụ thuộc về năng lượng... Tác giả kết luận: Có nhiều lí do tại sao sử dụng nhiều năng lượng tái tạo hơn và ít nhiên liệu hóa thạch hơn lại có lợi. Nó tốt hơn cho môi trường và sức khỏe con người, đồng thời nó cũng có nhiều tác động tích cực đến kinh tế. Tất cả những lợi ích này tạo ra một lí lẽ rất thuyết phục để đầu tư nhiều hơn vào năng lượng tái tạo.

Bài viết của tác giả Lê Thị Vân (2019) với nhan đề “*Thúc đẩy đồng lợi ích về kinh tế - xã hội trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam*” đã làm rõ việc phát triển năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả không chỉ là giải pháp quan trọng trong ứng phó biến đổi khí hậu, tạo ra lợi ích về KT - XH như tăng cường tiếp cận năng lượng cho người nghèo, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và góp phần đảm bảo an ninh năng lượng của các quốc gia.

Nhóm tác giả Phoebe Grace Saculsan, Akihisa Mori (2020) với nghiên cứu *“Why Developing Countries Go through an Unsustainable Energy Transition Pathway? The Case of the Philippines from a Political Economic Perspective”* đã làm rõ mối quan hệ giữa các chủ thể trong hệ thống năng lượng của Philippines dưới góc độ kinh tế chính trị, bao gồm các chủ thể cơ bản như Chính phủ (chính quyền Trung ương và địa phương), doanh nghiệp tư nhân và các chủ thể nước ngoài.

Theo *“Báo cáo tóm tắt Hướng tới sự thành công của Thỏa thuận Pa-ri cho Trái Đất và người dân Việt Nam - Mở ra đồng lợi ích của việc giảm phát thải carbon trong ngành điện của Việt Nam”* (2020) do Viện Nghiên cứu Phát triển Bền vững tiên tiến (IASS, chủ trì) phối hợp với Học viện Năng lượng tái tạo (RENAC), Viện nghiên cứu độc lập về Các vấn đề môi trường (UfU) và Cơ quan Chuyển dịch năng lượng quốc tế (IET), giảm phát thải carbon trong ngành điện bằng cách thúc đẩy sản xuất năng lượng tái tạo sẽ đồng thời tạo ra nhiều cơ hội kinh tế và xã hội cho người dân Việt Nam. Những lợi ích này có thể bao gồm những cải thiện và cơ hội mới trong các khía cạnh khác nhau của cuộc sống hàng ngày, bao gồm sức khỏe, chất lượng không khí, thị trường việc làm, giáo dục, phát triển nông thôn, chất lượng và cung cấp nước, giảm nghèo và nhiều lợi ích khác nữa. Lồng ghép các giải pháp phát triển năng lượng tái tạo độc lập vào luật pháp, kế hoạch và chương trình quốc gia - biện pháp ưu tiên để thúc đẩy tiếp cận điện năng; Nâng cao năng lực cho người dân địa phương đảm bảo phúc lợi xã hội; Lồng ghép các cơ hội việc làm vào các chính sách năng lượng hướng tới phát triển bền vững; Xây dựng chiến lược chung về đào tạo nghề và các chương trình đại học; Cải thiện chất lượng không khí và sức khỏe con người bằng năng lượng tái tạo.

Tác giả Nguyễn Văn Bình (2020) trong cuốn sách tham khảo *“Định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”* đã phân tích những lợi ích kinh tế của việc phát triển năng lượng tái tạo. Tác giả đã khẳng định, ngành năng lượng Việt Nam đã chú trọng phát triển mạnh và hài hòa năng lượng; chất lượng cung cấp năng lượng ngày càng ổn định; cơ cấu tiêu thụ năng lượng chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa; huy động nguồn lực lớn cho

đầu tư phát triển ngành năng lượng, nòng cốt là các doanh nghiệp nhà nước; tổng đầu tư vào ngành năng lượng chiếm tỉ lệ cao trong đầu tư toàn xã hội, đóng góp lớn cho tăng trưởng kinh tế và ngày càng được đa dạng hóa về định chế sở hữu và phương thức kinh doanh,...

Nhóm nghiên cứu của Faissal Jelti và cộng sự (2021) trong bài viết “*Renewable Power Generation: A Supply Chain Perspective*” đã phân tích và làm rõ chuỗi cung ứng năng lượng tái tạo từ điểm thu được các nguồn năng lượng đến điểm tiêu thụ năng lượng có thể sử dụng được. Chuỗi cung ứng năng lượng tái tạo chủ yếu bao gồm 5 giai đoạn là mua sắm, chuẩn bị các yếu tố đầu vào, sản xuất, truyền tải, phân phối và tiêu dùng. Sau khi xem xét chi tiết các nghiên cứu khác nhau về chuỗi cung ứng năng lượng tái tạo, các tác giả đã phân tích những rào cản khác nhau đối với việc thúc đẩy các công nghệ năng lượng tái tạo, có thể được phân loại thành bốn khía cạnh là chính trị và quy định; kỹ thuật; kinh tế, tài chính và quản lý. Khía cạnh kinh tế và tài chính: Các dự án năng lượng tái tạo về mặt kinh tế đòi hỏi đầu tư ban đầu cao hơn so với nhiên liệu hóa thạch, dẫn đến chi phí đơn vị điện tăng đáng kể. Ngoài ra, khó khăn trong việc tiếp cận tín dụng và các ưu đãi của Chính phủ là một trở ngại lớn hạn chế sự phát triển của lĩnh vực này. Khía cạnh quản lý: Sự hợp tác không chặt chẽ giữa các chủ thể tham gia vào chuỗi cung ứng. Hơn nữa, vai trò và trách nhiệm trong vận hành lưới điện không rõ ràng, các thủ tục rắc rối. Trên cơ sở đó, các tác giả đề xuất các biện pháp để phát triển chuỗi cung ứng năng lượng tái tạo như việc tự do hóa ngành năng lượng; loại bỏ trợ cấp cho năng lượng truyền thống,...

Tác giả Phạm Thị Thu Hà (2021) với bài viết “*Đánh giá phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam từ góc độ bền vững*” đã phân tích những vấn đề chung về phát triển bền vững năng lượng tái tạo trên các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường. Đồng thời, tác giả cũng đánh giá tình hình phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam trên 5 khía cạnh: (1) Sự hài hòa giữa các loại năng lượng tái tạo; (2) Hài hòa giữa các nhà máy điện truyền thống và các nhà máy điện sử dụng năng lượng tái tạo; (3) Hài hòa trong đầu tư giữa nguồn và lưới; (4) Hài hòa trong các lợi ích khác nhau. Lợi ích kinh tế thể hiện ở việc cung cấp điện sạch và an toàn với môi

trường, góp phần vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao hàm lượng khoa học và công nghệ trong sản xuất. Lợi ích xã hội thể hiện ở việc giải bài toán công ăn việc làm tại các địa phương nơi thực hiện dự án, đảm bảo sự công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo cho người dân có cơ hội tiếp cận đầy đủ các dịch vụ cơ bản nhưng không làm phương hại đến kinh tế và môi trường. Lợi ích môi trường thể hiện ở việc góp phần sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, duy trì nền tảng nguồn lực ổn định, duy trì sự đa dạng sinh học, ổn định khí quyển, hạn chế ô nhiễm môi trường.

(5) Hòa hòa trong các lợi ích khác nhau: địa phương, quốc gia, doanh nghiệp và người tiêu dùng. Địa phương là nơi thực hiện dự án, họ đóng góp mặt bằng hạ tầng cơ sở vào dự án, vậy lợi ích của họ là gì khi thực hiện dự án thì sẽ mất đất để làm nông nghiệp, sẽ bớt đất để làm du lịch.

Tác giả Phan Thị Thu Hiền, Nguyễn Mạnh Hùng (2021) với bài viết “*Các nhân tố ảnh hưởng tới thành công của các dự án xây dựng và phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam*” đã phân tích các yếu tố quyết định sự thành công của một dự án năng lượng tái tạo qua khảo sát 112 người có liên quan đến các dự án. Mẫu nghiên cứu là các chuyên gia, nhà quản lý, chủ thầu, nhà đầu tư liên quan tới các dự án xây dựng và phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam. Nhóm tác giả đã sử dụng phương pháp định lượng, các biến tiềm ẩn được đo lường bằng cách sử dụng thang đo Likert 5 điểm. Kết quả phân tích độ tin cậy và giá trị của các nhân tố trên SPSS cho thấy các nhân tố để thỏa mãn hệ số Cronbach’s Alpha và hệ số tương quan biến tổng. Kết quả nghiên cứu cho thấy hầu hết các giả thuyết nghiên cứu đều được ủng hộ, 5 yếu tố có ảnh hưởng tích cực đến sự thành công của dự án bao gồm: hợp tác hiệu quả, phạm vi rõ ràng, hỗ trợ quản lý và cập nhật, năng lực của chủ sở hữu, năng lực của người quản lý dự án đều là các yếu tố then chốt, ảnh hưởng tới sự thành công của các dự án xây dựng và phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam.

Tác giả Nguyễn Anh Tuấn (2022) với bài viết “*Chuyển đổi năng lượng trong cung cấp điện và vấn đề phát triển điện hạt nhân*” đã phân tích khái quát tình hình năng lượng trong nước, những quyết tâm của lãnh đạo Chính phủ về chuyển dịch năng lượng Việt Nam. Bên cạnh đó, bài viết còn phân tích những

thách thức khi Việt Nam chuyển đổi năng lượng: “Năng lượng tái tạo, bao gồm thủy điện, sinh khối, năng lượng mặt trời, gió, địa nhiệt, sóng biển, thủy triều,... Vậy cụ thể sẽ cần phát triển các loại nguồn này như thế nào?”... Tác giả cũng phân tích những lợi ích của phát triển năng lượng tái tạo: Khai thác tiềm năng lớn lao về nguồn bức xạ, năng lượng gió dồi dào, giảm phụ thuộc vào nhập khẩu nhiên liệu, huy động được nhiều nguồn đầu tư tư nhân và ngoài nước, giảm nhẹ nguồn phát thải khí nhà kính. Đồng thời, bài viết còn nhấn mạnh những vấn đề bất cập trong quan hệ lợi ích giữa các bên có liên quan trong phát triển năng lượng tái tạo, cụ thể: nhu cầu đất cho xây dựng điện mặt trời rất lớn, dễ xung đột với các mục đích sử dụng đất khác, trong khi quỹ đất của chúng ta không lớn. Trên cơ sở đó, tác giả khẳng định, cùng với việc chuyển dịch năng lượng từ các nguồn hóa thạch sang các nguồn năng lượng tái tạo và nhiên liệu sạch, điện hạt nhân sẽ có vai trò quan trọng trong lộ trình tiến tới chuyển đổi năng lượng sang “trung hòa các - bon” trong dài hạn.

Tác giả Trần Thị Tuyết, Nguyễn Thị Hòa (2022) với bài viết “*Cơ hội việc làm gắn với phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam*” đã phân tích thực trạng việc làm trong lĩnh vực năng lượng tái tạo ở Việt Nam. Theo tác giả, hiện nay cả nước có khoảng 120 dự án điện mặt trời với tổng công suất 8.960MW và hơn 100 dự án điện gió với công suất 4.700MW đang nằm trong quy hoạch. Đây là cơ hội việc làm lớn cho ngành năng lượng tái tạo của nước ta.

Tác giả Nguyễn Thị Cẩm Vân (2022) với bài viết “*Tác động của các nhân tố kinh tế, xã hội và môi trường đến tiêu thụ năng lượng tái tạo ở Việt Nam*” đã sử dụng phương pháp tiếp cận phân phối trễ tự hồi quy (ARDL) để phân tích tác động của tăng trưởng kinh tế, xuất khẩu, gia tăng dân số và phát thải CO₂ đến tiêu thụ năng lượng tái tạo ở Việt Nam trong giai đoạn 1990 - 2019. Tác giả đã đưa ra những khuyến nghị đối với các chủ thể có liên quan như: “(1) Nâng cao nhận thức của người dân và xã hội để thúc đẩy chuyển sang nền kinh tế năng lượng tái tạo; (2) Về phía Chính phủ: cần có chiến lược thu hút đầu tư của các doanh nghiệp vào năng lượng tái tạo, hoạt động R&D cần được phát triển phù hợp”,...

1.1.3.2. Các công trình nghiên cứu về những rào cản trong việc đảm bảo hài hoà lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo

Bên cạnh những nghiên cứu chung về năng lượng tái tạo và phát triển năng lượng tái tạo, nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước hiện nay đang tập trung bàn đến những rào cản, mâu thuẫn, vướng mắc của các dự án năng lượng tái tạo và đảm bảo hài hoà lợi ích kinh tế giữa các chủ thể trong lĩnh vực này, một số nghiên cứu tiêu biểu như:

Tác giả Dinica (2006) với nghiên cứu “*Support systems for diffusion of renewable energy technologies - An investor perspective*” (2006) đã chỉ ra nguyên nhân dẫn đến mức độ thâm nhập thị trường của năng lượng tái tạo thấp là do các nguyên nhân kinh tế, pháp lí và xã hội. Về mặt kinh tế, do sự thiếu khách quan khi đánh giá tài chính của các dự án, khi đã không tính hết tất cả các chi phí trong công nghệ truyền thống và các khoản trợ cấp cao mà các công nghệ này nhận được.

Tác giả Sovacool (2009) với công trình “*The cultural barriers to renewable energy in the United States*” đã làm rõ những rào cản của việc phát triển năng lượng tái tạo, một trong những rào cản đó là vấn đề quan hệ lợi ích giữa các bên chưa hài hòa. Cụ thể: Người dân thờ ơ với các dự án năng lượng tái tạo; sự thống trị của thị trường các công ty điện lực lớn với nhà máy điện sử dụng công nghệ cũ; sự phản đối của các bên liên quan tại địa phương,...

Tác giả Gross và cộng sự (2010) với bài viết “*Risks, revenues and investment in electricity generation: Why policy needs to look beyond costs*” đã làm rõ rào cản pháp lí ảnh hưởng tới sự phát triển năng lượng tái tạo như khó khăn khi truy cập lưới điện, công suất điện lưới không đủ và cách xa; thủ tục cấp phép không minh bạch; chính sách hỗ trợ thiếu ổn định với những thay đổi đột ngột.

Nghiên cứu của Hans Poser và cộng sự (2014) trong “*Development and integration of renewable energy: Lessons Learned From Germany*” đã phân tích những vấn đề phát sinh khi năng lượng tái tạo chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu năng lượng. Theo tác giả, khi tỉ trọng năng lượng tái tạo trên thị trường tăng lên, giá bán điện không còn phụ thuộc vào đường cong nhu cầu mà thay đổi tùy thuộc vào thời

tiết: giá cả đi xuống khi mặt trời chiếu sáng, gió thổi; ngược lại, giá cả đi lên khi nhu cầu cao, mặt trời không tỏa sáng và gió không thổi. Vấn đề sức tải của mạng lưới điện để có thể đấu nối từ nhiều nguồn phát điện tái tạo, từ đó linh hoạt theo các cấp độ và vị trí địa lí khác nhau. Khi hệ thống điện hiện có không thể lưu trữ được năng lượng tái tạo thì phải cắt giảm lượng phát để duy trì sự ổn định. Xuất phát từ những vấn đề phát sinh đó, tác giả cho rằng, để đạt được lợi nhuận, doanh nghiệp cần được hỗ trợ thông qua việc lưu trữ năng lượng hoặc các khoản trợ cấp bổ sung.

Tác giả Viktor Tachev (2021) với bài viết “*Potential of Renewable energy in Japan*” đã chỉ ra những rào cản với sự phát triển năng lượng tái tạo của Nhật Bản trong tiến trình hướng tới một xã hội không carbon đến năm 2050. Bài viết nhận định về phát triển điện gió ngoài khơi của Nhật Bản, những khó khăn về tài chính, địa lí và tâm lí của các nhà đầu tư đã cản trở sự phát triển này và chỉ ra chính sách để phát triển trong tương lai.

Tác giả Tuấn Thành (2021) với bài viết “*Vướng mắc đối với phát triển năng lượng tái tạo và giải pháp khắc phục*” chỉ rõ các chủ thể liên quan trực tiếp trong lĩnh vực năng lượng tái tạo như doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức và hộ cá thể đã và đang tiếp cận, ứng dụng pin năng lượng mặt trời, đầu tư, lắp đặt hệ thống. Tác giả chỉ ra mâu thuẫn đang tồn tại đó là: Một là, quy định hệ thống điện mặt trời mái nhà có công suất không quá 1 MW, áp dụng chung cho các hộ gia đình và các doanh nghiệp là chưa hợp lí. Điều này dẫn đến nhiều cơ quan, doanh nghiệp có diện tích mái công trình xây dựng lớn, có thể xây dựng điện mặt trời với công suất lớn hơn để cấp điện cho nhu cầu của mình cũng không được xây dựng, gây nên lãng phí tài nguyên và nguồn lực. Đề nghị phân tách quy định này thành 2 phần, đối với các hộ gia đình, quy định công suất tối đa nhỏ hơn (khoảng vài chục kW); đối với các cơ quan, doanh nghiệp, có thể quy định công suất điện mặt trời không vượt quá nhu cầu công suất cực đại, không hạn chế công suất tối đa. Hai là, quy định các hộ gia đình phải bán toàn bộ điện sản xuất và mua toàn bộ nhu cầu điện từ đơn vị điện lực, sẽ dẫn đến các hộ gia đình phải trả 2 lần thuế cho cùng một đơn vị điện năng: Trả thuế VAT cho lượng điện mua từ đơn vị điện lực và trả thuế thu nhập cho khoản

tiền bán điện. Một số chủ thể khác có liên quan như: ngân hàng, các tổ chức tài chính trung gian, người tiêu dùng. Tác giả chỉ ra mâu thuẫn giữa các chủ thể này như sau: “Nhiều ngân hàng xem năng lượng tái tạo có rủi ro cao nên yêu cầu tỷ lệ vốn chủ đầu tư cao (từ 30 - 40%) và lãi suất vay vốn cao (từ 10% trở lên), đã gây nhiều khó khăn cho quá trình thu xếp tài chính. Việc vay vốn từ các ngân hàng và tổ chức tài chính nước ngoài, mặc dù lãi suất thấp hơn (khoảng 4 - 5%), nhưng doanh nghiệp trong nước cũng khó tiếp cận được do yêu cầu phải có bảo lãnh Chính phủ. Các khó khăn về kinh tế và tài chính của dự án năng lượng tái tạo là vốn ban đầu cao, thiếu các tổ chức tài chính, thiếu nhà đầu tư, cạnh tranh từ nhiên liệu hóa thạch và ít trợ cấp hơn so với nhiên liệu truyền thống”. Những yếu tố này đã ngăn cản năng lượng tái tạo trở nên phổ biến. Đối với người tiêu dùng: “Mọi người nói chung ủng hộ năng lượng tái tạo nhưng lại phản đối dự án ở khu vực lân cận của họ. Các đề xuất dự án điện tái tạo thường vấp phải sự phản đối của người dân và một số tổ chức xã hội. Sự phản đối của công chúng xảy ra vì một số lí do, bao gồm tác động cảnh quan, suy thoái môi trường và thiếu sự quan tâm tham vấn giữa các cộng đồng địa phương”.

Bài viết “*Các rào cản của sự phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam hiện nay*” của tác giả Lưu Đức Hải (2021) và cộng sự chỉ ra rằng: ngành năng lượng tái tạo ở nước ta trong thời gian qua đã có sự phát triển vượt bậc sau các quyết định của Chính phủ về tăng giá mua điện. Tuy nhiên, hiện vẫn tồn tại nhiều rào cản như: rào cản thể chế chính sách, rào cản khoa học công nghệ, rào cản hạ tầng. Trong đó, rào cản thể chế, chính sách đang là rào cản lớn nhất đối với sự phát triển bền vững năng lượng tái tạo ở Việt Nam. Nhóm tác giả đã làm rõ mâu thuẫn giữa các chủ thể liên quan, cụ thể: các doanh nghiệp đăng kí đầu tư theo quy hoạch chung của Nhà nước, nhưng độc quyền quản lí phân phối của tập đoàn nhà nước EVN, chiếm khoảng 40% sản lượng điện sản xuất và 100% sản lượng điện phân phối.

Tác giả Lã Hồng Kỳ với bài viết “*Những khó khăn, vướng mắc trong chuyển đổi, phát triển năng lượng sạch*” (2022) đã phân tích những cơ chế chính sách cho phát triển năng lượng tái tạo, các ưu đãi của Chính phủ cho các dự án năng lượng

tái tạo. Tác giả cũng chỉ ra những khó khăn, vướng mắc liên quan như: việc quy hoạch; vướng mắc về pháp luật đầu tư xây dựng cơ bản; công tác giải phóng mặt bằng (chính sách bồi thường: đơn giá đất thấp hơn so với chuyên nhượng thực tế; công tác hỗ trợ tái định cư còn thiếu, dẫn đến không có căn cứ áp dụng; chính sách bồi thường không theo kịp thực tế địa phương nên chưa tạo được sự đồng thuận của các hộ dân bị ảnh hưởng); trở ngại về vốn đầu tư (do hầu hết các ngân hàng trong nước đã vượt hạn mức tín dụng đối với chủ đầu tư và các đơn vị liên quan); hiện nay ở nước ta còn thiếu các doanh nghiệp sản xuất và cung ứng thiết bị năng lượng tái tạo cũng như các dịch vụ liên quan, các công nghệ, thiết bị phần lớn phải nhập khẩu nên giá cả và khả năng cung cấp thiết bị phụ thuộc vào bên ngoài.

Tác giả Nguyễn Thị Thúy Mai (2022) với bài viết “*Chính sách năng lượng tái tạo của Việt Nam và một số rào cản*” đã khái quát về ngành năng lượng tái tạo ở nước ta từ 2007 với quyết định 1855/QĐ-TTg về Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn đến 2050. Năm 2011, Chính phủ ban hành Quy hoạch điện VII giai đoạn 2011 - 2020 trong đó có quy định về tỉ trọng của năng lượng tái tạo. Đến 2014, Quốc hội sửa đổi Luật Điện lực đã đặt nền móng cho việc phát triển các dự án về năng lượng tái tạo. Chính phủ cũng đã có nhiều ưu đãi cho các dự án năng lượng tái tạo từ mọi thành phần kinh tế, chẳng hạn như cơ chế giá ưu đãi cố định (Feed-in-Tariffs - FIT) với điện mặt trời, điện gió. Đáng chú ý, Nghị quyết 55 được ban hành năm 2020 với Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Bộ Chính trị với định hướng gia tăng tỉ trọng năng lượng tái tạo trong tổng cung điện và mở ra cơ hội cho khu vực tư nhân tham gia phát triển, bao gồm cả nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào thị trường điện vốn lâu nay vẫn do Tập đoàn Điện lực Việt Nam độc quyền. Bài viết cũng chỉ ra những rào cản đối với phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam, trong đó có rào cản về chính sách, thiếu đồng bộ và thiếu gắn kết giữa các chủ thể liên quan, sự phân cấp quản lí; thiếu cơ sở dữ liệu thông tin và cơ chế về hợp đồng mua bán điện. Đây là trở ngại lớn với các dự án điện gió, điện mặt trời hòa lưới điện.

Tác giả Hoàng Thị Xuân (2022) với luận án “*Phát triển năng lượng tái tạo vì sự phát triển kinh tế bền vững ở một số quốc gia châu Á và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*” đã tập trung nghiên cứu cơ sở lí luận về phát triển năng lượng tái tạo, tác động của phát triển năng lượng tái tạo đến phát triển bền vững nền kinh tế. Trên cơ sở đó, tác giả phân tích kinh nghiệm ở một số quốc gia trên thế giới như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và những bài học có giá trị tham khảo. Bên cạnh đó, tác giả còn làm rõ những thách thức, rào cản trong phát triển ở Việt Nam. Tác giả đã phân tích những thách thức liên quan đến việc thực hiện quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong lĩnh vực phát triển năng lượng tái tạo, cụ thể: (1) Đối với chủ thể quản lí và chủ thể sản xuất: “Do Luật Điện lực quy định độc quyền Nhà nước về truyền tải điện làm hạn chế xã hội hóa đầu tư lĩnh vực này; chưa có cơ chế rõ ràng cho người bán điện với người mua; thiếu các quy trình đấu nối; sự cạnh tranh thiếu lành mạnh do chính sách hiện nay không quy định phải trả các chi phí môi trường và xã hội đối với công nghệ cung cấp điện từ nguồn nhiên liệu hóa thạch. Bên cạnh đó, các quyết định về mức giá mua điện có thời hạn, hiệu lực quá ngắn nên các nhà đầu tư gặp khó khăn trong quá trình tính toán hiệu quả đầu tư khi lập dự án”. (2) Đối với doanh nghiệp: “Các dự án năng lượng tái tạo yêu cầu vốn cao nhưng thiếu các tổ chức tài chính hỗ trợ, thiếu nhà đầu tư. Hiện nay vốn cho các dự án năng lượng tái tạo chủ yếu là nguồn vốn tín dụng ngân hàng, trong khi hệ thống ngân hàng chưa có định hướng cụ thể về cho vay phát triển năng lượng tái tạo mà chủ yếu thông qua tín dụng xanh. Các nhà đầu tư năng lượng tái tạo gặp khó khăn khi tiếp cận vốn vay do các ngân hàng bị khống chế tỉ lệ cho vay trung và dài hạn, lãi suất cho vay cao (10%/ năm trở lên). Trong khi đó các ngân hàng nước ngoài cho vay với lãi suất thấp hơn (4 - 5%/ năm) nhưng nhà đầu tư trong nước khó tiếp cận do yêu cầu phải có bảo lãnh của Chính phủ. Về công nghệ, hiện nay toàn bộ các thiết bị công nghệ năng lượng tái tạo phải nhập khẩu, dẫn đến lợi nhuận giảm nên chưa thu hút các chủ đầu tư tham gia phát triển năng lượng tái tạo”. (3) Các nhà đầu tư hiện nay chưa tiếp cận được nhiều thông tin về thị trường,...

1.2. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.2.1. Khái quát kết quả các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Trên cơ sở phân tích tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài cho thấy các công trình có liên quan đến đề tài rất phong phú và đa dạng. Những công trình này có ý nghĩa tham khảo quan trọng đối với nghiên cứu sinh khi thực hiện đề tài. Tuy nhiên, những công trình này phục vụ cho những mục đích nghiên cứu khác nhau và thường chỉ đề cập đến một số khía cạnh riêng rẽ của đề tài luận án. Có thể tổng hợp những nghiên cứu liên quan đến đề tài theo bảng dưới đây:

Bảng 1.1. Tổng hợp các nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

STT	Nhóm công trình	Đánh giá chung
1.	Nghiên cứu về lợi ích, lợi ích kinh tế, quan hệ lợi ích, quan hệ lợi ích kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Các nghiên cứu đã làm rõ nguồn gốc, bản chất, đặc điểm của lợi ích, lợi ích kinh tế, quan hệ lợi ích, quan hệ lợi ích kinh tế; - Làm rõ vai trò của quan hệ lợi ích; - Đã nghiên cứu những biểu hiện của quan hệ lợi ích trong một số lĩnh vực cụ thể của nền kinh tế.
2.	Nghiên cứu về năng lượng tái tạo, phát triển năng lượng tái tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Các nghiên cứu đã phân tích về khái niệm, phân loại, vai trò của phát triển năng lượng tái tạo đối với sự phát triển bền vững; - Đã đề cập đến kinh nghiệm phát triển ở một số quốc gia trên thế giới; - Làm rõ tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo và thực trạng phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam trong những năm gần đây; - Đã đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển năng lượng tái tạo trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.
3.	Các công trình	- Các nghiên cứu tập trung làm rõ ý nghĩa của phát triển

STT	Nhóm công trình	Đánh giá chung
	nghiên cứu về quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo	năng lượng tái tạo; - Các nghiên cứu mới chỉ bước đầu đề cập đến một số rào cản trong việc đảm bảo hài hoà quan hệ lợi ích; chưa có nghiên cứu chuyên sâu về hệ thống các mối quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo; chưa đánh giá thực trạng và giải pháp để giải quyết hài hoà lợi ích giữa các chủ thể trong lĩnh vực này.

(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp từ các công trình nghiên cứu liên quan)

Từ đánh giá trên, có thể khái quát kết quả các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài như sau:

Một là, các nghiên cứu đã làm rõ tương đối đầy đủ về cơ sở lí luận liên quan đến năng lượng tái tạo, đặc điểm, phân loại, sự cần thiết của phát triển năng lượng tái tạo; lợi ích của phát triển năng lượng tái tạo đối với sự phát triển bền vững kinh tế, xã hội và môi trường.

Hai là, các nghiên cứu đi sâu phân tích, đánh giá về thực trạng phát triển năng lượng tái tạo, giải pháp giải quyết những rào cản, trong đó nhấn mạnh đến vai trò của Nhà nước trong việc thiết lập “luật chơi”, khắc phục những bất cập nhằm thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực này. Một số nghiên cứu phân tích cụ thể lợi ích của phát triển năng lượng tái tạo. Các nghiên cứu cũng đã chỉ ra những rào cản ảnh hưởng đến sự phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam, một trong những rào cản đó chính là sự thiếu hài hoà lợi ích giữa các chủ thể có liên quan.

Ba là, một số nghiên cứu bước đầu đã xác định được các chủ thể có liên quan và vai trò của việc giải quyết hài hoà lợi ích giữa các chủ thể đó đối với sự phát triển của năng lượng tái tạo.

Bốn là, một số nghiên cứu bước đầu đưa ra các quan niệm liên quan đến quan hệ lợi ích, phân tích quan hệ lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh năng lượng tái tạo,... Cũng đã có nghiên cứu về những nhân tố ảnh hưởng đến sự thành công của các dự án, trong đó có phân tích về sự hợp tác giữa các bên liên quan.

Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện, đầy đủ về khái niệm, vai trò, đặc điểm nội dung và tiêu chí đánh giá quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo cũng như phân tích làm rõ thực trạng và đánh giá thực trạng. Luận án sẽ tiếp thu những kết quả nghiên cứu và vận dụng để giải quyết các nhiệm vụ của đề tài đã đặt ra. Vì vậy, hướng nghiên cứu “*Quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam*” được lựa chọn là một đề tài hoàn toàn mới, có ý nghĩa cả về lí luận và thực tiễn, không trùng lặp với các công trình khoa học đã công bố.

1.2.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

Trên cơ sở khái quát các nghiên cứu tiêu biểu ở cả trong và ngoài nước trong những năm gần đây cho thấy chưa có công trình khoa học nào tập trung nghiên cứu sâu về *Quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo* ở cả cấp độ địa phương và cấp độ quốc gia dưới góc độ kinh tế chính trị. Vì vậy, việc nghiên cứu này là cần thiết để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt ra, góp phần lấp “khoảng trống” mà các nghiên cứu trước đây chưa đề cập để tìm ra giải pháp thúc đẩy hài hoà lợi ích trong lĩnh vực này. Cụ thể, câu hỏi nghiên cứu của luận án là:

- **Câu hỏi thứ nhất:** Trong phát triển năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) ở nước ta hiện nay có những quan hệ lợi ích nào? Có những mâu thuẫn, xung đột lợi ích nào cần giải quyết?

- **Câu hỏi thứ hai:** Các giải pháp giải quyết mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích giữa các chủ thể có tác động như thế nào đến lợi ích kinh tế của các bên, có góp phần thúc đẩy sự phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam hay không?

Để khắc phục “khoảng trống” và giải quyết hai câu hỏi nghiên cứu trên, luận án hướng tới giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn từ góc độ Kinh tế chính trị về quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo:

Thứ nhất, làm rõ khái niệm, đặc điểm và vai trò của quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo; nội dung, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo.

Thứ hai, phân tích một cách có hệ thống về các chủ thể có liên quan và mối

quan hệ lợi ích giữa các chủ thể; phân tích những nhân tố ảnh hưởng và nghiên cứu một số kinh nghiệm ở một số quốc gia trên thế giới về giải quyết quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo, từ đó rút ra những kinh nghiệm cho Việt Nam.

Thứ ba, phân tích, đánh giá thực trạng quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam, chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế, làm cơ sở cho việc đề xuất quan điểm và giải pháp giải quyết hài hoà lợi ích trong lĩnh vực này ở nước ta đến năm 2030.

Chương 2
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN
VỀ QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

2.1.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1.1. Khái niệm quan hệ lợi ích

Lợi ích kinh tế là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy hoạt động của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Khi tham gia hoạt động kinh tế, các chủ thể kinh tế cần được thoả mãn các nhu cầu vật chất cũng như nhu cầu tinh thần. Lợi ích thu được khi các chủ thể được thoả mãn nhu cầu của mình, lợi ích có thể là lợi ích vật chất, có thể là lợi ích tinh thần. Tuy nhiên, xuyên suốt quá trình tồn tại của con người và đời sống xã hội thì lợi ích kinh tế đóng vai trò quyết định đối với hoạt động của mỗi cá nhân, tổ chức cũng như xã hội. Để hiểu được quan hệ lợi ích trước hết cần làm rõ quan niệm về lợi ích và lợi ích kinh tế.

*** Khái niệm lợi ích**

Lợi ích là một trong những vấn đề cốt lõi của khoa học Kinh tế chính trị, nhiều nhà nghiên cứu đã phân tích, luận giải khái niệm này ở các góc độ và cách tiếp cận khác nhau. Có thể chỉ ra một số quan niệm tiêu biểu trên thế giới và trong nước như sau:

Theo C.Mác, lợi ích không phải là cái gì trừu tượng và mang tính chủ quan, mà cơ sở của lợi ích chính là nhu cầu khách quan của con người. Nhu cầu đó có thể là vật chất, văn hoá, tinh thần, chính trị, do đó, có nhiều loại lợi ích: lợi ích kinh tế, lợi ích chính trị, lợi ích tinh thần, lợi ích văn hoá. C.Mác nhấn mạnh: “Tiền đề đầu tiên của mọi sự tồn tại của con người và do đó là tiền đề của mọi lịch sử, đó là: “Người ta phải có khả năng sống rồi mới có thể “làm ra lịch sử” [36, tr.40].

Theo tác giả A.S.Aizikovich: “*Lợi ích là nhu cầu được thúc đẩy bởi xã hội*”. [79, tr.176]. Hay nói cách khác, lợi ích mang tính khách quan, nảy sinh từ thực tiễn KT - XH.

Claire Kremen, Albie Miles đưa ra quan niệm: “*Lợi ích là sự phản ánh chủ*

quan của những nhu cầu tồn tại khách quan". [92, tr.93].

Theo tác giả Đỗ Huy Hà: "*Lợi ích là hiện tượng xã hội khách quan gắn liền với những chủ thể xác định, được nảy sinh từ nhu cầu và nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người trong những điều kiện KT - XH nhất định*" [15, tr.9]. Như vậy, lợi ích là khách quan, gắn liền với những chủ thể xác định và xuất phát từ nhu cầu của con người.

Tác giả Trần Văn Thắng, Hoàng Văn Khải cho rằng: "*Lợi ích là một trong những động lực hoạt động của con người, của sự biến đổi xã hội và là một trong những vấn đề căn bản, có ý nghĩa quyết định bản chất các mối quan hệ trong xã hội. Lợi ích chính là nhân tố quan trọng nhất trong chuỗi quy định nhân quả dẫn dắt sự hoạt động của con người: nhu cầu - lợi ích - mục đích - hoạt động*" [29, tr.27].

Các quan niệm trên đều thống nhất ở luận điểm cho rằng, lợi ích bắt nguồn từ nhu cầu song không đồng nhất với nhu cầu và là cái để đáp ứng nhu cầu. Lợi ích có quan hệ trực tiếp với các nhu cầu có khả năng thực hiện gắn với từng nhóm xã hội trong những điều kiện lịch sử nhất định. Hay có thể nói, nhu cầu làm nảy sinh lợi ích, gắn với điều kiện lịch sử cụ thể nhất định để thỏa mãn nhu cầu đó, là những nhu cầu được ý thức thành động cơ hành động của con người. Theo quan điểm của nghiên cứu sinh, *lợi ích là hiện tượng xã hội khách quan, nảy sinh từ nhu cầu và nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người, được đặt trong mối quan hệ xã hội tương ứng với trình độ phát triển nhất định của nền sản xuất xã hội.*

*** Khái niệm lợi ích kinh tế, quan hệ lợi ích**

Luận án tiếp cận vấn đề lợi ích kinh tế, quan hệ lợi ích trên cơ sở khoa học Kinh tế chính trị. Để hiểu rõ về quan hệ lợi ích - quan hệ xã hội giữa người với người trong sản xuất và trao đổi, trước hết cần nắm rõ những vấn đề liên quan đến lợi ích kinh tế.

- Lợi ích kinh tế:

C. Mác, Ph.Ăngghen cho rằng mối quan hệ giữa các chủ thể trong xã hội thường được thể hiện bằng những lợi ích nhất định [38, tr.376]. Các thành viên trong xã hội xác lập các quan hệ kinh tế với nhau vì trong quan hệ đó hàm chứa những lợi ích kinh tế mà họ có thể có được. C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định

rằng: “*Nguồn gốc vấn đề trước hết là những lợi ích kinh tế mà quyền lực chính trị phải phục vụ với tư cách phương tiện*” [37, tr.410].

V.I.Lênin đã kế thừa những quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen khi cho rằng: “*Phải tìm nguồn gốc của những hiện tượng xã hội ở trong những quan hệ sản xuất và phải quy những hiện tượng ấy vào lợi ích của những giai cấp nhất định*” [34, tr.670].

Tác giả Đào Duy Huân cho rằng: “*Lợi ích kinh tế là cái có ích, cái có lợi về mặt kinh tế. Đây là phạm trù kinh tế biểu hiện tính khách quan trong hoạt động kinh tế của con người tức biểu hiện quan hệ sản xuất*” [23, tr.11]. Khi phân tích sâu về các lợi ích kinh tế ở Việt Nam, tác giả cho rằng: “*Ở Việt Nam hiện nay có các loại lợi ích kinh tế cơ bản sau: Lợi ích kinh tế nhà nước; lợi ích kinh tế tập thể; lợi ích kinh tế cá nhân người lao động; lợi ích kinh tế cá nhân người sản xuất kinh doanh trong nước; lợi ích của các nhà đầu tư sản xuất kinh doanh nước ngoài; lợi ích kinh tế của người tiêu dùng; lợi ích kinh tế của cộng đồng*” [23, tr.11].

Theo tác giả Đặng Quang Định: “*Lợi ích kinh tế là thu nhập mà mỗi chủ thể có được khi tham gia vào quá trình sản xuất xã hội*” [14, tr.21]. Như vậy, lợi ích kinh tế chính là những lợi ích vật chất mà các chủ thể kinh tế thu được khi tham gia vào các hoạt động kinh tế. Những lợi ích này do quan hệ sản xuất quyết định.

Trong nghiên cứu của mình, tác giả Đỗ Huy Hà cho rằng: “*Lợi ích kinh tế là những quan hệ kinh tế phản ánh những nhu cầu, động cơ khách quan về sự hoạt động của các chủ thể khi tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội và do hệ thống quan hệ sản xuất quyết định*” [15, tr.10]. Ở góc độ tiếp cận này, tác giả đã làm rõ tính chất lợi ích kinh tế xuất phát từ nhu cầu và động cơ khách quan của các chủ thể kinh tế. Những nhu cầu, động cơ đó đã dẫn dắt các chủ thể tham gia vào các hoạt động kinh tế và thiết lập quan hệ kinh tế.

Tác giả Hoàng Văn Khải với góc nhìn từ nhu cầu của các chủ thể đã đưa ra quan niệm: “*Lợi ích kinh tế là những lợi ích phản ánh trực tiếp các quan hệ kinh tế và các điều kiện sinh hoạt kinh tế của xã hội. Lợi ích kinh tế là giá trị kinh tế mà mỗi cá nhân có được khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh tế, dùng để thỏa mãn nhu cầu của các cá nhân đó*” [28, tr.29].

Tác giả Phạm Thị Thương làm rõ vấn đề lợi ích kinh tế, theo nghĩa rộng:

“*Lợi ích kinh tế là một phạm trù kinh tế khách quan, được quy định bởi hệ thống các quan hệ kinh tế nhất định và biểu hiện mối quan hệ lẫn nhau giữa các chủ thể trong việc giải quyết nhu cầu của chính mình*” [59, tr.33].

Tóm lại, nghiên cứu lợi ích kinh tế dưới góc độ kinh tế chính trị học, nghiên cứu sinh cho rằng: *Lợi ích kinh tế là lợi ích vật chất, lợi ích thu được khi thực hiện các hoạt động kinh tế của con người*. Xét về bản chất, lợi ích kinh tế phản ánh mục đích và động cơ của các quan hệ giữa các chủ thể trong nền sản xuất xã hội. Về biểu hiện, gắn với các chủ thể kinh tế khác nhau là những lợi ích tương ứng. Lợi ích kinh tế là phạm trù kinh tế xuất hiện khi các hoạt động kinh tế mang tính xã hội; là sự thoả mãn các nhu cầu vật chất của con người được quy định bởi trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và địa vị của họ trong hệ thống các quan hệ sản xuất xã hội; là kết quả trực tiếp của quan hệ phân phối và được thể hiện bằng thu nhập; là động lực của các hoạt động kinh tế khi có sự công bằng, hợp lí và đồng thuận của các chủ thể trong phân phối thu nhập.

Tuỳ góc độ nghiên cứu, có thể phân chia thành các nhóm, các loại lợi ích kinh tế khác nhau, cụ thể:

+ Căn cứ vào hình thức lợi ích kinh tế: Trong nền kinh tế có nhiều chủ thể như: cá nhân, tập thể, xã hội, giai cấp, Nhà nước, dân tộc,... Tương ứng với mỗi chủ thể đó là một hình thức lợi ích kinh tế: lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể, lợi ích giai cấp, lợi ích nhà nước, lợi ích quốc gia, dân tộc,...

+ Căn cứ vào các khâu của quá trình tái sản xuất xã hội, có lợi ích của chủ thể sản xuất, chủ thể phân phối, chủ thể trao đổi và chủ thể tiêu dùng.

+ Căn cứ vào góc độ thành phần kinh tế có lợi ích kinh tế tương ứng của mỗi thành phần (trong các thành phần kinh tế đều có mặt lợi ích kinh tế của xã hội, của Nhà nước).

- *Quan hệ lợi ích:*

C. Mác, Ph.Ăngghen cho rằng các quan hệ xã hội luôn mang tính lịch sử, phương thức và mức độ thoả mãn các nhu cầu vật chất còn phụ thuộc vào địa vị của con người trong hệ thống quan hệ sản xuất xã hội nên để có được lợi ích của mình, các chủ thể kinh tế phải đấu tranh với nhau để thực hiện quyền làm chủ

đổi với tư liệu sản xuất. Đó là cội nguồn sâu xa của các cuộc đấu tranh giữa các giai cấp trong lịch sử - một động lực quan trọng của tiến bộ xã hội. “... *Động lực của toàn bộ lịch sử hiện đại,... chính là cuộc đấu tranh của ba giai cấp lớn đó và những xung đột về lợi ích của họ*” [39, tr.439].

Tác giả Hoàng Văn Khải với góc nhìn làm rõ mối quan hệ lợi ích kinh tế của các chủ thể đã đưa ra quan niệm về quan hệ lợi ích: “*Quan hệ lợi ích là quan hệ xã hội khách quan giữa các chủ thể có cùng nhu cầu và cùng đối tượng thỏa mãn nhu cầu trong những điều kiện lịch sử - xã hội nhất định*” [28, tr.50]

Tác giả Trương Văn Thủy tiếp cận quan hệ lợi ích dưới góc độ kinh tế chính trị cho rằng: “*Quan hệ lợi ích dưới góc độ kinh tế chính trị là tổng thể các lợi ích kinh tế của các chủ thể cùng tham gia hoạt động kinh tế trong mối liên hệ hữu cơ với nhau dưới sự chi phối của các quy luật kinh tế trong những điều kiện lịch sử cụ thể của quan hệ sản xuất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.*” [57, tr.34]

Từ việc phân tích các quan niệm về lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích của các nhà nghiên cứu trên cho thấy, các tác giả đều thống nhất ở việc gắn lợi ích kinh tế với nhu cầu kinh tế và khả năng thỏa mãn nhu cầu của các chủ thể kinh tế trong những điều kiện lịch sử cụ thể về trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tương ứng. Ở khía cạnh vật chất, lợi ích kinh tế chính là động lực thúc đẩy các chủ thể kinh tế hành động, ra quyết định có tham gia hoạt động kinh tế cùng các chủ thể khác hay không, khi đã tham gia rồi thì có tiếp tục nữa hay là sẽ dừng lại. Do đó, có thể nói lợi ích kinh tế chính là động lực cơ bản của sự tiến bộ xã hội nói chung, sự phát triển sản xuất kinh doanh nói riêng.

Mỗi chủ thể trong nền kinh tế có lợi ích khác nhau nhưng cần lưu ý rằng, lợi ích kinh tế của các chủ thể đó không thể thực hiện một cách độc lập, riêng biệt mà cần đặt trong sự liên hệ, tác động qua lại với các chủ thể khác để hình thành quan hệ lợi ích mà trước hết là quan hệ lợi ích kinh tế giữa các chủ thể đó. Cũng cần nhấn mạnh rằng, chỉ khi có sự hài hòa, thống nhất giữa các lợi ích kinh tế thì các chủ thể mới thực hiện được vai trò của mình.

Trên cơ sở khái quát các quan điểm và lập luận như trên, nghiên cứu sinh cho rằng, xét ở góc độ khoa học kinh tế chính trị, các mối quan hệ lợi ích chính là quan hệ lợi ích kinh tế và biểu hiện ra bên ngoài thông qua những lợi ích kinh tế của các chủ

thể trong các mối quan hệ xã hội đó. Nghiên cứu sinh cho rằng: *Quan hệ lợi ích dưới góc độ kinh tế chính trị là tổng hoà các mối liên hệ hữu cơ giữa các chủ thể kinh tế nhằm mục tiêu xác lập các lợi ích kinh tế, vận hành theo các quy luật của thị trường với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng tương ứng của một giai đoạn phát triển xã hội nhất định.*

2.1.1.2. Khái niệm năng lượng tái tạo và phát triển năng lượng tái tạo

*** Khái niệm năng lượng tái tạo**

Năng lượng tái tạo (tiếng Anh: Renewable energy) là nguồn năng lượng có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển bền vững của các quốc gia. Những năm cuối thế kỉ XX, trước vấn đề khủng hoảng năng lượng và các vấn đề cấp bách của môi trường toàn cầu, các nguồn năng lượng tái tạo bắt đầu được đề cập trong các diễn đàn quốc tế. Nhiều tổ chức, nhà nghiên cứu đã đưa ra quan niệm về năng lượng tái tạo, một số quan niệm tiêu biểu như:

“Cơ quan năng lượng quốc tế (IEA)” cho rằng: “Năng lượng tái tạo là năng lượng có nguồn gốc tự nhiên như ánh sáng mặt trời, gió và được bổ sung với một tốc độ nhanh hơn so với chúng được tiêu thụ”. Khái niệm này mang tính khái quát chung về năng lượng tái tạo, không mắc phải hạn chế là liệt kê các dạng năng lượng tái tạo, do đó việc bổ sung các nguồn năng lượng tái tạo mới có thể tìm thấy trong tương lai cũng không làm sai lệch bản chất của khái niệm này. Đồng thời, khái niệm này thể hiện rõ hai đặc tính bản chất của năng lượng tái tạo đó là tính vô hạn và nguồn gốc tự nhiên. [114]

Omar và cộng sự đưa ra khái niệm: “Năng lượng tái tạo hay năng lượng tái sinh là năng lượng từ những nguồn liên tục mà theo chuẩn mực của con người là vô hạn như năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng sinh khối, năng lượng thủy triều, năng lượng sóng, năng lượng địa nhiệt” [99]. Theo định nghĩa này, năng lượng tái tạo có hai đặc điểm là vô hạn và có nguồn gốc tự nhiên. Nếu theo khái niệm này thì có thể dẫn tới năng lượng tái tạo không bao hàm các dạng năng lượng tái tạo mới mà sẽ được tìm thấy trong tương lai.

Ở Việt Nam, theo khoản 1, điều 43 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014: “Năng lượng tái tạo là năng lượng được khai thác từ nước, gió, ánh sáng mặt trời,

địa nhiệt, sóng biển, nhiên liệu sinh học và các nguồn tài nguyên năng lượng có khả năng tái tạo khác”. [45] Định nghĩa này đã làm rõ các nguồn năng lượng tái tạo và tính chất tái tạo của các nguồn đó.

Theo Cục thông tin khoa học và công nghệ quốc gia: “*Năng lượng tái tạo là năng lượng được tạo ra từ các quá trình tự nhiên và liên tục được bổ sung. Nguồn tự nhiên này bao gồm ánh sáng mặt trời, địa nhiệt, gió, thủy triều, nước và các dạng sinh khối khác nhau. Nguồn năng lượng này không bị cạn kiệt và không ngừng được tái sinh*”. Cách định nghĩa này đề cập đến các nguồn năng lượng tái tạo và tính chất của chúng. [8]

Theo tác giả Nguyễn Hùng Cường: “*Năng lượng tái tạo là năng lượng có nguồn gốc từ quá trình tự nhiên (ví dụ như ánh sáng mặt trời và gió) được bổ sung với một tốc độ nhanh hơn so với chúng được tiêu thụ và thân thiện với môi trường.*” [10, tr. 24]. Cách định nghĩa của tác giả Nguyễn Hùng Cường đề cập thêm đặc tính của năng lượng tái tạo là thân thiện với môi trường.

Theo tác giả Hoàng Thị Xuân: “*Năng lượng tái tạo là năng lượng có nguồn gốc từ các quá trình tự nhiên của Trái Đất, không hữu hạn hoặc không thể sử dụng hết và ít gây tác động xấu đến môi trường*” [75, tr.33]. Định nghĩa này xuất phát từ việc coi năng lượng tái tạo vừa là nguồn năng lượng dồi dào vô hạn, có nguồn gốc từ tự nhiên, vừa là nhân tố quan trọng trong việc giảm thải lượng khí carbon và các loại ô nhiễm khác.

Các định nghĩa trên đã làm rõ bản chất và các hình thức cụ thể của năng lượng tái tạo. Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, tác giả thống nhất cách tiếp cận về năng lượng tái tạo với ba đặc tính cơ bản: 1. Có nguồn gốc từ tự nhiên; 2. Có tính chất vô hạn; 3. Thân thiện với môi trường (hay nói cách khác là công cụ để giải quyết những vấn đề ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu). Từ đó, tác giả đề xuất khái niệm năng lượng tái tạo như sau: *Năng lượng tái tạo là năng lượng có nguồn gốc từ các quá trình tự nhiên, được hình thành liên tục và hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường.*

Theo định nghĩa này, hiện nay trên thế giới có các dạng năng lượng tái tạo

như: Năng lượng mặt trời; năng lượng gió; thủy điện; năng lượng sinh khối; năng lượng địa nhiệt; năng lượng biển (thủy triều, các dòng hải lưu, băng cháy dưới đáy biển); nhiên liệu hydrogen và pin nhiên liệu hydro và các dạng năng lượng tái tạo khác.

Trong phạm vi đề tài, do tập trung làm rõ về quan hệ lợi ích trong lĩnh vực năng lượng mặt trời và năng lượng gió nên các dạng năng lượng tái tạo khác, tác giả sẽ không đề cập đến khái niệm cụ thể.

Năng lượng mặt trời: là loại năng lượng bức xạ và nhiệt được tạo ra bởi Mặt Trời dưới dạng năng lượng điện hoặc nhiệt năng. Năng lượng mặt trời được chuyển đổi thành nhiều dạng khác nhau như năng lượng điện, nhiệt, hay sử dụng trực tiếp để làm nóng nước, chiếu sáng và hỗ trợ trong các ứng dụng khác. Công nghệ năng lượng mặt trời phổ biến nhất là hệ thống quang điện (PV) thông qua việc sử dụng tấm pin mặt trời để hấp thụ và chuyển đổi ánh sáng mặt trời thành điện năng, hay sử dụng các hệ thống thu nhiệt để tận dụng năng lượng nhiệt từ ánh sáng mặt trời.

Năng lượng gió: là loại năng lượng được tạo ra bằng cách chuyển đổi sức gió thành điện năng hoặc năng lượng cơ học. Quá trình này được thực hiện thông qua việc sử dụng tuabin gió để chuyển hóa từ động năng thành cơ năng. Điện năng cơ học được tạo ra từ sự quay của tuabin có thể sử dụng trực tiếp để cung cấp năng lượng cơ học hoặc thông qua máy phát điện để tạo ra điện năng.

*** Khái niệm phát triển năng lượng tái tạo**

Phát triển năng lượng tái tạo là một biện pháp quan trọng để giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với những thách thức về biến đổi khí hậu và giảm sự phụ thuộc vào nguồn năng lượng hóa thạch, đảm bảo an ninh năng lượng và giúp cải thiện chất lượng môi trường. Tuy nhiên hiện nay vẫn chưa có nhiều nghiên cứu đưa ra định nghĩa nhất quán về khái niệm này. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, nghiên cứu sinh đưa ra quan niệm về phát triển năng lượng tái tạo như sau: *Phát triển năng lượng tái tạo là các hoạt động cung ứng nguồn năng lượng tái tạo nhằm thoả mãn nhu cầu tiêu dùng của xã hội, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng*

quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và cải thiện chất lượng cuộc sống.

Từ nội hàm của khái niệm trên, có thể phân tích sâu hơn về vai trò của phát triển năng lượng tái tạo đối với sự phát triển KT - XH ở các khía cạnh sau:

Một là, phát triển năng lượng tái tạo góp phần tạo ra sự đa dạng hóa các nguồn cung năng lượng: Tăng tỉ trọng năng lượng tái tạo trong cơ cấu năng lượng quốc gia, giúp đa dạng hóa các nguồn sản xuất năng lượng, giảm thiểu khả năng dễ bị tổn thương do biến động giá và gián đoạn nguồn cung liên quan đến các nguồn năng lượng truyền thống. Một danh mục đầu tư năng lượng đa dạng giúp nền kinh tế có năng lực chống chịu tốt hơn trước những cú sốc bên ngoài và những thay đổi trong thị trường năng lượng toàn cầu.

Hai là, phát triển năng lượng tái tạo góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia: Phát triển các nguồn năng lượng tái tạo sẽ làm giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch nhập khẩu, quá trình chuyển đổi sang năng lượng tái tạo sẽ tăng cường an ninh năng lượng và giảm rủi ro địa chính trị. Điều này góp phần vào sự ổn định và khả năng chống chịu của nền kinh tế của mỗi quốc gia.

Ba là, phát triển năng lượng tái tạo sẽ tạo việc làm và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế: tạo ra việc làm mới trong chuỗi giá trị, bao gồm sản xuất, lắp đặt, vận hành và bảo trì. Những công việc này thường có đóng góp lớn cho sự tăng trưởng của nền kinh tế của đất nước. Ngành năng lượng tái tạo kích thích hoạt động kinh tế, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và cải thiện khả năng chống chịu tổng thể của thị trường lao động.

Bốn là, phát triển năng lượng tái tạo góp phần ổn định chi phí và phòng ngừa rủi ro giá cả: Các công nghệ năng lượng tái tạo, chẳng hạn như năng lượng mặt trời và gió, đã giảm chi phí đáng kể trong những năm gần đây. Sau khi được lắp đặt, các hệ thống năng lượng tái tạo có chi phí vận hành có thể dự đoán được vì chúng dựa vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và có sẵn. Điều này mang lại sự ổn định về giá và chống lại sự biến động của giá nhiên liệu hóa thạch. Giá năng lượng ổn định sẽ thúc đẩy sản xuất kinh doanh liên tục và tăng cường năng lực chống chịu của các ngành kinh tế.

Năm là, phát triển năng lượng tái tạo góp phần thích ứng và giảm thiểu biến

đổi khí hậu: Phát triển năng lượng tái tạo đóng vai trò quan trọng trong việc giảm phát thải khí nhà kính và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu. Bằng cách chuyển đổi sang các nguồn năng lượng sạch, các nền kinh tế có thể đóng góp vào nỗ lực toàn cầu nhằm hạn chế sự gia tăng nhiệt độ, giảm tần suất và mức độ nghiêm trọng của các hiện tượng thời tiết cực đoan. Năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu có mối liên hệ chặt chẽ với năng lực chống chịu về kinh tế, vì nó giúp ngăn ngừa những tổn thất kinh tế đáng kể do các thảm họa và gián đoạn liên quan đến khí hậu.

Sáu là, thúc đẩy đổi mới công nghệ và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế: Phát triển các công nghệ năng lượng tái tạo, chẳng hạn như tấm pin mặt trời tiên tiến hoặc tuabin gió hiệu quả, thúc đẩy đổi mới và tạo cơ hội xuất khẩu công nghệ. Điều này góp phần vào sự đa dạng hóa kinh tế và khả năng cạnh tranh của quốc gia, giúp quốc gia trở nên độc lập, tự chủ hơn trước những thay đổi của công nghệ toàn cầu.

Tóm lại, bằng cách thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo, nền kinh tế mỗi quốc gia có thể đảm bảo vững chắc hệ thống năng lượng, giảm thiểu rủi ro môi trường, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao năng lực chống chịu tổng thể trước một thế giới đang đầy biến động và bất ổn như hiện nay.

2.1.1.3. Khái niệm quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo

Trong các lĩnh vực của nền kinh tế, quan hệ lợi ích có biểu hiện hết sức phong phú, quan hệ đó có thể là các quan hệ theo chiều dọc, giữa một tổ chức kinh tế với một cá nhân trong tổ chức kinh tế đó. Cũng có thể theo chiều ngang giữa các chủ thể, các cộng đồng người, giữa các tổ chức, các bộ phận hợp thành nền kinh tế khác nhau. Trong điều kiện hội nhập ngày nay, quan hệ lợi ích kinh tế còn phải xét tới quan hệ giữa quốc gia với phần còn lại của thế giới. Khi đánh giá quan hệ lợi ích trong lĩnh vực này, tác giả dựa trên những khía cạnh trên để phân tích và luận giải những mối liên hệ khách quan giữa các chủ thể tạo thành hệ thống quan hệ lợi ích trong lĩnh vực này.

Trên cơ sở kế thừa những khái niệm liên quan đến đề tài, tiếp cận dưới góc độ của Kinh tế chính trị, nghiên cứu sinh đưa ra định nghĩa: *Quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo là sự thiết lập và duy trì những tương tác về lợi ích*

giữa các chủ thể trong toàn bộ các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh năng lượng tái tạo nhằm mục tiêu tối ưu hoá lợi ích và thúc đẩy sự phát triển năng lượng tái tạo.

Từ quan niệm trên, có thể khái quát về nội hàm khái niệm như sau:

Một là, trong phát triển năng lượng tái tạo, lợi ích của các chủ thể có mối quan hệ biện chứng với nhau, từ đó hình thành các mối quan hệ lợi ích. Các mối quan hệ lợi ích này được hình thành và phát triển xuất phát từ các quy luật của kinh tế thị trường cũng như điều kiện cụ thể của nền kinh tế đất nước. Khi các mối quan hệ lợi ích này được giải quyết hài hoà sẽ góp phần thúc đẩy cho sự phát triển năng lượng tái tạo.

Hai là, phát triển năng lượng tái tạo với sự tham gia của nhiều chủ thể, có chủ thể đóng vai trò chủ yếu, có chủ thể đóng vai trò hỗ trợ và động cơ của các chủ thể cũng có sự khác nhau. Xuất phát từ vai trò của các chủ thể có thể phân định được những mối quan hệ lợi ích cơ bản, chủ yếu và các mối quan hệ lợi ích thứ yếu. Việc xác định các mối quan hệ lợi ích cơ bản có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá và luận giải những mâu thuẫn, xung đột trong phát triển năng lượng tái tạo.

Tiếp cận dưới góc độ Kinh tế chính trị có ba chủ thể cơ bản là:

- (1) Nhà nước
- (2) Doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo
- (3) Người tiêu dùng

Ba là, về cách thức đảm bảo hài hoà lợi ích: Là việc các chủ thể (tập thể, tổ chức, cá nhân có mối liên quan lợi ích với nhau) trong mối quan hệ lợi ích đưa ra các giải pháp nhằm hướng tới sự thống nhất, phù hợp về lợi ích giữa các bên. Phương thức để giải quyết hài hoà quan hệ lợi ích là đưa ra những thỏa thuận, giải pháp trên cơ sở quy định của pháp luật để các bên cùng nhận thức, thống nhất hành động và đạt được lợi ích mong muốn.

2.1.2. Đặc điểm quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo

Đối tượng phát sinh quan hệ lợi ích là các sản phẩm gắn với phát triển năng lượng tái tạo, trong phạm vi luận án, tác giả tập trung làm rõ năng lượng gió, năng lượng mặt trời chuyên hoá thành điện năng. Mối quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo có những đặc điểm riêng như sau:

Thứ nhất, quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo

nói chung và phát triển điện gió, điện mặt trời nói riêng không chỉ là lợi ích kinh tế thuần túy mà còn là lợi ích đảm bảo an ninh năng lượng, đáp ứng yêu cầu của xu hướng tăng trưởng xanh, chuyển dịch năng lượng công bằng, bền vững trên thế giới và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Phát triển điện gió, điện mặt trời xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng xanh, chuyển đổi năng lượng hướng tới phát triển bền vững, từng bước nâng cao tỉ lệ tiếp cận nguồn năng lượng sạch và điện năng của người tiêu dùng, đảm bảo tiếp cận các dịch vụ năng lượng hiện đại, bền vững, tin cậy với giá bán điện và giá năng lượng hợp lí. Phát triển và sử dụng nguồn năng lượng tái tạo góp phần thực hiện các mục tiêu môi trường bền vững và phát triển nền kinh tế xanh: Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong các hoạt động năng lượng so với phương án phát triển bình thường.

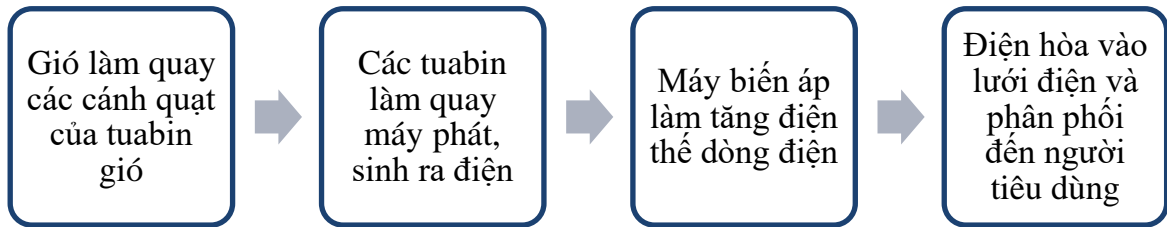
Thứ hai, quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo với sự tham gia của nhiều chủ thể với những vai trò khác nhau, cụ thể:

- *Nhà nước*: Nhà nước được bàn đến ở đây là các cơ quan quản lí nhà nước tại Trung ương và địa phương có vai trò quan trọng trong việc tạo lập hành lang pháp lí cho việc thực hiện quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo. Nhà nước với vai trò đại diện cho lợi ích của xã hội và lợi ích đó không đồng nhất với lợi ích cục bộ của các cơ quan quản lí nhà nước.

- *Doanh nghiệp tham gia phát triển điện gió, điện mặt trời*: Đây là chủ thể trực tiếp tham gia sản xuất để tạo ra điện gió, điện mặt trời cung ứng cho thị trường năng lượng. Lợi ích các chủ thể này thu được chính là lợi nhuận sau khi trừ đi chi phí đầu tư. Theo đuổi lợi ích kinh tế chính đáng của mình, các doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo đã đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế nói chung và phát triển ngành năng lượng tái tạo nói riêng. Vì lợi ích chính đáng của mình, các doanh nghiệp phải tìm cách nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, đáp ứng nhu cầu của thị trường bằng cách không ngừng đổi mới công nghệ, hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao tinh thần trách nhiệm xã hội,...

Đối với các doanh nghiệp tham gia phát triển điện gió, chi phí đầu tư bao gồm xây dựng, bảo trì các tuabin và trụ gió, vốn vay ngân hàng, tiền thuê đất,... Các nhà máy điện gió phổ biến nhất là ở các cánh đồng hoặc ngoài bờ biển - những khu vực thoáng và rộng, đủ khoảng cách để gió đạt được tốc độ cao mà không bị

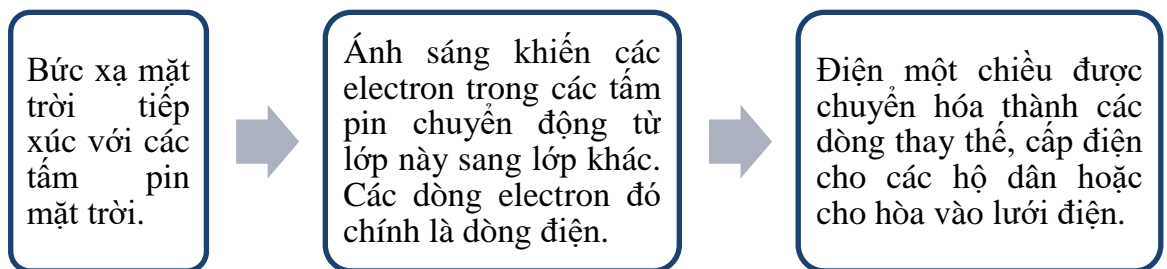
gián đoạn. Mấu chốt là để chuyển hóa năng lượng này với quy mô đủ lớn để đưa vào lưới điện. Tuabin gió có cơ chế dùng sức gió làm quay cánh quạt để tạo ra điện năng. Ở những nơi có gió ổn định thì đó là một nguồn tài nguyên lí tưởng, đóng góp lớn vào lưới điện quốc gia. Quy trình sản xuất điện gió bao gồm các bước cơ bản dưới đây:



Sơ đồ 2.1. Quy trình sản xuất điện gió

Ưu điểm của sản xuất điện gió: Không phát thải, không chi phí nhiên liệu, chi phí vận hành thấp. Bên cạnh những ưu điểm, các dự án điện gió có nhược điểm như chi phí đầu tư lớn, vận hành không ổn định, khó điều tiết, đòi hỏi diện tích để xây dựng, vấn đề tiếng ồn,...

Đối với các doanh nghiệp tham gia phát triển điện mặt trời: Chi phí đầu tư bao gồm đầu tư và lắp đặt tấm pin mặt trời, vốn vay ngân hàng, tiền thuê đất,... Năng lượng mặt trời được hấp thụ bởi các tấm pin mặt trời nhiều lớp, khi tia nắng chiếu vào tấm pin, các electron từ một lớp sẽ dịch chuyển sang lớp kế tiếp. Dòng chảy electron này là dòng một chiều, một dạng điện năng cần được đảo chiều để trở thành dòng xoay chiều trước khi có thể được dùng để vận hành các thiết bị trong gia đình,... Quy trình sản xuất điện mặt trời bao gồm các bước cơ bản dưới đây:



Sơ đồ 2.2. Quy trình sản xuất điện mặt trời

Ưu điểm của sản xuất điện mặt trời: Hạn chế ô nhiễm, không tiếng ồn, nguồn

năng lượng vô tận, bất cứ mọi nơi, có thể kết hợp với các nhà máy khác. Bên cạnh những ưu điểm, các dự án điện mặt trời có nhược điểm: Chi phí đầu tư lớn, hiệu suất thiết bị giảm theo thời gian, cung cấp không liên tục, đòi hỏi diện tích đất tương đối lớn.

- *Người tiêu dùng*: Là chủ thể sử dụng điện năng lượng tái tạo để thoả mãn nhu cầu của mình (tiêu dùng cho sinh hoạt và tiêu dùng cho sản xuất). Lợi ích kinh tế của người tiêu dùng được đảm bảo khi việc sử dụng điện năng lượng tái tạo có chất lượng ngày càng tốt, giá thành phải chăng. Người tiêu dùng có vai trò rất quan trọng trong định hướng phát triển năng lượng tái tạo cũng như chuyển dịch năng lượng bền vững. Do đó, ngoài việc thoả mãn nhu cầu của mình, người tiêu dùng cần phải có trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững của đất nước. Lưu ý: Việc phân chia người sản xuất năng lượng tái tạo, người tiêu dùng năng lượng tái tạo chỉ có tính chất tương đối để thấy được chức năng chính của các chủ thể này khi tham gia thị trường. Trên thực tế, người tiêu dùng năng lượng tái tạo cũng có thể vừa là người mua vừa là người bán điện năng lượng tái tạo (chẳng hạn các hộ gia đình lắp đặt điện mặt trời áp mái).

Để sử dụng điện năng lượng tái tạo, người tiêu dùng có thể thực hiện thông qua việc mua bán điện trực tiếp với doanh nghiệp sản xuất điện năng lượng tái tạo hoặc gián tiếp thông qua các công ty điện lực quốc gia. Quan hệ mua bán này có thể diễn ra trong thị trường điện cạnh tranh hoặc thị trường điện độc quyền. Nếu tình trạng độc quyền xuất hiện làm cho cạnh tranh không hoàn hảo gây thiệt hại cho người tiêu dùng và xã hội. Chỉ khi có thị trường năng lượng cạnh tranh và bền vững thì sự phân bổ các nguồn năng lượng mới hiệu quả và cung cấp mức độ dịch vụ cao cũng như sự hài lòng của người tiêu dùng như mong đợi. Do đó, yêu cầu quan trọng đối với bất kì chiến lược năng lượng bền vững nào là phải duy trì các điều kiện thị trường cạnh tranh. Tuy nhiên, một mình thị trường không thể đáp ứng nhu cầu và kì vọng của những nhóm dễ bị tổn thương nhất, bảo vệ hoặc gìn giữ môi trường tự nhiên và đảm bảo an ninh năng lượng trước môi trường chính trị phức tạp. Nhìn chung, Chính phủ và xã hội nên đưa ra các khuôn khổ phù hợp để tạo điều kiện cho việc định giá cạnh tranh và điều tiết hiệu quả thị trường năng lượng để đạt được

hiều mục tiêu về năng lượng bền vững. Vì vậy, điều quan trọng là phải có chính sách và môi trường chính trị hỗ trợ.

Có thể thấy, việc phát triển nguồn năng lượng tái tạo chỉ thực sự có hiệu quả khi vừa đảm bảo an ninh năng lượng cho nhu cầu phát triển kinh tế bền vững, vừa đảm bảo có chi phí sản xuất thấp, hài hòa giữa lợi ích quốc gia, doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Thứ ba, quan hệ lợi ích giữa các chủ thể có sự thống nhất nhưng cũng chứa đựng những mâu thuẫn và nguy cơ tiềm ẩn, xung đột về lợi ích kinh tế.

Sự thống nhất được thể hiện thông qua việc mỗi bên liên quan đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo. Khi một bên đạt được lợi ích của mình, lợi ích của các bên khác cũng được thực hiện trực tiếp hoặc gián tiếp. Ngược lại, khi các chủ thể hành động theo những phương thức khác nhau để thực hiện các lợi ích của mình, sự khác nhau đó đến mức đối lập thì sẽ trở thành mâu thuẫn. Chẳng hạn, các dự án đầu tư của các chủ thể sản xuất kinh doanh năng lượng tái tạo có thể vấp phải sự phản đối của người dân. Hay những mâu thuẫn diễn ra giữa các doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo với nhau hay mâu thuẫn với lĩnh vực năng lượng truyền thống. Điều này gây ảnh hưởng đến việc thực hiện lợi ích xã hội. Một mâu thuẫn nữa có thể xảy ra đó là mâu thuẫn giữa các tác nhân với Nhà nước trong quá trình phát triển năng lượng tái tạo mà tiêu biểu là các doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo theo chủ trương của Nhà nước nhưng chưa mang lại hiệu quả, vấp phải những rào cản chính sách dẫn đến tình trạng các chủ thể này bị giảm động lực để tiếp tục đầu tư hoặc ảnh hưởng đến tâm lý của các nhà đầu tư dự định đầu tư vào lĩnh vực này. Khi có mâu thuẫn thì việc thực hiện lợi ích này có thể sẽ ngăn cản, thậm chí làm tổn hại đến các lợi ích khác.

Thứ tư, quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo gắn với những thách thức lớn trong xu thế chuyển dịch năng lượng trên thế giới.

Quá trình chuyển dịch năng lượng toàn cầu theo xu hướng tăng tốc với khả năng cung cấp điện toàn bộ từ các nguồn năng lượng tái tạo và các dạng lưu trữ năng lượng hay sử dụng phương tiện giao thông sử dụng điện và pin nhiên liệu đang trở thành hiện thực ở nhiều quốc gia trên thế giới. Quá trình chuyển dịch năng lượng thành công phụ thuộc vào 4 yếu tố cốt lõi đó là: công nghệ, nền kinh tế cạnh

tranh, mở cửa thị trường và chính sách hỗ trợ. Vấn đề cơ hội và lợi ích từ chuyển dịch năng lượng đang trở thành chủ đề được bàn luận và phân tích nhiều. Việc đảm bảo hài hoà quan hệ lợi ích giữa các chủ thể phải đối mặt với những thách thức lớn, gây ra ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí sản xuất, ảnh hưởng đến giá bán điện cho người tiêu dùng, lợi nhuận của doanh nghiệp và lợi ích xã hội.

2.1.3. Vai trò của việc đảm bảo hài hoà quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo

Đảm bảo hài hoà quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo là sự thống nhất biện chứng giữa lợi ích kinh tế của các chủ thể, trong đó mặt thống nhất được khuyến khích, tạo điều kiện phát triển, đồng thời giảm thiểu mâu thuẫn và xung đột lợi ích kinh tế, nhằm thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của năng lượng tái tạo và thực hiện tốt hơn các lợi ích kinh tế.

Một là, tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo và mang lại hiệu quả kinh tế cao

Đảm bảo hài hoà lợi ích trong quá trình phát triển năng lượng tái tạo đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của ngành này, giúp các chủ thể liên quan hoạt động hiệu quả hơn, từ đó tăng cường lợi ích kinh tế. Giải quyết các mâu thuẫn về lợi ích giữa các bên sẽ đóng góp vào việc nâng cao vị thế của năng lượng tái tạo trong hệ thống năng lượng tổng thể và đặc biệt là trong hệ thống điện, góp phần thúc đẩy mục tiêu phát triển bền vững và đảm bảo an ninh năng lượng cho quốc gia.

Hơn nữa, việc giải quyết mối quan hệ lợi ích một cách hài hoà trong quá trình phát triển năng lượng tái tạo cũng mở ra những cơ hội mới cho đầu tư và tạo ra việc làm cho lực lượng lao động trong xã hội, giúp tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên đất cũng như sử dụng hàng triệu mái nhà của hộ gia đình, cơ quan, công ty và các khu công nghiệp để lắp đặt hệ thống điện mặt trời. Điều này sẽ tăng cường lợi ích kinh tế cho các gia đình, cộng đồng địa phương và doanh nghiệp, cũng như thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp năng lượng tái tạo của đất nước.

Hai là, góp phần quan trọng trong việc nâng cao lợi ích kinh tế cho mỗi chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo

Các chủ thể tham gia quan hệ lợi ích với mục đích cuối cùng là lợi ích kinh

tế. Lợi ích kinh tế chính là sự phản ánh mối quan hệ giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo. Trong mối quan hệ này, Nhà nước chính là chủ thể có vai trò chủ đạo. Đối với doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo, lợi ích kinh tế thu được chính là lợi nhuận. Khi các chủ thể này hoạt động hiệu quả thì lợi ích Nhà nước thu được chính là thu ngân sách, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm và thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước. Như vậy, để lĩnh vực năng lượng tái tạo ngày càng phát triển thì trước hết phải đảm bảo và đồng thời không ngừng nâng cao lợi ích của các chủ thể đó. Tuy nhiên, vì thu nhập của từng chủ thể phụ thuộc vào tổng giá trị gia tăng của sản phẩm cuối cùng và sự phân chia thu nhập giữa các chủ thể, do đó đảm bảo hài hòa lợi ích chỉ có thể đạt được khi nâng cao được tổng giá trị gia tăng và phân chia theo quy luật của kinh tế thị trường. Trong điều kiện không nâng được tổng giá trị gia tăng thì việc nâng cao thu nhập của chủ thể này sẽ diễn ra song hành với sự suy giảm thu nhập của chủ thể khác. Ngược lại, khi các chủ thể nhận thức rõ có thể nâng cao lợi ích của mình thông qua các biện pháp nâng cao tổng giá trị gia tăng, họ sẽ có động lực tích cực tham gia vào nâng cao tổng giá trị gia tăng của sản phẩm năng lượng tái tạo. Chẳng hạn khi Nhà nước không tính toán, cân nhắc lợi ích kinh tế trong việc ban hành các cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án năng lượng tái tạo có thể dẫn đến sự bùng nổ của thị trường năng lượng tái tạo; hay tình trạng độc quyền mua và bán điện gió, điện mặt trời diễn ra sẽ ảnh hưởng rất lớn tới lợi ích của các chủ thể liên quan. Vì thế, để tạo được động lực cho các chủ thể, cần phải đảm bảo hài hòa được lợi ích kinh tế của họ, bởi lẽ một khi lợi ích được đảm bảo thì các chủ thể sẽ có thêm nhiều động lực nhằm tăng năng suất lao động để mang lại hiệu quả kinh tế tối ưu.

Ba là, góp phần thúc đẩy sự gắn kết giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo ngày càng bền vững và hiệu quả

Sở dĩ các chủ thể liên quan gắn kết với nhau là do lợi ích kinh tế của mỗi chủ thể thu được. Khi lợi nhuận của doanh nghiệp, nhà đầu tư tăng lên hay người tiêu dùng được gia tăng lợi ích thì sự liên kết giữa các chủ thể này ngày càng bền chặt, tạo nên sự thống nhất về lợi ích. Khi lợi ích kinh tế của doanh nghiệp được đảm bảo sẽ thúc đẩy sự phát triển năng lượng tái tạo, góp phần vào sự nghiệp phát triển KT -

XH của đất nước. Do vậy, đảm bảo hài hòa quan hệ lợi ích giữa các chủ thể đóng vai trò quan trọng đảm bảo tính liên kết bền vững của các chủ thể.

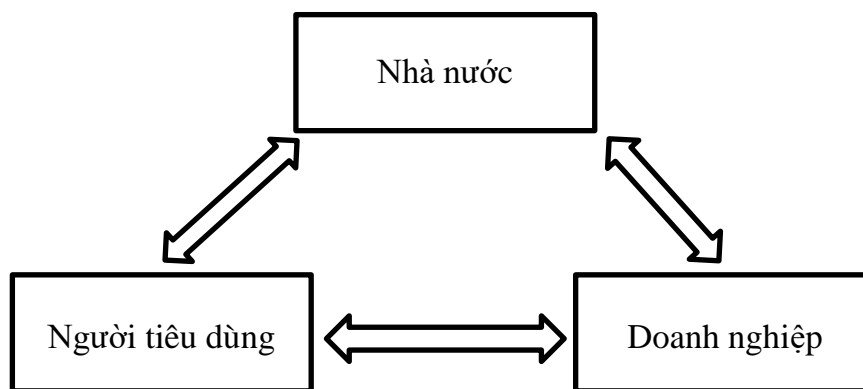
Bốn là, góp phần thúc đẩy ngành năng lượng tái tạo mang lại đồng lợi ích kinh tế, xã hội, môi trường

Về mặt lợi ích kinh tế: Tăng cường nguồn cung cấp năng lượng, tạo ra nguồn cung năng lượng đa dạng hơn, giúp giảm áp lực cho nguồn năng lượng truyền thống, giúp giảm sự phụ thuộc vào nguồn năng lượng nhập khẩu, từ đó tăng cường an ninh năng lượng cho quốc gia. Lợi ích xã hội: Tạo việc làm cho người lao động trong lĩnh vực này, từ nhân viên thi công đến nhà nghiên cứu và quản lí; cải thiện sức khỏe cộng đồng, giảm lượng khí thải từ nguồn năng lượng truyền thống giúp cải thiện chất lượng không khí, ảnh hưởng tích cực đến sức khỏe của người dân. Lợi ích môi trường: Giảm thiểu khí thải nhà kính và ô nhiễm môi trường so với nguồn năng lượng truyền thống, giảm áp lực khai thác tài nguyên thiên nhiên như dầu mỏ, than đá giúp bảo vệ đa dạng sinh học và môi trường tự nhiên,...

2.2. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

2.2.1. Nội dung quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo

Xuất phát từ đặc điểm của quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo, có thể sơ đồ hoá như sau:



Sơ đồ 2.3. Quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo

Trong lĩnh vực phát triển năng lượng tái tạo có nhiều mối quan hệ nhưng nổi bật là ba mối quan hệ lợi ích chủ yếu sau:

- (1) Quan hệ lợi ích giữa Nhà nước và doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo;
- (2) Quan hệ lợi ích giữa Nhà nước và người tiêu dùng;
- (3) Quan hệ lợi ích giữa doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo và người tiêu dùng.

Các mối quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo là mối quan hệ hai chiều, tác động qua lại lẫn nhau và được biểu hiện cụ thể như sau:

2.2.1.1. Quan hệ lợi ích giữa Nhà nước và doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo

Mối quan hệ lợi ích giữa chủ thể Nhà nước với các doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo (trong phạm vi luận án là các doanh nghiệp đầu tư phát triển điện gió, điện mặt trời) là điều kiện để giải quyết quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong cung cấp và sử dụng điện từ năng lượng tái tạo. Trong mối quan hệ này, thông qua Nghị quyết, chiến lược, kế hoạch, chính sách,... Nhà nước tạo cơ chế pháp lý để các chủ thể lợi ích căn cứ vào đó thực hiện lợi ích của mình và giám sát việc thực hiện lợi ích của các chủ thể khác. Hoạt động của các doanh nghiệp phát triển năng lượng tái tạo đều dựa trên thể chế, chính sách của Nhà nước. Trong mối quan hệ này, lợi ích Nhà nước thu về chính là thực hiện được mục tiêu về đảm bảo an ninh năng lượng, phát triển bền vững đất nước trên các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường. Ngoài ra, Nhà nước còn thu được thuế từ các doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo để bổ sung vào ngân sách hoạt động của mình. Các doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo với vai trò hiện thực hóa các Nghị quyết, chiến lược, kế hoạch, chính sách của Nhà nước về phát triển năng lượng tái tạo vào thực tiễn, tận dụng tối ưu những ưu đãi của Nhà nước trong lĩnh vực này nhằm thu được lợi nhuận cao nhất. Lợi ích của các doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo thu được chính là lợi nhuận sau khi bán sản phẩm năng lượng tái tạo đã trừ đi các khoản chi phí sản xuất (bao gồm chi phí trả lãi cho ngân hàng, chi phí đầu tư tư bản cố định, chi phí nhân công, chi phí tư vấn và chuyển giao khoa học công nghệ,...).

Về phương thức hài hòa lợi ích giữa Nhà nước với doanh nghiệp tham gia

phát triển năng lượng tái tạo: Hòa hòa quan hệ lợi ích giữa Nhà nước với doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo là quá trình thực hiện xây dựng, hoàn thiện xác lập các phương thức để dựa trên cơ sở đó mà lợi ích giữa các chủ thể này được thụ hưởng tương xứng với những đóng góp của các chủ thể đó cho quá trình sản xuất kinh doanh, đồng thời phản ánh trình độ phát triển của ngành năng lượng tái tạo.

Hòa hòa quan hệ lợi ích giữa Nhà nước và doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo một mặt phải đảm bảo nâng cao lợi nhuận, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tạo động lực cho chủ thể này gắn bó lâu dài với sản xuất năng lượng tái tạo; mặt khác phải đảm bảo cho Nhà nước thu được lợi ích từ phát triển năng lượng tái tạo, sự bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường, từ đó tạo động lực cho Nhà nước tiếp tục khuyến khích đầu tư phát triển năng lượng tái tạo, mở rộng ưu đãi cho các doanh nghiệp và giúp chủ thể này gia tăng lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo. Phương thức hòa lợi ích giữa các bên không những cần quan tâm đến lợi ích mỗi bên có được mà cần chú ý đến sự tương xứng với vị trí, vai trò của mỗi chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo.

Phương thức hòa lợi ích giữa Nhà nước và doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo cần xác định rõ quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo, trong đó: Nhà nước đóng vai trò là chủ thể chính trong việc giải quyết quan hệ lợi ích giữa các bên trong phát triển năng lượng tái tạo. Vai trò của Nhà nước thể hiện ở việc Nhà nước ban hành các kế hoạch, chiến lược, quy hoạch phát triển, cam kết giá thu mua năng lượng tái tạo từ các doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo, khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển năng lượng tái tạo như chính sách vay ưu đãi của các ngân hàng cho doanh nghiệp, cung cấp tín dụng, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuê đất, sử dụng hợp đồng mua bán điện mẫu... Nhà nước và các cơ quan chức năng (các sở, ban, ngành trong bộ máy chính quyền tại địa phương) là chủ thể thực hiện chức năng quản lý thông qua việc ban hành các chiến lược, kế hoạch, các chính sách kinh tế... để tạo lập hành lang pháp lý, cơ chế hoạt động cho doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo. Khi có sự quan tâm,

chỉ đạo của Nhà nước thông qua hệ thống chính sách, chương trình thống nhất và sự tài trợ thích đáng của ngân sách, cũng như các trợ giúp quốc tế về kỹ thuật, công nghệ, tài chính, thì các doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo mới có thể đạt được lợi ích kinh tế của mình. Ngược lại, các doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo cần tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật của nhà nước về năng lượng tái tạo, bảo vệ môi trường và các vấn đề liên quan; thực thi nghiêm túc những chính sách mà Nhà nước đã đề ra; hợp tác với Chính phủ để xây dựng các chính sách, chương trình khuyến khích và hỗ trợ cho phát triển năng lượng tái tạo; chia sẻ thông tin và kinh nghiệm của mình với cộng đồng doanh nghiệp khác và với nhà nước để hỗ trợ sự phát triển bền vững của ngành năng lượng tái tạo...

Phương thức đảm bảo hài hoà lợi ích giữa Nhà nước và doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo cần xác định rõ giá cả mua và bán điện năng lượng tái tạo. Quan hệ lợi ích giữa Nhà nước và doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo không những là quan hệ giữa chủ thể quản lý và chủ thể sản xuất mà còn là quan hệ giữa bên mua và bên bán điện năng lượng tái tạo. Nhà nước giao cho các cơ quan chuyên trách đàm phán hợp đồng mua bán điện, thu mua điện từ các nhà sản xuất điện năng lượng tái tạo theo quy định của Chính phủ. Do đó, để đảm bảo hài hoà lợi ích giữa Nhà nước và doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo, cần xác định mức giá điện năng lượng tái tạo sao cho hài hoà lợi ích giữa các bên. Nếu như cơ chế độc quyền mua và bán điện diễn ra thì có thể ảnh hưởng đến giá bán điện cạnh tranh trên thị trường. Về lâu dài, điều này có thể ảnh hưởng đến động lực thúc đẩy các nhà đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo. Ngược lại, nếu như thị trường mua bán điện minh bạch theo cơ chế thị trường thì sẽ tạo động lực cho các doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực này. Ngoài ra, khi phân phối điện còn phụ thuộc vào hạ tầng lưới điện, nếu Nhà nước không đầu tư cơ sở hạ tầng lưới điện tương xứng, không theo kịp sự phát triển của các dự án điện năng lượng tái tạo thì sẽ dẫn đến việc không giải tỏa hết công suất, gây lãng phí nguồn điện và giảm lợi nhuận của các nhà đầu tư. Vì vậy, việc đảm bảo hài hoà lợi ích giữa Nhà nước và doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo có ý nghĩa quan trọng, góp phần thúc

đẩy lĩnh vực năng lượng tái tạo ngày càng phát triển trên cơ sở thực hiện các hợp đồng mua - bán điện.

2.2.1.2. Quan hệ lợi ích giữa Nhà nước và người tiêu dùng

Đây là mối quan hệ lợi ích có vị trí quan trọng bởi Nhà nước và người tiêu dùng là hai yếu tố quan trọng cho quá trình phát triển năng lượng tái tạo, nếu xảy ra mâu thuẫn về lợi ích trong mối quan hệ này thì các mối quan hệ lợi ích khác cũng sẽ xảy ra mâu thuẫn. Khi phát triển năng lượng tái tạo, Nhà nước phải làm thoả mãn nhu cầu của người tiêu dùng; ngược lại, người tiêu dùng cũng phải đáp ứng yêu cầu của Nhà nước, trong đó liên quan tới giá mua điện và thực hiện tiêu dùng bền vững, tiết kiệm.

Về phương thức hài hòa lợi ích giữa Nhà nước với người tiêu dùng: Hài hòa quan hệ lợi ích giữa Nhà nước với người tiêu dùng điện năng lượng tái tạo là quá trình Nhà nước và người tiêu dùng thực hiện xây dựng, hoàn thiện xác lập các phương thức để dựa trên cơ sở đó mà lợi ích giữa các chủ thể này được thụ hưởng tương xứng với vai trò của chủ thể đó trong mối quan hệ lợi ích. Phát triển năng lượng tái tạo hay chuyển đổi năng lượng là về con người - người lao động, người tiêu dùng, doanh nghiệp, cộng đồng, người đóng thuế và cử tri - những người đưa ra quyết định dẫn đến chuyển đổi và cuối cùng bị ảnh hưởng bởi họ.

Phương thức hài hoà lợi ích giữa Nhà nước và người tiêu dùng cần xác định rõ quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo, trong đó: Nhà nước đóng vai trò là chủ thể ban hành chính sách năng lượng nhằm thúc đẩy ngành năng lượng tái tạo phát triển, như: cho vay vốn, ưu đãi thuế, trợ giá, dễ dàng trong kết nối với lưới điện, xây dựng một thị trường điện năng lượng tái tạo công bằng, minh bạch, chú trọng vào đầu tư cho nghiên cứu và phát triển công nghệ năng lượng tái tạo, ưu tiên phát triển các nguồn năng lượng tái tạo mà đất nước mình có lợi thế, để có thể tận dụng tốt tiềm năng của các nguồn năng lượng tái tạo, nâng cao hiệu suất, giảm chi phí sản xuất để giảm giá thành, cân bằng lợi ích của người tiêu dùng và quốc gia. Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách này lại gặp không ít khó khăn trong việc thiết lập giá tiêu chuẩn phù hợp, dự báo ngân sách vận hành cần thiết và tác động của nó cũng như sự nhạy cảm của các nhà sản

xuất điện với biến động giá tiêu chuẩn. Việc áp dụng trợ giá cũng có nhược điểm là tạo gánh nặng bội chi ngân sách cho Chính phủ khi phải trợ giá trong một thời gian dài và chuyển gánh nặng chi phí lên người tiêu dùng cuối cùng, do đó phương thức hài hoà lợi ích giữa Nhà nước và người tiêu dùng cần phải được tính toán để cân bằng giữa lợi ích quốc gia và người tiêu dùng, nhằm thu hút sự ủng hộ của người dân trong việc sử dụng năng lượng tái tạo.

Chính phủ đóng vai trò chủ động trong quá trình phát triển năng lượng tái tạo và chuyển đổi năng lượng, tuy nhiên họ không thể một mình thực hiện được quá trình này nếu như không có sự đồng thuận của xã hội và người tiêu dùng. Vì vậy, người tiêu dùng có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy ngành năng lượng tái tạo phát triển. Để thực hiện trách nhiệm của mình nhằm giải quyết hài hoà quan hệ lợi ích, người tiêu dùng cần sử dụng hiệu quả năng lượng; ủng hộ sản phẩm và dịch vụ sử dụng năng lượng tái tạo; tham gia vào các hoạt động (hỗ trợ và tham gia vào các dự án phát triển năng lượng tái tạo như phát triển điện mặt trời áp mái, hỗ trợ các chương trình tái chế và tái sử dụng,...); nâng cao nhận thức và giáo dục bản thân, gia đình về lợi ích của năng lượng tái tạo, cũng như cách thức họ có thể đóng góp vào việc sử dụng và phát triển năng lượng này một cách bền vững.

Do vậy, hài hoà lợi ích giữa Nhà nước và người tiêu dùng trong phát triển năng lượng tái tạo là việc làm hết sức quan trọng. Nếu như Nhà nước thoả mãn nhu cầu của người tiêu dùng với chất lượng cung cấp điện ngày càng tốt hơn và giá thành hợp lí thì sẽ thúc đẩy ngành năng lượng tái tạo phát triển hơn, ngược lại nếu sự hài lòng của người tiêu dùng ngày càng thấp thì lợi ích của Nhà nước, của quốc gia về mục tiêu phát triển năng lượng bền vững cũng không thể thực hiện được.

2.2.1.3. Quan hệ lợi ích giữa doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo và người tiêu dùng

Quan hệ lợi ích giữa doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo và người tiêu dùng (thị trường tiêu thụ điện năng lượng tái tạo) là mối quan hệ lợi ích có vị trí quan trọng trong sản xuất và tiêu dùng điện năng lượng tái tạo. Trong mối quan hệ lợi ích này, doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo là bên cung, người tiêu dùng là bên cầu, mối quan hệ cung cầu này có thể thực hiện qua

mua bán trực tiếp hoặc qua trung gian truyền tải, phân phối. Vì vậy, nếu xảy ra mâu thuẫn về lợi ích sẽ cản trở sự phát triển năng lượng tái tạo.

Về phương thức hài hoà lợi ích giữa doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo và người tiêu dùng:

Hài hoà quan hệ lợi ích giữa doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo với người tiêu dùng điện năng lượng tái tạo là quá trình doanh nghiệp và người tiêu dùng thực hiện xây dựng, hoàn thiện xác lập các phương thức để dựa trên cơ sở đó mà lợi ích giữa các chủ thể này được thụ hưởng tương xứng với vai trò của chủ thể đó trong mối quan hệ lợi ích.

Phương thức hài hoà lợi ích giữa doanh nghiệp và người tiêu dùng cần xác định rõ quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên. Doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo là chủ thể sản xuất năng lượng tái tạo với mục tiêu là lợi nhuận thông qua việc đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và để đạt được mục tiêu này, doanh nghiệp phải tiến hành quá trình sản xuất, bắt đầu từ việc mua các yếu tố đầu vào như máy móc, thiết bị cho việc thu năng lượng gió, năng lượng mặt trời; vốn đầu tư cho các dự án năng lượng tái tạo; đất đai; nhân lực... Nếu như chi phí đầu tư các yếu tố vào cao sẽ ảnh hưởng đến giá bán điện, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của người tiêu dùng. Về công nghệ, thông thường, mỗi dự án năng lượng tái tạo điện gió, điện mặt trời sẽ có các máy móc, thiết bị khác nhau như công nghệ tuabin gió, pin mặt trời với chi phí đầu tư cho nghiên cứu, chi phí về kỹ thuật công nghệ, vật liệu, lắp đặt tương đối lớn. Về vốn vay, các dự án năng lượng tái tạo thường đòi hỏi vốn ban đầu cao, các doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo phải tìm cách tiếp cận các nguồn vốn vay cả trong và ngoài nước. Để tiếp cận được vốn vay, các tổ chức tài chính, ngân hàng thường yêu cầu tỉ lệ vốn tự có của doanh nghiệp tương đối cao; đối với nguồn vốn từ ngân hàng nước ngoài, để tiếp cận với nguồn vốn này, doanh nghiệp cần có sự bảo lãnh của Chính phủ, do đó các doanh nghiệp có thể gặp khó khăn trong việc thu xếp tài chính cho dự án. Về diện tích đất cho các dự án, trong các loại hình năng lượng tái tạo, điện mặt trời lẫn điện gió đều sử dụng một diện tích đất đáng kể. Vì vậy, quỹ đất nông nghiệp chuyển đổi cho năng lượng sẽ là tương đối lớn. Cách thức thu hồi đất có

thể thực hiện dưới hình thức chính quyền địa phương đứng ra thu hồi đất và giao cho doanh nghiệp trực tiếp thương lượng để nhận chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất từ người dân. Người tiêu dùng với mục tiêu là thoả mãn nhu cầu sử dụng điện từ năng lượng tái tạo với giá cả phải chăng, để thoả mãn nhu cầu đó, người tiêu dùng cần nhận thức được vai trò của phát triển năng lượng tái tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các dự án năng lượng tái tạo, đặc biệt là người dân ở các địa phương bị thu hồi đất.

Từ phân tích các mối quan hệ và phương thức hài hoà lợi ích giữa các chủ thể trên cho thấy, mối quan hệ lợi ích giữa các chủ thể này cần phải được tính toán để có sự cân bằng, hài hoà giữa lợi ích quốc gia, doanh nghiệp và người tiêu dùng, nhằm thu hút sự ủng hộ của xã hội trong việc sử dụng năng lượng tái tạo.

2.2.2. Các tiêu chí đánh giá quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo

Quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo giữa các chủ thể được đánh giá ở các khía cạnh chủ yếu gồm: lợi ích kinh tế của các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo, mức độ bền vững của sự liên kết giữa các chủ thể, vấn đề về giá cả và thị trường, những mâu thuẫn lợi ích giữa các chủ thể và mức độ đảm bảo duy trì và phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể các tiêu chí đánh giá quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo được phân chia thành hai nhóm tiêu chí về định lượng và định tính như sau:

Về các tiêu chí định lượng, quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo được đánh giá thông qua việc xác định lợi ích kinh tế của các chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo, thể hiện ở sự đóng góp cho phát triển của nền kinh tế, lợi nhuận hay hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Cụ thể:

+ Đối với Nhà nước, lợi ích kinh tế thu được chính là thu ngân sách nhà nước từ nguồn điện năng lượng tái tạo, phân thuế mà các chủ thể liên quan đến lĩnh vực năng lượng tái tạo nộp vào ngân sách, đóng góp vào sự tăng trưởng GDP và phát triển bền vững. Có thể lượng hoá một số lợi ích xã hội thu được trên các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường như: Về mặt hiệu quả kinh tế: Sự đóng góp vào nền kinh tế, tốc độ mở rộng việc đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo, đảm bảo an ninh năng lượng, quy mô nền kinh tế, giảm chi phí nhờ cải tiến công nghệ, tốc độ

tăng cơ cấu điện năng lượng tái tạo trong tổng cơ cấu năng lượng quốc gia,...; Về mặt hiệu quả xã hội: Tốc độ tăng của lao động làm việc trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, số lượng việc làm được tạo ra cho địa phương, đất nước; Về mặt cải thiện môi trường sinh thái: Mức độ tiêu hao tài nguyên (nhiên liệu hóa thạch), ô nhiễm, tình trạng biến đổi khí hậu và môi trường sống của con người.

+ Đối với doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo, lợi nhuận chính là phần còn lại sau khi đã trừ đi chi phí cho quá trình sản xuất kinh doanh.

+ Đối với người tiêu dùng, lợi ích chính là được thoả mãn nhu cầu tiêu dùng năng lượng với mức giá phù hợp cùng với các lợi ích về xã hội, việc làm và môi trường sống.

Qua phân đóng góp của năng lượng tái tạo cho sự phát triển KT - XH của đất nước; phần lợi nhuận đạt được của các doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo; lợi ích của người tiêu dùng sử dụng năng lượng tái tạo sẽ trả lời cho câu hỏi: lợi ích kinh tế đạt được của các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo có tương xứng với vị thế và chức năng trong phát triển năng lượng tái tạo không? Từ đó, quan hệ lợi ích của các chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo được biểu hiện ở mức độ đóng góp cho sự phát triển KT - XH của đất nước, cho mục tiêu chuyển dịch năng lượng bền vững; gia tăng lợi nhuận của các doanh nghiệp cũng như lợi ích của người tiêu dùng.

Về các tiêu chí định tính, đánh giá quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo thông qua sự liên kết, tính bền vững, sự hài hoà trong mối quan hệ lợi ích. Sự bền vững, hài hoà của các mối quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo còn được thể hiện ở sự gắn kết ổn định, lâu dài giữa các chủ thể tham gia vào phát triển năng lượng tái tạo. Sự bền vững, hài hoà này trả lời cho câu hỏi: Sự gắn kết có lâu dài không, lợi nhuận có ổn định, bền vững, có được chia sẻ giữa các chủ thể trong quá trình phát triển năng lượng tái tạo không? Lợi ích của các chủ thể được đảm bảo hài hoà và tăng lên thể hiện ở mức độ liên kết giữa các chủ thể ngày càng cao, sự gắn kết và hợp tác diễn ra thường xuyên và chặt chẽ với nhau, góp phần phát triển năng lượng tái tạo.

Bên cạnh đó, quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo được

đánh giá thông qua các tiêu chí khác như vấn đề đồng bộ, hiệu quả, tổ chức thực hiện của các chính sách phát triển năng lượng tái tạo do Nhà nước ban hành; giá cả, tình hình nắm bắt thông tin thị trường, cơ chế chính sách,... quan hệ lợi ích cũng được thể hiện thông qua tình hình nắm bắt và chia sẻ thông tin thị trường giữa các chủ thể lẫn nhau.

Từ phân tích trên có thể thấy, để đánh giá quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo cần kết hợp đánh giá bằng cả phương pháp định tính và định lượng nhằm rút ra những kết luận khách quan, phù hợp với thực tiễn.

2.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo

2.2.3.1. Thể chế, chính sách của Nhà nước trong phát triển năng lượng tái tạo

Thể chế, chính sách của Nhà nước là nhân tố chính trong việc đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên. Nhà nước quản lý lĩnh vực phát triển năng lượng tái tạo thông qua các công cụ như hệ thống thể chế, nghị quyết, chiến lược, quy hoạch, pháp luật và các chính sách có liên quan nhằm tạo môi trường pháp lý và kinh tế cho các chủ thể kinh tế tham gia vào phát triển năng lượng tái tạo. Thể chế có tác động lớn đến ngành năng lượng tái tạo nhằm điều chỉnh chức năng hoạt động, phương thức hoạt động, các quan hệ lợi ích của các bên có liên quan theo hướng hài hòa về lợi ích và hiệu quả về KT - XH. Nếu hệ thống thể chế đầy đủ, chính sách đầy đủ, phù hợp và đồng bộ sẽ thúc đẩy sự phát triển ngành năng lượng tái tạo cũng như làm gia tăng lợi ích của các bên. Ngược lại, nếu thể chế và chính sách không phù hợp có thể cản trở sự phát triển của ngành năng lượng tái tạo hoặc có thể xảy ra trường hợp phát triển nóng, không kiểm soát,...

Các chính sách trong phát triển năng lượng tái tạo của Nhà nước bao gồm: chính sách trợ giá năng lượng tái tạo (FIT) và tiêu chuẩn danh mục năng lượng tái tạo (RPS), chính sách nhiên liệu sinh học trong vận tải, chính sách giảm phát thải, chính sách tái cơ cấu nguồn điện, chính sách phát điện phân tán, chính sách điện khí hóa nông thôn, chính sách đấu thầu năng lượng,... Các chính sách này có thể làm gia tăng lợi ích của các chủ thể trong lĩnh vực năng lượng tái tạo. Cụ thể:

Chính sách trợ giá FIT là chính sách mà Chính phủ đền bù cho các nhà sản

xuất điện mức chênh lệch giữa giá thị trường và chi phí sản xuất khi giá giao dịch thấp hơn giá tiêu chuẩn (do Chính phủ đặt ra). Theo chính sách này, Chính phủ yêu cầu nhà vận hành hệ thống mua toàn bộ điện tái tạo được sản xuất tại chỗ từ các nhà sản xuất điện địa phương với các mức giá cố định và bán cho người tiêu dùng. Chính phủ sẽ trợ giá cho các nhà sản xuất điện trong khoảng 15 - 20 năm. Thông thường, chính sách trợ giá này có mức giá khác nhau cho các nguồn năng lượng tái tạo khác nhau để khuyến khích phát triển công nghệ này hơn công nghệ khác (công nghệ điện gió, điện mặt trời được định giá trên mỗi kWh cao hơn so với điện thủy triều). Như vậy, chính sách này có thể làm gia tăng lợi nhuận của các doanh nghiệp, khuyến khích họ đẩy nhanh đầu tư vào công nghệ năng lượng tái tạo.

Chính sách tiêu chuẩn danh mục năng lượng tái tạo (RPS) là chính sách quy định các công ty cung cấp điện phải sản xuất một phần điện năng từ nguồn năng lượng tái tạo. Nghĩa vụ RPS thường đặt trên các nhà bán lẻ điện cuối cùng, những người phải mua một phần năng lượng tái tạo.

Một số chính sách khác cũng góp phần làm gia tăng lợi ích của các doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo như chính sách trợ cấp, giảm giá, miễn giảm thuế (miễn thuế thu nhập đối với thu nhập từ sản xuất năng lượng tái tạo, miễn thuế tiêu thụ đặc biệt, giảm hoặc áp dụng bằng không thuế nhập khẩu đối với thiết bị hoặc linh kiện năng lượng tái tạo được lắp ráp, giảm thuế cho nguồn nhiên liệu sinh khối có chi phí cao), giảm chi phí lắp đặt, tín dụng thuế sản xuất; cung cấp các khoản vay ưu đãi, hỗ trợ tài chính khác,... Các khoản trợ cấp này giúp các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh năng lượng tái tạo giảm bớt một phần chi phí vốn ban đầu. Chính sách hỗ trợ thông qua thỏa thuận mua hàng của Chính phủ với các hợp đồng dài hạn, thường từ 15 - 20 năm được phê duyệt và mua với số lượng lớn có thể thúc đẩy sự ổn định, bền vững trong quan hệ lợi ích.

Chính sách tái cơ cấu ngành điện cho phép các chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo cạnh tranh công bằng trong việc cung cấp điện và loại bỏ độc quyền; cho phép người dùng cuối cùng tự tạo điện cho nhu cầu sử dụng của họ (đối với điện mặt trời áp mái) và bán lại phần dư thừa cho lưới điện hoặc bù đắp một phần điện năng đã mua; giảm các rào cản về yêu cầu kết nối, tư nhân hóa và thương mại hóa...

Tóm lại, thể chế, chính sách của Nhà nước là nhân tố có ảnh hưởng lớn đến việc đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan. Nếu thể chế và chính sách đồng bộ thì sẽ tạo động lực làm gia tăng lợi ích kinh tế của các chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo.

2.2.3.2. Sự gia tăng nhu cầu năng lượng, xu hướng chuyển đổi năng lượng công bằng, bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Thứ nhất, sự gia tăng nhu cầu năng lượng, xu hướng chuyển đổi năng lượng công bằng và bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu là nhân tố tác động mạnh mẽ đến sự phát triển năng lượng tái tạo và gián tiếp tác động đến lợi ích của các chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo.

Với mức độ sử dụng năng lượng hóa thạch như hiện nay thì thời gian còn lại chỉ khoảng 80 - 100 năm. Điều này đòi hỏi con người phải tìm ra các nguồn năng lượng mới để thay thế. Cùng với sự tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng nhu cầu năng lượng, khả năng thiếu năng lượng đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh tế là không tránh khỏi. Khi nhu cầu về sản phẩm năng lượng tái tạo tăng lên dẫn đến giá cả của sản phẩm có xu hướng tăng, lợi nhuận của các nhà đầu tư cũng tăng theo và tạo động lực thúc đẩy lĩnh vực này phát triển. Hay nói cách khác, nhu cầu của thị trường năng lượng gia tăng chính là nhân tố tác động trực tiếp đến sự phát triển năng lượng tái tạo, từ đó gián tiếp tác động tới lợi ích của từng chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo.

Chuyển đổi năng lượng là xu hướng mang tính toàn cầu nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển nền kinh tế bền vững, chống biến đổi khí hậu. Theo Liên hiệp quốc, chuyển đổi năng lượng là phương thức để đạt mục tiêu phát triển bền vững số 7 (SDG7) - năng lượng sạch với giá thành hợp lý, đảm bảo quyền tiếp cận năng lượng với giá cả phải chăng, đáng tin cậy, bền vững, hiện đại cho tất cả mọi người và phát thải ròng bằng 0. Xu hướng chuyển đổi năng lượng từ hóa thạch sang các nguồn năng lượng tái tạo là nhân tố ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế của các chủ thể, cụ thể: Về mặt kinh tế, xu hướng chuyển đổi năng lượng thúc đẩy thị trường cạnh tranh, tạo cơ hội cho các chủ thể sản xuất kinh doanh năng lượng tái tạo gia nhập thị trường, tăng khả năng cạnh tranh về giá của của năng lượng tái tạo so với

năng lượng hóa thạch, làm gia tăng lợi nhuận của nhà đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo; về mặt xã hội, việc chuyển đổi năng lượng góp phần đảm bảo an ninh năng lượng và khả năng tiếp cận đầy đủ, liên tục của tất cả người dân, kể cả vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, thúc đẩy sự phát triển KT - XH và gia tăng cơ hội cho các cá nhân trong toàn xã hội, các ngành, lĩnh vực công nghệ năng lượng tái tạo cũng phát triển mạnh, góp phần tạo nhiều việc làm mới cho người lao động; về mặt môi trường, góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu và cải thiện chất lượng môi trường và sức khỏe của người dân.

Thứ hai, sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã tác động mạnh mẽ đến công nghệ năng lượng tái tạo, tiêu biểu là công nghệ ứng dụng năng lượng mặt trời ở các nước tiên tiến trên thế giới với tiềm năng phổ biến nhanh trên toàn cầu. Sự phổ biến các công nghệ này là nhân tố ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế của các chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo. Sự phát triển của cách mạng khoa học và công nghệ là động lực thúc đẩy các nhà đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, tiêu biểu là sản xuất pin năng lượng mặt trời. Đó là công nghệ trong các dịch vụ vận hành và bảo dưỡng, quản lý hệ thống quang điện hết thời gian khai thác, công nghệ đáp ứng tính thay đổi và độ không chắc chắn của điện mặt trời... Sự phát triển của cách mạng khoa học và công nghệ giúp các doanh nghiệp, nhà đầu tư giảm bớt chi phí đầu tư, gia tăng lợi nhuận. Những tiến bộ của công nghệ điện lưới thông minh góp phần giúp giám sát, kiểm soát diện rộng, tích hợp thông tin và công nghệ truyền thông giữa các bên liên quan cho phép sử dụng hiệu quả hơn và quản lý lưới điện tốt hơn; lưới điện thông minh giúp tự động hóa thông qua điều khiển nguồn phát và nhu cầu để đảm bảo cân đối giữa cung và cầu,...

2.2.3.3. Sự phát triển của hạ tầng lưới điện và hệ thống lưu trữ năng lượng

Sự phát triển mạnh mẽ của các dự án điện năng lượng tái tạo và hạ tầng lưới điện có mối quan hệ mật thiết với nhau. Nếu hạ tầng lưới điện không tương xứng với tốc độ phát triển của các dự án điện mặt trời, điện gió sẽ dẫn đến tình trạng không thể giải tỏa toàn bộ công suất sản xuất điện, gây lãng phí nguồn điện. Việc các nhà máy điện năng lượng tái tạo phải giảm phát có thể ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của xã hội và lợi nhuận của nhà đầu tư. Nếu chúng ta có cách lưu trữ năng lượng gió, năng lượng mặt trời hiệu quả về mặt chi phí thì tình hình sẽ khác. Điện

mặt trời, điện gió phụ thuộc và thời tiết và khu vực lắp đặt. Những đột phá trong công nghệ lưu trữ năng lượng trong tương lai sẽ là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của các bên.

Để khắc phục điều này, nhu cầu lưu trữ điện năng trở nên cấp thiết nhằm đảm bảo tính ổn định trong vận hành hệ thống điện (thủy điện tích năng, pin tích năng,...) phù hợp với quy mô phát triển nguồn năng lượng tái tạo. Lưu trữ năng lượng (điện năng) nếu đồng hành với sự phát triển năng lượng tái tạo sẽ là động lực thúc đẩy sự phát triển của các dự án năng lượng tái tạo, đảm bảo an ninh năng lượng, phát triển bền vững và đảm bảo lợi ích của các bên liên quan.

2.2.3.4. Năng lực của các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo

Năng lực của các chủ thể tham gia mỗi quan hệ lợi ích là nhân tố có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển năng lượng tái tạo và nâng cao lợi ích của các chủ thể, đồng thời làm gia tăng lợi ích của chuỗi giá trị năng lượng tái tạo. Năng lực của các chủ thể được thể hiện ở các khía cạnh sau:

Một là, năng lực liên kết giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo

Mỗi chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo có một vị thế nhất định, vị thế đó do quy mô sản xuất kinh doanh, tiềm lực vốn, công nghệ, năng lực cạnh tranh,...quyết định. Giữa các chủ thể từ khâu cung ứng yếu tố đầu vào đến sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau. Do đó, năng lực liên kết giữa các chủ thể có ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế cũng như sự hài hòa lợi ích giữa các chủ thể trong chuỗi. Nếu doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo có năng lực thực thi và tiếp cận các chính sách ưu đãi của Nhà nước về vốn vay, các yếu tố đầu vào, công nghệ, kĩ thuật hay sự phù hợp về lợi ích kinh tế giữa doanh nghiệp với người dân ở vùng bị thu hồi đất cho phát triển năng lượng tái tạo sẽ góp phần gắn kết chặt chẽ lợi ích của các chủ thể này. Ngược lại nếu như thiếu sự liên kết, hợp tác giữa các chủ thể sẽ làm gia tăng chi phí sản xuất. Điều này có thể dẫn đến hệ quả là ngành năng lượng tái tạo của quốc gia có sự phát triển về quy mô nhưng chưa thể hình thành chuỗi giá trị ổn định, bền vững và đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế của đất nước... Hay khi người dân phản đối các dự án năng lượng tái tạo vì lí do tác động cảnh quan, ảnh hưởng đến sinh kế của người dân sẽ làm cho liên kết giữa người dân và doanh nghiệp trở nên lỏng lẻo,

kém bền vững. Điều này sẽ dẫn đến nguy cơ xảy ra xung đột trong quan hệ lợi ích giữa người dân ở vùng bị thu hồi đất cho dự án năng lượng tái tạo và doanh nghiệp ảnh hưởng đến lợi ích cũng như sự phát triển của ngành năng lượng tái tạo.

Ngoài ra, sự liên kết còn diễn ra trong nội bộ các chủ thể lẫn nhau. Chẳng hạn, giữa các doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo có sự liên kết chặt chẽ sẽ đảm bảo việc chia sẻ nguồn lực trong trường hợp cần thiết. Bên cạnh đó việc kí kết hợp đồng kinh tế giữa các doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo sẽ tạo ra nền tảng pháp lí khi có tranh chấp, hoặc đảm bảo cho việc cạnh tranh bình đẳng, minh bạch. Việc liên kết giữa các doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo như các dự án năng lượng gió, năng lượng mặt trời sẽ góp phần tạo ra sự đồng bộ giữa phát triển nguồn điện mặt trời, điện gió, giúp kiểm soát các điểm tắc nghẽn về truyền tải, giảm bớt nguy cơ phải giảm phát. Qua đó, các doanh nghiệp có điều kiện nâng cao lợi nhuận, kéo theo lợi ích kinh tế của các chủ thể khác tăng lên, đảm bảo hài hòa và thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo.

Hai là, năng lực tổ chức sản xuất và quản lí, khai thác hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo

Năng lực tổ chức sản xuất và quản lí, khai thác hiệu quả các nguồn lực có ý nghĩa quan trọng với kết quả sản xuất kinh doanh năng lượng tái tạo. Mỗi chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo nếu có khả năng tổ chức sản xuất và quản lí hiệu quả sẽ đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra nhịp nhàng, tránh lãng phí thời gian sản xuất, tăng lợi nhuận đầu tư.

Đối với Nhà nước, việc tổ chức quản lí lĩnh vực năng lượng tái tạo có ý nghĩa rất lớn đối với việc thực hiện lợi ích kinh tế của các chủ thể khác. Sự thống nhất quản lí các dự án điện gió, điện mặt trời nói riêng và quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo nói chung sẽ tạo cơ sở pháp lí để các chủ thể có môi trường thuận lợi cho sự phát triển. Nhà nước cũng có vai trò quan trọng trong việc đánh giá và quản lí hiệu quả các nguồn lực phục vụ cho phát triển năng lượng tái tạo như: đánh giá tiềm năng phát triển từng loại năng lượng tái tạo của quốc gia, tài nguyên, khoa học công nghệ, nhân lực và các yếu tố đầu vào khác.

Đối với doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo, tổ chức sản xuất và quản lí hiệu quả có thể giúp quá trình sản xuất ăn khớp với nhau trong vòng tuần

hoàn của vốn, tạo điều kiện cho quá trình tái sản xuất diễn ra liên tục. Khai thác tốt các nguồn lực phục vụ sản xuất giúp giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm để nâng cao lợi nhuận và gia tăng năng lực cạnh tranh của năng lượng tái tạo so với năng lượng truyền thống, từ đó lợi ích của người tiêu dùng cũng được gia tăng...

Ba là, năng lực tiếp cận nguồn vốn cho phát triển năng lượng tái tạo

Khả năng tiếp cận nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh năng lượng tái tạo là nhân tố có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của các dự án năng lượng tái tạo vì các dự án năng lượng tái tạo thường đòi hỏi vốn đầu tư ban đầu rất lớn. Nếu thu hút được vốn đầu tư, đặc biệt của các nhà đầu tư nước ngoài vào phát triển năng lượng tái tạo sẽ tạo điều kiện để các doanh nghiệp tiếp cận được với tiềm lực tài chính mạnh mẽ và các thiết bị công nghệ tiên tiến. Một nguồn vốn khác cho sản xuất kinh doanh năng lượng tái tạo chính là trợ cấp của Chính phủ cho các dự án năng lượng tái tạo, mặc dù số trợ cấp có thể không lớn nhưng nếu các chủ thể sản xuất kinh doanh năng lượng tái tạo nhận được sẽ giúp giảm chi phí đầu tư sản xuất và gia tăng lợi nhuận.

Bốn là, năng lực tiếp cận thị trường

Bên cạnh việc tổ chức sản xuất, tiếp cận nguồn vốn, khả năng tiếp cận thị trường có ảnh hưởng lớn đến lợi ích kinh tế của các chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo. Tiếp cận thị trường bao gồm nhiều khía cạnh lớn như tiếp cận về thông tin thị trường công nghệ hiện đại cho phát triển năng lượng tái tạo, tìm kiếm nhà đầu tư, xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm, tiếp cận với chuyên gia,... Nếu các doanh nghiệp nhạy bén với thị trường sẽ giúp họ tận dụng được cơ hội phát triển và thu được lợi nhuận cao hơn.

2.3. KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ ĐẢM BẢO HÀI HOÀ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

2.3.1. Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới

2.3.1.1. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Trung Quốc - quốc gia có nền kinh tế lớn thứ hai và mức độ tiêu thụ năng lượng lớn nhất thế giới. Để thúc đẩy sự phát triển kinh tế, Trung Quốc đã điều chỉnh cơ cấu năng lượng, đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo. Là một trong những quốc gia có lợi thế về phát triển năng lượng tái tạo, Trung Quốc đã gặt hái được

những thành công trong chuyển đổi năng lượng từ việc đầu tư, sản xuất, khai thác và sử dụng năng lượng tái tạo, đặc biệt là năng lượng gió và năng lượng mặt trời. Trung Quốc coi trọng việc phát triển năng lượng tái tạo và thiết lập các chính sách liên quan đến năng lượng tái tạo trên cơ sở hài hòa lợi ích giữa các chủ thể liên quan. Có thể khái quát một số kinh nghiệm về việc đảm bảo hài hòa lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo của Trung Quốc như sau:

Một là, Chính phủ Trung Quốc đã thực thi nhiều chính sách để đảm bảo hài hòa lợi ích cho các chủ thể. Luật năng lượng tái tạo ban hành vào năm 2006 đã đánh dấu bước đầu cho cuộc cách mạng năng lượng sạch với các quy định về việc lập kế hoạch ưu tiên phát triển năng lượng xanh và bảo vệ môi trường ở cấp quốc gia và địa phương, nhằm đảm bảo thực hiện các cam kết quốc tế về giảm phát thải carbon. Một số chính sách của Nhà nước ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của các bên như: (1) Chính sách trợ giá (FIT) áp dụng cho các dự án, đây là chính sách mà Nhà nước hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất năng lượng tái tạo bằng cách đảm bảo giá mua điện từ các nguồn tái tạo ở mức cao và ổn định; (2) Chính sách hỗ trợ nối lưới: Điều luật bắt buộc các doanh nghiệp truyền tải điện phải mua toàn bộ điện từ các nguồn năng lượng tái tạo, giúp đảm bảo việc tiêu thụ và phát triển năng lượng tái tạo; (3) Chính sách tín dụng xanh: Hướng dẫn các chính sách hỗ trợ tín dụng xanh, khuyến khích các ngân hàng và tổ chức tài chính cung cấp vay ưu đãi cho các doanh nghiệp; (4) Chính sách hoàn và giảm thuế giá trị gia tăng: Ưu đãi trong việc hoàn và giảm thuế trên doanh số bán điện từ các nguồn năng lượng tái tạo, giúp giảm chi phí sản xuất và kinh doanh; (5) Chính sách ưu đãi thuế thu nhập: Cung cấp các chính sách ưu đãi thuế thu nhập cho các nhà đầu tư năng lượng tái tạo, tạo điều kiện thuận lợi để đầu tư và phát triển trong lĩnh vực này; (6) Chính sách xây dựng Quỹ năng lượng tái tạo, chính sách bảo lãnh cho vay, vay ưu đãi, miễn giảm tiền thuê đất của chính quyền địa phương cho các nhà đầu tư năng lượng tái tạo; (7) Chính sách hỗ trợ giải phóng mặt bằng, thủ tục giao đất đầu tư, tạo điều kiện tiếp cận đất đai các khu vực đủ tiêu chuẩn về năng để xây dựng các nhà máy năng lượng mặt trời, các trang trại gió được giảm 50% thuế giá trị gia tăng. Những chính sách này đã tạo điều kiện thuận cho các doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo, giúp mang lại lợi ích kinh tế và sự bền vững trong quan hệ lợi ích.

Các chính sách của Nhà nước đã đem lại lợi ích kinh tế to lớn cho các chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo, góp phần gia tăng GDP của nền kinh tế, tạo ra nhiều việc làm xanh, đem lại lợi ích cho người tiêu dùng cuối cùng và thu hút du khách đến thăm quan các trang trại năng lượng gió. Theo báo cáo đánh giá hàng năm của Cục Quản lý Năng lượng Quốc gia Trung Quốc (NEA), năm 2021, sản lượng điện từ nguồn năng lượng tái tạo tiêu thụ chiếm đến 29,4% tổng sản lượng tiêu thụ điện cả nước (gần đạt mục tiêu 33% vào năm 2025 theo Kế hoạch 5 năm lần thứ 14 của Trung Quốc). Riêng 3 tỉnh Tứ Xuyên, Vân Nam và Thanh Hải, năng lượng tái tạo chiếm đến 80% tổng sản lượng điện tiêu thụ, vượt mục tiêu Chính phủ đề ra. Về mặt KT - XH, tính đến năm 2021, GDP của Trung Quốc là 17,73 nghìn tỉ USD với hơn 3,5 triệu lao động trong lĩnh vực năng lượng tái tạo [118].

Hai là, để tạo sự gắn kết giữa các chủ, Nhà nước quy định rõ ràng về vị trí, vai trò của các chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo từ quy hoạch đến phối hợp phát triển giữa địa phương và quốc gia, sự phối hợp giữa các doanh nghiệp, nhà đầu tư dự án năng lượng tái tạo với sự phát triển tổng thể của ngành điện và người tiêu dùng. Nhà nước quy định chính sách nổi trội bắt buộc để đảm bảo mua tất cả năng lượng tái tạo được sản xuất trong mọi hoàn cảnh. Chính sách này đã giúp cho các doanh nghiệp đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo có một môi trường ổn định, bền vững, góp phần đảm bảo lợi ích lâu dài của việc đầu tư.

Hiện nay, Trung Quốc đang dẫn đầu thế giới về sản lượng năng lượng tái tạo. Thành tựu trong phát triển năng lượng tái tạo đã đưa quốc gia này lên một tầm cao mới về vị trí và tầm ảnh hưởng, có tác động to lớn đến các ngành công nghiệp phụ thuộc vào nguồn năng lượng, cũng như lĩnh vực thương mại và nền kinh tế nói chung. Điều này cũng được coi như một "vũ khí then chốt" giúp thay đổi quan hệ thương mại với các quốc gia khác và hình thành các liên minh mới, từ đó mang lại nhiều lợi ích cho quốc gia cả về mặt kinh tế lẫn chính trị.

Mục tiêu đến năm 2050, tỉ trọng năng lượng tái tạo đạt 56% trong tổng năng lượng sơ cấp và ngành năng lượng tái tạo sẽ trở thành trụ cột của nền kinh tế, với mức đóng góp 3,4% GDP với giá trị gia tăng khoảng 1,18 nghìn tỉ USD. Các ngành công nghệ liên quan đến năng lượng tái tạo cũng sẽ đóng góp tổng giá trị gia tăng khoảng 302 tỉ USD và tạo ra 4,12 triệu việc làm [118]. Ở khía cạnh môi trường, sự

phát triển mạnh mẽ của năng lượng tái tạo đã dẫn đến giảm thiểu sử dụng than và dầu, giảm thiểu tiêu thụ tài nguyên, giảm lượng khí thải CO₂ và các chất ô nhiễm không khí.

Bên cạnh những bài học thành công về việc đảm bảo lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo, chính sách phát triển năng lượng tái tạo của Trung Quốc cũng còn một số hạn chế, chẳng hạn như cơ chế khuyến khích điện mặt trời, điện gió quá mức đã dẫn đến tình trạng dư thừa nguồn cung, doanh nghiệp sản xuất điện năng lượng tái tạo phải giảm phát lên lưới điện, gây lãng phí nguồn lực xã hội và tư nhân. Đây có thể coi là bài học thất bại trong việc đảm bảo hài hoà quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo đối với các quốc gia có bối cảnh tương tự.

Có thể thấy, những nỗ lực của Chính phủ Trung Quốc đã đóng góp một vai trò quan trọng trong việc đảm bảo lợi ích cho các chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập, giảm lượng tài nguyên tiêu thụ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu.

2.3.1.2. Kinh nghiệm của Hàn Quốc

Hàn Quốc - quốc gia có nền kinh tế lớn thứ 10 trên thế giới đang đối mặt với thách thức lớn trong việc tiêu thụ năng lượng. Mặc dù mức độ tiêu thụ năng lượng đứng thứ chín trên thế giới, nhưng nguồn tài nguyên thiên nhiên hạn chế khiến Hàn Quốc phải dựa vào việc nhập khẩu lượng lớn nhiên liệu hóa thạch để đáp ứng nhu cầu năng lượng trong nước. Với mục tiêu cung cấp được 20% năng lượng tái tạo trong tổng điện năng tiêu thụ vào năm 2030, theo tính toán, tiềm năng cung cấp năng lượng tái tạo vào năm 2030 của Hàn Quốc có thể đạt 173GW, trong đó: năng lượng mặt trời 114GW, năng lượng gió trên bờ 15GW và gió ngoài khơi 44GW. Điều này sẽ đảm bảo các cam kết của Chính phủ Hàn Quốc trong nỗ lực giảm phát thải khí nhà kính và phát triển nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo thân thiện môi trường. Hàn Quốc đã ban hành nhiều chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển năng lượng tái tạo, đảm bảo hài hoà lợi ích giữa các chủ thể liên quan như:

Một là, để đảm bảo sự bền vững trong quan hệ lợi ích giữa Nhà nước và doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo, Chính phủ Hàn Quốc đã ban

hành nhiều cơ chế, chính sách như: (1) Cơ chế trợ giá FIT với thời gian 15 năm kể từ khi vận hành đối với các dự án điện gió, điện mặt trời. Nhờ áp dụng cơ chế này, nhiều nhà đầu tư đã tham gia đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo trong thời gian ngắn; (2) Áp dụng cơ chế tiêu chuẩn danh mục đầu tư năng lượng tái tạo - (RPS - Renewable Portfolio Standard) từ cuối năm 2012. Theo cơ chế RPS, các đơn vị sản xuất điện có công suất trên 500MW được yêu cầu thực hiện việc sản xuất 4% năng lượng tái tạo đến năm 2017 và tăng lên 10% đến năm 2023. Các đơn vị sản xuất điện tham gia cơ chế RPS sẽ nhận được chứng chỉ năng lượng tái tạo (REC) tương ứng với quy mô dự án thực hiện. Cơ quan Năng lượng Hàn Quốc và KPX (tổ chức độc lập phi lợi nhuận để chịu trách nhiệm chính trong việc vận hành hệ thống điện và thị trường điện cạnh tranh) là hai đơn vị có trách nhiệm cấp chứng chỉ REC. Tỷ lệ chứng chỉ REC mà mỗi đơn vị sản xuất nhận được phụ thuộc vào quy mô nhà máy điện, công nghệ sử dụng (gió, mặt trời, có hệ thống lưu trữ năng lượng hay không) và vị trí dự án (nông thôn, thành thị, miền núi cao, v.v.). Các chứng chỉ REC này sẽ có hệ số nhân tương ứng để tính toán giá bán khi giao dịch mua bán REC trên thị trường. Mỗi chứng chỉ này được gia hạn 3 năm/lần. Cơ chế RPS đã đem lại nhiều lợi ích kinh tế cho các nhà đầu tư trong lĩnh vực năng lượng tái tạo. Chính sách này đã thúc đẩy tăng trưởng công suất của năng lượng tái tạo và thúc đẩy cạnh tranh giá cả giữa các nhà sản xuất năng lượng tái tạo; (3) Áp dụng chính sách thu hút đầu tư tư nhân, thiết lập hợp tác công tư (PPP), giảm mức trợ cấp của Chính phủ cho các dự án năng lượng tái tạo. Thiết lập quan hệ đối tác công tư góp phần làm cho quan hệ giữa Nhà nước và doanh nghiệp gắn bó, bền vững, tránh được những rủi ro trong quá trình xây dựng và triển khai các dự án năng lượng tái tạo.

Hai là, để khuyến khích người tiêu dùng sử dụng năng lượng tái tạo và tạo sự đồng thuận của xã hội, Chính phủ Hàn Quốc đã áp dụng một số chính sách như: trợ cấp ưu đãi cho các hộ gia đình lắp đặt hệ thống điện mặt trời; chương trình lắp đặt hệ thống điện mặt trời lắp mái tại các làng nghề nông nghiệp với mục tiêu 400.000 hộ gia đình được lắp đặt đến năm 2030. Để giải quyết bài toán giá điện năng lượng tái tạo, Chính phủ quan tâm đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D) công nghệ năng lượng tái tạo, tăng ngân sách cho công nghệ xanh, trong đó hơn 70% kinh phí này

được phân bổ cho ba nguồn năng lượng chính là năng lượng mặt trời, nhiên liệu sinh học và năng lượng gió.

Ba là, xây dựng và vận hành thị trường điện cạnh tranh nhằm đảm bảo hài hoà lợi ích giữa các chủ thể. Hàn Quốc có bộ chuyên trách chịu trách nhiệm về xây dựng, quản lí các chính sách phát triển năng lượng, trong đó có năng lượng tái tạo (MOTIE), 02 đơn vị trong MOTIE được thành lập để quản lí ngành điện và xây dựng các chính sách phát triển năng lượng tái tạo là Ủy ban điều tiết điện lực Hàn Quốc (KOREC) và Cơ quan năng lượng Hàn Quốc (KEA). KOREC hoạt động dựa vào cơ chế về phí điều tiết điện lực quy định trong Luật Điện lực. Bên cạnh đó, trong quá trình tái cơ cấu ngành điện, Hàn Quốc đã thành lập một tổ chức độc lập phi lợi nhuận để chịu trách nhiệm chính trong việc vận hành hệ thống điện và thị trường điện cạnh tranh, đó là KPX. Trong lộ trình phát triển năng lượng tái tạo đến năm 2030, Chính phủ Hàn Quốc đã xác định ba hợp phần để thực hiện mục tiêu này: (1) Cho phép mọi đối tượng tham gia đầu tư vào các dự án nhà máy điện năng lượng tái tạo; (2) Chính quyền địa phương có trách nhiệm quản lí và chịu trách nhiệm đối với việc phát triển năng lượng tái tạo tại từng địa phương, nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện mục tiêu; (3) Đầu tư vào các dự án có quy mô lớn nhằm đảm bảo đạt được mục tiêu năng lượng tái tạo chiếm 20% tổng hệ thống điện vào năm 2030 (trong đó năng lượng mặt trời và gió chiếm 95%).

Chính phủ Hàn Quốc áp dụng thị trường theo mô hình tập trung, chào giá theo chi phí biến đổi (CBP). Các đơn vị phát điện chỉ chào mức công suất sẵn sàng của mỗi nhà máy điện trong từng giờ giao dịch của ngày tới. Giá chào được tính bằng mức chi phí biến đổi của nhà máy điện được Hội đồng thẩm định giá phát điện phê duyệt. Lịch huy động được xây dựng dựa trên công suất chào - chi phí biến đổi của các nhà máy điện, phụ tải dự báo và các thông số kỹ thuật khác của hệ thống điện. Giá thị trường được tính theo phương pháp lập lịch không xét đến các ràng buộc lưới điện truyền tải và không xét ràng buộc nhiên liệu sơ cấp của các nhà máy điện. Áp dụng cơ chế thanh toán công suất cho các nhà máy điện.

Trong ngày vận hành, KPX chịu trách nhiệm vận hành hệ thống điện dựa trên lịch huy động đã lập, đồng thời đảm bảo cân bằng cung cầu và đảm bảo an ninh

hệ thống. Đối với năng lượng tái tạo, các nhà máy năng lượng tái tạo được xếp vào dạng ưu tiên phải phát (must-run units), không nộp bản chào mà được KPX tính toán, dự báo và phủ xuống cuối biểu đồ phụ tải.

Hàn Quốc có quy hoạch phát triển điện lực, nguyên tắc thực hiện đầu tư dự án cơ bản giống Việt Nam là phải có trong quy hoạch, nguồn và lưới phải đồng bộ và đảm bảo khả năng truyền tải công suất. Các đơn vị phát điện sẽ có trách nhiệm đầu tư lưới điện để đấu nối vào hệ thống điện. KEPCO, KPX là đơn vị có trách nhiệm thực hiện đánh giá ảnh hưởng đấu nối trong quá trình thực hiện. KEPCO có quyền từ chối đấu nối, tuy nhiên rất ít khi xảy ra, do quá trình lập quy hoạch tại Hàn Quốc được thực hiện rất chính xác và đồng bộ.

Các nhà máy năng lượng tái tạo phải đảm bảo tuân thủ thực hiện các quy định kỹ thuật về đấu nối vào hệ thống điện do KPX quy định như yêu cầu về khả năng bám lưới theo tần số, khả năng điều chỉnh điện áp, hệ số công suất, ... Cơ bản các đầu mục về yêu cầu kỹ thuật giống Việt Nam.

Để đảm bảo vận hành, điều độ các nguồn năng lượng tái tạo, cơ quan điều độ (KPX) được trang bị rất nhiều công cụ, trong đó có công cụ dự báo thời tiết, dự báo khả năng phát của các nguồn năng lượng tái tạo. Dự phòng công suất được KPX tính toán năm 2017 ở mức 4000 - 5000MW để ứng phó với những trường hợp sự cố trong hệ thống điện, trong đó có cả trường hợp các nguồn năng lượng tái tạo thay đổi đột ngột.

Bốn là, để đảm bảo hài hoà lợi ích cho xã hội, doanh nghiệp và người tiêu dùng, Chính phủ Hàn Quốc đã phát triển hệ thống lưu trữ năng lượng tích hợp với các dự án năng lượng tái tạo nhằm đảm bảo khả năng vận hành linh hoạt và dự phòng cho hệ thống điện. Chính phủ hỗ trợ tài chính (20 - 30%) cho các dự án khi trang bị hệ thống lưu trữ năng lượng và đang tiếp tục nghiên cứu để đề xuất các chính sách cụ thể đối với dự án có quy mô lớn. Chính sách RPS và REC không chỉ được áp dụng tại Hàn Quốc mà đã được nhiều nước trên thế giới thực thi và mang lại hiệu quả tích cực, đóng góp cho việc đạt được mục tiêu phát triển năng lượng tái tạo, đảm bảo tính đồng bộ và ổn định trong việc đấu nối và vận hành các nguồn năng lượng tái tạo, đảm bảo lợi nhuận cho các doanh nghiệp và người tiêu dùng được sử dụng điện với mức giá cạnh tranh.

Năm là, để tạo sự bền vững quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo, Chính phủ Hàn Quốc rất quan tâm đến ba yếu tố, đó là: tạo việc làm, thay đổi thói quen tiêu dùng và tuyên truyền nâng cao nhận thức và sự đồng thuận của nhân dân để hiểu hơn về những lợi ích mà năng lượng tái tạo mang lại. Phát triển năng lượng tái tạo đã đem lại những ảnh hưởng tích cực đối với sự phát triển KT - XH của Hàn Quốc, góp phần phục hồi cân bằng sinh thái, đảm bảo an ninh năng lượng, tạo nguồn cung năng lượng chủ động và phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế bền vững.

Bên cạnh những thành công về đảm bảo lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo, Hàn Quốc cũng vấp phải một số thách thức, thất bại như việc quy hoạch, thủ tục cấp phép kéo dài, gây lãng phí nguồn lực; tính liên kết của chuỗi cung ứng không bền vững và sự cạnh tranh chi phí của các công ty sản xuất pin mặt trời nước ngoài (chủ yếu là Trung Quốc) dẫn đến thua thiệt lợi ích cho các nhà đầu tư trong nước; việc nhập khẩu các công nghệ bên ngoài làm cho chi phí đầu tư ban đầu cao, trong khi cơ chế khuyến khích đầu tư của Chính phủ chưa thực sự hấp dẫn các doanh nghiệp... đã đẩy giá thành năng lượng tái tạo lên cao. Trong khi đó, Chính phủ vẫn trợ cấp cho ngành điện truyền thống, dẫn đến năng lượng tái tạo khó có thể cạnh tranh. Bên cạnh đó, việc triển khai các dự án còn dẫn đến xung đột lợi ích với cộng đồng do quỹ đất có hạn.

2.3.1.3. Kinh nghiệm của Nhật Bản

Nhật Bản là nước tiêu thụ năng lượng lớn thứ năm trên thế giới vào năm 2019, mặc dù dân số 120 triệu người chỉ chiếm 2,1% dân số thế giới. Năm 2019, nhiên liệu hóa thạch chiếm 88% tổng nguồn cung năng lượng sơ cấp (TPES), tỉ trọng cao thứ sáu trong số các quốc gia thuộc Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA). Nhật Bản là một quốc gia nghèo về tài nguyên, khoảng 80% lượng dầu của nước này được nhập khẩu từ các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC). Do có hệ thống năng lượng dựa chủ yếu trên nhiên liệu hóa thạch nên Nhật Bản là quốc gia phát thải CO₂ lớn thứ 8 trên thế giới. Việc tăng lượng khí thải carbon kéo dài đến mức nguy hiểm đối với môi trường sống. Trong bối cảnh đó, việc phát triển năng lượng tái tạo có ý nghĩa quan trọng nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước, Chính phủ Nhật

Bản đã có những chính sách quan trọng để giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích trong phát triển lĩnh vực này, tiêu biểu như:

Một là, xác định rõ mục tiêu phát triển năng lượng tái tạo nhằm tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các doanh nghiệp và người tiêu dùng thực thi. Chính phủ xác định mục tiêu đảm bảo năng lượng tái tạo trong tổng nhu cầu điện đến năm 2030 với tỉ lệ 24% và dự kiến tạo ra 67.000 việc làm mới vào năm 2050. Chính sách này đã góp phần thu hút các doanh nghiệp, nhà đầu tư tham gia phát triển năng lượng tái tạo. Tháng 4/2021, Chính phủ Nhật Bản đã công bố mục tiêu cắt giảm phát thải khí nhà kính, nâng tỷ lệ cắt giảm lên 46% vào năm 2030. Theo kế hoạch được nội các Nhật Bản phê duyệt vào tháng 7 năm 2021, năng lượng tái tạo sẽ đóng vai trò quan trọng trong nguồn cung cấp điện vào năm 2030, dự kiến chiếm khoảng 36 - 38% tổng nguồn cung cấp điện (năng lượng mặt trời sẽ chiếm 14-16%, năng lượng gió đạt 5%, địa nhiệt đóng góp 1%, thủy điện đạt 11% và sinh khối chiếm 5%) [116], [117].

Hai là, thực thi các chính sách tài chính và trợ giá để giải quyết hài hòa lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo như: Chính phủ áp dụng biểu giá nhập khẩu thông qua một đạo luật đặc biệt để mua năng lượng tái tạo từ các nhà cung cấp và trợ giá FIT cho các dự án năng lượng tái tạo. Ban đầu chính sách này áp dụng chủ yếu cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực năng lượng mặt trời. Tiêu biểu như năm 2016, chính sách trợ giá với 2,6 nghìn tỉ Yên để hỗ trợ việc mua lại điện mặt trời với giá cao. Chính phủ đã áp dụng cơ chế trợ giá FIT để mua điện mặt trời với giá cao hơn so với giá thị trường và cũng đã giảm giá bán các tấm pin mặt trời nhằm khuyến khích người dân xây dựng hệ thống điện mặt trời trên mái nhà.

Ba là, để khắc phục xung đột lợi ích về đất đai tại các dự án năng lượng mặt trời, Nhật Bản phát triển các nhà máy năng lượng mặt trời nổi do hạn chế về quỹ đất trên đất liền. Nhà máy năng lượng mặt trời nổi đầu tiên trên thế giới được xây dựng ở Nhật Bản, ở tỉnh Aichi ở trung tâm Honshu. Nhiều hồ chứa nước nội địa của đất nước hiện là nơi đặt 73 trong số 100 nhà máy năng lượng mặt trời nổi lớn nhất thế giới và chiếm một nửa trong số 246 MW công suất mặt trời của các nhà máy này. Nhà máy năng lượng mặt trời nổi 200 MW lớn nhất Nhật Bản nằm sau đập Yamakura tại Ichihara, tỉnh Chiba với diện tích 18 ha, có thể cung cấp

điện cho gần 5.000 ngôi nhà và giảm hơn 8.000 tấn CO₂ mỗi năm [82]. Năng lượng mặt trời nổi đặc biệt phù hợp với châu Á, nơi đất đai khan hiếm nhưng lại có nhiều đập thủy điện với cơ sở hạ tầng truyền tải hiện có, một mô hình để các quốc gia tham chiếu. Đây là công nghệ mới đầu tiên được đưa ra vào năm 2008 và có một số nghiên cứu cho biết năng lượng mặt trời nổi hiệu quả hơn 16% so với các hệ thống trên mặt đất. Ngoài việc giải phóng đất đai khan hiếm, các tấm pin mặt trời nổi cũng ngăn chặn sự phát triển của tảo có thể gây hại cho đàn cá và làm chậm tốc độ bốc hơi từ các hồ chứa.

Bốn là, để đảm bảo lợi ích của các chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo, Chính phủ Nhật Bản đã xây dựng thị trường điện cạnh tranh, việc giảm bớt các rào cản pháp luật truyền thống trong thị trường năng lượng đã thúc đẩy các doanh nghiệp, nhà đầu tư tham gia phát triển năng lượng tái tạo với lợi ích ổn định, bền vững hơn. Để thúc đẩy sự phát triển công nghệ, Chính phủ Nhật Bản ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu và phát triển công nghệ năng lượng tái tạo. Để hạn chế sự độc quyền, Nhật Bản thực thi cơ chế tự do hóa hệ thống truyền tải và phân phối. Hệ thống này hiện nay đã được tách ra khỏi các công ty độc quyền khu vực. Chính sách này góp phần làm cho quan hệ lợi ích giữa các chủ thể hài hòa và phù hợp hơn.

Năm là, ngoài các biện pháp về mặt kinh tế, kỹ thuật, để giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo, Chính phủ Nhật Bản còn thực hiện nhiều biện pháp nhằm nâng cao hiểu biết liên quan đến lợi ích của phát triển năng lượng tái tạo đối với người tiêu dùng thông qua việc đẩy mạnh giáo dục về năng lượng trong trường học, đẩy mạnh thông tin hai chiều để tăng tính minh bạch về chính sách năng lượng và có được sự tin tưởng của công chúng,...

Để thúc đẩy hài hòa lợi ích trong phát triển điện mặt trời: Trong những năm gần đây, năng lượng mặt trời là nguồn năng lượng tái tạo lớn thứ hai ở Nhật Bản. Năm 2015 đạt 34.150 MW, năm 2016 đạt 42.040 MW. Cuối năm 2017, công suất tích lũy đạt gần 50 GW và trở thành quốc gia có công suất lắp đặt điện mặt trời lớn thứ hai thế giới, sau Trung Quốc. Năm 2018 đạt 56.162 MW và tăng lên 63.192 MW vào năm 2019, đến cuối năm 2020, công suất tích lũy đạt 68.665 MW [115]. Để giảm giá điện mặt trời, Chính phủ Nhật Bản đầu tư cho phát triển ngành sản xuất

tế bào quang điện - PV (hiện nay 45% tế bào quang điện trên thế giới được sản xuất tại Nhật Bản, nhờ đầu tư phát triển các thiết bị đầu vào với độ tin cậy cao, chi phí xây dựng và vận hành thấp, thân thiện với môi trường. Người tiêu dùng có thể bán lượng điện thừa được sản xuất trong ngày cho công ty điện lực. Để thúc đẩy lắp đặt điện mặt trời áp mái trong các hộ gia đình, Chính phủ Nhật Bản cung cấp các khoản trợ cấp cho chi phí lắp đặt nhằm thu hút người dân trong việc tích cực sử dụng điện mặt trời áp mái trong sinh hoạt. Năm 2015, Chính phủ đã cắt giảm giá mua điện sản xuất từ năng lượng mặt trời do giá bán của các tấm pin mặt trời cũng giảm, điều này dẫn đến việc giảm chi phí điện mặt trời trong thời gian dài. Trong khi việc lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái được thiết kế cho các hộ gia đình thì hầu hết nhiệt mặt trời hiện được lắp đặt tại các bệnh viện và cơ quan công cộng. Hệ thống nhiệt mặt trời có nhiều công dụng như đun nước nóng, sưởi ấm phòng, tuy nhiên nhiệt mặt trời đòi hỏi thiết bị lớn nên tương đối khó lắp đặt tại các hộ gia đình.

Trong phát triển điện gió, Nhật Bản là quốc gia có địa hình đồi núi nên việc phát triển năng lượng gió trên bờ bị hạn chế, chỉ vào khoảng 144 GW. Thay vào đó, phát triển năng lượng gió ngoài khơi là một lựa chọn khả thi ở các vùng bờ biển dài với tiềm năng ước tính là 608 GW cho gió ngoài khơi. Tuy nhiên, diện tích các vùng nước nông có hạn, Nhật Bản buộc phải thăm dò khả năng xây dựng các trại tuabin gió nổi. Việc phát triển năng lượng gió ngoài khơi được coi là một lựa chọn hiệu quả tại Nhật Bản. Trại trại gió Shin Izumo thuộc sở hữu của Eurus Energy là trại trại gió lớn nhất ở Nhật Bản tính đến năm 2011, bao gồm 26 tuabin với tổng công suất trên bảng tên là 78 MW. Năm 2013, một tuabin gió nổi ngoài khơi đã được thử nghiệm cách bờ biển đảo Kabajima ở tỉnh Nagasaki khoảng 1 km. Trại trại Shin Aoyama Wind Farm thuộc sở hữu của C-tech hiện là trại trại gió lớn nhất ở Nhật Bản, tính đến tháng 2 năm 2018. Nó bao gồm 40 tuabin với tổng công suất ghi trên nhãn là 80 MW.

Mặc dù đã có những thành công trong việc đảm bảo hài hoà lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo, Nhật Bản vẫn đối mặt với những thách thức lớn như: tốc độ của các dự án điện năng lượng tái tạo còn chậm do Chính phủ không quy định thời gian phải hoàn thành dự án; rào cản trong giải phóng mặt bằng; rào cản trong việc hoà lưới điện mặt trời vào lưới điện quốc gia; không có nhà cung ứng tuabin gió trong

nước dẫn đến phải nhập khẩu, chi phí tăng lên làm cho các doanh nghiệp không sẵn sàng tham gia đầu tư. Bên cạnh đó, cơ chế trợ giá FIT của Nhật Bản có hạn chế là chuyển chi phí phát điện đến người tiêu dùng, gánh nặng chi phí đè lên người tiêu dùng cuối cùng dẫn đến sự mâu thuẫn về lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo.

2.3.1.4. Kinh nghiệm của Cộng hòa Liên bang Đức

Đức là quốc gia có nền công nghiệp lớn thứ tư trên thế giới và đang đứng đầu trong việc phát triển các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng gió, mặt trời, sinh khối, nhiên liệu sinh học. Quốc gia này cũng tiên phong và có nhiều đóng góp quan trọng vào việc hình thành chính sách bảo vệ khí hậu trong khu vực châu Âu và trên toàn cầu, với mục tiêu đạt 100% năng lượng tiêu thụ từ các nguồn năng lượng tái tạo vào năm 2035. Những thành công trong quá trình chuyển đổi năng lượng, đảm bảo sự công bằng và giải quyết hài hòa giữa các khía cạnh về kinh tế, xã hội và môi trường trong phát triển các nguồn năng lượng tái tạo của Đức là những kinh nghiệm đáng quý mà các quốc gia đang phát triển có thể học hỏi và tham khảo.

Một là, thiết lập chính sách nhằm đảm bảo hài hoà lợi ích giữa các chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo, trọng tâm của chính sách là: (i) giải quyết các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu; (ii) Chính sách kinh tế xanh với mục tiêu loại bỏ hoàn toàn năng lượng than đá vào năm 2038 và mục tiêu sống xanh vào năm 2040; (iii) Chuyển đổi công bằng gồm việc tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của người lao động thông qua đối thoại, cùng với việc đào tạo lại nguồn nhân lực để phù hợp với bối cảnh mới. Chính phủ Đức đã cam kết hỗ trợ 40 tỷ Euro để giúp các khu vực và cá nhân bị ảnh hưởng sau khi loại bỏ năng lượng than đá đã được thông qua năm 2020. Để đạt được các mục tiêu giảm phát thải CO₂ (với tỉ lệ 80% đến năm 2050), Chính phủ Đức đã thành lập một Ủy ban đặc biệt gồm các tổ chức nghiên cứu, doanh nghiệp và đại diện người lao động. Ủy ban này có nhiệm vụ thảo luận và đạt được thống nhất về lộ trình và thời hạn đóng cửa các mỏ than đang hoạt động, đồng thời cung cấp cơ chế đền bù và chuyển đổi việc làm cho công nhân lao động trong ngành than. Đây là một quyết sách mạnh mẽ của Chính phủ Đức nhằm bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Luật năng lượng tái tạo (EEG) ra đời năm 2000 với cam kết mức giá cố định

cho điện từ nguồn năng lượng tái tạo có hiệu lực 20 năm. Chính sách này đã tạo ra sự bùng nổ về đầu tư của người dân và doanh nghiệp Đức cho sản xuất điện tái tạo, đặc biệt là chính sách cam kết giá trong thời gian dài giúp nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận tín dụng cho sản xuất năng lượng tái tạo.

Hai là, để thu hút các nhà đầu tư sản xuất năng lượng điện từ nguồn năng lượng tái tạo, Chính phủ Đức khuyến khích sản xuất và sử dụng các công nghệ tạo ra điện năng từ nguồn năng lượng tái tạo, cung cấp các khoản vay lãi suất thấp với lãi suất cố định trong 10 năm cho các khoản đầu tư sản xuất điện; để hỗ trợ các dự án năng lượng gió ngoài khơi, Chính phủ cung cấp các khoản vay tài chính hỗ trợ; áp dụng quy định hỗ trợ phí thị trường cho lượng điện bán ra từ nhà máy sử dụng năng lượng tái tạo với công suất lắp đặt trên 500kW/tháng; hỗ trợ cơ sở hạ tầng sử dụng năng lượng tái tạo.

Ba là, để giải quyết các mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích, Chính phủ Đức không chỉ thực hiện các biện pháp kinh tế mà còn thực hiện các biện pháp tuyên truyền và giáo dục đối với người tiêu dùng. Các tổ chức bảo vệ môi trường tại Đức đã tham gia trong các cuộc thảo luận về chính sách cùng với Chính phủ và thảo luận rộng rãi với cơ quan, tổ chức và dân cư trước khi xây dựng và ban hành các chính sách kèm theo. Các tổ chức nghiên cứu khoa học và các tổ chức vận động bảo vệ môi trường ở Đức đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra các diễn đàn thảo luận cho công chúng. Họ cung cấp bằng chứng khoa học và thông tin đến công chúng thông qua các hình thức như hội thảo, tọa đàm, xây dựng phim tài liệu, nhằm nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận của xã hội.

Bốn là, để tránh xảy ra xung đột về lợi ích kinh tế khi thực hiện chuyển đổi năng lượng, Chính phủ và Hiệp hội Công đoàn đã phối hợp với các bên liên quan nhằm giải quyết an sinh xã hội cho công nhân trong ngành điện than và bảo vệ an sinh xã hội cho các khu vực mỏ than không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi quá trình chuyển đổi. Số tiền hỗ trợ cho các khu vực và đối tượng bị ảnh hưởng lên tới 40 tỉ USD. Nguồn kinh phí này giúp những vùng bị ảnh hưởng khi dừng khai thác nhiên liệu hoá thạch tái tạo lại việc làm mới và đào tạo lại nguồn lao động, giúp người dân có việc làm và ổn định cuộc sống, tránh được xung đột về lợi ích.

Nhờ sự phối hợp và những hỗ trợ tài chính, việc chuyển đổi năng lượng đã được sự đồng thuận từ các tầng lớp lao động tại Đức. Điều này đã đóng góp vào việc tạo ra sự hài hòa trong quan hệ lợi ích và thúc đẩy sự phát triển năng lượng tái tạo.

Bên cạnh những thành công trong việc đảm bảo hài hoà lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo, Đức phải đối mặt với một số thách thức lớn như việc từ bỏ năng lượng hạt nhân và hướng tới sử dụng năng lượng tái tạo đã tạo ra những thách thức trong việc duy trì tính ổn định và đảm bảo cung cấp năng lượng đủ cho cả nền kinh tế; một số ý kiến trái chiều của cộng đồng trong việc triển khai dự án năng lượng tái tạo vì lo ngại về tác động môi trường, sự gián đoạn cho hoạt động hàng ngày và khả năng tác động tới cảnh quan.

2.3.2. Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam

Trên cơ sở nghiên cứu, khái quát những bài học kinh nghiệm cả thành công và thất bại của các quốc gia trên thế giới về đảm bảo hài hoà quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo, có thể rút ra một số kinh nghiệm cho Việt Nam như sau:

Thứ nhất, cần tăng cường sự quản lí, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách, cơ chế để đảm bảo lợi ích, giảm bớt các rào cản trong việc thực hiện quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo

Kinh nghiệm nghiên cứu của nhiều quốc gia đã chứng minh tầm quan trọng của hệ thống pháp luật, đặc biệt là Luật Năng lượng tái tạo trong việc tạo điều kiện thuận lợi về mặt pháp lí cho các chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo. Để thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo, Việt Nam đã có Luật Điện lực và Luật Sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng. Tuy nhiên, để tạo cơ sở pháp lí cho việc đảm bảo hài hoà quan hệ lợi ích, Việt Nam cần xem xét xây dựng một Luật năng lượng tái tạo, đây là bước quan trọng, không thể thiếu trong quá trình phát triển năng lượng tái tạo cùng như thực hiện quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo.

Để đảm bảo lợi ích cho các chủ thể liên quan, kinh nghiệm của các quốc gia cho thấy, việc ban hành các khuôn khổ pháp lí nhằm xây dựng thị trường điện cạnh tranh và thu hút đầu tư xã hội vào lĩnh vực năng lượng là một trong những yếu tố quan trọng. Để đảm bảo lợi ích cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư tham gia phát

triển năng lượng tái tạo, các nước đã áp dụng cơ chế trợ giá đối với các dự án năng lượng tái tạo và giá chuyên tiếp. Thực tế đã chứng minh rằng cơ chế giá FIT là một công cụ hiệu quả để thúc đẩy phát triển nhanh chóng của các nguồn điện năng lượng tái tạo, đặc biệt đối với những thị trường mới như Việt Nam. Để tránh mất cân đối giữa việc sản xuất và truyền tải, phân phối điện từ các nguồn năng lượng tái tạo, các quốc gia đã tập trung vào phát triển hạ tầng truyền tải và điều độ vận hành hệ thống điện.

Ngoài ra, việc thành lập Quỹ Phát triển năng lượng bền vững là một biện pháp quan trọng nhằm hỗ trợ tài chính cho hoạt động khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam. Quỹ này sẽ được cấp vốn từ nhiều nguồn, bao gồm ngân sách, phí môi trường thu được từ các nguồn nhiên liệu hóa thạch, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cùng các nguồn vốn hợp pháp khác. Mục tiêu của Quỹ là hỗ trợ cộng đồng trong việc phát triển các mô hình sử dụng năng lượng tái tạo như nhà xanh, tòa nhà xanh, đô thị xanh và nông thôn xanh.

Xây dựng cơ chế phối hợp đảm bảo lợi ích giữa chính quyền địa phương và trung ương để thống nhất hành động. Từ thực tiễn của các quốc gia cho thấy, một trong những thách thức trong đảm bảo hài hoà quan hệ lợi ích đó là sự khác nhau về nhu cầu của Chính phủ và hành động của địa phương: chính quyền địa phương thường tập trung nhiều hơn vào tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn hơn là mối quan tâm về môi trường trong dài hạn hay các vấn đề lợi ích quốc gia. Một số địa phương đã không thực thi các quy định về môi trường và thiếu đầu tư năng lượng sạch và bền vững. Điều này hoàn toàn có thể xảy ra tại Việt Nam. Chính quyền địa phương vì mong muốn phát triển kinh tế vùng trong ngắn hạn có thể đánh đổi bằng cách đầu tư vào nguồn năng lượng hóa thạch hay thủy điện. Nhưng trong dài hạn, các dự án này có thể gây ra các vấn đề tiêu cực về môi trường, sức khỏe, lợi ích xã hội,... Chính vì vậy, Nhà nước cần phải có cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương để đảm bảo thông suốt và hài hòa lợi ích các bên trong quá trình phát triển năng lượng tái tạo.

Thứ hai, tăng cường các chính sách kinh tế, tài chính nhằm thu hút, đảm bảo

lợi ích cho các chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo, khuyến khích các doanh nghiệp và khu vực tư nhân tham gia phát triển năng lượng tái tạo

Để thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo và khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực này, Việt Nam cần áp dụng nhiều ưu đãi và hỗ trợ cho doanh nghiệp. Điều này có thể đạt được bằng cách tăng cường mối liên kết giữa các doanh nghiệp trong ngành và liên ngành. Mở rộng đầu tư lưới điện theo hình thức đối tác công tư (PPP) thông qua đấu thầu cạnh tranh là một biện pháp quan trọng để tháo gỡ khó khăn và tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư tư nhân. Để đạt được mục tiêu này, việc cung cấp vốn dành cho ngành điện cần được đầu tư mạnh mẽ, thúc đẩy phát triển lưới điện theo mô hình hợp tác công tư, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư tư nhân trong và ngoài nước, giảm bớt thủ tục phức tạp.

Nhà nước cũng cần tạo cơ chế hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, sửa chữa các loại thiết bị sử dụng năng lượng tái tạo. Ưu đãi thuế nhập khẩu thiết bị và công nghệ mới, thuế sản xuất và lưu thông các thiết bị cũng là một biện pháp hỗ trợ quan trọng. Cần công khai danh mục các dự án đầu tư và khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo.

Thứ ba, để góp phần giảm bớt chi phí đầu vào cho các dự án năng lượng tái tạo, hạ giá thành sản phẩm, hài hoà giữa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, người tiêu dùng cần tập trung nghiên cứu khoa học công nghệ để phát huy được nguồn năng lượng tái tạo, bảo hộ quyền tác giả cho các phát minh, cải tiến kỹ thuật về năng lượng tái tạo

Để giảm bớt chi phí đầu vào cho các dự án năng lượng tái tạo, cần tập trung nghiên cứu khoa học công nghệ và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các phát minh, cải tiến kỹ thuật về năng lượng tái tạo. Nghiên cứu triển khai về năng lượng tái tạo là một nhiệm vụ khoa học công nghệ ưu tiên cần được đầu tư mạnh mẽ. Các chương trình khoa học công nghệ quốc gia về phát triển các phân ngành năng lượng tái tạo, đặc biệt là công nghệ thu gom, xử lý tái chế các tấm pin mặt trời, tuabin gió và cơ chế tài chính xanh, carbon xanh cho phát triển năng lượng tái tạo cũng cần được tập trung triển khai. Có thể thấy, giá điện năng lượng tái tạo là một trong những vấn đề quan trọng ảnh hưởng đến sự bền vững quan hệ lợi ích giữa các chủ thể liên quan. Kinh nghiệm của các quốc gia cho thấy, sự đầu tư phát triển công nghệ năng lượng

tái tạo là một trong những giải pháp then chốt để đảm bảo hài hoà lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Thứ tư, để tránh xung đột quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo, cần đảm bảo cân bằng giữa chuyển dịch năng lượng và an sinh xã hội.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, quá trình chuyển đổi năng lượng phải đảm bảo việc triển khai dự án không gây ảnh hưởng tiêu cực đến các khu vực quan trọng khác như đất canh tác, đất rừng, vùng đất sinh quyển quan trọng và sinh kế của người dân. Việc hợp tác với cộng đồng địa phương từ giai đoạn lập kế hoạch đến triển khai dự án giúp đảm bảo rằng các lợi ích và quyền lợi của cộng đồng được xem xét và đảm bảo trong quá trình phát triển năng lượng tái tạo. Sự cộng tác chặt chẽ giữa các bên liên quan sẽ giúp giảm thiểu xung đột lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo và đảm bảo sự bền vững, công bằng trong chuyển dịch năng lượng.

Thứ năm, cần nâng cao nhận thức của các chủ thể về mối quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo.

Để đạt được điều này, cần phát huy vai trò của các chủ thể trong việc duy trì và hài hoà quan hệ lợi ích, để các chủ thể nhận thức rõ vị trí, vai trò của mình đối với sự phát triển năng lượng tái tạo của đất nước. Đồng thời, cần thiết chế hoá quyền lợi và trách nhiệm của từng chủ thể tham gia liên kết, tuân thủ nguyên tắc đảm bảo sự hài hoà năng lượng tái tạo của các chủ thể. Các quyền lợi và nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên trong các dự án phát triển năng lượng tái tạo cũng cần được thể chế hoá rõ ràng. Ngoài ra, cần đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền và phổ biến kiến thức đến mọi người dân về tầm quan trọng và hiệu quả KT - XH của việc phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo trong quá trình phát triển bền vững. Từ đó, mọi người có thể hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của việc sử dụng năng lượng tái tạo và có những hành động thiết thực để sử dụng tiết kiệm năng lượng.

Chương 3
THỰC TRẠNG QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở VIỆT NAM

3.1. KHÁI QUÁT VỀ SỰ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở VIỆT NAM

3.1.1. Tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam

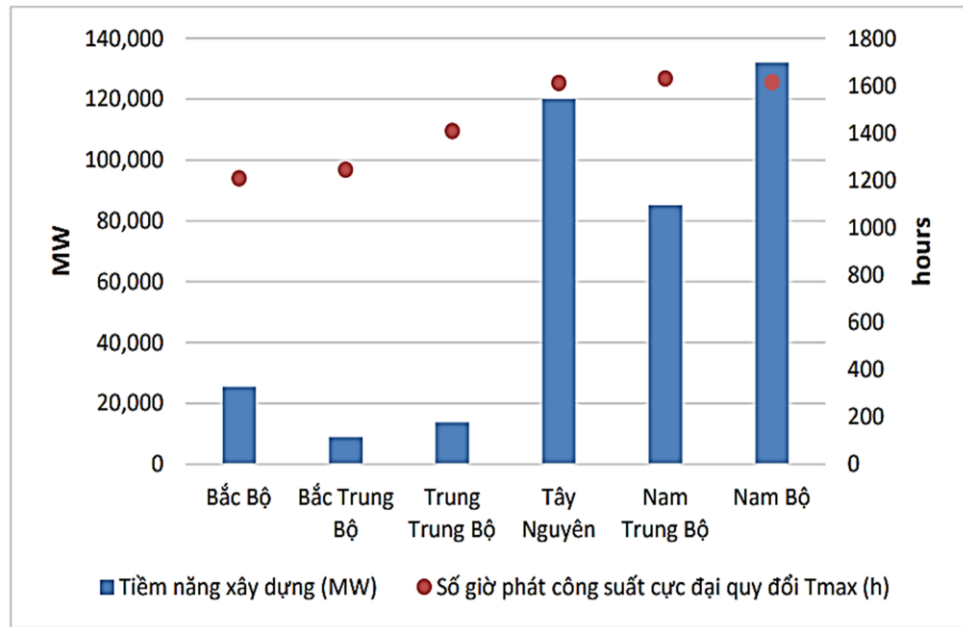
Việt Nam được đánh giá là quốc gia có nguồn năng lượng tái tạo khá dồi dào, đặc biệt là năng lượng mặt trời và năng lượng gió, cụ thể:

Về năng lượng mặt trời: Việt Nam là quốc gia nằm gần xích đạo nên có tiềm năng lớn để phát triển năng lượng mặt trời do có số giờ nắng nhiều. Nguồn năng lượng mặt trời khai thác được căn cứ vào lượng bức xạ mặt trời chiếu xuống mặt đất. Ở Việt Nam, lượng bức xạ mặt trời hàng năm tương đối lớn và ổn định. Năng lượng mặt trời được kỳ vọng chiếm tỉ lệ lớn trong cơ cấu năng lượng quốc gia. Về mặt tiềm năng, điện mặt trời quy mô lớn (chủ yếu ở miền Nam, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên) có sản lượng khoảng 386GW. Bảng 3.1 và biểu đồ 3.1 dưới đây cho thấy bức xạ mặt trời tại Việt Nam và tiềm năng có thể phát điện mặt trời quy mô lớn theo từng miền ở nước ta.

Bảng 3.1. Số liệu về bức xạ mặt trời tại Việt Nam

STT	Vùng	Số giờ nắng trong năm (h)	Cường độ bức xạ mặt trời trung bình/ngày (kWh/m ²)	Ứng dụng
1.	Đông Bắc	1.600 - 1.750	3.3 - 4.1	Trung bình
2.	Tây Bắc	1.750 - 1.800	4.1 - 4.9	Trung bình
3.	Bắc Trung Bộ	1.700 - 2.000	4.6 - 5.2	Tốt
4.	Tây Nguyên và Nam Trung Bộ	2.000 - 2.600	4.9 - 5.7	Rất tốt
5.	Nam Bộ	2.200 - 2.500	4.3 - 4.9	Rất tốt
	Trung bình cả nước	1.700 - 2.500	4.6	Tốt

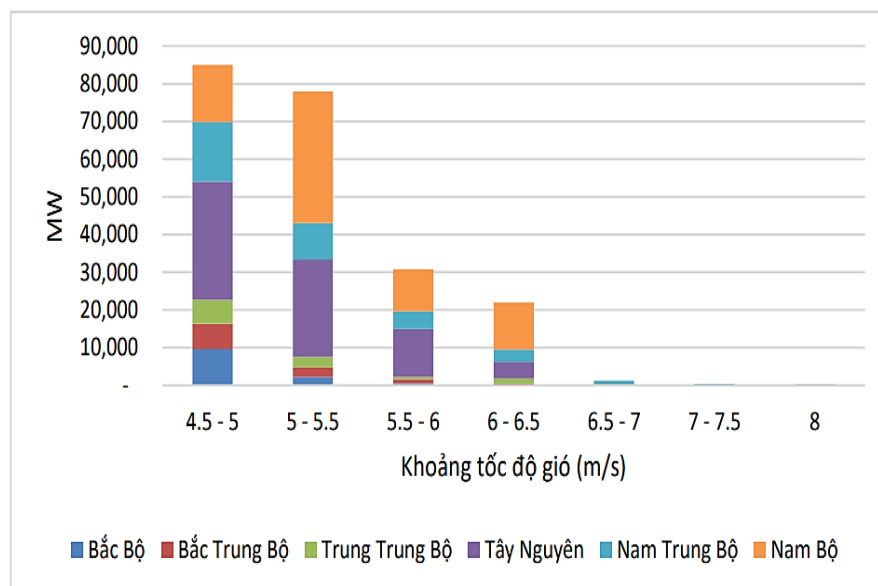
(Nguồn: [43])



Biểu đồ 3.1. Dự kiến tiềm năng điện mặt trời quy mô lớn và số giờ phát công suất cực đại quy đổi

(Nguồn: [72])

Về năng lượng gió: Với hơn 3.200km bờ biển và thuộc khu vực nhiệt đới gió mùa, Việt Nam được đánh giá là quốc gia có tiềm năng năng lượng gió khá lớn (biểu đồ 3.2).

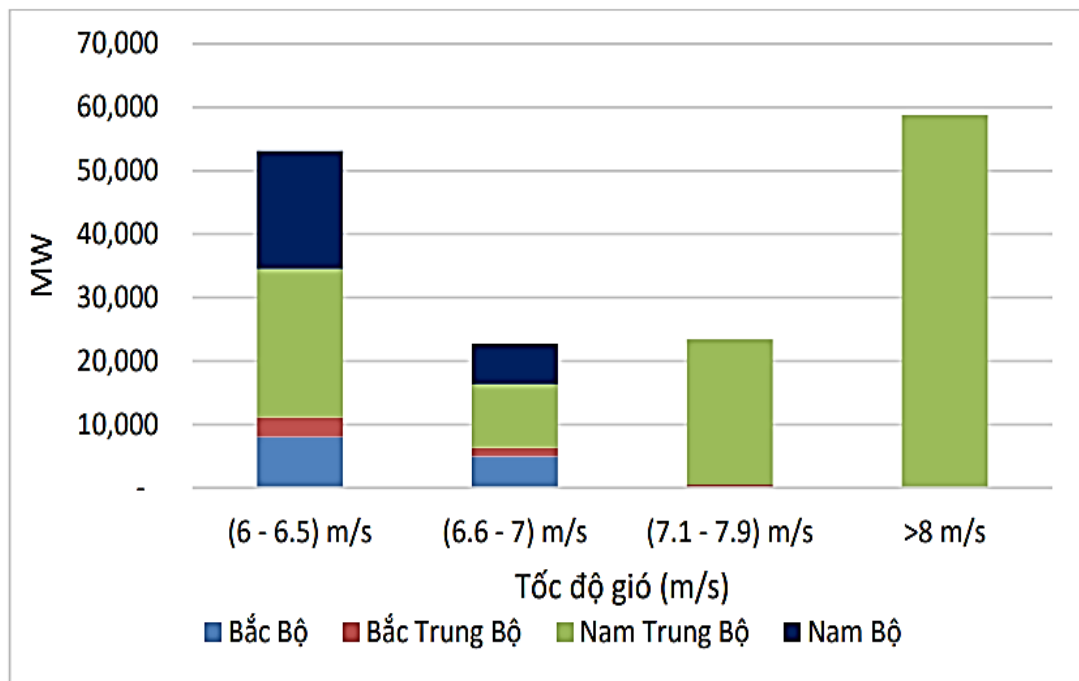


Biểu đồ 3.2. Tiềm năng kỹ thuật nguồn điện gió trên bờ toàn quốc

(Nguồn: [71])

Theo Ngân hàng thế giới, nước ta có hơn 39% tổng diện tích được ước tính là có tốc độ gió trung bình năm lớn hơn 6m/s ở độ cao 65m, tương đương công suất 512GW, đặc biệt hơn 8% diện tích được xếp vào loại tiềm năng gió cao (tốc độ 7-8m/s), có thể tạo ra hơn 100GW, tập trung chủ yếu tại vùng Duyên hải miền Trung, miền Nam, Tây Nguyên và các đảo.

Về điện gió ngoài khơi (offshore): Tổng quy mô tiềm năng kỹ thuật khoảng 160GW, trong đó: “Khu vực Tây Nam Bộ có tiềm năng phát triển điện gió ngoài khơi ở độ sâu đáy biển < 20m và tốc độ gió khoảng 6,5m/s; khu vực Nam Trung Bộ có tiềm năng điện gió ngoài khơi ở độ sâu đáy biển trên 20m, nhưng những dự án này nằm rất xa bờ (khoảng 100km)”[73]. Điện gió ngoài khơi được phân theo vùng như biểu đồ 3.3 dưới đây:



Biểu đồ 3.3. Tiềm năng kỹ thuật gió ngoài khơi tại Việt Nam

(Nguồn: [73])

Bảng dưới đây tổng hợp tiềm năng kỹ thuật năng lượng tái tạo cho phát điện phân theo vùng ở Việt Nam:

Bảng 3.2. Tổng hợp tiềm năng kỹ thuật năng lượng tái tạo cho phát điện tại Việt Nam

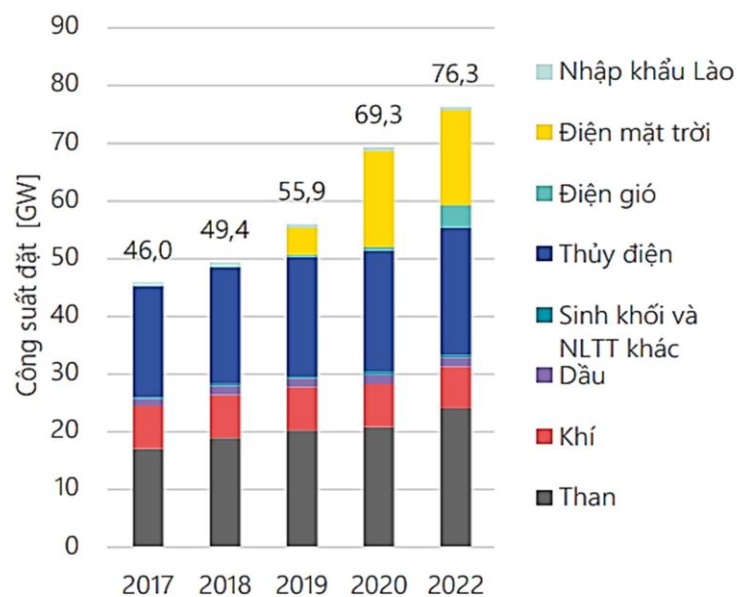
Đơn vị: MW

Vùng	Gió ngoài khơi	Gió trên bờ, gần bờ (trên 4,5m/s)	Mặt trời (quy mô lớn)	Mặt trời (áp mái)
Bắc Bộ	13000	12565	843659	10724
Bắc Trung Bộ	5000	10717	112495	5542
Trung Trung Bộ	0	11235	42782	3521
Tây Nguyên	0	74386	208618	2448
Nam Trung Bộ	118000	34764	170191	4165
Nam Bộ	26200	73638	264121	22091
Tổng	162200	217305	1641866	48491

(Nguồn: [72])

3.1.2. Tình hình phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam giai đoạn 2017 - 2022

Từ năm 2017, với những chính sách đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo, ngành năng lượng tái tạo ở Việt Nam đã có những chuyển biến rõ nét. Đến năm 2019, sự bùng nổ của các dự án điện gió, điện mặt trời đã diễn ra.



Biểu đồ 3.4. Tăng trưởng công suất đặt nguồn điện giai đoạn 2017 - 2022

(Nguồn: [46])

Nếu như năm 2019, tổng công suất nguồn điện của cả nước là khoảng 56GW thì năm 2020, hệ thống điện Việt Nam đã được cải tiến và có tổng công suất lắp đặt khoảng 69GW. Trong giai đoạn 2017-2022, công suất cực đại của phụ tải điện toàn quốc tăng trưởng với tốc độ khoảng 9,6% mỗi năm, công suất đặt nguồn điện tăng khoảng 12,9% mỗi năm. Đến 2022, hệ thống điện Việt Nam hiện có tổng công suất đặt khoảng 76 GW, bao gồm điện mặt trời mái nhà như trong Hình 3.4 trên.

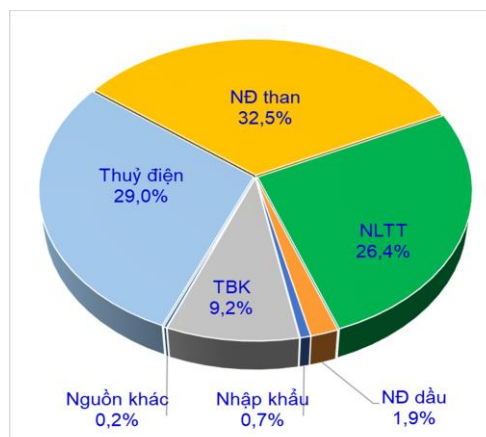
Bảng 3.3. Tỷ trọng điện gió, điện mặt trời trong cơ cấu công suất đặt nguồn điện giai đoạn 2015 - 2022

(đơn vị: %)

Loại hình	2015	2019	2020	2022
Năng lượng gió	0	1	1	1
Năng lượng mặt trời (gồm cả mặt trời áp mái)	0	8	24	24,4
Tổng tỷ trọng	0	9	25	25,4

(Nguồn: [72])

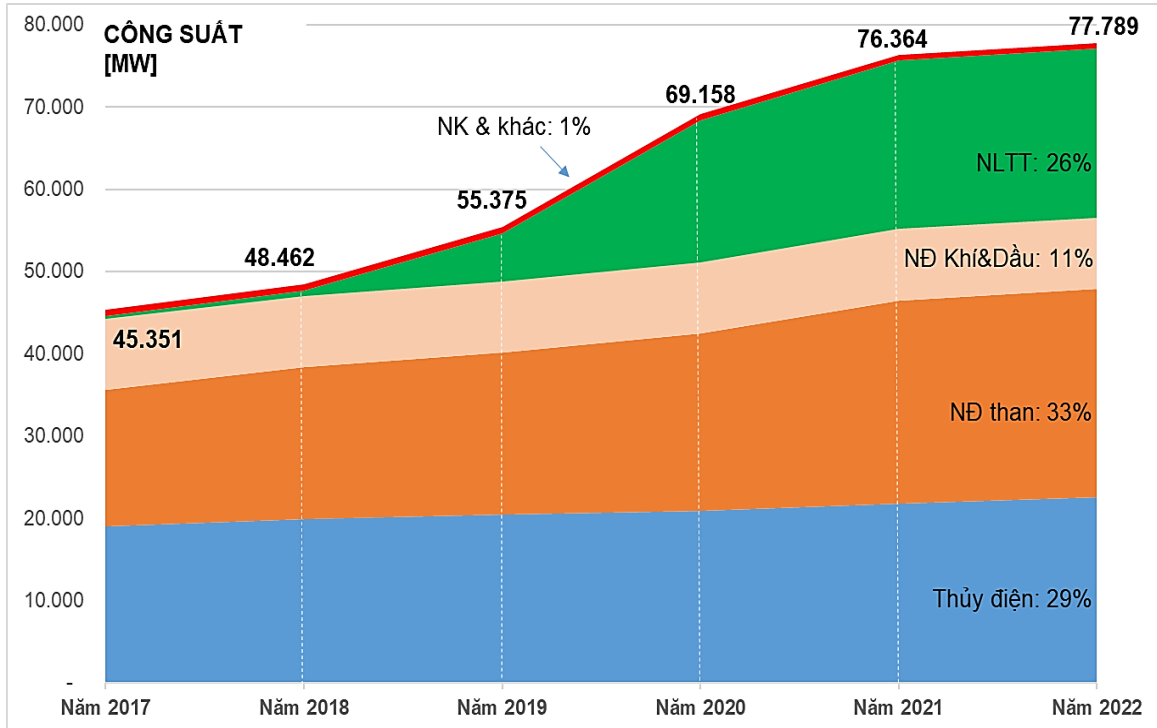
Theo bảng 3.3, giai đoạn từ 2019 đến nay, nguồn năng lượng tái tạo đã có bước phát triển vượt trội về tỷ trọng được vận hành. Tính đến hết năm 2022, cơ cấu của nguồn năng lượng tái tạo đã chiếm 26,4% (trong đó điện mặt trời, điện gió chiếm 25,4%). Tổng công suất đặt của nguồn điện được thể hiện qua biểu đồ 3.5 dưới đây. Theo đó, tính đến cuối năm 2022, tổng công suất nguồn điện toàn hệ thống đạt khoảng 77.789 MW.



Biểu đồ 3.5. Cơ cấu nguồn điện năm 2022

(Nguồn: [47])

Về quy mô phát triển hệ thống điện giai đoạn 2017 - 2022, theo “Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch năm 2022; mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2023” của EVN cho thấy, năng lượng tái tạo có sự phát triển mạnh mẽ thể hiện qua đồ thị 3.6 dưới đây:



Biểu đồ 3.6. Quy mô phát triển hệ thống điện giai đoạn 2017 - 2022

(Nguồn: [47])

Tình hình phát triển điện gió

Thời gian qua, Chính phủ Việt Nam đã quan tâm đến việc đầu tư phát triển năng lượng gió, đặc biệt sau khi Chính phủ ban hành cơ chế khuyến khích phát triển điện gió thông qua “Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011” và “Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg ngày 10/9/2018”. Từ 2019 đến nay, đặc biệt giai đoạn 2019 - 2021, Việt Nam là một trong những quốc gia đi đầu về phát triển năng lượng tái tạo với gần 20GW nguồn điện năng lượng tái tạo đã được đầu tư và đưa vào vận hành. Trong đó, điện gió tăng từ 300MW năm 2018 đến cuối năm 2021 đạt gần 4000MW (các nhà máy đã được công nhận vận hành thương mại - COD).

Tình hình phát triển điện mặt trời

Trước 2017, nước ta có tiềm năng rất lớn, tuy nhiên, điện mặt trời nổi lưới vẫn chưa phát triển, tổng công suất chỉ khoảng 28 MW, chủ yếu là các hệ thống quy mô nhỏ, không nổi lưới và một số dự án nhỏ trên tòa nhà, văn phòng. Khi Chính

phủ ra “Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg vào ngày 11/4/2017 về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam” và “Thông tư số 16/2017/TT-BCT quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời”, nhiều nhà đầu tư đã đầu tư vào các dự án, chủ yếu ở khu vực miền Trung và miền Nam.

Đến cuối năm 2022, nguồn điện mặt trời nối lưới đã đạt khoảng 9000 MW (trong đó tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận chiếm gần 3,5 GW). Quy mô công suất các dự án điện mặt trời đã được bổ sung vào quy hoạch lên tới 13 GW; tổng công suất đăng ký xây dựng nhưng chưa được bổ sung vào quy hoạch là khoảng 50 GW. Trong giai đoạn 2019 - 2021, điện mặt trời (điện mặt trời trang trại, điện mặt trời mái nhà) tăng từ 84MW năm 2018 đến cuối năm 2021 đạt ~16.200MW.

3.2. TÌNH HÌNH QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở VIỆT NAM

3.2.1. Tình hình quan hệ lợi ích giữa Nhà nước và doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo

- *Về phía Nhà nước:* Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phát triển năng lượng tái tạo, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm khuyến khích doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân tham gia phát triển lĩnh vực này. Trong quan hệ lợi ích giữa Nhà nước và doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam, Nhà nước đã ban hành các kế hoạch, chiến lược, quy hoạch phát triển, cam kết giá thu mua năng lượng tái tạo từ các doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo, ban hành chính sách... để tạo lập hành lang pháp lí, cơ chế hoạt động cho doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo.

Năm 2007, lần đầu tiên Việt Nam ban hành quyết định số 1855/QĐ-TTg về Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn đến 2050, nội dung của chiến lược đề cập đến: “Đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia; cung cấp đủ năng lượng chất lượng cao cho phát triển KT - XH; khai thác và quản lí hiệu quả các nguồn năng lượng sơ cấp trong nước; đa dạng hóa đầu tư năng lượng và mô hình kinh doanh; thiết lập và phát triển thị trường năng lượng cạnh tranh”.

Năm 2011, chính phủ ban hành Quyết định số 1208/QĐ-TTg về Quy hoạch điện VII giai đoạn 2011 - 2020, trong đó quy định về tỉ trọng năng lượng tái tạo: “Ưu tiên phát triển nguồn năng lượng tái tạo cho sản xuất điện, tăng tỷ lệ điện năng sản xuất từ nguồn năng lượng này từ mức 3,5% năm 2010 lên 4,5% vào năm 2020 và 6,0% vào năm 2030”. Để hiện thực hóa Quy hoạch trên, Thủ tướng ban hành quyết định 2068/ QĐ-TTg 24 tháng 11/2015 phê duyệt Chiến lược phát triển nguồn năng lượng tái tạo và các bước để hiện thực hóa đến năm năm 2030, tầm nhìn 2050. Đến năm 2016, Chính phủ sửa đổi quy hoạch này và gia tăng thêm các mục tiêu về tỉ trọng năng lượng tái tạo lên 7% vào năm 2020 và 10% vào năm 2030.

Năm 2014, Quốc hội sửa đổi Luật Điện lực và ban hành luật Luật Bảo vệ môi trường nhằm tăng cường khung pháp lí cho việc khai thác năng lượng. Trong đó Luật Điện lực đã đặt cơ sở cho việc phát triển các dự án về năng lượng tái tạo. Cùng với đó, Luật Bảo vệ môi trường cũng xác định rõ về vai trò của năng lượng tái tạo và nhấn mạnh việc Chính phủ cần có ưu đãi đối với việc khai thác và sử dụng năng lượng xanh và năng lượng tái tạo.

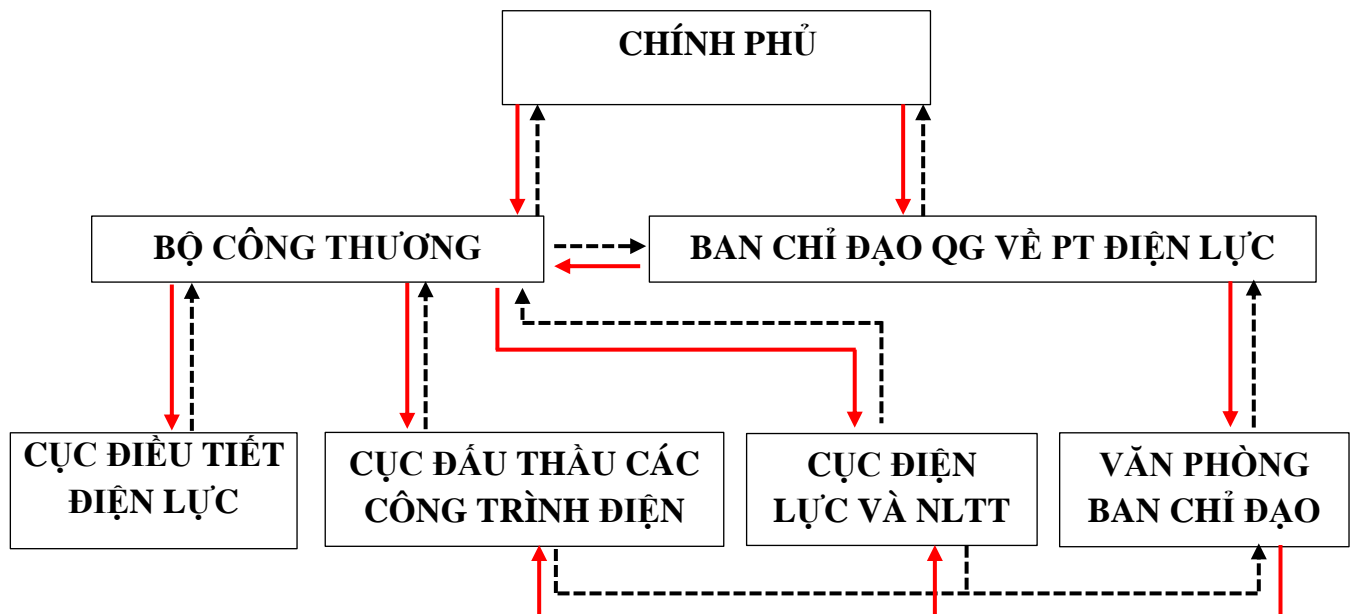
Cùng với đó Bộ Công Thương đưa ra nhiều cơ chế khuyến khích nhằm thúc đẩy phát triển các dự án về năng lượng tái tạo bao gồm các ưu đãi về thuế quan, ưu đãi liên quan đến đất đai và các trợ cấp cho các nghiên cứu liên quan đến năng lượng tái tạo. Chính phủ cũng đưa ra nhiều ưu đãi đối với các đầu tư về năng lượng tái tạo từ mọi thành phần kinh tế như: Điều 15, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (2013); Điều 19.3, “Nghị định số 46/2014/ NĐ-CP, Quy định về thu tiền thuê đất và tiền thuê mặt nước (2014)”. Theo đó, các nhà đầu tư của bất kỳ dự án năng lượng tái tạo nào cũng đều được giảm trừ thuế phí sử dụng đất lên đến 11 năm, đặc biệt đối với các dự án ở các địa bàn có điều kiện về KT - XH đặc biệt khó khăn thì sẽ được kéo dài lên đến 15 năm.

Ngoài ra, đối với các lĩnh vực năng lượng tái tạo cụ thể, Nhà nước đều có cơ chế chính sách ưu đãi, ví dụ ban hành cơ chế giá ưu đãi cố định (FIT) với điện mặt trời tại “Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 và Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ”; với điện gió là “Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg ngày 10/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ”. Các quyết

định trên đã tạo đột phá, thu hút hàng tỉ USD của doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước đổ vào điện mặt trời, điện gió, đặc biệt trong giai đoạn 2019 – 2021.

Đáng chú ý, Nghị quyết 55 được ban hành năm 2020 về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Bộ Chính trị được coi là định hướng toàn diện nhất trong lĩnh vực chuyển dịch năng lượng. Nghị quyết định hướng tiếp tục gia tăng tỉ trọng điện năng lượng tái tạo và xóa bỏ độc quyền, cạnh tranh không lành mạnh; phát triển và đa dạng hóa các dạng năng lượng. Bên cạnh đó, Nghị quyết 55 cũng mở đường cho doanh nghiệp tư nhân, bao gồm cả các nhà đầu tư nước ngoài, tham gia vào thị trường điện vốn lâu nay vẫn do Tập đoàn Điện lực Việt Nam độc quyền.

Tiếp đó, Thủ tướng Chính phủ đã ký “Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII)” với mục tiêu ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo phục vụ sản xuất điện. Để đảm bảo lợi ích cho xã hội, Nhà nước và các Bộ/ ngành có liên quan đã cụ thể hóa đường lối, chính sách phát triển năng lượng tái tạo, thiết lập phối hợp giữa các cơ quan liên quan để quản lí lĩnh vực năng lượng tái tạo. Sự phối hợp được thể hiện qua sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 3.1. Sơ đồ tổ chức thực hiện quy hoạch điện VIII

(Nguồn: [72])

Sự phối hợp tổ chức giữa các cơ quan Nhà nước tăng cường sự thống nhất, đồng bộ trong việc thực hiện chính sách. Bảng dưới đây là tổng hợp những cơ chế khuyến khích doanh nghiệp phát triển điện gió, điện mặt trời hiện hành:

Bảng 3.4. Tổng hợp cơ chế khuyến khích phát triển điện tái tạo từ năm 2017

Năng lượng tái tạo	Loại hình	Cơ chế khuyến khích và hiệu lực	Giá bán (chưa gồm VAT)
Điện mặt trời (cho các dự án vận hành đến 31/12/2020)	Điện mặt trời nổi	FIT cho 20 năm	7,69 Uscents/kWh
	Điện mặt trời mặt đất	FIT cho 20 năm	7,09 Uscents/kWh
	Điện mặt trời mái nhà	FIT cho 20 năm	8,38 Uscents/kWh
Điện gió (cho các dự án vận hành trước tháng 11/2021)	Dự án trên đất liền	FIT cho 20 năm	8,5 Uscents/kWh
	Dự án ngoài khơi	FIT cho 20 năm	9,8 Uscents/kWh

(Nguồn: [72])

Để đảm bảo lợi ích cho các dự án đã được đầu tư, triển khai nhưng chưa kịp hoàn thành trước thời hạn giá FIT ưu đãi, Bộ Công Thương đã Ban hành “Quyết định số 21/QĐ-BCT ngày 07 tháng 01 năm 2023” đặt ra khung giá điện cho việc phát điện từ các nhà máy điện mặt trời và điện gió trong diện chuyển tiếp với giá phát điện như bảng 3.5 dưới đây:

Bảng 3.5. Khung giá phát điện nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp

STT	Loại hình	Mức trần của khung giá (đồng/kWh)	Thay đổi so với giá FIT
1.	Nhà máy điện mặt trời mặt đất	1.184,90	- 29%
2.	Nhà máy điện mặt trời nổi	1.508,27	- 23%
3.	Nhà máy điện gió trong đất liền	1.587,12	- 20%
4.	Nhà máy điện gió trên biển	1.815,95	- 21%

(Nguồn: [4])

Từ bảng số liệu trên có thể thấy, cơ chế giá mới cho năng lượng tái tạo thấp hơn

hiều so mức trước đó (thấp hơn từ 21% - 29% so với giá FIT), cơ chế này làm giảm sự hấp dẫn trong việc kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư phát triển năng lượng tái tạo, nhất là nguồn vốn ngoài nhà nước. Cơ chế trên cũng cho thấy định hướng chính sách của Nhà nước trong việc mở rộng điện gió, đặc biệt là điện gió ngoài khơi, là mũi nhọn chính trong mảng năng lượng tái tạo giai đoạn 2021 - 2030. Ngoài cơ chế FIT, các dự án năng lượng tái tạo tại Việt Nam còn có các cơ chế khuyến khích khác... Bảng dưới đây thể hiện một số cơ chế ưu đãi áp dụng cho tất cả các loại dự án năng lượng tái tạo.

Bảng 3.6. Cơ chế khuyến khích cho dự án điện tái tạo nổi lưới tại Việt Nam từ năm 2017

STT	Cơ chế khuyến khích tài chính	Mức độ
1.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Thuế suất thuế TNDN: - 4 năm đầu kể từ năm có thu nhập chịu thuế: 0% - 9 năm tiếp theo: 5% - 2 năm tiếp theo: 10% - Các năm còn lại: 20%
2.	Sử dụng đất	Tiền thuê đất ưu đãi theo quy định của tỉnh
3.	Phí bảo vệ môi trường	0%
4.	Đầu tư	Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) cho vay lên tới 70% tổng chi phí đầu tư với lãi suất tương đương với mức lãi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm cộng với 1%/năm.

- *Về phía các doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo:* Doanh nghiệp với vai trò hiện thực hóa các đường lối, Nghị quyết, chiến lược, kế hoạch, chính sách của Nhà nước về phát triển năng lượng tái tạo vào thực tiễn, tận dụng tối đa những ưu đãi của Nhà nước trong lĩnh vực này nhằm thu được lợi nhuận tối đa.

+ *Về số lượng doanh nghiệp và công suất:* Trước 2017, Việt Nam vẫn chưa có quy hoạch, cơ chế, chính sách cho phát triển điện gió, điện mặt trời. Hạ tầng cho phát

triển điện gió, điện mặt trời cũng chưa sẵn sàng. Đến tháng 8/2017, tổng công suất điện mặt trời dưới 30MWp, chủ yếu là cấp điện nhỏ tại chỗ. Với tiềm năng lớn cùng với các chính sách hỗ trợ của Chính phủ, từ năm 2017 với “Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg của Chính phủ nhằm khuyến khích các dự án điện mặt trời”; “Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg ngày 10/9/2018 cho các dự án điện gió”, kể từ đó, đã có nhiều dự án được đóng lưới thành công vào lưới điện quốc gia. Ngày 25/09/2018, nhà máy điện mặt trời Phong Điền ở tỉnh Thừa Thiên Huế đã đóng điện thành công lên lưới điện quốc gia. Đây là nhà máy điện đầu tiên tại Việt Nam với công suất 35 MW.

Với sự quan tâm của Chính phủ, các dự án điện năng lượng tái tạo ở nước ta đã tăng lên nhanh chóng. Theo đó, tại thời điểm năm 2017, năng lượng mặt trời, năng lượng gió hầu như chưa có sự đầu tư phát triển nhưng đến cuối năm 2019, Việt Nam đã vượt qua Malaysia và Thái Lan để trở thành quốc gia sở hữu công suất lắp đặt các tấm pin mặt trời lớn nhất Đông Nam Á. Hiện nay, cả nước có 149 dự án điện mặt trời, 95 dự án điện gió đang vận hành, tổng công suất thiết kế là gần 9047 MW, chủ yếu tập trung ở miền Nam, chỉ riêng hai tỉnh là Ninh Thuận và Bình Thuận, tổng công suất đã chiếm tới hơn 42%. Bảng dưới đây cho thấy sự gia tăng về số lượng các dự án điện gió, điện mặt trời từ năm 2017:

Bảng 3.7. Thống kê số lượng dự án điện mặt trời, điện gió giai đoạn 2017 - 2022

STT	Nhà máy	Số lượng					
		2017	2018	2019	2020	2021	2022
1.	Điện mặt trời	0	7	82	84	120	149
2.	Điện gió	0	3	9	27	84	95

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu của Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia)

Bảng 3.8. Thống kê công suất năng lượng tái tạo vận hành năm 2022

Loại hình	Công suất Hiện tại	Công suất lớn nhất	Công suất thiết kế	Sản lượng/ngày
Điện gió	185 MW	435 MW	5445 MW	5303MWh
Điện mặt trời	10 MW	4620 MW	9047 MW	33935MWh

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu của Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia)

Từ việc tổng số lượng doanh nghiệp (bảng 3.7) và công suất vận hành (bảng 3.8) của các doanh nghiệp điện mặt trời, điện gió cho thấy số lượng các nhà đầu tư tăng lên mạnh mẽ, đặc biệt trong giai đoạn 2019 - 2021 (thời điểm được hưởng cơ chế FIT). Rõ ràng, những cơ chế, chính sách của Nhà nước đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của các dự án điện gió, điện mặt trời, đặc biệt từ năm 2019.

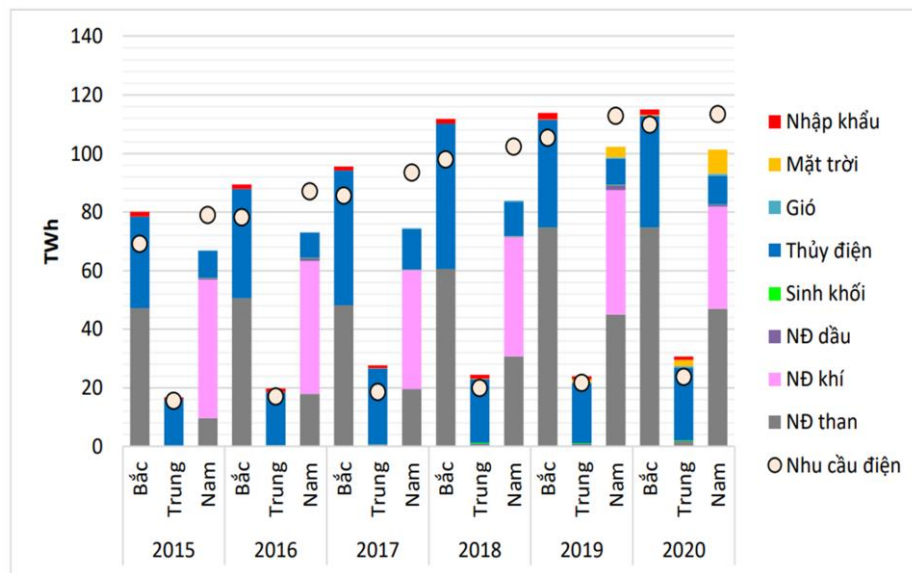
Tuy nhiên, từ bảng số liệu trên có thể thấy được sự phát triển nóng các dự án điện mặt trời và điện gió giai đoạn 2019 – 2021. Sự phát triển nóng này đã dẫn đến bất cập trong vận hành hệ thống điện, làm ảnh hưởng lợi ích của các bên. Bên cạnh đó, các dự án điện mặt trời, điện gió ở nước ta tập trung mật độ cao tại một số khu vực đã và đang tạo áp lực cho hệ thống truyền tải điện.

Từ giai đoạn 2021 - 2022 (khi cơ chế giá ưu đãi FIT hết hạn vào tháng 11 năm 2021), số lượng doanh nghiệp đầu tư vào năng lượng tái tạo không còn nhộn nhịp như trong năm 2021. Từ năm 2022 đến nay xuất hiện tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trong khi chờ đợi cơ chế giá mới, bên cạnh đó, chính sách giá FIT đi kèm với việc phát triển ồ ạt năng lượng tái tạo, dẫn đến mất cân đối về mặt thời gian giữa các khung giờ cao điểm, cơ cấu nguồn cũng như hệ thống truyền tải. Ban đầu, Chính phủ chỉ đặt mục tiêu giữ tỉ lệ điện mặt trời khoảng 10% trong tổng công suất lắp đặt toàn quốc. Tuy nhiên, kết thúc năm 2021, điện mặt trời đã chiếm đến 22% - trở thành nguồn năng lượng lớn thứ ba. Sau khi cơ chế ưu đãi FIT hết hạn, vẫn còn một số lượng lớn các doanh nghiệp chưa kịp hưởng giá ưu đãi.

Đến 2023, theo EVN, đã có khoảng 62 dự án điện gió (tổng công suất 3,479 MW) và 16 dự án điện mặt trời chuyển tiếp (tổng công suất 726 MW). Cơ chế giá điện chuyển tiếp hỗ trợ các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, các doanh nghiệp đã ký hợp đồng mua bán điện với EVN: dựa theo khung giá điện chuyển tiếp để đàm phán giá mua bán điện từ đó giúp các doanh nghiệp sớm có doanh thu, lợi nhuận từ đó giảm áp lực dòng tiền và xác định rõ lộ trình thu hồi vốn.

Từ phân tích có thể thấy, quan hệ lợi ích giữa Nhà nước và doanh nghiệp trong phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta trong thời gian qua đã bộc lộ một số mâu thuẫn về lợi ích, cụ thể: Thứ nhất, sự phát triển nóng của các dự án điện gió, điện mặt trời đã áp lực lớn lên hệ thống truyền tải điện, xảy ra tình trạng nguồn điện không cân

đối với nhu cầu phụ tải của từng vùng. Về mặt cân bằng cung – cầu, giai đoạn 2015 – 2020, phụ tải và nguồn cung điện ở nước ta có tổng thể khá tốt. Tuy nhiên, nếu xem xét kỹ hơn về sự phát triển nguồn điện của từng vùng ở biểu đồ 3.7 dưới đây có thể sự phát triển nguồn điện không cân đối với nhu cầu phụ tải của từng vùng. Điều này dẫn đến mâu thuẫn về lợi ích: Tỷ trọng công suất và huy động điện từ nguồn năng lượng tái tạo tăng trưởng rất nhanh nhưng Việt Nam vẫn xảy ra nguy cơ thiếu điện, nhất là vào cao điểm nắng nóng. Lí do là điện mặt trời, điện gió tăng trưởng nóng dẫn đến không cân bằng giữa phụ tải và nguồn điện của từng miền. Điều này ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế của các doanh nghiệp điện gió, điện mặt trời khi phải giảm công suất lên lưới. Thứ hai, việc Chính phủ áp dụng khung giá mới thấp hơn giá FIT trước đó khiến lợi nhuận của các dự án giảm đồng thời kéo dài thời gian doanh nghiệp hoàn vốn so với dự kiến ban đầu.

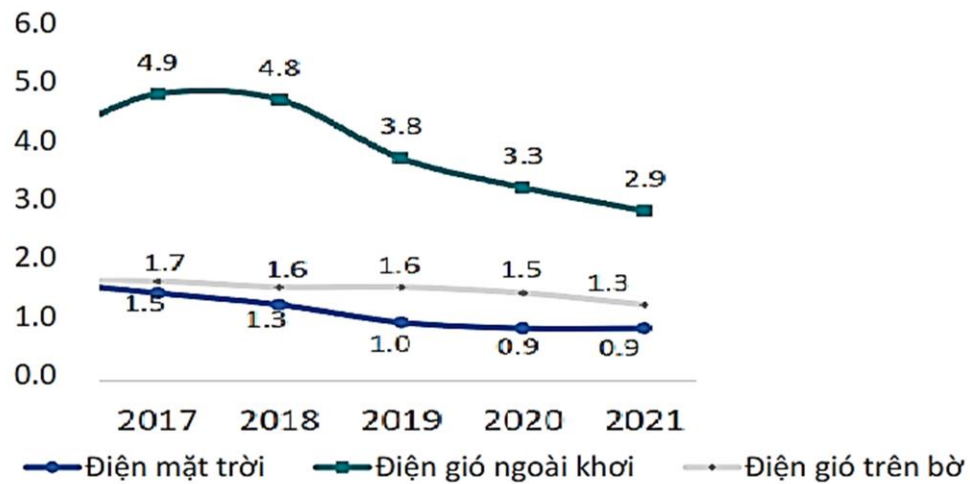


Biểu đồ 3.7. Hiện trạng điện sản xuất của các loại hình nguồn điện theo từng miền giai đoạn 2015 - 2020

(Nguồn: [48])

+ Về chi phí đầu tư của các doanh nghiệp điện gió, điện mặt trời: Theo ước tính trong Quy hoạch Điện VIII, chi phí đầu tư các dự án năng lượng tái tạo có xu hướng giảm dần trong giai đoạn 2017 – 2021. Biểu đồ dưới đây cho thấy chi phí đầu tư của các dự án điện năng lượng tái tạo ở nước ta:

(đơn vị: Triệu USD/MW)



Biểu đồ 3.8. Chi phí lắp đặt các nhà máy điện gió, điện mặt trời giai đoạn 2017 - 2021

(Nguồn: IRENA)

Chi phí lắp đặt trung bình toàn cầu các dự án giảm trong giai đoạn 2017 - 2021 và dự kiến tiếp tục giảm trong tương lai. Chi phí lắp đặt nhà máy điện mặt trời giảm nhanh (-81%), chi phí lắp đặt nhà máy điện gió cải thiện nhờ những cải tiến về công nghệ, quy trình sản xuất (điện gió ngoài khơi -40%/ điện gió trên bờ -55%). Về cơ cấu chi phí đầu tư dự án, chi phí mua sắm thiết bị vật tư chiếm khoảng 70-75% tổng gói thầu; chi phí xây dựng khoảng 20-25% và còn lại là các chi phí liên quan đến tư vấn, quản lý dự án.

+ Về hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp điện gió, điện mặt trời: Lợi ích kinh tế của các doanh nghiệp phát triển điện gió, điện mặt trời thu được chính là phần lợi nhuận sau thuế. Để làm rõ hơn lợi ích kinh tế của các doanh nghiệp này, tác giả đã tổng hợp số liệu về kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh điện gió, điện mặt trời ở Việt Nam dựa trên số liệu khảo sát về doanh nghiệp của Tổng cục thống kê năm 2021 và thu được kết quả về lợi ích kinh tế của chủ thể sản xuất kinh doanh năng lượng tái tạo như tính toán dưới đây.

Bảng 3.9. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp/nhà máy điện gió, điện mặt trời ở Việt Nam năm 2021

Các chỉ tiêu	Số lượng doanh nghiệp điện gió	Số lượng doanh nghiệp điện mặt trời
Loại hình doanh nghiệp:		
- Công ty cổ phần	81	52
- Công ty trách nhiệm hữu hạn	39	32
Tỷ lệ góp vốn:		
+ 100% vốn ngoài nhà nước	108	61
+ Liên doanh trong và ngoài nước	3	13
+ 100% vốn nước ngoài	9	10
Quy mô vốn (tỉ đồng):		
- Trên 100 tỉ đồng	72	72
- Dưới 100 tỉ đồng	48	3
- Trên 1000 tỉ đồng		9
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (tỉ đồng)		
- Dưới 100 tỉ đồng	101	81
- Trên 100 tỉ đồng	19	3
Thuế thu nhập doanh nghiệp (tỉ đồng)	284,9	1605,4
Lợi nhuận sau thuế:		
- Lợi nhuận âm:	44	59
- Lợi nhuận dương:		
+ Dưới 10 tỉ đồng	16	12
+ Trên 10 tỉ đồng	60	13

(Nguồn: Tác giả tổng hợp và tính toán từ khảo sát các doanh nghiệp đang hoạt động kinh doanh của Tổng cục thống kê năm 2021)

Theo số liệu trên, có 120 doanh nghiệp điện gió, 84 doanh nghiệp điện mặt trời đang hoạt động kinh doanh tính đến hết năm 2021. Tuy nhiên, chỉ 84/120 nhà máy điện gió (tổng công suất 3980,27 MW được công nhận vận hành thương mại COD). Từ kết quả trên, có thể đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của các dự án điện gió, điện mặt trời như sau: Hầu hết các dự án điện gió, điện mặt trời đều có quy mô vốn lớn; nguồn vốn được thu hút vào vẫn chủ yếu là từ trong nước, nguồn vốn nước ngoài chiếm tỉ lệ không đáng kể; lợi nhuận của các dự án điện gió cao hơn các dự án điện mặt trời. Bên cạnh đó, vẫn còn một lượng lớn các doanh nghiệp có lợi nhuận âm (có thể do lỗ hẹn giá FIT), trong khi 1GW điện tổng đầu tư đã 2-3 tỉ USD, dẫn đến nhà đầu tư bị đọng vốn, phải trả lãi vay ngân hàng, nguồn lực xã hội bị lãng phí. Trong 2 năm 2020 - 2021, tác động của dịch bệnh COVID-19 bất khả kháng đã khiến cho nhiều dự án không kịp hạn chót hưởng giá FIT. Bên cạnh đó, việc không đảm bảo hài hoà lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo đã làm cho lợi ích của doanh nghiệp bị ảnh hưởng. Một nguyên nhân khác khiến điện mặt trời có lợi nhuận thấp, một số nhà đầu tư bị thua lỗ là do điện mặt trời liên tục đối mặt với việc giảm phát, lí do đơn giản là lúc điện mặt trời phát công suất tối đa, từ khoảng 10 - 14h hàng ngày thì lại rơi vào thời điểm nhu cầu phụ tải toàn hệ thống điện xuống thấp mà hiện tại chưa có các giải pháp lưu trữ điện năng.

Về hiệu quả tỉ suất sinh lời nội tại (*IRR*) của các doanh nghiệp điện gió, điện mặt trời, có thể phân thành hai nhóm: Các doanh nghiệp được hưởng giá FIT và các doanh nghiệp thuộc diện chuyển tiếp. Bảng 3.10 dưới đây cho thấy, mức giá mới sẽ làm giảm đáng kể tỉ suất sinh lời (*IRR*) của các dự án điện năng lượng tái tạo chuyển tiếp so với giá FIT. Cụ thể, tỉ suất sinh lời của các dự án điện mặt trời mặt đất chỉ đạt 5,1%, tỉ suất sinh lời của điện gió trên bờ và gần bờ sẽ giảm xuống lần lượt là 8,0% và 7,9% từ mức hơn 12% theo giá FIT cũ. Tỉ suất sinh lời giảm xuống dẫn đến tâm lí thận trọng của các doanh nghiệp đầu tư vào phát triển điện mặt trời, điện gió, đồng thời đòi hỏi các doanh nghiệp hiện tại phải chứng minh về năng lực triển khai và vận hành dự án để có thể đạt được mục tiêu lợi nhuận.

Bảng 3.10. Hiệu quả tỉ suất sinh lời của nhà máy điện năng lượng tái tạo tiêu chuẩn giai đoạn 2017 - 2022

Thông số đầu vào	Điện mặt trời mặt đất	Điện gió trên bờ	Điện gió gần bờ
Tỉ lệ vốn vay	70%	70%	70%
Lãi suất vay nội tệ	11%	11%	11%
Số giờ vận hành (giờ/năm)	1.800	3.000	3.500
Thuế suất (trung bình 20 năm)	8,25%	8,25%	8,25%
Suất đầu tư (triệu USD/MW)	0,9	1,6	1,9
Khấu hao (năm)	20	20	20
Giá FIT (đồng/KWh)	1.680	2.015	2.323
Ước tính tỉ suất sinh lời nội tại (IRR) (%)	11,7%	12,7%	12,9%
Giá điện chuyển tiếp (đồng/KWh)	1.185	1.587	1.815
Ước tính tỉ suất sinh lời nội tại (IRR) giá chuyển tiếp (%)	5,1%	8,0%	7,9%

(Nguồn: Tác giả tổng hợp theo Báo cáo Vndirect Research, 2022)

+ Về đóng góp của các doanh nghiệp điện gió, điện mặt trời: Phát huy năng lực sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp, nhà đầu tư điện gió, điện mặt trời đã nắm bắt chủ trương, cơ chế, chính sách của Nhà nước để chủ động trong sản xuất kinh doanh. Thực tiễn thời gian qua cho thấy, các doanh nghiệp đã chủ động nắm bắt những ưu đãi của Nhà nước để phát triển điện gió, điện mặt trời, từ đó đem lại lợi nhuận và đóng góp vào ngân sách.

Số liệu bảng 3.9 ở trên cho thấy đóng góp của các nhà máy điện gió, điện mặt trời vào ngân sách nhà nước; bên cạnh đó, bảng 3.11 dưới đây cho thấy, mức đóng góp của các doanh nghiệp vào ngân sách ở một số địa phương có tiềm năng phát triển điện gió, điện mặt trời. Một ví dụ điển hình về lợi ích kinh tế thu được nhờ phát triển năng lượng tái tạo đó là tỉnh Ninh Thuận, tính đến cuối năm 2022 trên địa bàn tỉnh đã đầu tư xây dựng hoàn thành 46 dự án năng lượng với tổng công suất 3.423MW. Trong đó, có 35 dự án điện mặt trời với công suất đạt 2.457MW; 11

dự án điện gió có công suất 667MW. Phát triển năng lượng tái tạo đã tạo đột phá, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ngành năng lượng đã đóng góp đáng kể cho phát triển KT - XH của tỉnh. Các nguồn năng lượng tạo ra giá trị gia tăng hơn 2.766 tỉ đồng, chiếm tỉ trọng khoảng 9,04 % GRDP của tỉnh, tham gia đóng góp khoảng 10,2% trên tổng thu ngân sách toàn tỉnh; giải quyết khoảng 6.000 lao động, chiếm 2,3% tổng số lao động làm việc trong các ngành kinh tế của tỉnh. Trong năm 2021, tổng sản phẩm nội tỉnh (GRDP) đạt 19.767,4 tỉ đồng, tăng 9,0%/năm 2020 - Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp đạt 4.762,9 tỉ đồng, tăng 38,06%/năm 2020, đóng góp 6,64% GRDP toàn tỉnh. Đây cũng là mức tăng trưởng cao nhất khu vực Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung. Riêng giá trị gia tăng ngành sản xuất và phân phối điện đạt 3.613,6 tỉ đồng, đóng góp 6,84% GDRP; 6,822 tỉ kWh/năm vào lưới điện quốc gia; thu thuế VAT 1.258 tỉ đồng/năm. Bên cạnh đó các doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo đã đồng hành đóng góp các quỹ phúc lợi an sinh xã hội của địa phương (như: đầu tư hạ tầng giao thông; ủng hộ xây dựng trường học và trang thiết bị dạy và học; ủng hộ công tác phòng chống COVID-19; ủng hộ quỹ vì người nghèo và các gia đình chính sách,...).

Bảng 3.11. Đóng góp của các dự án điện gió, điện mặt trời vào ngân sách một số địa phương từ 2019 đến nay

STT	Tỉnh (đăng kí Quy hoạch điện VIII)	Số lượng nhà máy điện gió, điện mặt trời	Đóng góp vào ngân sách địa phương (tỉ đồng/ năm)
1.	Ninh Thuận	46	1.013
2.	Bình Thuận	35	500
3.	Bạc Liêu	10	100
	Tổng	91	1.613

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các địa phương)

Những phân tích trên chứng minh rằng, mối quan hệ lợi ích giữa Nhà nước và doanh nghiệp đã đạt được những kết quả to lớn, Nhà nước và doanh nghiệp đều đạt được những lợi ích kinh tế của mình, đồng thời, tạo tiền đề tích cực giải quyết mối quan hệ lợi ích với các chủ thể khác. Rõ ràng, khi lợi ích của doanh nghiệp được đảm bảo, tức hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại lợi nhuận, phần đóng góp cho ngân

sách nhà nước cũng sẽ tăng lên. Thực hiện vai trò của mình, Nhà nước cũng đã thu về lợi ích như mục tiêu về đảm bảo an ninh năng lượng, phát triển bền vững đất nước trên các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường. Ngoài ra, Nhà nước còn thu được thuế từ các doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo để bổ sung vào ngân sách hoạt động của mình.

3.2.2. Tình hình quan hệ lợi ích giữa Nhà nước và người tiêu dùng

Năng lượng luôn là yếu tố quan trọng trong quá trình phát triển KT – XH của đất nước. Để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, Đảng và Nhà nước ta đã luôn dành sự quan tâm sâu sắc đến vấn đề phát triển năng lượng, luôn chủ trương điện phải đi trước một bước, làm nguồn động lực cho phát triển KT – XH, cải thiện đời sống nhân dân, đảm bảo an ninh năng lượng, giảm phát thải đồng thời vẫn đảm bảo phát triển kinh tế, tăng cường tiếp cận năng lượng của người tiêu dùng với mức chi phí hợp lý, tạo ra công ăn việc làm mới và có chất lượng cho các cộng đồng bị tác động bởi quá trình chuyển dịch. Trong thời gian qua, quan hệ lợi ích giữa Nhà nước và người tiêu dùng trong phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta đã bước đầu được giải quyết hiệu quả, người tiêu dùng đã được hưởng những lợi ích từ những chính sách phát triển năng lượng tái tạo của Nhà nước, cụ thể:

Một là, về mặt kinh tế

- Nhà nước và người tiêu dùng đều đã thu được những lợi ích của việc sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Kể từ khi kết thúc “Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (2006-2015)”, sau 4 năm, Việt Nam đã có kế hoạch tổng thể tầm quốc gia về sử dụng năng lượng hiệu quả, tiết kiệm, cũng như phát triển năng lượng tái tạo. Nhà nước đã ban hành “Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng”, khuyến khích toàn dân sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và tạo được sự đồng thuận của người tiêu dùng. Ngày 13 tháng 3 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 tại Quyết định số 280/QĐ-TTg. Chương trình quốc gia đặt ra hai mục tiêu quan trọng đặt trọng tâm vào việc cải thiện chất lượng sử dụng năng lượng tại tất cả ngành/lĩnh vực của Việt Nam, tạo tiền đề đưa ngành năng lượng Việt Nam phát triển bền vững, ổn định, phục vụ hiệu quả việc phát triển KT – XH, quốc phòng an ninh của đất nước.

Để đảm bảo hài hoà lợi ích giữa Nhà nước và người tiêu dùng, Chính phủ Việt Nam đã chú trọng xây dựng kế hoạch dài hạn với chính sách phù hợp, lộ trình cụ thể, nhìn nhận chuyển dịch năng lượng từ vấn đề an ninh năng lượng; dựa trên sự sẵn có của các nguồn năng lượng; khả năng tiếp cận các nguồn năng lượng ở các vùng, miền; khả năng chi trả và sự chấp nhận các loại năng lượng của người tiêu dùng. Trong quá trình thực thi chính sách, Nhà nước luôn chú trọng hệ thống chính sách đảm bảo đồng bộ, đặc biệt là chính sách trợ giá điện cho các đối tượng người tiêu dùng, chính sách đối với nhóm, đối tượng dễ bị tổn thương do tác động của chuyển đổi năng lượng (đặc biệt vấn đề giá điện đối với các hộ nghèo, nhóm yếu thế) và đối với người lao động bị mất việc làm trong các ngành, lĩnh vực do chuyển đổi từ năng lượng truyền thống sang năng lượng tái tạo...

Nhờ thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, từ 2017 đến nay, mục tiêu tiết kiệm từ 5 -7% tổng năng lượng yêu cầu cho phát triển đất nước đã được thực hiện, cả nước tiết kiệm được khoảng 60 triệu tấn dầu quy đổi, tương đương với tổng lượng năng lượng sơ cấp đã tiêu thụ của cả nước vào năm 2014. Đối với người tiêu dùng (cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng và cá nhân, hộ gia đình), việc sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và phát triển năng lượng tái tạo đã góp phần thay đổi hành vi sử dụng năng lượng theo hướng tiết kiệm, hiệu quả và trách nhiệm; góp phần xây dựng con người, xã hội Việt Nam có trách nhiệm với tài nguyên năng lượng quốc gia, với các thế hệ mai sau thông qua thay đổi nhận thức, tư duy, hành vi, hình thành thói quen của người Việt Nam về sử dụng năng lượng.

- Nhờ chính sách phát triển năng lượng tái tạo của Nhà nước, lợi ích của người tiêu dùng được đảm bảo trên cơ sở cung ứng điện ngày càng ổn định, khả năng tiếp cận điện năng của người tiêu dùng ngày càng trở nên dễ dàng và hệ thống lưới truyền tải được đầu tư để đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng của người tiêu dùng. Đóng góp của năng lượng tái tạo vào cơ cấu nguồn điện quốc gia đã góp phần giải quyết nhu cầu của người tiêu dùng, năm 2022 cơ cấu nguồn điện tái tạo chiếm 26,4% trong tổng cơ cấu nguồn điện cho thấy vai trò của năng lượng tái tạo trong việc thoả mãn nhu cầu của người tiêu dùng.

- Từ 2017 đến nay, Nhà nước đã có nhiều chính sách điều chỉnh giá điện, thị trường điện ngày càng được hoàn thiện, minh bạch hoá giá điện đến người tiêu dùng.

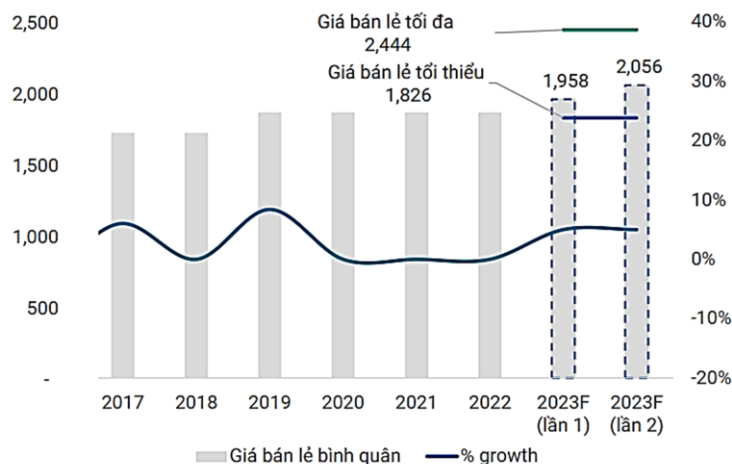
Tính đến tháng 6/2022, tổng số nhà máy điện đang vận hành trong hệ thống

điện là 344 nhà máy với tổng công suất là 64.203MW, trong đó các nhà máy điện gió, điện mặt trời có tổng công suất là 20.940MW. Tuy nhiên thị trường điện ở Việt Nam vẫn còn 61% các nhà máy điện chưa tham gia nên chưa đảm bảo cạnh tranh trong vận hành thị trường. Tình trạng thị trường điện một người mua, tỉ trọng tham gia thị trường điện thấp làm ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển của ngành điện và ảnh hưởng đến lợi ích của người tiêu dùng.

Về giá điện của Việt Nam, theo Globalpetrolprices.com, giá điện trung bình trên thế giới ở thời điểm 3/2021 là 0,136USD/ kWh đối với khách hàng hộ gia đình và 0,124USD/kWh đối với khách hàng là doanh nghiệp. Giá điện của Việt Nam hiện đang xếp thứ 101/147 quốc gia (theo thứ tự giảm dần của giá điện). Theo “Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019 của Bộ Công thương”, giá bán lẻ điện bình quân là 1.864,44 đồng/ kWh, tức tương đương với khoảng 66% so với mức giá điện trung bình của thế giới. Trong khu vực ASEAN, Việt Nam đang là quốc gia có mức giá điện bình quân thấp so với hầu hết các quốc gia trong khu vực, chỉ bằng 51% so với Philippines - quốc gia có giá điện cao nhất trong khu vực (0,172USD/kWh).

Biểu đồ dưới đây cho thấy sự thay đổi giá bán lẻ điện ở Việt Nam từ 2017 đến nay. Mức giá này thấp so với mặt bằng trên giới và khu vực, tuy nhiên khi so sánh công suất điện năng lượng tái tạo và giá điện có thể thấy xuất hiện một nghịch lí đó là: giá bán điện tăng khi tỉ lệ điện mặt trời tăng lên.

(Đơn vị: Việt Nam đồng)

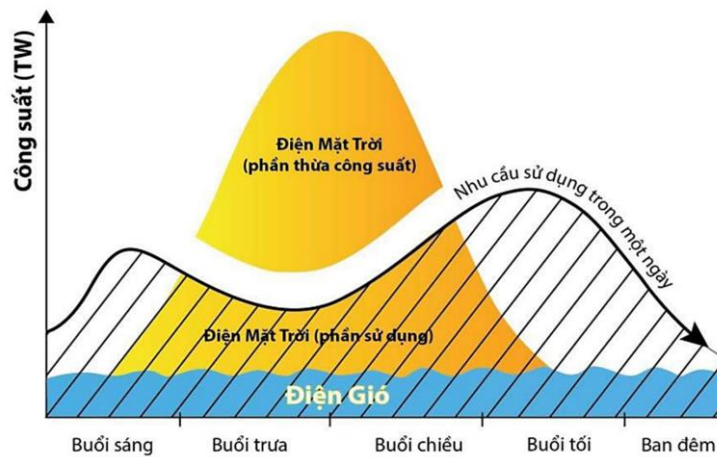


Biểu đồ 3.9. Giá bán lẻ điện của Việt Nam từ 2017 đến nay

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Tập Đoàn Điện lực Việt Nam)

Thời gian qua, các nguồn điện mặt trời, điện gió ở nước ta phát triển nhanh và có

ơ chế giá FIT cao hơn mặt bằng giá điện chung, nhưng số giờ vận hành còn thấp, phát thất thường, không liên tục, lệch pha về thời gian so với nhu cầu sử dụng của người tiêu dùng. Điện mặt trời phát công suất cực đại vào giờ thấp điểm, tức là vào lúc mà nhu cầu sử dụng điện của người tiêu dùng không nhiều. Biểu đồ 3.10 dưới đây cho thấy sự lệch pha về thời gian giữa điện mặt trời và nhu cầu sử dụng trong ngày của người tiêu dùng. Sự lệch pha này dẫn đến thiệt hại về lợi ích cho doanh nghiệp khi phải giảm công suất lên lưới và cũng đồng thời ảnh hưởng đến lợi ích của người tiêu dùng.



Biểu đồ 3.10. Mô tả biểu đồ phát của điện mặt trời và nhu cầu sử dụng trong ngày
(Nguồn: [24])

Có thể thấy, phần gia tăng giá bán điện khi có sự tham gia của điện mặt trời chính là phần “kinh phí phát sinh” để tận dụng phần công suất dư thừa, lệch pha của điện mặt trời. Giá điện gia tăng theo sự gia tăng của điện mặt trời trong những năm gần đây ở nước ta là một thực tế khách quan.

Hai là, về mặt xã hội

Với sự quyết tâm chính trị từ Chính phủ đến các bộ, ngành, địa phương, sự phối hợp đồng bộ, toàn diện từ các bên liên quan, sự đồng lòng của người dân và doanh nghiệp đã góp phần đảm bảo mục tiêu của quá trình chuyển đổi năng lượng ở nước ta. Việc chuyển dịch năng lượng công bằng trong giai đoạn 2017 - 2022 đã góp phần thay đổi mọi khía cạnh của xã hội và tạo ra nhiều cơ hội việc làm, ngành nghề mới, cũng như tạo điều kiện cho người lao động trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển ngành năng lượng xanh ở Việt Nam. Các dự án năng lượng tái tạo giải quyết bài toán

công ăn việc làm tại các địa phương nơi thực hiện dự án, đảm bảo sự công bằng trong xã hội, xóa đói giảm nghèo, tăng thu nhập cho người lao động, đảm bảo người dân có cơ hội được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ cơ bản. Số lượng việc làm được tạo ra trong lĩnh vực năng lượng tái tạo ở nước ta bao gồm việc làm liên quan đến lĩnh vực quang điện mặt trời; điện mặt trời mái nhà; việc làm tại các nhà máy điện mặt trời, điện gió; vận hành và bảo trì điện năng lượng tái tạo... Căn cứ vào cách tiếp cận nhân tố việc làm cho quy hoạch phát triển điện, giai đoạn 2011 - 2020, số việc làm trực tiếp được tạo ra nhằm đáp ứng yêu cầu điện phát sinh cho loại hình năng lượng gió và năng lượng mặt trời theo quy hoạch điện VII khoảng từ 58.860 đến 134.484 việc làm. Bên cạnh đó, phát triển năng lượng tái tạo còn giúp tạo ra các việc làm gián tiếp cho người dân (bao gồm tất cả việc làm liên quan đến lĩnh vực sản xuất và dịch vụ trung gian để thiết lập một hệ thống năng lượng tái tạo, cung cấp nguyên vật liệu, tài chính và các dịch vụ khác,...) [67].

Người lao động làm việc trong môi trường ngành năng lượng tái tạo đã loại trừ các yếu tố độc hại và nguy hiểm như bụi than, khói, tiếng ồn, khí độc hại... thường thấy trong ngành điện than. Xét về độ sạch của bụi và khí độc trong không khí thì ngành năng lượng tái tạo tốt hơn nhiều so với ngành điện than. Nguy cơ bệnh nghề nghiệp ngành năng lượng tái tạo hiện được biết thấp hơn nhiều so với ngành điện than do môi trường hạn chế gây ô nhiễm, giảm phát thải khí các-bon và ít sử dụng nước hơn nhiệt điện.

Ba là, về mặt môi trường

Từ năm 2017, với những chính sách thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo, đặc biệt từ 2019 là năm bắt đầu thời kì phát triển mạnh của điện mặt trời và điện gió và cũng chính điều đó đã làm cho hệ số phát thải (tính theo tấn CO₂ quy đổi - tấn CO₂/MWh điện) của lưới điện bắt đầu giảm khá rõ rệt. Theo báo cáo của Cục Biến đổi khí hậu - Bộ Tài nguyên và môi trường, từ giai đoạn 2017 - 2021, nhờ đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo, hệ số phát thải của lưới điện Việt Nam đã giảm rõ rệt, góp phần cải thiện chất lượng môi trường cũng như giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường. Nếu như năm 2017, hệ số phát thải là 0,8649 tCO₂/MWh thì năm 2021, hệ số

này giảm xuống là 0,7221 tCO₂/MWh. Rõ ràng, so với các loại hình năng lượng truyền thống thì năng lượng tái tạo thân thiện hơn với môi trường, điều này được thể hiện qua hệ số phát thải (tấn CO₂/GWh) của năng lượng tái tạo thấp hơn nhiều so với năng lượng hoá thạch. Cụ thể: mức phát thải trung bình của điện gió là 26 tấn CO₂/GWh, điện mặt trời là 85 tấn CO₂/GWh, trong khi các nguồn nhiệt điện than, dầu, khí dao động từ 733 - 1054 tấn CO₂/GWh.

Từ phân tích mối quan hệ lợi ích giữa Nhà nước và người tiêu dùng cho thấy, phát triển năng lượng tái tạo đã mang lại những lợi ích thiết thực cho cả Nhà nước và người tiêu dùng. Tuy nhiên, như phân tích ở trên, một nghịch lí xảy ra đó là giá điện tăng lên theo sự gia tăng của điện mặt trời. Nếu phân tích ở phương diện lợi ích kinh tế, khi tỉ trọng của điện mặt trời gia tăng, đáng lẽ giá điện sẽ giảm xuống nhưng thực tế thì ngược lại. Nếu xem xét đầy đủ lợi ích trên các phương diện kinh tế, xã hội và môi trường thì có thể thấy phát triển năng lượng tái tạo mang lại những lợi ích bền vững cho người tiêu dùng. Vì vậy, khi đánh giá lợi ích của phát triển năng lượng tái tạo đối với người tiêu dùng và xã hội, cần phân tích tác động của tất cả các yếu tố cấu thành (kinh tế, xã hội, môi trường) chứ không nên lấy việc ảnh hưởng của điện mặt trời để làm cái “cớ” tăng giá điện. Khi minh bạch chuyện này, người tiêu dùng sẽ hiểu được lợi ích và những chi phí của phát triển năng lượng tái tạo. Để thực hiện được mục tiêu đưa phát thải ròng về “0”, chúng ta phải chấp nhận quy luật có vẻ như nghịch lí trên, sự tham gia của điện mặt trời và các năng lượng tái tạo khác là xu thế tất yếu để bảo vệ môi trường, chống lại biến đổi khí hậu và mang lại sự phát triển bền vững cho Việt Nam.

3.2.3. Tình hình quan hệ lợi ích giữa doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo và người tiêu dùng

Trong mối quan hệ lợi ích giữa doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo và người tiêu dùng, doanh nghiệp đóng vai trò là chủ thể sản xuất điện để thoả mãn nhu cầu của người tiêu dùng. Quan hệ lợi ích giữa hai chủ thể cung - cầu được hình thành. Ở nước ta hiện nay, quan hệ lợi ích giữa doanh nghiệp tham gia phát triển điện gió, điện mặt trời và người tiêu dùng được thực hiện gián tiếp thông qua trung

gian truyền tải, phân phối điện chính là tập đoàn Điện lực Việt Nam. Có thể khái quát thực trạng quan hệ lợi ích giữa các chủ thể này trong giai đoạn 2017 - 2022 như sau:

Một là, để sản xuất điện, gió, điện mặt trời nhằm thoả mãn nhu cầu của người tiêu dùng, các doanh nghiệp phải tiến hành quá trình sản xuất, bắt đầu từ việc mua các yếu tố đầu vào như máy móc, thiết bị cho việc thu năng lượng gió, năng lượng mặt trời; vốn đầu tư cho các dự án năng lượng tái tạo; đất đai; nhân lực... Toàn bộ chi phí sản xuất sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá bán điện cho người tiêu dùng.

+ *Về chi phí máy móc, thiết bị*: Giai đoạn 2017 - 2022, do số lượng nhà máy sản xuất tấm mô đun quang điện ở nước ta còn rất ít, các công ty này phần lớn cũng là công ty có vốn đầu tư nước ngoài nên hầu hết các doanh nghiệp điện mặt trời phải nhập khẩu máy móc, công nghệ từ nước ngoài. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, 99% số lượng tấm pin năng lượng mặt trời được lắp ráp tại Việt Nam đều được nhập khẩu, và chủ yếu là từ Trung Quốc, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Canada, Na Uy, Ấn Độ, Singapore. Năm 2019, doanh nghiệp Việt Nam đã nhập khẩu 36,2 triệu tấm pin mặt trời với giá trị lên đến 844,8 triệu USD, tăng hơn 224% so với năm 2018. Đến năm 2020, lượng nhập khẩu đã tăng gấp 3 lần lên 114,6 triệu tấm pin, có giá trị lên tới 2,4 tỉ USD, tăng hơn 185% so với năm 2019.

Đối với dự án điện gió: Giá tuabin hiện chiếm khoảng 36% tổng chi phí. Giá phổ biến của các hãng lớn chào giá khoảng 3,15 triệu USD/tuabin công suất 4,2 MW, tương đương khoảng 0,75 triệu USD/MW (chưa gồm VAT). Một số hãng bắt buộc móng trụ phải theo quy cách của họ (ví dụ móng bê tông multiplies thay vì móng đơn monopole). Thậm chí, một số đối tác nước ngoài còn yêu cầu cần xây dựng cầu dẫn (link bridge) để tạo thuận lợi cho việc bảo trì thường xuyên và đỡ ảnh hưởng đến tuổi thọ của cáp. Chi phí này thường khá lớn. Mỗi tuabin cách nhau khoảng 1 km thì 1 dự án 12 tuabin cần đường cầu dẫn khoảng 12 km, có giá trung bình 2 triệu USD/km cầu dẫn, tổng khoảng 24 triệu USD, bằng 2/3 giá tuabin. Chi phí bảo trì (O&M) hàng năm là điểm rất cần lưu ý. Các hãng lớn sẽ bảo hành 20 năm, giá cố định, bao gồm cầu (crane). Tuy nhiên, vấn đề tàu/xà lan (barge) lại không được đề cập. Mâu thuẫn về lợi ích kinh tế có thể xảy ra sau này nếu hợp đồng không có tàu/xà lan, sẽ không

thể bảo trì. Một số hãng không thể đưa ra cam kết bảo hành 20 năm do không tính được giá thuê tàu, hoặc biến động giá nhân công, cầu,... Giá xây lắp hiện chiếm khoảng 53% tổng chi phí. Chi phí này đặt ra bài toán lớn nhất cho dự án điện gió là phải giảm hết mức mới mong hiệu quả trong bối cảnh giảm chi phí tuabin hầu như rất khó, do hiếm nhà cung cấp.

Có thể thấy, giai đoạn 2017 - 2022, việc nhập khẩu máy móc, thiết bị dẫn đến các doanh nghiệp năng lượng tái tạo tốn kém trong đầu tư máy móc, thiết bị và ảnh hưởng đến giá điện năng lượng tái tạo so với các năng lượng truyền thống. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến nghịch lý giá điện tăng khi tỉ trọng của điện mặt trời tăng lên, dẫn đến mâu thuẫn về lợi ích của doanh nghiệp và người tiêu dùng.

+ *Về vốn đầu tư:* Giai đoạn 2017 - 2022, nguồn vốn đầu tư vào năng lượng tái tạo của các doanh nghiệp mới đáp ứng được một phần nhỏ nhu cầu. Thời gian qua, một số ngân hàng đã mạnh tay rót vốn cho các dự án năng lượng tái tạo với các gói tín dụng xanh được thiết kế riêng. Tuy nhiên, doanh nghiệp không dễ để tiếp cận nguồn vốn này vì khả năng thẩm định dự án, sự hiểu biết của ngân hàng, tổ chức tài chính trong nước về dự án năng lượng tái tạo còn nhiều hạn chế. Thực tế cho thấy, nguồn vốn đầu tư cho năng lượng tái tạo là không thiếu, tuy nhiên các ngân hàng có tâm lý dè dặt cho ngành này phát triển mạnh hơn và có bằng chứng của việc đầu tư, thu hồi được vốn, sau đó mới có thể thuyết phục các quỹ đầu tư, tổ chức tài chính cũng như ngân hàng thấy được hiệu quả và đồng hành với dự án. Hiện nay một số ngân hàng và tổ chức tín dụng đã cho các doanh nghiệp vay vốn phát triển năng lượng tái tạo như: Ngân hàng HDBank công bố triển khai chương trình tài trợ dự án điện mặt trời với quy mô khoảng 7.000 tỉ đồng, số tiền này sẽ ưu tiên cho các dự án đã được phê duyệt bổ sung vào dự án điện quốc gia đến năm 2020. HDBank cũng cho các doanh nghiệp, cá nhân đầu tư lắp đặt điện mái nhà với 70% vốn đầu tư, lên 10 tỉ đồng trong 5 năm. Khi cho vay ngân hàng sẽ thẩm định và chỉ ưu tiên cho các dự án đã được đấu nối vào lưới điện quốc gia. Tính đến 20/6/2019, HDBank đã cho vay 280 tỉ đồng đầu tư vào điện mặt trời mái nhà. Vietcombank ủng hộ phát triển năng lượng tái tạo song vẫn cần trọng cho vay điện mặt trời, điện gió vì đây là lĩnh vực mới, nhiều

hạn chế về đầu nối và cơ chế giá. Tại Vietcombank, tỉ lệ cho vay có thể lên tới 70% nhưng tiêu chí ngân hàng đặt ra không hề đơn giản: phải hoàn thành đúng tiến độ, phải hòa lưới quốc gia, yêu cầu vốn đối ứng của dự án tối thiểu là 30% vốn đầu tư... Năm 2019, ngân hàng JBIC (Nhật Bản) cùng Vietcombank đã kí kết hợp đồng tín dụng trị giá 200 triệu USD nhằm tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo.

Bảng dưới đây tổng hợp những chương trình cho vay các dự án năng lượng tái tạo của một số ngân hàng:

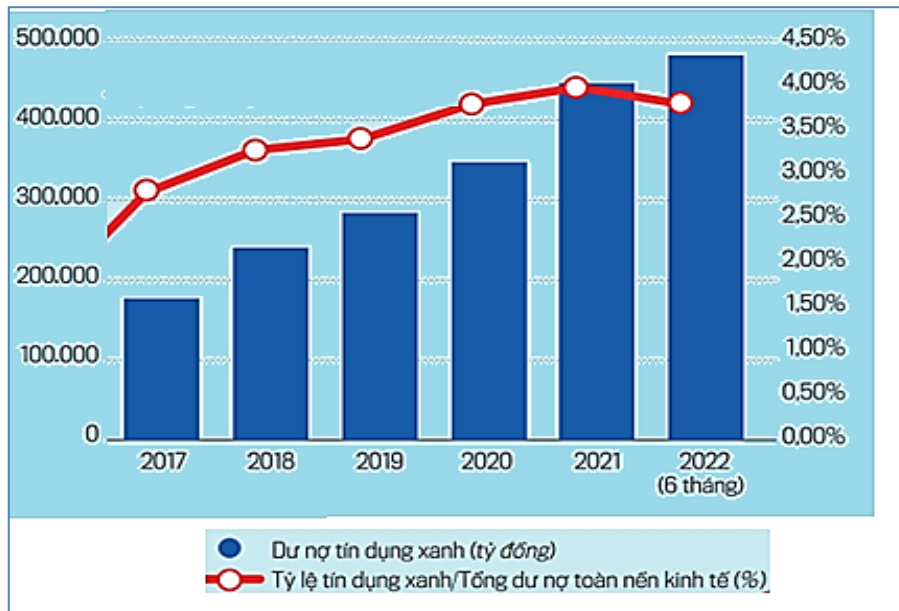
Bảng 3.12. Chương trình cho vay các dự án năng lượng tái tạo của một số ngân hàng giai đoạn 2017 - 2022

STT	Ngân hàng	Tỉ lệ cho vay
1.	HDBank	70%
2.	Sacombank	70%
3.	VPBank	80%
4.	VietCapital Bank	85%

(Nguồn : [65])

Về hiệu quả sử dụng vốn vay: Sự gia tăng dư nợ cho vay dự án tín dụng xanh của các ngân hàng lên đến hàng trăm nghìn tỉ đồng đã gây ra tình trạng khó khăn cho nhiều doanh nghiệp điện gió, điện mặt trời. Với mức cho vay lên đến 70-80% vốn, nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực điện gió và điện mặt trời đang gặp khó khăn khi phải đối mặt với mức nợ ngân hàng lớn cùng với lãi suất cho vay đang gia tăng. Do sự thay đổi chính sách mua điện và tác động kéo dài của đại dịch COVID-19, các dự án không thể có doanh thu bán điện nhưng vẫn phải trả lãi vay. Tình hình này đang gây nguy cơ phá sản cho các dự án và để lại khối nợ xấu đối với hệ thống ngân hàng. Biểu đồ dưới đây cho thấy mức dư nợ của các dự án năng lượng tái tạo ở Việt Nam trong giai đoạn 2017 - 2022. Theo báo cáo của Vụ Tín dụng các ngành kinh tế (Ngân hàng Nhà nước) được thể hiện qua biểu đồ 3.11 dưới đây cho thấy, đến giữa năm 2022, dư nợ cấp tín dụng cho các dự án xanh đã lên tới hơn 474.000 tỉ đồng, chiếm 4,1% tổng dư nợ của toàn nền kinh tế và tăng 7,08% so với năm 2021, trong đó phần lớn dư nợ vào lĩnh vực năng lượng tái tạo (chiếm

47%). Sự gia tăng mức dư nợ tín dụng xanh trên ảnh hưởng trực tiếp đến quan hệ lợi ích giữa doanh nghiệp và toàn nền kinh tế. Số dư nợ này cũng phản ánh thực trạng đầu tư vào năng lượng tái tạo ở nước ta ngày càng tăng lên nhưng giá trị mang lại cho toàn nền kinh tế thì chưa bền vững.



Biểu đồ 3.11. Dư nợ tín dụng xanh ở Việt Nam giai đoạn 2017 - 2022

(Nguồn: [65])

Theo Báo cáo về huy động tài chính nhằm phát triển năng lượng tái tạo tại Việt Nam của World Bank, ngành năng lượng tái tạo của Việt Nam là danh mục đầu tư lớn thứ hai trong trong đầu tư nguồn điện giai đoạn 2016 - 2030 với tổng nhu cầu 33 tỉ USD. Vốn cho phát triển năng lượng tái tạo ngoài vốn của chủ sở hữu, phần còn lại sẽ đến từ vay ngân hàng. Tuy nhiên, vốn đầu tư này sẽ mang lại một số rủi ro nhất định cho nhà đầu tư và một số vướng mắc khó khăn ngân hàng thương mại gặp phải.

Đối với các dự án điện gió ngoài khơi, chi phí vay ngân hàng trong nước với chi phí vốn khoảng 10% - 11% thực sự gây khó cho nhà đầu tư. Chi phí này chưa thể hiện được ưu đãi đối với các dự án năng lượng sạch. Trong các phương án tính toán có tái tài trợ từ ngân hàng nước ngoài, dự án sẽ khả thi hơn nhưng thực tế cũng không dễ thực hiện. Trong trường hợp không tìm được nguồn vốn rẻ hơn thì tỉ suất hoàn vốn nội bộ (IRR - Internal Rate of Return) khoảng 11% và thời hạn hoàn vốn là 18 - 20 năm, dự án hoàn toàn không hấp dẫn đối với doanh nghiệp.

+ Về quan hệ giữa doanh nghiệp và người dân ở vùng bị thu hồi đất cho các dự án điện gió, điện mặt trời: Các dự án điện mặt trời thực tế thường có yêu cầu sử dụng đất lớn, tỉ lệ diện tích chiếm đất của các dự án dao động từ 1,0 - 1,4 ha/MWp. Một số nhà máy điện mặt trời có công suất nhỏ hoặc ở vùng có mật độ năng lượng mặt trời thấp, tỉ lệ này có thể cao hơn. Việt Nam có mật độ dân số cao, gấp hơn 5 lần mật độ dân số trung bình trên thế giới) nên đây là vấn đề lớn. Theo Điều 10, thông tư số 16/2017/TT-BCT, một trong số các điều kiện đầu tư dự án điện mặt trời là diện tích đất sử dụng lâu dài không quá 1,2 ha/MWp. Tuy nhiên, do tính đặc thù của công nghệ và các yếu tố địa lí và tự nhiên tại các khu vực khác nhau, diện tích cần thiết để sản xuất 1 MW điện mặt trời có thể dao động từ 1,2 - 1,8 ha. Bảng dưới đây cho thấy nhu cầu diện tích đất của các dự án điện mặt trời, điện gió:

Bảng 3.13. Nhu cầu diện tích đất sử dụng cho phát triển năng lượng tái tạo

(đơn vị: ha)

STT	Năng lượng tái tạo	Giai đoạn				
		2021-2025	2026-2030	2031-2035	2036-2040	2041-2045
1.	Điện mặt trời	7.320	7.260	9.960	13.740	17.220
2.	Điện gió trên bờ hoặc ven bờ	2.972	2.867	2.380	1.365	3.885

(Nguồn: [74])

Tổng nhu cầu đất đai cần thiết trong giai đoạn quy hoạch điện VIII từ 2021 đến 2045 là 230.784 ha. Vì vậy, dự kiến nhu cầu sử dụng đất trong giai đoạn quy hoạch điện VIII sẽ chiếm khoảng 12,76% so với diện tích đất chưa sử dụng hiện tại.

Dựa vào số liệu từ Ủy ban nhân dân các tỉnh cập nhật đến tháng 1/2022, bảng 3.14 dưới đây mô tả chi phí sử dụng đất đối với dự án điện mặt trời quy mô lớn. Với sự phát triển mạnh mẽ của điện mặt trời, điện gió, đặc biệt là trong giai đoạn 2019 đến nay đã làm cho đất đai trở thành vấn đề nổi cộm, nhiều dự án được triển khai trên diện tích đất nông nghiệp và đất rừng với quy mô lớn.

Bảng 3.14. Chi phí sử dụng đất cho các công trình điện mặt trời quy mô lớn giai đoạn 2017 - 2022

STT	Vùng	Dải chi phí sử dụng đất (USD/m ²)	Chi phí sử dụng đất trung bình (USD/m ²)
1.	Bắc Bộ	1.65 – 4.78	2.75
2.	Bắc Trung Bộ	1.52 – 4.35	2.88
3.	Trung Trung Bộ	1.3 – 4.35	2.57
4.	Tây Nguyên	3.26 – 5.87	4.57
5.	Nam Trung Bộ	3.35 – 18.5	6 – 8.5
6.	Nam Bộ	3.13 – 19.57	6 – 10.3

(Nguồn: [72])

Đối với dự án điện mặt trời: 16.769 ha đất đã được cấp phép cho các dự án điện mặt trời (1.821 ha đất rừng và 291 ha đất nông nghiệp), di dời 661 hộ dân.

Đối với dự án điện gió: 19.373 ha đất được cấp phép (trong đó đất rừng là 2.292 ha và đất nông nghiệp là 62,1 ha), 186 hộ dân phải di dời.

Tính riêng giai đoạn 2019-2020, tổng diện tích đất chuyển đổi để phát triển điện gió, điện mặt trời là 36.142 ha (trong đó có 4.113 ha diện tích đất rừng), số hộ dân phải di dời và mất đất sản xuất là 847 hộ.

Trong quá trình chuyển đổi, đền bù và giải phóng mặt bằng, vẫn có tình trạng tranh chấp giá đất, đẩy giá đất và tranh dành đất, gây ra mất trật tự và ảnh hưởng đến an sinh xã hội. Việc chạy đua đã dẫn đến giá cả đất tăng vọt, điều này có thể ảnh hưởng đến chi phí đầu tư của các nhà đầu tư sau. Sự phát triển nóng các dự án như trên sẽ làm cho nhu cầu sử dụng đất ngày càng tăng lên, điều này có thể ảnh hưởng đến sinh kế của người dân. Đặc biệt, việc tập trung các dự án ở một số địa phương sẽ làm giảm quỹ đất và gây áp lực lên hệ sinh thái rừng và hệ sinh thái nông nghiệp ở các địa phương có dự án.

Hai là, quan hệ lợi ích giữa doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo và người tiêu dùng ở Việt Nam hiện nay được thực hiện gián tiếp. Điều này được thể hiện ở quan hệ mua - bán điện năng lượng tái tạo thông qua trung gian truyền tải, phân phối điện. Hiện nay, EVN đang được nhà nước giao nhiệm vụ “thực hiện mua toàn bộ sản lượng điện từ các dự án điện năng lượng tái tạo với

mức giá do nhà nước quy định”. Bảng dưới đây cho thấy giá mua điện năng lượng tái tạo ở Việt Nam như sau:

Bảng 3.15. Giá mua điện mặt trời và điện gió (giá FIT) đến năm 2022

STT	Công nghệ	Giá điện	
		VNĐ/kWh	Uscent/kWh
1.	Dự án điện mặt trời nổi	1.783	7,69
2.	Dự án điện mặt trời mặt đất	1.644	7,09
3.	Hệ thống điện mặt trời mái nhà	1.943	8,38
4.	Dự án điện gió trên đất liền	1.928	8,5
5.	Dự án điện gió trên biển	2.223	9,8

(Nguồn: [72])

Theo báo cáo tổng kết năm 2022 của EVN, tỉ trọng năng lượng tái tạo chiếm 26,4% trong cơ cấu nguồn, tuy nhiên, cơ cấu điện sản xuất từ năng lượng tái tạo chỉ chiếm 12,9%. Bảng số liệu dưới đây cho thấy điện sản xuất toàn hệ thống và cơ cấu điện sản xuất năm 2022:

Bảng 3.16. Điện sản xuất toàn hệ thống năm 2022

(đơn vị: triệu kWh)

TT	Loại nguồn	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	So sánh (%)	
					So 2021	So kế hoạch
1	Thủy điện	78.673	82.475	95.054	120,8%	115,3%
2	Nhiệt điện than	118.031	124.624	104.921	88,9%	84,2%
3	Tuabin khí	26.311	29.678	29.563	112,4%	99,6%
4	Nhiệt điện dầu	2	0	56		
5	Nhập khẩu	1.404	2.282	3.390	241,4%	148,6%
6	Năng lượng tái tạo	29.813	35.617	34.757	116,6%	97,6%
7	Nguồn khác	786	830	701	89,3%	84,5%
	TỔNG	255.020	275.505	268.442	105,3%	97,4%

(Nguồn: [47])

Nguồn điện thương phẩm được phân bổ cho EVN và 5 tổng công ty điện lực với tổng sản lượng là 242,3 tỉ KWh theo bảng dưới đây:

**Bảng 3.17. Sản lượng điện thương phẩm năm 2022 của EVN
và các Tổng công ty điện lực**

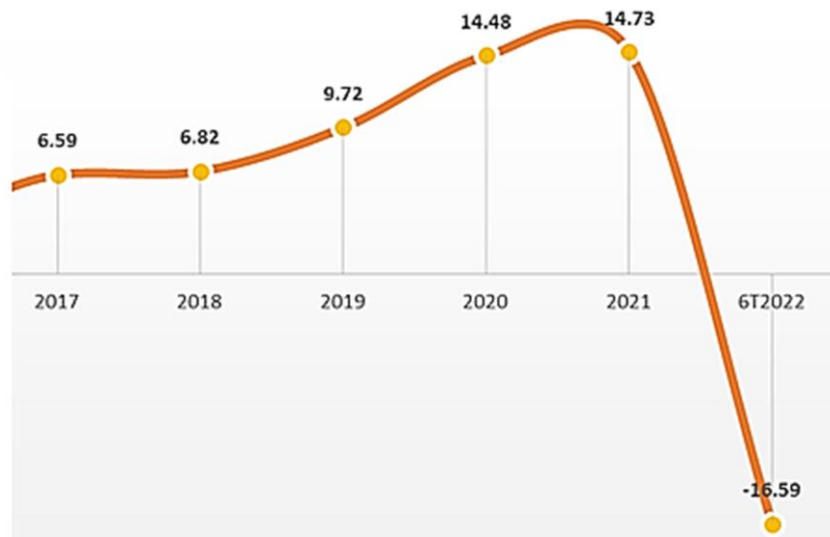
TT	Đơn vị	Thực hiện năm 2022 (tỷ kWh)	Tỉ lệ (%)	So sánh (%)	
				So 2021	So kế hoạch
I	Các Tổng công ty điện lực	240 221		106.62	99.78
1.	TCTĐL miền Bắc	86 331	35.6	105.50	96.78
2.	TCTĐL miền Nam	83 090	34.3	108.71	100.39
3.	TCTĐL miền Trung	21 568	8.9	106.09	100.83
4.	TCTĐL TP. Hà Nội	22 201	9.2	107.38	101.51
5.	TCTĐL TP. Hồ Chí Minh	27 030	11.2	110.78	105.92
II	EVN bán trực tiếp	2 045	0.8	125.63	128.2
	TỔNG	242 345	242.26	107.53	99.97%

(Nguồn:[47])

Về lợi nhuận của EVN giai đoạn 2017 - 2022: Biểu đồ 3.12. dưới đây cho thấy lợi nhuận sau thuế của EVN giai đoạn 2017 - 2022. Số liệu biểu đồ cho thấy, nếu như giai đoạn 2017 - 2021 lợi nhuận sau thuế của EVN tăng trưởng mạnh mẽ thì trái lại, năm 2022, tổng thua lỗ của EVN từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện là 36.294 tỉ đồng, sau khi trừ đi các thu nhập tài chính khác, số lỗ đã giảm xuống còn 26.236 tỉ đồng, tương đương hơn 1,1 tỉ USD. Trong khi đó toàn bộ 13 công ty con được hạch toán vào báo cáo tài chính của EVN vẫn ghi nhận lãi. Theo các chuyên gia, nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do EVN bán điện cho sản xuất thấp hơn so với sinh hoạt hộ gia đình trong một khoảng thời gian kéo dài. Các nguồn điện từ thủy điện, than, khí, dầu và năng lượng tái tạo đều được bán cho EVN. Theo nguyên tắc việc mua điện của EVN đối với năng lượng tái tạo phải tuân thủ Hợp đồng mua bán điện (PPA) mẫu và giá điện do Chính phủ ban hành. Nguyên tắc ưu tiên mua hết năng lượng tái tạo thể hiện trong PPA do EVN đã kí với các doanh nghiệp được thực hiện trong mọi trường hợp, trừ hai trường hợp sau: (1) Trường hợp quá tải đường dây, ưu tiên giảm nguồn năng lượng

truyền thống liên quan đến đường dây đó trước, trừ các nhà máy thủy điện đang xả. (2) Trường hợp nhu cầu tiêu thụ điện giảm, hệ thống điện thừa nguồn, ưu tiên giảm nguồn năng lượng truyền thống trước, trừ các nhà máy thủy điện đang xả. Hiện tại, EVN là đơn vị mua duy nhất các nguồn điện, trong khi giá bán điện cho người tiêu dùng được điều tiết bởi Nhà nước. Đây có thể là một trong số những mâu thuẫn cơ bản về lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo và người tiêu dùng.

(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)



Biểu đồ 3.12. Lợi nhuận sau thuế của EVN giai đoạn 2017 - 2022

(Nguồn: [79])

Mặc dù nước ta đã có lộ trình cho phát triển ngành năng lượng cạnh tranh trong thập kỷ qua nhưng EVN vẫn là cơ quan mua bán duy nhất được phép trong thị trường sản xuất năng lượng. Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia (NLDC) là Đơn vị vận hành Hệ thống cũng là một bộ phận của EVN. Do đó, EVN đóng một vai trò quan trọng trong việc thực hiện Hợp đồng mua bán điện năng lượng tái tạo với doanh nghiệp và bán điện cho người tiêu dùng. Hiện nay, có 5 tổng công ty phân phối điện trực thuộc EVN. Các tổng công ty này là công ty TNHH một thành viên 100% thuộc sở hữu của EVN và chịu trách nhiệm cung cấp điện và bảo dưỡng và phân phối lưới điện lên đến 110 kV trên 5 khu vực Miền Bắc, Miền Trung, Miền Nam, Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Điều này ảnh hưởng đến việc đảm bảo công bằng, minh

bạch về các cơ chế tham gia của các công ty tư nhân tham gia vào thị trường năng lượng tái tạo cũng như ảnh hưởng đến lợi ích của doanh nghiệp điện gió, điện mặt trời và người tiêu dùng. Điều này đặt ra vấn đề cần giải quyết đó là mối quan hệ nào nên để thị trường giải quyết, mối quan hệ nào cần vai trò điều tiết của Nhà nước.

3.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở VIỆT NAM

3.3.1. Những thành tựu đạt được

Thời gian qua, ngành năng lượng tái tạo ở nước ta đã có sự phát triển mạnh mẽ, mang lại lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường to lớn. Qua phân tích thực trạng quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam, có thể rút ra một số kết quả đạt được trong giai đoạn 2017 - 2022 như sau:

Thứ nhất, quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo góp phần mang lại lợi ích kinh tế cho các chủ thể liên quan, thúc đẩy sự phát triển của ngành năng lượng tái tạo với tỉ lệ ngày càng tăng trong cơ cấu điện quốc gia.

Thông qua việc thực hiện lợi ích kinh tế của mình, các chủ thể đã góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển năng lượng tái tạo như trong “Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”; “Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 đến 2020 có xét đến 2030, Nghị quyết 55-NQ/TW ngày 11/2/2020 của Bộ Chính trị”.

Thứ hai, sự thống nhất về mặt lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người tiêu dùng đã góp phần giúp ổn định cung cấp điện cho đất nước, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững trên các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường. Cụ thể:

Về mặt kinh tế, việc phát triển năng lượng tái tạo, tốc độ tăng của điện năng lượng tái tạo vào cơ cấu nguồn điện quốc gia đã góp phần tạo thêm giá trị gia tăng cho nền kinh tế Việt Nam. Năm 2022, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 8,02% so với năm trước. GDP/ người năm 2022 theo giá hiện hành ước đạt 95,6 triệu đồng/người; tương đương 4.110 USD, tăng 393 USD so với năm 2021. Sự hài hòa quan hệ lợi ích đã làm cho tăng tốc độ mở rộng đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo, đẩy mạnh đầu tư vào nghiên cứu và phát triển công nghệ năng lượng tái tạo.

Về mặt xã hội, Việt Nam dẫn đầu khu vực ASEAN về phát triển năng lượng tái tạo, là một trong 5 quốc gia có số lượng việc làm cao, với khoảng 126.300 việc làm vào năm 2020 (chủ yếu trong ngành quang điện mặt trời và điện mặt trời áp mái). Việt Nam được đánh giá là quốc gia có nhu cầu việc làm trong ngành sẽ gia tăng bởi nhiều dự án điện mặt trời sẽ được đưa vào khai thác trong thời gian tới. Việc triển khai điện gió đang bắt đầu tăng tốc; năm 2020, IRENA ước tính Việt Nam có khoảng 3.500 việc làm trong lĩnh vực năng lượng gió. Khoảng 4 GW của các dự án gió đã được phê duyệt và đang xây dựng, có thể tạo ra khoảng 21.000 việc làm. Với mục tiêu tăng thị phần năng lượng tái tạo lên trên 10% trong quy hoạch điện sẽ tạo cơ hội tăng thêm 315 nghìn việc làm/năm; khoảng 25% số việc làm sẽ dành cho lao động tay nghề cao. Tuy nhiên, năng lượng tái tạo là ngành mới nên dữ liệu thống kê các loại việc làm, tiềm năng việc làm vẫn còn rất hạn chế. Điều này sẽ là rào cản để có một chiến lược đào tạo kỹ năng phù hợp, đáp ứng nhu cầu phát triển, mở rộng của ngành.

Bảng 3.18. Ước tính số việc làm trực tiếp được tạo ra xét đến năm 2030

STT	Năng lượng	Lượng điện sản xuất (MW)	Hệ số	Tổng số việc làm
1.	Gió	6.000	2.79	16.740
2.	Mặt trời	12.000	10.56	117.744
	Tổng			134.484

(Nguồn: [69])

Về mặt môi trường, phát triển năng lượng tái tạo còn giúp Việt Nam giảm hao tổn tài nguyên, giảm 60% nhiên liệu nhập khẩu cũng như giảm rủi ro từ việc biến động giá nhiên liệu thế giới. Phát triển năng lượng tái tạo cũng tạo ra những tác động tích cực đến môi trường, như giảm ô nhiễm không khí, giảm lượng phát thải khí nhà kính, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái và chống biến đổi khí hậu, đặc biệt đối với Việt Nam, quốc gia có mức ô nhiễm môi trường luôn ở mức cao trên thế giới thì đây là hành động kịp thời để cải thiện chất lượng cuộc sống. Do đó, việc phát triển năng lượng tái tạo sẽ đáp ứng đủ nhu cầu năng lượng cho phát triển kinh tế bền vững, tạo thêm nhiều việc làm nâng cao thu nhập, giảm hao tổn tài nguyên, bảo vệ môi trường đồng thời tạo ra sự tiếp cận tài nguyên bình đẳng cho tất cả các đối tượng trong xã hội.

Thứ ba, quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo bước đầu được duy trì với cơ chế chính sách do Nhà nước thiết lập đã góp phần làm cho quan hệ lợi ích trong lĩnh vực này ngày càng bền vững hơn. Sự phối hợp giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo thể hiện sự gắn kết hơn, mỗi chủ thể bước đầu nhận thức được vai trò của mình trong mối quan hệ lợi ích. Bước đầu tạo sự hài hòa trong quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo. Các chủ thể đều được hưởng lợi ích chính đáng từ sự đóng góp của mình cho phát triển năng lượng tái tạo.

3.3.2. Những hạn chế trong thực hiện quan hệ lợi ích

Bên cạnh những thành tựu đạt được, quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta vẫn tồn tại một số hạn chế sau:

Thứ nhất, các quy định pháp luật về quy hoạch, đầu tư,... làm cơ sở để giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo còn chưa đầy đủ, đồng bộ, chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn.

Quy định pháp luật làm cơ sở thực hiện quan hệ lợi ích giữa các chủ thể còn nhiều vướng mắc, chông chéo, thủ tục triển khai dự án năng lượng tái tạo phức tạp, thiếu các cơ chế đặc thù cho phát triển năng lượng tái tạo. Công tác quản lý, điều hành thực hiện quy hoạch còn nhiều vấn đề tồn tại; thiếu các cơ chế, chính sách điều hành quy hoạch linh hoạt; thiếu cơ chế phối hợp với các địa phương trong việc thúc đẩy tiến độ các nguồn và lưới điện. Cơ chế giá điện thiếu đột phá, chậm thay đổi, chưa đủ hấp dẫn các nhà đầu tư để giảm gánh nặng vốn cho Nhà nước. Nguồn lực đầu tư còn hạn chế, dàn trải. Giá điện chưa đủ hấp dẫn để thu hút đầu tư vào ngành cũng như thúc đẩy, tạo động lực cho các hoạt động sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả của người tiêu dùng. Rất nhiều doanh nghiệp đang phản ánh việc gặp khó khăn về khả năng hoàn thuế VAT theo quy định ưu đãi các dự án năng lượng tái tạo, khi Tổng cục Thuế không chấp nhận hoàn thuế trong thời gian dự án thi công, với lý do là "dự án không nằm trong ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, chưa được cấp giấy phép hoạt động điện lực thì chưa được hoàn thuế". Trong khi đó, theo Hiệp hội Năng lượng Việt Nam, Luật thuế Giá trị gia tăng quy định dự án đầu tư ngành điện "là dự án đầu tư kinh doanh có điều kiện và chỉ được hoàn thuế giá trị gia tăng khi được cấp giấy phép hoạt động điện lực". Tuy nhiên, theo Thông tư 21 của Bộ Công Thương thì giấy phép này chỉ được cấp khi dự án đầu tư đã hoàn

thành đầu tư và được nghiệm thu. Văn bản Nhà nước mâu thuẫn như vậy, doanh nghiệp ở giữa là người chịu thiệt.

Thứ hai, sự phát triển nóng của các dự án điện gió, điện mặt trời tạo ra khó khăn cho hệ thống truyền tải, làm giảm lợi ích của các bên. Những chính sách ưu tiên dự án điện mặt trời, điện gió của Chính phủ đã tạo sức hút lớn đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư, tổ chức kinh tế nhưng tập trung chủ yếu tại một số địa phương đã và đang tạo áp lực lớn lên hệ thống truyền tải điện. Điều này ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế của các chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo.

Tốc độ phát triển lưới điện chậm hơn so với tốc độ phát triển các nguồn năng lượng tái tạo (phân bố phân tán, quy mô vừa và nhỏ, thời gian xây dựng nhanh) đã gây ra hiện tượng nghẽn mạch cục bộ, phải cắt giảm công suất phát ở một số thời điểm, lãng phí nguồn lực xã hội. Mặc dù công suất đặt nguồn năng lượng tái tạo tính đến cuối năm 2022 đạt tỷ lệ 26,4% so với tổng công suất đặt hệ thống, tuy nhiên, sản lượng cung cấp cho hệ thống chỉ chiếm khoảng 13,5% tổng sản lượng toàn hệ thống (~35,1 / 261 tỷ kWh). Trong đó thành phần sản lượng điện mặt trời chiếm 10% chỉ có thể cung cấp vào ban ngày. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích kinh tế của nhà đầu tư.

Tỉ trọng nguồn năng lượng tái tạo cao gây khó khăn cho việc vận hành hệ thống điện, đặc biệt các vấn đề về đảm bảo dự phòng cho hệ thống trong trường hợp biến động công suất phát của năng lượng tái tạo. Do đó, việc phát triển năng lượng tái tạo cần phải đi đôi với vấn đề đảm bảo an ninh năng lượng. Với các nguồn năng lượng tái tạo, việc bổ sung thêm nguồn điện gió và điện mặt trời có thể xảy ra quá tải. Để khắc phục quá tải dẫn đến việc cắt giảm nguồn điện từ năng lượng tái tạo trong hệ thống điện quốc gia, điều này gây lãng phí nguồn lực xã hội, làm giảm lợi nhuận, gây tâm lí lo lắng, bức xúc của doanh nghiệp.

Thứ ba, việc xây dựng và triển khai quy hoạch điện còn nhiều bất cập, dẫn đến khó khăn trong thực hiện lợi ích kinh tế của các chủ thể. Cụ thể:

- Các quy hoạch thường không đồng bộ với nhau: Quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo có liên quan đến nhiều quy hoạch khác như quy hoạch của ngành năng lượng truyền thống (Than, Dầu khí), Quy hoạch phát triển KT - XH, “Quy hoạch

không gian đô thị”, “Quy hoạch phát triển công nghiệp”,...Việc triển khai nguồn điện gió ngoài khơi ở nước ta cũng đang đối mặt với nhiều thách thức lớn, trong khi kinh nghiệm phát triển còn hạn chế, tính phức tạp của công nghệ và kỹ thuật, quy trình đầu tư phức tạp cùng quy mô đầu tư lớn, khó khăn về quy hoạch không gian biển... Đặc biệt, việc thực hiện kế hoạch xây dựng công suất lên đến 7.000MW vào năm 2030, thật sự là một thử thách đáng kể.

Bên cạnh đó, việc thiếu hướng dẫn cụ thể về các điều khoản chuyển tiếp và không có sự phân công rõ ràng trách nhiệm của các Bộ, ngành cũng dẫn đến sự chậm trễ và kéo dài trong việc triển khai và bổ sung quy hoạch để thực hiện các dự án năng lượng tái tạo trong giai đoạn 2021 - 2022 đã gây lãng phí nguồn lực và ảnh hưởng đến lợi ích của các nhà đầu tư cũng như sự phát triển KT - XH của đất nước.

Thứ tư, quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo góp phần tạo ra hiệu quả kinh tế nhưng chưa vững chắc, còn trùng chéo về lợi ích

Hiện nay, giá điện từ nguồn năng lượng tái tạo cao hơn so với nguồn điện từ các nguồn năng lượng truyền thống. EVN đang thực hiện chức năng thay mặt nhà nước, chi trả phần bù giá cho năng lượng tái tạo. Khi tỉ trọng năng lượng tái tạo tăng lên, phần chi phí bù giá cũng tăng, ảnh hưởng lớn đến chi phí sản xuất và giá thành của ngành điện. Đồng thời, nếu cơ chế bù giá không còn hiệu lực, lợi ích kinh tế của doanh nghiệp vào các dự án năng lượng tái tạo sẽ bị giảm đi.

Những rào cản về kỹ thuật đã cản trở việc thực hiện lợi ích kinh tế của các chủ thể kinh tế trong phát triển năng lượng tái tạo. Bởi vì phụ thuộc nhiều vào các yếu tố như điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý trong khi hệ thống lưới điện hiện tại chưa đáp ứng được yêu cầu truyền tải công suất. Nếu tích hợp các nguồn điện không ổn định như điện gió, điện mặt trời, chi phí đầu tư sẽ tăng lên rất nhiều. Hơn nữa, các thiết bị lưu trữ điện năng, hệ thống lưới điện thông minh... còn nhiều hạn chế.

+ Vấn đề trùng chéo về lợi ích kinh tế: Việc thực hiện quan hệ lợi ích giữa các chủ thể đã dẫn đến những trùng chéo về lợi ích với các ngành dầu khí, hàng hải, thủy sản, an ninh quốc phòng... Bên cạnh đó, còn một số khó khăn khác liên quan đến việc đền bù giải phóng mặt bằng; dễ chòng lún với các lợi ích kinh tế của các ngành nghề khác; tiềm ẩn khả năng bị cắt giảm công suất, doanh thu giảm trong trường hợp EVN

không mua ở những thời điểm và địa phương thừa công suất tổng. Những yếu tố này đều làm cho quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo thiếu tính ổn định, bền vững.

+ Vấn đề xung đột lợi ích xã hội: Tại Việt Nam, năng lượng được xem là ngành có tiềm năng tạo ra nhiều việc làm xanh, song mặt khác đây cũng chính là ngành có nguy cơ gây ra mất việc làm cao nhất khi mà chuyển đổi từ năng lượng truyền thống sang năng lượng tái tạo. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo ở Việt Nam có xu hướng tăng hàng năm nhưng nhìn chung còn ở mức thấp tính trên tổng lực lượng lao động.

Việc chuyển dịch năng lượng theo hướng phát triển năng lượng tái tạo, giảm tỉ trọng của năng lượng hóa thạch có thể dẫn đến vấn đề thất nghiệp trong ngành năng lượng truyền thống. Xét ở góc độ kinh tế, đây là loại hình thất nghiệp không tự nguyện - loại thất nghiệp mà ở mức tiền công nào đó công nhân khai thác khoáng sản hóa thạch chấp nhận nhưng vẫn không được làm (khai thác khoáng sản hóa thạch khi khai thác hết hoặc không còn khai thác nữa là một ví dụ cho trường hợp này).

Nhóm các việc làm trong lĩnh vực năng lượng tái tạo cần lao động ở các nhóm trình độ từ lao động chân tay tới lao động trí óc sử dụng kỹ thuật, công nghệ cao. Trên thực tế, nhóm chuyên gia kỹ thuật cao này ở Việt Nam chưa nhiều, chủ yếu là các chuyên gia đến nước ngoài. Kỹ năng nghề cần thiết của lao động cho ngành năng lượng tái tạo hiện nay còn đang thiếu hụt, dẫn đến chất lượng nhân lực của ngành này chưa cao. Lao động hầu hết được đào tạo tại doanh nghiệp và mới chỉ đáp ứng được ở trình độ kỹ thuật bậc trung, thiếu đội ngũ chuyên gia kỹ thuật bậc cao.

Bảng 3.19: Trình độ lao động của nguồn nhân lực theo loại hình năng lượng giai đoạn 2017 – 2022

Loại hình năng lượng	Trình độ lao động			
	Trình độ thấp	Trình độ chuyên môn về khoa học kỹ thuật	Không có trình độ chuyên môn về khoa học kỹ thuật	Hành chính
Điện mặt trời	64 %	31 %	4 %	1 %
Điện gió trên đất liền	63 %	28 %	5 %	4 %
Điện gió ngoài khơi	52 %	21 %	19 %	8 %

(Nguồn: [66])

Bên cạnh đó, còn có thể gia tăng bất bình đẳng trong lực lượng lao động theo địa bàn cư trú, giới tính... Chẳng hạn, ở nông thôn việc chuyển đổi sang nền kinh tế có hàm lượng carbon thấp và hiệu quả tài nguyên cao đòi có sự thay đổi trong phương thức sản xuất ảnh hưởng trực tiếp đến công việc thông qua tạo việc/mất việc làm và thay đổi nghề nghiệp.

+ Vấn đề rủi ro về môi trường: Với sự bùng nổ của các dự án điện mặt trời ở Việt Nam trong thời qua có thể dẫn đến vấn đề về tác động tiêu cực của pin mặt trời. Điều kiện bắt buộc của các dự án điện mặt trời trước khi phê duyệt là phải đánh giá tác động môi trường, tuy nhiên, báo cáo chỉ tập trung vào đánh giá tác động của dự án đến môi trường sinh thái, sinh kế, tác động của điều kiện sinh hoạt và làm việc của công nhân tới môi trường. Đánh giá tác động của pin mặt trời hồng học do vận hành và hết hạn sử dụng chưa được thực hiện do các nhà cung cấp đã cam kết hỗ trợ thu gom pin thải. Việc này sẽ gây rủi ro cho nhà đầu tư và môi trường nếu trong thời gian cam kết, nhà sản xuất ngừng hoạt động hoặc không liên lạc được trong khi vòng đời của tấm pin có thể kéo dài tới 20 - 30 năm. Ngoài ra, việc thu hồi đó chỉ khiến đưa ô nhiễm môi trường từ nơi này sang nơi khác chứ không giải quyết được triệt để vấn đề. Do đó, nếu không có phương án quản lý sớm, Việt Nam có thể phải đối mặt với thảm họa môi trường trong chưa đầy 20 năm tới,...

3.3.3. Nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế

3.3.3.1. Về nguyên nhân của những thành tựu

Những thành tựu đạt được về quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam trước hết là nhờ sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương đối với sự phát triển của ngành năng lượng tái tạo thông qua các chủ trương, chương trình, chính sách, Nghị quyết tiêu biểu như bảng 3.20 dưới đây. Có thể thấy, những chủ trương, chương trình, chính sách, Nghị quyết phát triển năng lượng tái tạo của Đảng, Nhà nước ta từ 2017 đến nay đã được xây dựng và từng bước hoàn thiện, làm gia tăng lợi ích cho các bên liên quan.

Bảng 3.20. Tổng hợp một số chủ trương, chương trình, chính sách, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước trong phát triển năng lượng tái tạo giai đoạn 2017 - 2022

STT	Tên chủ trương, chương trình, chính sách, Nghị quyết
1.	“Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg về Cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam”
2.	“Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 10/9/2018 về Cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam”
3.	“Quyết định số 1743/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 03/12/2019 về Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”
4.	“Quyết định 2023/QĐ- BCT ngày 5/7/2019 của Bộ Công thương phê duyệt Chương trình phát triển điện mặt trời áp mái tại Việt Nam giai đoạn 2019-2025”
5.	“Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về Định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”
6.	“Quyết định số 13/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 6/4/2020 về Cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam (thay thế Quyết định 11 năm 2017)”
7.	“Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII)”

Bên cạnh đó, dưới tác động của nền kinh tế thị trường, nhất là các quy luật kinh tế như quy luật cạnh tranh, quy luật giá trị, quy luật cung cầu đã tác động lên các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo, chú trọng đến lợi ích kinh tế thu được thông qua quá trình trao đổi, mua bán diễn ra trên thị trường cũng như có các định hướng, giải pháp để tìm cách mang lại thu nhập chính đáng cao nhất có thể.

Ngoài ra, những tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư và toàn cầu hoá kinh tế đã góp phần làm gia tăng lợi ích của các bên trong phát triển năng lượng tái tạo, đồng thời góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu: tăng trưởng nhanh, bền vững, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ môi trường ở Việt Nam.

3.3.3.2. Về nguyên nhân của những hạn chế

Những hạn chế về quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam xuất phát từ những nguyên nhân chủ yếu sau:

Thứ nhất, do định hướng chính sách phát triển năng lượng tái tạo nói chung và quy hoạch phát triển điện nói riêng vẫn còn tồn tại những bất cập, chưa có cơ chế đấu thầu khiến ngành điện thiếu vốn đầu tư. Điều này đã ảnh hưởng đến giá trị của ngành và sự giảm sút niềm tin của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Thứ hai, thực tế cho thấy hiện nay cơ chế giá điện còn nhiều bất hợp lý, chưa có định hướng đầu tư và phát triển năng lượng tái tạo, phát triển phụ tải phù hợp. Điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của các nhà đầu tư.

Thứ ba, các chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo chưa nhận thức được vai trò quan trọng của sự liên kết và hợp tác giữa các chủ thể với nhau dẫn đến liên kết còn lỏng lẻo, tự phát, quá trình liên kết diễn ra thiếu đồng bộ và chưa rộng rãi. Nhận thức về quan hệ lợi ích lẫn nhau còn hạn chế nên sự phân phối lợi ích chưa thật sự hài hòa dẫn đến giảm hoặc triệt tiêu động lực trong sản xuất, kinh doanh.

Thứ tư, vấn đề xung đột nhóm lợi ích trong việc thực hiện quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo. Trong lĩnh vực này, có một số nhóm lợi ích cụ thể như: nhóm lợi ích giữa các cơ quan quản lý nhà nước về phát triển năng lượng tái tạo với các doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo; nhóm lợi ích giữa Nhà nước – Nhà doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo – Nhà băng (ngân hàng) – Nhà khoa học; nhóm lợi ích giữa doanh nghiệp cung ứng yếu tố đầu vào cho sản xuất kinh doanh năng lượng tái tạo (máy móc, thiết bị, vốn,...) – Doanh nghiệp trực tiếp sản xuất kinh doanh năng lượng tái tạo – Doanh nghiệp truyền tải, phân phối điện năng lượng tái tạo...Xung đột về lợi ích giữa các nhóm lợi ích trên đã cản trở việc thực hiện lợi ích kinh tế của các chủ thể và cản trở sự phát triển ngành năng lượng tái tạo của đất nước.

Từ phân tích thực trạng và đánh giá tình hình quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam, có thể thấy, những mâu thuẫn, xung đột về lợi ích giữa các chủ thể trên đang là rào cản cơ bản đối với sự phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta. Để giải quyết những mâu thuẫn này, nghiên cứu sinh sẽ đưa ra quan điểm và giải pháp ở chương 4.

Chương 4
QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO HÀI HÒA LỢI ÍCH
TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở VIỆT NAM

4.1. DỰ BÁO TÌNH HÌNH VÀ QUAN ĐIỂM VỀ ĐẢM BẢO HÀI HÒA LỢI ÍCH
TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở VIỆT NAM

4.1.1. Dự báo bối cảnh thế giới, khu vực và trong nước tác động đến đảm bảo hài hoà lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam đến năm 2030

4.1.1.1. Những thời cơ, thuận lợi

Toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ và là xu hướng tất yếu đối với sự phát triển của các quốc gia. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang tác động ngày càng mạnh mẽ đến hầu hết các lĩnh vực, ngành nghề, trong đó, ngành năng lượng tái tạo ở nước ta sẽ có những cơ hội lớn, nhất là đi tắt đón đầu các ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào quá trình sản xuất kinh doanh. Đối với doanh nghiệp sản xuất kinh doanh năng lượng tái tạo, việc ứng dụng kỹ thuật hiện đại vào quá trình sản xuất sẽ nâng cao năng suất lao động cũng như hiệu quả kinh doanh, mang lại giá trị cao.

Dưới tác động của biến đổi khí hậu, tiêu chí sản xuất điện sạch hơn, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả cùng với sự phát triển bùng nổ của các công nghệ số và thị trường năng lượng tái tạo đã làm thay đổi diện mạo năng lượng thế giới. Bối cảnh quốc tế có tác động mạnh đến thị trường năng lượng tái tạo ở Việt Nam, nhất là trong điều kiện tăng nhu cầu nhiên liệu và năng lượng đến năm 2030 và dài hạn đến năm 2045. Trong đó các tác động tích cực như xu hướng tăng trưởng xanh đã trở thành xu hướng tất yếu của các quốc gia, sự phát triển các công nghệ số nâng cao hiệu quả sử dụng, tiết kiệm năng lượng. Thị trường năng lượng thế giới xuất hiện những đối tượng phi truyền thống như nhiên liệu carbon thấp, tế bào nhiên liệu, mạng lưới năng lượng thông minh,...

Xu hướng tăng trưởng xanh, chuyển đổi năng lượng hướng tới công bằng, phát triển bền vững, theo hướng trung hòa carbon trên thế giới đã tác động lớn đến ngành năng lượng tái tạo. Ngành năng lượng đóng vai trò chủ đạo đối với sự phát

triển KT - XH của các quốc gia. Trong 30 năm tới, nhu cầu năng lượng toàn cầu sẽ tăng nhẹ ngay cả khi nền kinh tế toàn cầu phát triển. Tại “Hội nghị thượng đỉnh toàn cầu về biến đổi khí hậu (COP26)” tổ chức vào tháng 11/2021 tại Glasgow, tất cả 197 quốc gia tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu đã thông qua Hiệp ước Khí hậu Glasgow với nhiều cam kết quan trọng, theo đó: 147 quốc gia (chiếm gần 90% lượng phát thải và trên 90% GDP toàn cầu) cam kết phát thải ròng bằng “0” vào giữa thế kỷ XXI; 103 quốc gia (chiếm 40% tổng lượng phát thải mê-tan toàn cầu) tham gia Cam kết giảm 30% phát thải mê-tan toàn cầu vào năm 2030 so với năm 2020; 141 quốc gia (với hơn 90% diện tích rừng trên thế giới) tham gia Tuyên bố Glasgow của các nhà Lãnh đạo về rừng và sử dụng đất; gần 50 quốc gia tham gia Tuyên bố toàn cầu về chuyển đổi sản xuất điện từ than đá sang điện sạch hơn, các nền kinh tế lớn cam kết sẽ ngừng điện than trong thập kỷ 30, các nước còn lại ngừng điện than vào thập kỷ 40. Có 25 quốc gia và các định chế tài chính quốc tế cam kết ngừng hỗ trợ cho năng lượng hoá thạch từ cuối năm 2022 và hỗ trợ chuyển đổi sang năng lượng sạch.

Đóng góp của Việt Nam cho mục tiêu toàn cầu đã khẳng định: “Việt Nam là một nước có lợi thế về năng lượng tái tạo, Việt Nam sẽ xây dựng và triển khai các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính mạnh mẽ bằng nguồn lực của mình, cùng với sự hợp tác và hỗ trợ của cộng đồng quốc tế, nhất là các nước phát triển, cả về tài chính và chuyển giao công nghệ, trong đó có thực hiện các cơ chế theo Thỏa thuận Paris, để đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050”. Việt Nam đã tham gia “Tuyên bố Glasgow của các nhà lãnh đạo về rừng và sử dụng đất”; Cam kết giảm phát thải mê-tan toàn cầu; “Tuyên bố toàn cầu về chuyển dịch từ than sang năng lượng sạch”; Rà soát, điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch có liên quan phù hợp với mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050; tận dụng các cơ hội chuyển đổi mô hình tăng trưởng, đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu; đón đầu sự dịch chuyển các dòng đầu tư, tín dụng, tài chính trên thế giới; tăng cường hợp tác quốc tế để tranh thủ nguồn lực tài chính, tri thức, chuyển giao công nghệ ít phát thải, phát triển năng lượng tái tạo, bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, nâng sức chống chịu của hệ thống tự nhiên và xã hội.

Đối với năng lượng mặt trời: Trong bối cảnh công nghệ cấp thu năng lượng mặt trời trên thế giới đạt nhiều tiến bộ, lĩnh vực năng lượng mặt trời ở Việt Nam sẽ có cơ hội lớn để phát triển mạnh trong tương lai do vị trí địa lý thuận lợi. Việc sử dụng nguồn năng lượng này so với các nguồn năng lượng khác đang từng bước phát triển và có cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời, các cơ chế chính sách của Nhà nước đã khuyến khích phát triển năng lượng mặt trời và nhận thức của người dân cũng từng bước được cải thiện.

Đối với năng lượng gió: Trong tương lai, việc giảm chi phí sản xuất điện gió ngoài khơi sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển mạnh mẽ của ngành này. Dự báo vào năm 2025, điện gió ngoài khơi sẽ chiếm 1/5 thị trường điện gió. Hiện nay, Hoa Kỳ và Trung Quốc đang có cuộc chạy đua sôi nổi trong việc cung cấp thiết bị điện gió, với sự hưởng ứng tích cực từ các nhà phát triển nhằm tận dụng các khoản trợ cấp từ các chính phủ gần đây để thúc đẩy phát triển ngành điện gió. Về chi phí điện gió, dự báo trong giai đoạn 10-15 năm tới, công nghệ tuabin gió với 3 cánh, với công suất tăng lên đáng kể. Công nghệ này sẽ được sử dụng cả trên bờ và ngoài khơi để tận dụng tối đa tiềm năng năng lượng gió.

4.1.1.2. Những khó khăn, thách thức

Bên cạnh những thời cơ, thuận lợi ở trong nước và quốc tế đến việc đảm bảo hài hòa lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam vẫn phải đối mặt với khó khăn, thách thức trong quá trình phát triển, cụ thể như:

Thứ nhất, những tác động kéo dài của nhu cầu năng lượng từ đại dịch COVID-19 và tác động của sự gián đoạn nguồn cung cấp năng lượng do cuộc xung đột Nga - Ukraine đã ảnh hưởng lớn tới thị trường năng lượng toàn cầu. Trong bối cảnh Việt Nam đặt mức tăng trưởng kinh tế khoảng 7%/ năm giai đoạn 2021 - 2030, dự báo nhu cầu năng lượng và điện sẽ ngày càng gia tăng khoảng 10% trong thập kỷ tới. Với mức tăng nhu cầu đáng kể như vậy, Việt Nam sẽ phải tăng cường nhập khẩu năng lượng từ các nguồn bên ngoài, gây ảnh hưởng đến an ninh năng lượng của đất nước. Sự khủng hoảng năng lượng dẫn đến biến động về giá cả năng lượng, tiêu chuẩn khí phát thải ra môi trường ngày càng cao, áp lực tăng tỉ lệ năng lượng tái tạo, thiết bị, vật dụng cá nhân tiêu thụ năng lượng gấp bội đầy nhu cầu tiêu thụ

năng lượng trong nước tăng cao, đầu tư nước ngoài tăng nhanh khó kiểm soát được nhu cầu năng lượng phát sinh,...

Thứ hai, thách thức về thể chế, chính sách: Mặc dù có tiềm năng phát triển, tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, số lượng dự án thực hiện trong lĩnh vực này vẫn còn rất ít do thiếu các chính sách đủ mạnh và đồng bộ (bao gồm từ việc điều tra và đánh giá tiềm năng cho đến khai thác và sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo này).

Thứ ba, thách thức về công nghệ, kỹ thuật: Hiện nay Việt Nam vẫn thiếu số liệu cần thiết và tin cậy về tốc độ gió ở các khu vực khác nhau, đây là hạn chế trong lớn đối với phát triển nguồn điện gió. Đồng thời, các thiết bị của nhà máy điện gió và điện mặt trời đều là thiết bị siêu trường, siêu trọng, tuy nhiên, cơ sở hạ tầng đường và cảng vẫn còn thô sơ, gây ra rủi ro cao và không đảm bảo an toàn cho việc vận chuyển và lắp đặt. Bên cạnh đó, thiếu năng lực trong việc quản lý, vận hành và bảo dưỡng sửa chữa các dự án điện gió và điện mặt trời cũng là một vấn đề cần được giải quyết. Việc áp dụng công nghệ mới và kỹ thuật phức tạp trong các dự án này cũng là một vấn đề quan trọng, khiến các nhà thầu trong nước chưa có đủ kinh nghiệm và năng lực để thi công, xây dựng và lắp đặt tuabin gió trên biển.

Thứ tư, thách thức về kinh tế, tài chính: Bài toán vốn đầu tư cho các dự án vẫn là thách thức cơ bản đối với chủ thể sản xuất kinh doanh trong thời gian tới. Đầu vào khó khăn, đầu ra thì rủi ro vì EVN - cơ quan duy nhất có vai trò mua toàn bộ sản lượng điện năng lượng tái tạo. Các chủ thể sản xuất kinh doanh cho rằng điều này có thể gây ra thiếu minh bạch và không đảm bảo lợi nhuận bền vững trong dài hạn.

Ngoài ra, việc giải phóng mặt bằng, thi công cơ sở hạ tầng, hành lang đường dây dẫn và đảm bảo an sinh xã hội cũng là một trong những thách thức lớn cho các dự án điện gió trên bờ. Khả năng thiếu lao động chất lượng cao và sự chậm phát triển của các ngành công nghiệp phụ trợ cũng tạo ra những khó khăn khác cho các nhà phát triển.

Trong bối cảnh, xu hướng đó, việc đảm bảo hài hòa quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam cần dựa trên những quan điểm và giải pháp cụ thể.

4.1.2. Quan điểm về đảm bảo hài hòa lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam

Thứ nhất, giải quyết hài hòa lợi ích giữa các chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam phải hướng tới tạo động lực và nâng cao lợi ích kinh tế cho các chủ thể trong các mối quan hệ lợi ích. Mục đích cơ bản của các hoạt động kinh tế là phải gia tăng lợi ích kinh tế cho các chủ thể tham gia. Khi lợi ích của các chủ thể được đảm bảo một cách hài hòa sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển ngành năng lượng tái tạo ngày càng hiệu quả, sự gắn kết được tạo ra giữa các chủ thể càng được tăng cường.

Thứ hai, đảm bảo hài hòa lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam phải hướng đến việc tạo ra giá trị gia tăng ngày càng lớn. Giá trị gia tăng khi các chủ thể tham gia hoạt động tốt để tạo ra giá trị gia tăng cao. Lợi ích kinh tế của các chủ thể được đảm bảo hài hòa và nâng cao khi tạo ra được giá trị ngày càng lớn, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao giá trị gia tăng của ngành năng lượng tái tạo. Tuy nhiên, đối với việc sản xuất kinh doanh năng lượng tái tạo ở Việt Nam hiện nay, giá trị gia tăng vẫn còn thấp. Tạo ra giá trị gia tăng là mục đích của các chủ thể khi tham gia phát triển năng lượng tái tạo và là động cơ để các nhà đầu tư tập trung mọi nguồn lực cho việc sản xuất, kinh doanh năng lượng tái tạo. Do vậy, cần phải nâng cao giá trị gia tăng để thúc đẩy ngành năng lượng tái tạo phát triển tốt hơn.

Thứ ba, đảm bảo hài hòa quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam phải tạo ra đòn bẩy quan trọng để thúc đẩy phát triển KT - XH của đất nước trong bối cảnh hội nhập. Đồng thời, phát triển năng lượng tái tạo trên cơ sở lợi ích của các chủ thể được hài hòa phải đặt trong bối cảnh toàn cầu hoá và xu hướng chuyển dịch năng lượng toàn cầu. Hay nói cách khác, các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo phải tận dụng được những thời cơ, thuận lợi và biến những thách thức của quá trình hội nhập quốc tế và sự phát triển của công nghệ để nâng cao lợi ích kinh tế của mình trong phát triển năng lượng tái tạo.

Thứ tư, đảm bảo hài hòa lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo cần gắn với định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam trong thời

gian tới. Theo “Quy hoạch điện VIII”, cần đẩy mạnh phát triển các nguồn điện năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, v.v...) với giá thành hợp lý gắn với bảo đảm an toàn vận hành và tính kinh tế chung của hệ thống điện. Ưu tiên phát triển các nguồn năng lượng tái tạo để tiêu thụ tại chỗ, không đấu nối hoặc không bán điện vào lưới điện quốc gia (ví dụ để sản xuất hydro, amoniac xanh, hoá chất, v.v...). Khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà, điện mặt trời tại các cơ sở sản xuất - kinh doanh theo phương thức tự sản xuất, tự tiêu dùng, không phát lên lưới điện quốc gia.

Ưu tiên phát triển các loại hình điện sinh khối, điện đồng phát, điện sản xuất từ rác, chất thải rắn nhằm tận dụng phụ phẩm nông lâm nghiệp, chế biến gỗ, thúc đẩy trồng rừng và tăng hiệu quả sử dụng năng lượng, xử lý môi trường. Khai thác tối đa tiềm năng thủy điện của đất nước trên cơ sở bảo đảm môi trường, bảo vệ rừng, an ninh nguồn nước. Đẩy mạnh phát triển các loại hình thủy điện tích năng, thủy điện trên các hồ thủy lợi, hồ chứa nước để điều hòa phụ tải, dự phòng công suất, tận dụng nguồn thủy năng. Nghiên cứu các loại hình năng lượng khác như địa nhiệt, sóng biển,... Phát triển cân đối nguồn và lưới điện; hướng tới cân bằng nội vùng cao nhất, giảm tổn thất điện năng; hạn chế tối đa việc xây dựng mới các đường dây truyền tải điện liên miền.

Về mục tiêu phát triển điện và năng lượng tái tạo trong thời gian tới: Tới năm 2030, tổng công suất các nhà máy điện khoảng 121.757-145.989 MW (không bao gồm điện mặt trời mái nhà, nguồn cấp phụ tải riêng và đồng phát), trong đó: thủy điện 27.353-28.946 MW (tỷ lệ 19,8-22,5%); nhiệt điện than 30.127-36.327 MW (20,6-29,8%); nhiệt điện khí trong nước và khí thiên nhiên hoá lỏng 30.330-39.430 MW (24,9-27%); năng lượng tái tạo ngoài thủy điện (điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, ...) 21.871-39.486 MW (18-27%); nhập khẩu điện 4.076-5.000 MW (3,3-3,4%).

Định hướng đến năm 2050: Tổng công suất các nhà máy điện khoảng 368.461-501.608 MW (không bao gồm điện mặt trời mái nhà, nguồn cấp phụ tải riêng và đồng phát), trong đó: thủy điện 35.571-36.016 MW (tỷ lệ 7,2-9,7%); nhiệt điện than 0 MW (0%); nhiệt điện sử dụng sinh khối/amoniac 25.632-28.832 MW (5,1-7,8%); nhiệt điện khí trong nước 7.900 MW (1,6-2,1%); nhiệt điện LNG đốt

kèm hydro 7.500-13.600 MW (1,5-3,7%); nhiệt điện khí LNG chuyển chạy hoàn toàn bằng hydro 15.400-24.500 MW (4,2-4,9%); năng lượng tái tạo ngoài thủy điện (điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, ...) 201.836-295.638 MW (54,9-58,9%); nhập khẩu điện 11.042 MW (2,2-3%).

Thứ năm, giải quyết hài hoà lợi ích giữa các chủ thể cần đảm bảo sự thống nhất, kết hợp giữa 3 yếu tố: kinh tế (xóa đói giảm nghèo, đảm bảo cung ứng điện phục vụ nhu cầu của xã hội, phát triển năng lượng sạch và thúc đẩy tăng trưởng...); môi trường (đảm bảo sản xuất và tiêu dùng năng lượng bền vững, bảo tồn tài nguyên biển, bảo vệ, tái tạo và khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng bền vững các hệ sinh thái trên cạn...) và xã hội (giải quyết việc làm, thu nhập để cải thiện chất lượng cuộc sống, góp phần đảm bảo ổn định xã hội và tăng cường quốc phòng an ninh...).

4.2. GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO HÀI HÒA LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030

Thực hiện quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo chứa đựng hai mặt thống nhất và đấu tranh với nhau, trong đó các mâu thuẫn có tính khách quan, song việc giải quyết mâu thuẫn lại thông qua nhân tố chủ quan, đó chính là thông qua các chủ thể lợi ích. Do đó, để đảm bảo hài hoà lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo, các chủ thể cần phát huy tính tích cực, chủ động của mình và giải quyết trên nguyên tắc thống nhất lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích xã hội, vì mục tiêu chuyển dịch năng lượng công bằng, bền vững. Đây chính là mục tiêu cao nhất cho sự phát triển hài hoà các mối quan hệ lợi ích, đảm bảo cho sự phát triển toàn diện và đúng đắn của các mối quan hệ lợi ích.

Về cách thức đảm bảo hài hoà lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo: Để đảm bảo hài hoà lợi ích, các chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo cần đưa ra các giải pháp nhằm góp phần tạo ra sự thống nhất, hài hoà các lợi ích và phương thức thực hiện cần chú trọng sự công bằng, hợp lí về lợi ích kinh tế giữa các bên, cách thức thực hiện dựa trên cơ sở:

(1) Tuân thủ quy định pháp luật trong quá trình thực hiện lợi ích, đặc biệt là lợi ích kinh tế; thực hiện đúng quy hoạch về phát triển năng lượng tái tạo;

(2) Đảm bảo hài hoà lợi ích cần hướng tới sự thống nhất giữa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích xã hội, tạo động lực nhằm thúc đẩy sự phát triển năng lượng tái tạo và sự phát triển bền vững ở nước ta hiện nay.

(3) Các bên cùng thỏa thuận, đàm phán trên cơ sở quy định của pháp luật để cùng nhận thức, thống nhất hành động và đạt được lợi ích mong muốn.

(4) So sánh, dự báo về sự phát triển của năng lượng mặt trời và năng lượng gió với các loại hình năng lượng khác trong tương lai để có cách thức đảm bảo hài hoà lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo nói chung và hai loại năng lượng chủ yếu ở trên nói riêng.

(5) Cụ thể, minh bạch vai trò của Nhà nước và thị trường trong giải quyết quan hệ lợi ích, những mối quan hệ nào nên để thị trường giải quyết, những mối quan hệ nào cần có sự can thiệp của Nhà nước.

Trên cơ sở mục tiêu và cách thức thực hiện trên, cần thực hiện tổng hợp các nhóm giải pháp chủ yếu sau:

4.2.1. Nhóm giải pháp đối với các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo tại ở Việt Nam

4.2.1.1. Đối với chủ thể là Nhà nước trong phát triển năng lượng tái tạo

Từ mối quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo có thể thấy, Nhà nước có vai trò hết sức quan trọng trong việc đảm bảo hài hoà lợi ích giữa các chủ thể. Để thúc đẩy hài hoà lợi ích trong lĩnh vực này ở Việt Nam trong thời gian tới, Nhà nước cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau đây:

Một là, đổi mới tư duy về quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo, sử dụng các công cụ thị trường để điều tiết (thuế, phí, quỹ...) và chính sách an sinh xã hội phù hợp.

Để thúc đẩy việc sử dụng năng lượng sạch, tiết kiệm và hiệu quả, cần hoàn thiện cơ chế, chính sách và các công cụ có tính thị trường. Trong đó, việc triển khai sớm thị trường mua bán tín chỉ carbon là một giải pháp hiệu quả. Thay vì áp dụng các biện pháp áp đặt hành chính, công cụ thị trường sẽ khuyến khích doanh nghiệp tự chủ hoạt động thân thiện với môi trường.

Tư duy cốt lõi ở đây là coi lượng phát thải như một loại hàng hóa và áp dụng mức trần phát thải. Khi doanh nghiệp phát thải nhiều hơn, họ sẽ phải gánh

chi phí kinh tế cao hơn. Điều này thúc đẩy doanh nghiệp cắt giảm lượng phát thải để giảm chi phí. Ngược lại, nếu phát thải ít đi, doanh nghiệp có thể "bán" phần "định mức phát thải dư thừa" để kiếm lời.

Cơ chế thị trường này tạo động lực cho doanh nghiệp hành động mạnh hơn để giảm phát thải. Những doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, áp dụng công nghệ xanh và sử dụng nguồn năng lượng tái tạo sẽ kiếm được tiền từ việc bán tín chỉ carbon dư thừa. Nếu thị trường mua bán "quyền xả thải" hoạt động hiệu quả, đây sẽ là một giải pháp hữu hiệu trong việc giảm phát thải và thúc đẩy sự chuyển đổi sang năng lượng sạch.

Hai là, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các luật chuyên ngành về điện lực và Luật Năng lượng tái tạo để làm cơ sở thực hiện hiệu quả hơn cơ chế thị trường nhằm giải quyết hài hoà lợi ích giữa các chủ thể. Từ kinh nghiệm của các quốc gia cho thấy, việc sửa đổi Luật Điện lực nhằm hoàn thiện khung chính sách và pháp luật liên quan đến phát triển điện lực và năng lượng tái tạo, bao gồm cả việc sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả có ý nghĩa quan trọng. Luật này sẽ tập trung vào các vấn đề như đầu tư, quy hoạch, giá điện, phát triển thị trường điện cạnh tranh, và giải quyết các vướng mắc trong lĩnh vực này, xây dựng cơ chế đấu giá, đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp, chủ đầu tư kèm giá điện. Để thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo và hướng tới mục tiêu xã hội hóa một phần đầu tư lĩnh vực truyền tải điện, cần xem xét sửa đổi Luật Điện lực, cho phép các tổ chức xã hội, tư nhân tham gia một phần vào việc đầu tư và vận hành hệ thống truyền tải điện, điều này sẽ góp phần giảm hao tổn điện năng lượng tái tạo, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh năng lượng tái tạo của các doanh nghiệp, hạ giá thành sản phẩm cho người tiêu dùng.

Xây dựng Luật Năng lượng tái tạo cần làm rõ các quy định, chính sách và hỗ trợ pháp lý, cung cấp các cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào năng lượng tái tạo, bao gồm chính sách giá hấp dẫn và các cơ chế tài chính hỗ trợ, để thu hút đầu tư từ nhiều nguồn lực trong xã hội. Đây là việc làm cần thiết để đáp ứng được sự phát triển nhanh chóng của thị trường năng lượng tái tạo trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, cần thay đổi một số Luật liên quan đến phát triển năng lượng tái tạo như Luật đất đai và Luật xây dựng để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư triển khai các dự án năng lượng tái tạo. Các điều chỉnh này nhằm loại bỏ các rào cản pháp lý và đảm bảo đất đai và nguồn tài nguyên được sử dụng hiệu quả để phát triển năng lượng tái tạo, tránh xung đột lợi ích với các ngành nghề khác và đảm bảo sinh kế của người dân ở vùng bị thu hồi đất cho phát triển năng lượng tái tạo.

Thông qua việc ban hành các luật liên quan đến năng lượng tái tạo, Chính phủ sẽ tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc để thúc đẩy và hỗ trợ phát triển bền vững của ngành năng lượng tái tạo, đồng thời thu hút đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này.

Ba là, hoàn thiện quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo để các doanh nghiệp yên tâm sản xuất kinh doanh năng lượng tái tạo, đảm bảo lợi ích kinh tế. Xây dựng các quy hoạch, đặt ra mục tiêu tỉ lệ phần trăm của năng lượng tái tạo trong tổng nguồn cung năng lượng quốc gia. Trong quy hoạch cần cân nhắc quy mô, công suất cho từng loại năng lượng tái tạo và đảm bảo hệ thống lưới điện cân bằng. Xây dựng các cơ chế để vận hành hệ thống điện và thị trường điện trong một môi trường có nhiều nguồn năng lượng tái tạo biến đổi cao. Điều này đòi hỏi sự tích hợp cao nguồn năng lượng tái tạo vào hệ thống điện và thị trường điện.

Bốn là, xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển năng lượng tái tạo phù hợp với chính sách phát triển KT - XH và chính sách năng lượng quốc gia. Chính sách này cần đảm bảo sự hài hoà giữa thị trường năng lượng tái tạo trong nước và thế giới, đặc biệt phải đạt được sự ủng hộ từ đông đảo người tiêu dùng.

+ Thực hiện chính sách trợ giá FIT cho từng loại năng lượng tái tạo. Cơ chế hỗ trợ đối với các dự án có tỉ lệ nội địa hóa cao, nhằm thúc đẩy việc sản xuất thiết bị trong nước và tạo điều kiện giảm giá thành sản xuất điện từ năng lượng tái tạo. Xây dựng cơ chế đấu thầu để chọn các doanh nghiệp có năng lực tham gia phát triển điện năng lượng tái tạo, tùy thuộc vào từng loại hình năng lượng tái tạo sẽ sử dụng các phương án đấu thầu cụ thể.

+ Để giải quyết vấn đề về đầu tư lớn và nhanh chóng cho việc mở rộng

mạng lưới truyền tải, cần xem xét cơ chế xã hội hóa đầu tư vào hạ tầng truyền tải. Đồng thời, cần cải tạo, nâng cấp hệ thống truyền tải và phân phối điện, nâng cao độ tin cậy, giảm tổn thất điện năng. Đẩy nhanh lộ trình xây dựng lưới điện thông minh. Phát triển, nâng cấp, hiện đại hoá cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thông tin, truyền dữ liệu, các hệ thống tự động hoá và điều khiển phục vụ công tác điều độ, đẩy mạnh chuyển đổi số trong ngành điện.

+ Thực hiện cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa doanh nghiệp phát điện năng lượng tái tạo với người tiêu dùng - khách hàng sử dụng điện (DPPA) và triển khai việc mua bán điện trực tiếp giữa nhà sản xuất năng lượng tái tạo và khách hàng sử dụng điện. Từng doanh nghiệp, nhà đầu tư năng lượng tái tạo có thể thỏa thuận trực tiếp với các khách hàng có nhu cầu về năng lượng, xu hướng này đang phát triển mạnh mẽ trên thế giới bởi nó mang lại lợi ích cân bằng cho tất cả các bên tham gia. Cơ chế mua bán điện trực tiếp giúp tối ưu hóa việc giao dịch năng lượng tái tạo giữa các bên liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo.

+ Hoàn thiện cơ chế điều hành giá điện theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, bảo đảm kết hợp hài hòa lợi ích giữa các chủ thể. Giá điện bảo đảm thu hồi đủ chi phí, có mức lợi nhuận hợp lý, thu hút doanh nghiệp phát triển điện năng lượng tái tạo, đẩy mạnh cạnh tranh trong sản xuất, truyền tải, phân phối, bán lẻ, sử dụng điện, chống lãng phí điện. Nghiên cứu thực hiện giá điện hai thành phần vào thời điểm thích hợp, thực hiện minh bạch giá điện.

4.2.1.2. Đối với doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo

Để đảm bảo sự hài hòa lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo, doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo cần phải nâng cao lợi nhuận của mình trong quá trình kinh doanh năng lượng tái tạo. Đây là vấn đề có ý nghĩa tiên quyết đối với sự vận hành của quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo, muốn vậy doanh nghiệp cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo cần tự nhận thức và thực hiện tốt các quy định của luật pháp về lợi ích của mình trong mối quan hệ với lợi ích của các chủ thể khác. Các doanh nghiệp cần có chiến lược trong ngắn hạn và

dài hạn phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Nhà nước. Tiến hành nghiên cứu và đánh giá thị trường năng lượng tái tạo để hiểu rõ về tiềm năng và cơ hội phát triển của các loại nguồn năng lượng tái tạo và các công nghệ mới. Để đảm bảo lợi ích của mình và lợi ích cho xã hội, các doanh nghiệp khi đầu tư dự án cần tiến hành đồng bộ, bao gồm từ điều tra, đánh giá tiềm năng đến khai thác và vận hành.

Đối với các doanh nghiệp đầu tư vào điện mặt trời, điện gió đã được phê duyệt quy hoạch, cần đảm bảo tiến độ cụ thể trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII theo quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đầu tư và các quy định của pháp luật khác có liên quan, đảm bảo an ninh, cân đối các nguồn, phụ tải, phù hợp hạ tầng lưới điện, hiệu quả về kinh tế, giá điện và chi phí truyền tải hợp lý. Các dự án điện mặt trời đã có quy hoạch trong giai đoạn 2021 - 2030 nhưng chưa giao chủ đầu tư thì chưa được phép triển khai mà xem xét sau năm 2030, trừ trường hợp triển khai theo hình thức tự sản, tự tiêu trên cơ sở không hợp thức hóa nếu có vi phạm về quy hoạch, đất đai và các quy định khác của pháp luật. Đối với các dự án điện gió, cần đẩy mạnh phát triển điện gió trên bờ và ngoài khơi phù hợp với khả năng hấp thụ của hệ thống, phát huy tối đa tiềm năng kỹ thuật điện gió ngoài khơi để sản xuất điện và năng lượng mới. Các nguồn năng lượng tái tạo sản xuất năng lượng mới phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu được ưu tiên/cho phép phát triển không giới hạn trên cơ sở bảo đảm an ninh quốc phòng, an ninh năng lượng và mang lại hiệu quả kinh tế cao, trở thành một ngành kinh tế mới của đất nước.

Doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo tuân thủ các quy định pháp luật và phù hợp với quy hoạch phát triển năng lượng quốc gia sẽ là cơ sở pháp lý để giải quyết mối quan hệ lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người tiêu dùng. Đây cũng là cơ sở để cơ quan quản lý Nhà nước và địa phương có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra; tạo ra sự công bằng, sự chủ động cho các doanh nghiệp trong phát triển năng lượng tái tạo.

Hai là, các doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo cần nhận diện các thách thức trong việc đảm bảo lợi ích và tìm cách thích ứng linh hoạt. Cụ thể:

+ Đối với thách thức về vốn: Thách thức lớn nhất khi chuyển dịch năng

lượng, đó là chi phí đầu tư lớn trong khi phải đảm bảo giá điện cân bằng khả năng chi trả và được Chính phủ phê duyệt. Theo tính toán, giai đoạn 2025-2030, mỗi năm tổng công ty điện lực Việt Nam cần phải huy động nguồn vốn đầu tư lên tới 6 tỉ USD cho các dự án nguồn và lưới điện trong điều kiện tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi rất hạn chế. Vì vậy, để đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư và tăng khả năng thu xếp vốn của doanh nghiệp để phát triển năng lượng tái tạo cũng như tiếp cận với nguồn tài chính phù hợp, các doanh nghiệp cần chủ động tiếp cận các nguồn vốn đầu tư nước ngoài có quy mô, chất lượng và hiệu quả, đặc biệt là nguồn vốn tín dụng ưu đãi ODA và vốn vay theo hiệp định song phương cho đầu tư vào các dự án thăm dò, phát triển năng lượng tái tạo.

+ Thách thức về kĩ thuật: Các doanh nghiệp, nhà đầu tư điện gió, điện mặt trời cần quan tâm đến phát triển công nghệ lưu trữ năng lượng gồm pin tích năng, thủy điện tích năng, trữ nhiệt và lưới điện thông minh, bảo đảm độ ổn định và tích hợp năng lượng tái tạo trong hệ thống điện với tỷ lệ cao. Thúc đẩy ứng dụng giải pháp lưu trữ điện năng với các nhà máy năng lượng tái tạo hoặc lưu trữ cho toàn hệ thống để không lãng phí nguồn đầu tư của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp điện gió, điện mặt trời nên xem xét sử dụng điện dư thừa để điện phân tạo ra hydrogen, từ đó lưu trữ để phát điện hay vận chuyển đến các nơi sử dụng cho giao thông (phương tiện ô tô chạy bằng hydrogen) để gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của mình.

Thiết bị nhà máy điện gió, điện mặt trời đều là thiết bị siêu trường, siêu trọng trong khi cơ sở hạ tầng đường, cảng còn thô sơ dẫn đến rủi ro cao và không đảm bảo an toàn. Để giải quyết bài toán trên, các doanh nghiệp cần nâng cao năng lực đánh giá và phát triển dự án; phát triển công nghệ năng lượng tái tạo nội địa, giảm bớt sự phụ thuộc công nghệ nước ngoài, nâng cao năng lực quản lí, vận hành và bảo dưỡng sửa chữa các dự án điện gió, điện mặt trời. Các doanh nghiệp cũng cần đẩy mạnh phát triển đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao, có kinh nghiệm trong việc thi công xây dựng, lựa chọn thiết bị đồng bộ, kỹ năng khai thác, vận hành và bảo dưỡng nhà máy điện gió, điện mặt trời.

Để giải quyết thách thức về kĩ thuật, các doanh nghiệp cần chú trọng đến đầu

tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D) các công nghệ năng lượng tái tạo, đẩy mạnh chuyên giao công nghệ thông qua việc mua thiết bị sản xuất từ các nước công nghiệp phát triển nhằm đổi mới.

+ Đối với thách thức về tiếp cận thông tin: Để đảm bảo lợi ích của mình, các doanh nghiệp cần đầu tư cho nghiên cứu, chẳng hạn các doanh nghiệp điện gió cần nghiên cứu để có thông tin tin cậy về tốc độ gió cho phát triển nguồn điện gió ở các khu vực khác nhau, doanh nghiệp điện mặt trời cần cập nhật các thông tin trong việc đánh giá tiềm năng khai thác điện mặt trời.

+ Đối với thách thức về nhân lực: Các doanh nghiệp cần nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ tổ chức quản lý cho người lao động trong các nhà máy điện gió, điện mặt trời. Đổi mới đào tạo và phát triển kỹ năng cho nhân viên trong ngành năng lượng tái tạo, bao gồm việc cung cấp các khóa học và chương trình đào tạo chuyên sâu về công nghệ năng lượng tái tạo, quản lý dự án, quản lý chất lượng, an toàn lao động và các kỹ năng mềm khác. Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cần tạo ra môi trường thuận lợi để nhân viên có thể học tập và nghiên cứu về các công nghệ và xu hướng mới trong ngành. Các doanh nghiệp và tổ chức có thể hỗ trợ việc học tập và nghiên cứu thông qua cung cấp các chương trình học bổng, hỗ trợ tài chính cho việc tham gia các khóa đào tạo và nghiên cứu.

Ba là, tăng cường hợp tác quốc tế nhằm giải quyết các thách thức trong việc đảm bảo lợi ích. Để đảm bảo lợi ích của mình cũng như làm gia tăng lợi ích cho xã hội và người tiêu dùng, các doanh nghiệp cần đẩy mạnh hợp tác với các đối tác lớn trong và ngoài nước như Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Ấn Độ, EU, Úc... Thông qua hợp tác quốc tế, các doanh nghiệp không chỉ tiếp cận được nguồn vốn mà cả hiểu biết kỹ thuật, kỹ năng đàm phán, quản lý dự án, hỗ trợ các doanh nghiệp trên toàn bộ chuỗi cung ứng.

Bốn là, để đảm bảo lợi ích kinh tế ổn định, bền vững, các doanh nghiệp cần có chiến lược và cam kết lâu dài. Các doanh nghiệp cần chứng minh năng lực về vốn, năng lực kỹ thuật, bao gồm cả uy tín, khả năng hợp tác lâu dài. Sự cam kết, năng lực trong dài hạn sẽ bảo đảm cho doanh nghiệp sẽ vận hành trơn tru và quyết định tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các doanh

nghiệp cũng cần xây dựng đối tác và mạng lưới với các tổ chức, doanh nghiệp và chính phủ và cộng đồng địa phương. Sự hợp tác và chia sẻ thông tin giữa các bên giúp tăng cường sự thống nhất lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo.

Để đảm bảo lợi ích kinh tế ổn định cũng như duy trì và đảm bảo hài hoà lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo, các doanh nghiệp tham gia phát triển điện gió, điện mặt trời cần tối ưu hóa hiệu suất của các dự án năng lượng tái tạo bằng cách sử dụng công nghệ tiên tiến, quản lý hiệu quả và giảm thiểu rủi ro. Điều này giúp tối đa hóa lợi nhuận từ đầu tư, hạ giá thành điện cho người tiêu dùng và gia tăng lợi ích của xã hội. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo nên quảng bá và xây dựng thương hiệu của mình trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp để thu hút đối tác, nhà đầu tư và người tiêu dùng. Điều này bao gồm việc thực hiện chiến lược marketing, tạo niềm tin và uy tín trong cộng đồng kinh doanh và đối tác, tích cực và chủ động tham gia các hoạt động xã hội của cộng đồng,...

4.2.1.3. Đối với người tiêu dùng

Để đảm bảo hài hoà lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo luôn đòi hỏi sự nâng cao trình độ của các chủ thể, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển, trong đó các chủ thể cần tìm được sự đồng thuận, nhất là đối với người tiêu dùng. Bởi, trong quá trình cung cấp và sử dụng điện từ năng lượng tái tạo, có thể sẽ phát sinh những mâu thuẫn giữa bên cung và bên cầu. Để giải quyết hài hòa các mâu thuẫn lợi ích, đối với người tiêu dùng cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, người tiêu dùng cần nâng cao sự hiểu biết về chuyển dịch năng lượng công bằng và bền vững, thay đổi thói quen tiêu dùng của bản thân. Muốn vậy, người tiêu dùng cần nắm chắc quyền lợi và nghĩa vụ của mình khi tiêu dùng năng lượng tái tạo. Mỗi chủ thể tiêu dùng (cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp) cần tuân thủ Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của bản thân trong sử dụng năng lượng. Theo “Quyết định số 893/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”, mục tiêu tiết kiệm năng lượng ở nước ta được đặt ra là khoảng 8 -

10% vào năm 2030 và khoảng 15 - 20% vào năm 2050 so với kịch bản phát triển bình thường. Với sự gia tăng nhu cầu sử dụng năng lượng như hiện nay, đặc biệt vào những đợt nắng nóng cao điểm, nhu cầu sử dụng điện của các hộ sinh hoạt, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đều tăng cao. Do đó, để bảo đảm cung cấp đủ năng lượng và điện năng cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống nhân dân, đóng góp cho tăng trưởng kinh tế và bảo đảm ổn định về xã hội, chính trị, an ninh, quốc phòng, mỗi chủ thể tiêu dùng cần thực hiện tốt quy định của pháp luật về sử dụng năng lượng và hình thành thói quen tiêu dùng bền vững.

Hai là, để tạo sự thống nhất về lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo, người tiêu dùng cần thay đổi hành vi sản xuất, tiêu dùng, chú trọng sản xuất và tiêu dùng theo hướng cân bằng giữa hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và đẩy mạnh sử dụng năng lượng tái tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Từ đó, người tiêu dùng có những hành động thiết thực đóng góp cho phát triển và sử dụng nguồn năng lượng tái tạo. Thay đổi hành vi của người dân, cộng đồng, doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu dùng năng lượng tái tạo, giảm thói quen tiêu dùng năng lượng hoá, chuyển dần sang sử dụng năng lượng tái tạo. Bên cạnh chủ thể tiêu dùng năng lượng tái tạo là các hộ gia đình, các doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh cũng cần chuyển dần sang sử dụng năng lượng tái tạo trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Ba là, để đảm bảo lợi ích lâu dài, bền vững cho người tiêu dùng khi sử dụng năng lượng tái tạo, cần giải quyết bài toán về giá điện, mức giá đưa ra phải được đồng ý của người dân ủng hộ. Người tiêu dùng cần hiểu rõ: Nếu tất cả các chi phí và lợi ích của năng lượng tái tạo được tính đúng, khi đưa vào phân tích kinh tế thì lợi ích kinh tế của sử dụng năng lượng tái tạo sẽ cao hơn so với sử dụng năng lượng hoá thạch. Do đó, để tạo được sự đồng thuận của người tiêu dùng, bản thân người tiêu dùng cũng như Nhà nước và doanh nghiệp phải đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng khung chính sách phù hợp, giá điện hấp dẫn cho các doanh nghiệp và người tiêu dùng và khôn khéo pháp lý tạo điều kiện để thực hiện chuyển đổi năng lượng bền vững. Cần nhấn mạnh rằng thị trường năng lượng cạnh tranh và bền vững là nơi phân bổ hiệu quả các nguồn năng lượng và cung cấp mức độ dịch

vụ cao và sự hài lòng của người tiêu dùng như mong đợi. Do đó, để đảm bảo hài hoà lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo, cần thúc đẩy hình thành thị trường điện cạnh tranh. Tuy nhiên, một mình thị trường không thể đáp ứng nhu cầu và kỳ vọng của người tiêu dùng, bảo vệ hoặc gìn giữ môi trường tự nhiên và đảm bảo an ninh năng lượng trước môi trường chính trị phức tạp. Do đó, Nhà nước và doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo nên đưa ra các khuôn khổ phù hợp để tạo điều kiện cho việc định giá cạnh tranh và điều tiết hiệu quả thị trường năng lượng để đạt được nhiều mục tiêu về năng lượng bền vững và thoả mãn nhu cầu của người tiêu dùng.

Bốn là, chủ thể tiêu dùng cần quan tâm sử dụng năng lượng tái tạo trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để phát triển bền vững. Cùng với đó cần mở rộng hỗ trợ tài chính như cho vay lãi suất thấp đối với các chủ thể tiêu dùng năng lượng tái tạo: hộ gia đình, các doanh nghiệp, cơ quan (vay để triển khai năng lượng mặt trời áp mái).

Năm là, để tránh xung đột lợi ích giữa người dân và các doanh nghiệp trong phát triển năng lượng tái tạo, cần nâng cao nhận thức của người tiêu dùng, đặc biệt là người dân ở vùng bị thu hồi đất về lợi ích của phát triển năng lượng tái tạo... Để giải quyết xung đột lợi ích giữa người dân và doanh nghiệp, cần đảm bảo sinh kế của người dân ở vùng bị thu hồi đất cho phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời. Để đảm bảo hài hoà lợi ích, chính phủ và các tổ chức liên quan có thể thực hiện để giảm thiểu tác động tiêu cực đến cuộc sống và sinh kế của người dân trong khu vực bị ảnh hưởng như sau:

+ Thương thảo công bằng và đền bù hợp lí: Chính phủ, chính quyền địa phương và doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo cần thực hiện việc thương lượng công bằng với người dân trong vùng bị thu hồi đất. Điều này bao gồm việc cung cấp đền bù hợp lí cho việc mất mát tài sản và cơ hội kinh doanh, để người dân có thể tái định cư hoặc chuyển đổi sang các ngành nghề khác.

+ Hỗ trợ ổn định cuộc sống và đào tạo lại: Hỗ trợ người dân ổn định cuộc sống và đào tạo lại là rất quan trọng để giúp người dân ở vùng bị thu hồi đất thích nghi với những thay đổi trong môi trường kinh doanh và cuộc sống. Các chương

trình đào tạo mới giúp họ có cơ hội tham gia vào lĩnh vực công nghệ tái tạo và các ngành nghề có liên quan.

+ Tạo việc làm mới: Chính phủ và các tổ chức có thể tạo ra các cơ hội việc làm mới trong ngành năng lượng tái tạo và các ngành nghề khác có thể thay thế cho những người dân bị ảnh hưởng. Điều này giúp giảm thiểu tác động tiêu cực đến việc làm và sinh kế của họ.

+ Hỗ trợ tham gia của cộng đồng trong quá trình quy hoạch và triển khai các dự án năng lượng tái tạo giúp tạo ra lòng tin và sự đồng thuận. Việc lắng nghe ý kiến và những lo ngại của người dân có thể giúp tối ưu hóa các giải pháp đáp ứng được mục tiêu cả về phát triển bền vững lẫn bảo vệ lợi ích của cộng đồng.

+ Hỗ trợ tài chính, chẳng hạn như vay vốn với lãi suất thấp, giúp người dân trong khu vực bị ảnh hưởng có thể trang trải các chi phí tái định cư, chuyển đổi nghề nghiệp hoặc khởi đầu doanh nghiệp mới.

Tóm lại, việc tạo ra các giải pháp công bằng và đảm bảo sự hỗ trợ đúng đắn sẽ giúp người tiêu dùng được đảm bảo lợi ích trong quá trình chuyển đổi sang năng lượng tái tạo.

4.2.2. Nhóm giải pháp đẩy mạnh sự liên kết, hợp tác giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo

4.2.2.1. Phát huy vai trò của hiệp hội doanh nghiệp, tổ chức ngành năng lượng tái tạo ở Việt Nam, tăng cường gắn kết với Nhà nước và người tiêu dùng

Từ kinh nghiệm của các quốc gia và thực trạng quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam cho thấy, việc đẩy mạnh sự liên kết giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo có ý nghĩa hết sức quan trọng. Theo đó, muốn đẩy mạnh sự liên kết giữa các chủ thể, Nhà nước cần có quy định rõ ràng về vị trí, vai trò của các chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta, từ khâu quy hoạch đến phối hợp phát triển giữa địa phương và quốc gia, sự phối hợp giữa các doanh nghiệp, nhà đầu tư dự án năng lượng tái tạo với sự phát triển tổng thể của ngành điện và người tiêu dùng.

Để tăng cường sự gắn kết giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam, cần phát huy vai trò của các hiệp hội, tổ chức có liên quan đến

năng lượng tái tạo, đặc biệt là hiệp hội các nhà đầu tư dự án điện mặt trời, điện gió. Hiện nay, trong ngành năng lượng của Việt Nam, Hiệp hội Năng lượng Việt Nam (VEA) là hiệp hội có vai trò chủ đạo, là cầu nối quan trọng để gắn kết các chủ thể tham gia phát triển năng lượng. Bên cạnh đó, một số tổ chức quốc tế cũng tham gia vào việc phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam như Hội đồng Năng lượng gió Toàn cầu (GWEC), Hiệp hội Công nghiệp Năng lượng Mặt trời châu Âu (Solar Power Europe). Tuy nhiên thực tế cho thấy, nhiều nhà đầu tư điện mặt trời, điện gió ở Việt Nam còn chưa tham gia vào các tổ chức, hiệp hội, do đó sự liên kết còn chưa bền chặt.

Để đảm bảo hài hoà lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo, các tổ chức, hiệp hội ngành năng lượng nói chung và năng lượng tái tạo nói riêng có vai trò hết sức quan trọng. Do đó, cần hình thành các các hiệp hội, tổ chức ngành năng lượng tái tạo và tăng cường hợp tác nội bộ giữa các thành viên để cùng nhau xây dựng mạng lưới vững chắc. Xây dựng môi trường giao lưu thông tin, chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ lẫn nhau trong các hoạt động nghiên cứu, phát triển, triển khai dự án và khai thác năng lượng tái tạo.

Hiệp hội với tư cách đại diện và bảo vệ lợi ích ngành năng lượng tái tạo, đóng vai trò là đại diện chính thức của ngành trong gắn kết và làm việc với cơ quan Chính phủ và các cơ quan quyền lực khác. Họ phải bảo vệ và quảng bá lợi ích của ngành, đồng thời đưa ra các đề xuất và giải pháp để cải thiện môi trường kinh doanh và phát triển năng lượng tái tạo.

Bên cạnh đó, hiệp hội cần tư vấn chính sách và đóng góp ý kiến cho Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền trong việc xây dựng các chính sách, quy định và quyết định liên quan đến phát triển năng lượng tái tạo. Điều này giúp đảm bảo các quy định hỗ trợ và khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo đồng thời đảm bảo môi trường cạnh tranh công bằng cho các doanh nghiệp trong ngành.

Hiệp hội và tổ chức ngành năng lượng tái tạo cũng có thể đóng góp vào việc thúc đẩy nghiên cứu và phát triển công nghệ mới trong lĩnh vực này. Họ có thể hỗ trợ các dự án nghiên cứu, chia sẻ tri thức, và tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng các công nghệ tiên tiến vào thực tiễn sản xuất kinh doanh năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối...

Hiệp hội và tổ chức ngành năng lượng tái tạo có trách nhiệm giáo dục và tuyên truyền về lợi ích của năng lượng tái tạo đối với xã hội. Họ nên tham gia vào các hoạt động tuyên truyền công chúng, tổ chức các chương trình giáo dục, buổi thảo luận và truyền thông để nâng cao nhận thức của cộng đồng về năng lượng tái tạo.

Tóm lại, để phát huy vai trò của hiệp hội, tổ chức ngành năng lượng tái tạo ở Việt Nam, cần có sự đoàn kết, hợp tác nội bộ, tư vấn chính sách, thúc đẩy nghiên cứu và giáo dục tuyên truyền. Khi các bên hợp tác chặt chẽ và tận dụng tối đa sức mạnh của mình, các mối quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo sẽ ổn định và bền vững hơn, đồng thời cũng góp phần nâng cao lợi ích cho các chủ thể liên quan.

4.2.2.2. Tăng cường liên kết giữa Nhà nước - doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo - người tiêu dùng trong phát triển năng lượng tái tạo

Khả năng liên kết giữa ba chủ thể trên có ý nghĩa quan trọng đối với việc đảm bảo hài hoà lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo. Muốn vậy, mỗi chủ thể cần phát huy vai trò, sự chủ động của mình, góp phần mang lại hiệu quả hơn trong phát triển năng lượng tái tạo.

Trước hết, Nhà nước cần gắn kết với doanh nghiệp đầu tư vào năng lượng tái tạo, tổ chức nghiên cứu và các nhà khoa học, đưa ra các chính sách và quy định rõ ràng, ổn định để hỗ trợ và khích lệ các bên liên quan. Điều này bao gồm cơ chế ưu đãi thuế, hỗ trợ tài chính, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển... Nhà nước cũng cần tạo cơ hội hợp tác công tư: Cần tạo ra các cơ hội hợp tác giữa các bên để cùng nhau phát triển các dự án năng lượng tái tạo. Chính phủ có thể tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp và nhà nghiên cứu có thể hợp tác với nhau trong việc thực hiện các dự án năng lượng tái tạo, chia sẻ tri thức và kinh nghiệm.

Nhà nước có thể cung cấp tài trợ và đầu tư cho các dự án nghiên cứu và phát triển về năng lượng tái tạo. Điều này giúp tăng cường khả năng sáng tạo của các nhà khoa học và doanh nghiệp, từ đó thúc đẩy sự phát triển và ứng dụng các công nghệ mới trong lĩnh vực năng lượng tái tạo.

Chính phủ và doanh nghiệp có thể cùng nhau tài trợ cho các chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chuyên sâu trong lĩnh vực năng lượng tái tạo. Điều

này giúp đảm bảo có đủ nguồn nhân lực chất lượng cao có khả năng nghiên cứu và triển khai các công nghệ mới trong lĩnh vực này.

Nhà nước và doanh nghiệp có thể cùng nhau thúc đẩy chuyển giao công nghệ từ nghiên cứu sang ứng dụng thương mại. Điều này có thể được thực hiện thông qua việc tạo ra các chương trình hỗ trợ và khuyến khích sử dụng các công nghệ năng lượng tái tạo trong các doanh nghiệp và dự án đang hoạt động.

Người tiêu dùng có thể đẩy mạnh sự liên kết với Nhà nước và doanh nghiệp bằng cách đóng góp ý kiến, tích cực thực hiện xu hướng chuyển dịch năng lượng, tiêu dùng năng lượng tiết kiệm và bền vững, chuyển đổi việc làm bền vững...

Những giải pháp này cần sự đồng thuận và hợp tác chặt chẽ giữa Nhà nước – doanh nghiệp – người tiêu dùng để thúc đẩy phát triển sự hài hoà lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo.

4.2.3. Nhóm giải pháp phát huy vai trò của cấp bộ Đảng, chính quyền địa phương và các chủ thể liên quan về đảm bảo hài hoà lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo

4.2.3.1. Tạo sự gắn kết, thống nhất từ Trung ương đến địa phương trong công tác quản lý đầu tư, quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; phát huy quyền làm chủ của nhân dân và vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong phát triển năng lượng tái tạo. Chính quyền Trung ương có trách nhiệm đề xuất và triển khai các chính sách quốc gia liên quan đến năng lượng tái tạo, phối hợp với các địa phương để xây dựng kế hoạch hành động toàn diện về năng lượng tái tạo trong tổng thể năng lượng quốc gia. Đồng thời, chính quyền trung ương cũng cần hỗ trợ và đào tạo tại địa phương để họ có thể hiểu rõ hơn về lợi ích và tiềm năng của năng lượng tái tạo. Điều này giúp địa phương thực hiện các chương trình và dự án năng lượng tái tạo một cách hiệu quả, đảm bảo sự thống nhất trong việc triển khai các chính sách và kế hoạch phát triển năng lượng tái tạo, tránh được những trùng chéo về lợi ích.

Thống nhất hành động giữa chính quyền Trung ương và địa phương có ý nghĩa quan trọng để đảm bảo phát triển bền vững và hiệu quả ngành năng lượng tái

tạo ở Việt Nam. Sự hợp tác và đồng thuận trong việc thúc đẩy năng lượng tái tạo sẽ giúp giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, giữ gìn tài nguyên và bảo vệ môi trường cho thế hệ tương lai.

4.2.3.2. Nâng cao nhận thức và phát huy vai trò của các chủ thể trong xử lý rủi ro, giải quyết tranh chấp nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo

Việc đảm bảo hài hòa quan hệ lợi ích phụ thuộc rất nhiều vào nhận thức của các chủ thể. Việc nâng cao nhận thức của các chủ thể sẽ góp phần tạo ra sự đồng thuận về lợi ích. Để phát huy vai trò của mình, các chủ thể sản xuất kinh doanh năng lượng tái tạo cần xác định và đánh giá các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình phát triển và vận hành dự án. Điều này bao gồm xác định rủi ro về môi trường, kỹ thuật, tài chính, chính trị và thị trường. Việc hiểu rõ về các rủi ro này sẽ giúp các chủ thể lựa chọn các biện pháp phòng ngừa và giải pháp hiệu quả.

Đối với điện mặt trời, ngay từ khi hình thành dự án, cần có những quy định cụ thể đối với nhà sản xuất và nhà cung ứng tấm pin mặt trời cũng như chủ thể sản xuất kinh doanh điện mặt trời để họ có trách nhiệm thu hồi sản phẩm cũ sau sử dụng hoặc khuyến khích nhà đầu tư tái chế. Tương tự, đối với các dự án điện gió, cũng cần xác định rõ trách nhiệm của tất cả các bên, đặc biệt là về việc xử lý chất thải khi dự án kết thúc.

Bên cạnh đó, để phát huy vai trò của các chủ thể trong việc đảm bảo hài hòa lợi ích và giảm thiểu tranh chấp cần tăng cường hợp tác, cung cấp thông tin giữa các chủ thể. Các chủ thể cần chia sẻ thông tin rõ ràng và chính xác về các dự án, kế hoạch và quyết định của mình. Điều này giúp tạo ra sự hiểu biết và lòng tin tốt hơn giữa các bên, giảm thiểu xung đột và tranh chấp. Khi có tranh chấp, các chủ thể nên thúc đẩy giải quyết một cách công bằng và đồng thuận. Việc sử dụng các cơ chế giải quyết tranh chấp hợp pháp và công bằng như trọng tài, đàm phán và giám sát có thể giúp tìm ra những giải pháp tốt nhất cho tất cả các bên liên quan.

Để tránh xung đột lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo, việc chuyển dịch năng lượng cần chú trọng đến an sinh xã hội và có giải pháp đối với các nhóm

cộng đồng bị ảnh hưởng sinh kế do phát triển năng lượng tái tạo. Chẳng hạn, đối với tác động do chiếm đất, các dự án năng lượng tái tạo cần thực hiện theo đúng quy định của các cấp quản lý về giới hạn diện tích. Để tránh ảnh hưởng đến sinh kế của người dân và môi trường tự nhiên, cần đồng bộ hóa tất cả các khâu từ quy hoạch, phê duyệt, thiết kế cho đến xây dựng và triển khai dự án. Điều này sẽ tránh được tình trạng mật độ tập trung quá lớn, ảnh hưởng đến cả hiệu quả KT - XH.

Bên cạnh việc sử dụng các công cụ tài chính, việc thảo luận và lắng nghe ý kiến của cộng đồng cũng hết sức quan trọng, cần đảm bảo rằng cộng đồng được tham gia và có tiếng nói trong quá trình quy hoạch và triển khai các dự án năng lượng sạch. Tư vấn và lắng nghe ý kiến của người dân địa phương sẽ giúp hiểu rõ hơn về nhu cầu và quan ngại của họ, đồng thời tìm ra những giải pháp phù hợp và chấp nhận được cho từng khu vực.

Để tránh xung đột lợi ích, trong quá trình triển khai các dự án cần đảm bảo minh bạch và thông tin chính xác: Cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác về dự án năng lượng sạch cho cộng đồng. Điều này sẽ giúp người dân hiểu rõ hơn về tác động của dự án đối với cuộc sống hàng ngày của họ và tạo ra sự tin tưởng và ủng hộ từ cộng đồng. Đảm bảo rằng dự án năng lượng sạch được triển khai một cách bền vững và tối thiểu hóa tác động tiêu cực đến môi trường. Các biện pháp như chọn vị trí phù hợp, sử dụng công nghệ xanh, thân thiện với môi trường, tăng cường hiểu biết sẽ giúp cộng đồng thấy rõ giá trị của chuyển đổi sang năng lượng sạch và tạo ra sự ủng hộ lâu dài cho các dự án này.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp năng lượng tái tạo nên thực hiện tốt các trách nhiệm xã hội của mình, có thể dành nguồn tài trợ và hỗ trợ phát triển cho cộng đồng trong quá trình triển khai các dự án năng lượng sạch. Điều này có thể bao gồm việc xây dựng cơ sở hạ tầng, giáo dục và y tế hoặc các chương trình hỗ trợ xã hội khác...

Như vậy, trong bối cảnh ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu toàn cầu và xu hướng chuyển dịch năng lượng, việc đảm bảo hài hoà lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam sẽ nâng cao năng lực chống chịu của nền kinh tế, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu: tăng trưởng nhanh, bền vững, bảo đảm

tiến bộ, công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ môi trường.

4.2.4. Nhóm giải pháp phòng ngừa các lợi ích nhóm tiêu cực và mâu thuẫn, xung đột lợi ích trong tương lai trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam

4.2.4.1. Nhóm giải pháp phòng ngừa các lợi ích nhóm tiêu cực trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam

Phát triển năng lượng tái tạo là một xu hướng quan trọng trong ngành năng lượng, nhất là khi xã hội đang hướng tới sử dụng năng lượng sạch và bền vững. Tuy nhiên, việc phát triển năng lượng tái tạo cũng có thể dẫn tới một số lợi ích nhóm tiêu cực nếu không được quản lý và phòng ngừa đúng cách.

Trên cơ sở phân tích thực trạng quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam hiện nay có thể thấy, một số nhóm lợi ích chủ yếu trong quá trình phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta hiện nay là: (1) nhóm lợi ích giữa các cơ quan quản lý nhà nước về phát triển năng lượng tái tạo (trực tiếp là Bộ Công thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, địa phương trong thẩm định, phê duyệt các dự án với các doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo; (2) nhóm lợi ích giữa Nhà nước – Nhà doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo – Nhà băng (ngân hàng) – Nhà khoa học; (3) nhóm lợi ích giữa doanh nghiệp cung ứng yếu tố đầu vào cho sản xuất kinh doanh năng lượng tái tạo (máy móc, thiết bị, vốn,...) – Doanh nghiệp trực tiếp sản xuất kinh doanh năng lượng tái tạo – Doanh nghiệp truyền tải, phân phối điện năng lượng tái tạo.

Để phòng ngừa các lợi ích nhóm tiêu cực trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam và giải quyết xung đột lợi ích giữa các chủ thể, Chính phủ Việt Nam cần ưu tiên thực hiện các giải pháp sau:

Một là, tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh: Chính phủ cần khẩn trương, nhanh chóng xây dựng và hoàn thiện thị trường điện cạnh tranh, loại bỏ tình trạng độc quyền mua bán điện. Thực hiện chính sách tái cơ cấu ngành điện, cho phép các chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo cạnh tranh công bằng

trong việc cung cấp điện và loại bỏ độc quyền; cho phép người dùng cuối cùng tự tạo điện cho nhu cầu sử dụng của họ (đối với điện mặt trời áp mái) và bán lại phần dư thừa cho lưới điện hoặc bù đắp một phần điện năng đã mua,... Khuyến khích sự cạnh tranh lành mạnh trong ngành năng lượng tái tạo để tạo ra các giải pháp hiệu quả. Điều này cũng đồng nghĩa với việc đảm bảo giám sát và kiểm soát chặt chẽ để ngăn chặn các hành vi không minh bạch và không công bằng.

Hai là, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các luật chuyên ngành để làm cơ sở thực hiện hiệu quả hơn cơ chế thị trường nhằm giải quyết hài hoà lợi ích giữa các chủ thể. Luật này sẽ tập trung vào các vấn đề như đầu tư, quy hoạch, giá điện, xây dựng cơ chế đấu giá, đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp, chủ đầu tư kèm giá điện.

Ba là, quản lý sát sao quy hoạch và lựa chọn vị trí, hoàn thiện quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo để các doanh nghiệp yên tâm sản xuất kinh doanh năng lượng tái tạo, đảm bảo lợi ích kinh tế. Xây dựng cơ chế đấu thầu để chọn các doanh nghiệp có năng lực tham gia phát triển điện năng lượng tái tạo. Đảm bảo rằng việc xây dựng các dự án năng lượng tái tạo được thực hiện dựa trên các quy hoạch chi tiết và tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn, bảo vệ môi trường. Lựa chọn vị trí đúng đắn có thể giảm thiểu tác động xấu đối với cộng đồng và môi trường.

Bốn là, tăng cường tư vấn và tham gia cộng đồng: Tổ chức các chương trình tư vấn, thông tin và tạo cơ hội tham gia của cộng đồng địa phương trong quá trình phát triển và vận hành dự án năng lượng tái tạo. Điều này giúp tăng cường sự chấp nhận và hỗ trợ từ phía cộng đồng, tránh được xung đột lợi ích trong quá trình thực hiện các dự án.

Những giải pháp này không chỉ giúp phòng ngừa các lợi ích nhóm tiêu cực trong phát triển năng lượng tái tạo mà còn tạo ra một môi trường phát triển bền vững và cân bằng giữa các lợi ích của cộng đồng, môi trường và kinh tế.

4.2.4.2. Giải pháp phòng ngừa mâu thuẫn, xung đột lợi ích trong tương lai trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam

Từ phân tích thực trạng phát triển năng lượng tái tạo và tình hình quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam cho thấy trong tương lai,

những mâu thuẫn, xung đột lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta có thể nảy sinh, đặc biệt là vấn đề hậu dự án năng lượng tái tạo như: cơ chế chính sách sản xuất, tiêu thụ điện của các dự án; trục lợi qua các dự án – đầu tư; chiếm đất đai; nợ ngân hàng; cạnh tranh không lành mạnh, lãng phí, thậm chí làm tổn hại môi trường trong tương lai – ô nhiễm do thải pin mặt trời, thu hẹp diện tích rừng cây xanh; gia tăng các vấn đề xung đột lợi ích xã hội,... Đây chính là cơ sở để đưa ra các giải pháp ứng phó trong hiện tại và phòng ngừa trong tương lai.

Để phòng ngừa những mâu thuẫn, xung đột lợi ích cũng như khắc phục hạn chế, rủi ro trong phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta trong thời gian tới, Nhà nước Việt Nam cần đóng vai trò chủ đạo trong việc khắc phục những hạn chế, rủi ro của các dự án năng lượng tái tạo. Để khắc phục những hạn chế, rủi ro của các dự án năng lượng tái tạo ở nước ta hiện nay (như hạn chế, rủi ro về chính sách; hạn chế về nguồn vốn đầu tư và tài chính; kỹ thuật; sự không ổn định của điện mặt trời do điều kiện tự nhiên, thời tiết; hạn chế về truyền tải điện năng lượng tái tạo; rủi ro phát sinh liên quan từ vấn đề quy hoạch; hạn chế rủi ro hậu các dự án năng lượng tái tạo, ô nhiễm môi trường do thải tấm pin mặt trời, thu hẹp diện tích rừng cây xanh...), Nhà nước cần thực hiện tốt vai trò của mình thông qua các biện pháp cụ thể như:

Một là, để khắc phục hạn chế về chính sách phát triển năng lượng tái tạo: Nhà nước cần có quy hoạch, chính sách phát triển năng lượng tái tạo tổng thể trong cơ cấu năng lượng quốc gia. Đặc biệt, cần sớm xây dựng Luật Năng lượng tái tạo, cần làm rõ các quy định, trách nhiệm của các chủ thể liên quan. Bên cạnh đó, để tránh sự trùng chéo giữa các chính sách, cần thay đổi một số Luật liên quan đến phát triển năng lượng tái tạo như Luật Điện lực, Luật đất đai và Luật xây dựng để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư triển khai các dự án năng lượng tái tạo.

Hai là, tăng cường đầu tư phát triển khoa học công nghệ; đẩy mạnh nghiên cứu, hợp tác nghiên cứu để phát triển năng lượng tái tạo, công nghệ sản xuất tiết kiệm tài nguyên, tiêu hao ít năng lượng; đầu tư ngân sách hằng năm nhằm khôi

phục hệ sinh thái và cải thiện chất lượng môi trường. Đối với các dự án năng lượng tái tạo, đặc biệt là năng lượng gió, năng lượng mặt trời, cần cụ thể hóa trách nhiệm của các chủ thể liên quan đến việc xử lý chất thải khi kết thúc dự án. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ của các chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo, chú trọng đến đầu tư cho nghiên cứu và phát triển các công nghệ năng lượng tái tạo. Nội địa hóa sản xuất thiết bị năng lượng tái tạo để hạn chế phụ thuộc vào nhập khẩu thiết bị, giảm chi phí dẫn đến giảm giá thành để tạo tính cạnh tranh trên thị trường, từ đó nâng cao tính độc lập, tự chủ và năng lực của nền kinh tế.

Ba là, nâng cao trình độ chuyên môn, đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu có thể đáp ứng các yêu cầu cho phát triển năng lượng tái tạo; phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà hoạch định chính sách phát triển năng lượng tái tạo để đảm bảo hài hòa cơ cấu năng lượng, tránh thiệt hại về lợi ích cho các nhà đầu tư, đảm bảo có chi phí sản xuất thấp, hài hòa giữa lợi ích quốc gia, nhà đầu tư và người tiêu dùng.

Bốn là, để khắc phục khó khăn trong việc thu hút vốn đầu tư, tài chính và hạn chế rủi ro nợ xấu của các dự án năng lượng tái tạo, Nhà nước cần đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư tư nhân, trong và ngoài nước.

Năm là, để khắc phục những rủi ro hậu các dự án năng lượng tái tạo, như ô nhiễm do thải tấm pin mặt trời, Nhà nước cần quy định rõ trách nhiệm của các bên liên quan ngay từ khi hình thành dự án, cần có những quy định cụ thể đối với nhà sản xuất và nhà cung ứng tấm pin mặt trời cũng như chủ thể sản xuất kinh doanh điện mặt trời để họ có trách nhiệm thu hồi sản phẩm cũ sau sử dụng hoặc khuyến khích nhà đầu tư tái chế...

Sáu là, tăng cường các hoạt động giáo dục và tạo nhận thức về năng lượng tái tạo, lợi ích của chúng và các biện pháp bảo vệ môi trường. Điều này giúp người dân hiểu rõ hơn và chủ động hỗ trợ các dự án phát triển năng lượng tái tạo.

Bảy là, thực hiện các đánh giá tác động môi trường và xã hội trước khi triển khai dự án để đánh giá rủi ro và tìm giải pháp phù hợp. Điều này giúp xác định và giảm thiểu các tác động tiêu cực có thể xảy ra. Chính phủ và các cơ quan quản lý cần thiết lập các quy định và chuẩn mực rõ ràng về việc triển khai dự án năng

lượng tái tạo, bao gồm cả các biện pháp bảo vệ môi trường và xã hội. Việc tuân thủ các quy định này giúp ngăn chặn các xung đột và mâu thuẫn lợi ích trong tương lai.

Những giải pháp trên có thể giúp tạo ra một môi trường phát triển năng lượng tái tạo bền vững và phòng ngừa các mâu thuẫn và xung đột lợi ích đáng kể. Tuy nhiên, quan trọng nhất là sự hợp tác và hiểu biết giữa các bên liên quan để đạt được mục tiêu chung của phát triển bền vững.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu về “*Quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam*” nhằm góp phần đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của ngành năng lượng tái tạo ở Việt Nam. Trong quá trình nghiên cứu, luận án rút ra một số kết luận sau:

1. Giải quyết và thực hiện tốt mối quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam là một trong những vấn đề rộng lớn, phức tạp có ý nghĩa lý luận và thực tiễn rất quan trọng để phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi chủ thể nhằm đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước.

2. Trên cơ sở kế thừa quan điểm lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh cùng những quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về giải quyết mối quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo; tiếp thu những kết quả nghiên cứu khoa học trước đó, nghiên cứu sinh đã xây dựng được quan niệm về: quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo, làm rõ các chủ thể chính, đặc điểm, nội dung các mối quan hệ lợi ích giữa các chủ thể, tiêu chí đánh giá. Luận án cũng phân tích một số nhân tố ảnh hưởng đến các mối quan hệ lợi ích trên.

3. Luận án đã nghiên cứu khái quát tình hình thực hiện quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam; đi sâu phân tích, có số liệu minh chứng thực trạng giải quyết mối quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam. Từ đó rút ra những thành tựu đạt được, những hạn chế còn tồn tại và tìm ra nguyên nhân của thực trạng đó.

4. Luận án đã đưa ra những dự báo tình hình trong nước và quốc tế, trình bày những quan điểm về đảm bảo hài hòa lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam và đề xuất một số nhóm giải pháp có tính khả thi nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam đến năm 2030 với bốn nhóm giải pháp đó là: Nhóm giải pháp đối với các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam; Nhóm giải pháp đẩy mạnh sự liên kết, hợp tác giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo; Nhóm giải pháp phát huy vai trò của cấp bộ Đảng, chính quyền địa phương và các chủ thể liên quan về đảm bảo hài hòa lợi ích trong

phát triển năng lượng tái tạo; Nhóm giải pháp phòng ngừa các lợi ích nhóm tiêu cực và mâu thuẫn, xung đột lợi ích trong tương lai trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam.

5. Quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam là đề tài mới, có quy mô lớn, đòi hỏi nghiên cứu có tính hệ thống và trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Từ góc độ Kinh tế chính trị, luận án bước đầu khám phá một số vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận, cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu một cách cụ thể hơn nữa với đối tượng và góc độ khác nhau trong lĩnh vực phát triển năng lượng tái tạo. Trên cơ sở những nội dung và kết quả nghiên cứu bước đầu, nghiên cứu sinh sẽ tiếp tục bổ sung, mở rộng và phát triển vấn đề nghiên cứu sâu hơn, góp phần làm sáng tỏ những cơ sở lý luận và thực tiễn xung quanh vấn đề quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Hoàng Thị Thinh (2020), “Phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam trong bối cảnh ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu toàn cầu”, *Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương*, số 572, 09/2020, tr.77-79.
2. Hoàng Thị Thinh (2020), “Vấn đề lợi ích trong lĩnh vực phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương*, số 579, tháng 12/2020, tr.19-21.
3. Hoàng Thị Thinh (2023), “Kinh nghiệm giải quyết hài hòa lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo của một số nước trên thế giới và bài học cho Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán*, (238), tr.110-116.
4. Hoàng Thị Thinh (2023), “Tác động của phát triển năng lượng tái tạo đến phát triển bền vững ở Việt Nam”, *Tạp chí Tài chính*, (800), tr.57-60.
5. Hoàng Thị Thinh (2023), “Đảm bảo hài hòa quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam”, *Tạp chí Tài chính*, (803), tr.65-69.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tài liệu tiếng Việt

1. Phạm Thị Hoàng Anh, Lê Hải Lâm (2021), “Kinh nghiệm cho vay ưu đãi bảo vệ môi trường của Hàn Quốc, Thái Lan và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam”, *Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ*, (16), tr.27-32.
2. Nguyễn Văn Bình (2020), *Sách tham khảo Định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2020), *Nghị quyết số 55-NQ/TW về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
4. Bộ Công thương (2023), *Quyết định 21/QĐ-BCT ngày 07 tháng 01 năm 2023 Ban hành khung giá điện cho việc phát điện từ các nhà máy điện mặt trời và điện gió trong diện chuyển tiếp*, Hà Nội.
5. V.P.Ca-man-kin (1982), *Các lợi ích kinh tế dưới chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
6. Trần Thị Minh Châu (2012), “Quan hệ lợi ích giữa các chủ thể kinh tế trong Luật Đất đai ở Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản*, (840), tr.39 - 45.
7. Nguyễn Thế Chinh (2017), “Tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ và cải thiện môi trường - kinh nghiệm của Việt Nam”, *Tạp chí Môi trường*, số 9, tại trang <http://tapchimoitruong.vn/tang-truong-xanh-83/Tang-truong-kinh-te-gan-voi-bao-ve-va-cai-thien-moi-truong---kinh-nghiem-cua-Viet-Nam-19941#>, [truy cập ngày 15/12/2022).
8. Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia (2015), *Tổng luận Tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam*, số 5, Hà Nội.
9. Nguyễn Đức Cường (2009), “Quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam”, *Tạp chí Công nghiệp*, (1), tr.8-10.
10. Nguyễn Hùng Cường (2017), *Chính sách năng lượng tái tạo của một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Viện Hàn Lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.

11. Nguyễn Hùng Cường (2015), “Kinh nghiệm phát triển năng lượng tái tạo của Trung Quốc và bài học đối với Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học*, (3), tr.165-174.
12. Trần Việt Dũng (2020), “Legal and policy framework for renewable energy and energy efficiency development in Vietnam”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol 01, (01), pp. 33-47.
13. Nguyễn Ngọc Duy, Nguyễn Thị Kim Anh, Phan Lê Diễm Hằng (2014), “Phân phối lợi ích trong chuỗi giá trị sản phẩm: Trường hợp mặt hàng thủy sản khai thác biển ở Khánh Hòa”, *Tạp chí Phát triển kinh tế*, (280), tr.78 - 96.
14. Đặng Quang Định (2011), *Thống nhất lợi ích kinh tế giữa giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
15. Đỗ Huy Hà (2013), *Giải quyết quan hệ lợi ích kinh tế trong quá trình đô thị hóa ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
16. Phạm Thị Thu Hà (2020), “Phát triển thị trường năng lượng tái tạo ở Việt Nam”, *Báo điện tử Tạp chí Công thương*, ngày 12/09/2020.
17. Phạm Thị Thu Hà (2021), “Đánh giá phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam từ góc độ bền vững”, *Tạp chí Công thương*, (15), tr.115-124.
18. Lưu Đức Hải, Nguyễn Thị Hoàng Liên, Cù Thị Sáng, Nguyễn Quang Khải, (2021), “Các rào cản của sự phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Điện tử Kinh tế Môi trường*, [truy cập ngày 09/09/2021].
19. Phan Thị Thu Hiền, Nguyễn Mạnh Hùng (2021), “Các nhân tố ảnh hưởng tới thành công của các dự án xây dựng và phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, (29), tr.72-81.
20. Đỗ Thị Hiệp (2022), “Phân loại nhà đầu tư trong phát triển các dự án điện mặt trời và điện gió tại Việt Nam”, *Tạp chí Công thương*, (16), tr.108-115.
21. Trần Hoàng Hiểu (2020), *Quan hệ lợi ích kinh tế giữa nông dân và doanh nghiệp trong phát triển cánh đồng lớn ở đồng bằng sông Cửu Long*, Luận

- án tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
22. Nguyễn Huy Hoạch (2022), “Điện mặt trời mái nhà nhà nhà cùng lợi, cần tiếp tục khuyến khích, *Tạp chí Năng lượng Việt Nam*, (202+203), tr.15 - 17.
 23. Đào Duy Huân (2007), “Lợi ích kinh tế: Động lực thu hút mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội ở VN hiện nay”, *Tạp chí Phát triển kinh tế* (TP HCM), (200), tr.11-16.
 24. Lê Hải Hưng (2023), “Nghịch lý? Tại sao giá bán điện tăng khi tỉ lệ điện mặt trời tăng?”, *Tạp chí Ánh sáng và Cuộc sống*, số 169, tr.7-9.
 25. Hoàng Thị Thu Hương (2014), *Thực trạng năng lượng tái tạo Việt Nam và hướng phát triển bền vững*, *Năng lượng Việt Nam*, tại trang <http://nangluongvietnam.vn>, [truy cập ngày 20/5/2022].
 26. Nguyễn Thị Thu Hương (2008), *Mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*, Đề tài khoa học - công nghệ cấp Đại học quốc gia Hà Nội, mã số NCKH. QTCT.07.09, Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tại trang https://repository.vnu.edu.vn/flowpaper/simple_document.php?subfolder=55/00/20/&doc=55002062197718972615036425856527165388&bitsid=d67d97dc-93f2-4758-9040-f7c597cf77d6&uid=, [truy cập ngày 4/3/2022].
 27. IAS/UfU/GreenID (2020), *Hướng tới sự thành công của Thỏa thuận Pa-ri cho trái đất và người dân Việt Nam. Mở ra các đồng lợi ích của các hoạt động giảm phát thải carbon trong ngành điện của Việt Nam*, Báo cáo Chính sách COBENEFITS. Potsdam/Hà Nội, tại trang www.cobenefits.info, [truy cập ngày 15/12/2022].
 28. Hoàng Văn Khải (2019), *Giải quyết quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
 29. Hoàng Văn Khải; Trần Văn Thắng (2019), “Giải quyết hài hòa quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam

- hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (12), tr.27 - 33.
30. Nguyễn Linh Khiếu (1999), *Lợi ích - động lực phát triển xã hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
 31. Nguyễn Linh Khiếu (2002), *Góp phần nghiên cứu quan hệ lợi ích*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 32. Lã Hồng Kỳ (2022), “Những khó khăn, vướng mắc trong chuyển đổi, phát triển năng lượng sạch”, *Tạp chí Thông tin Khoa học và Công nghệ Hạt nhân*, số 71, tr.9-13.
 33. Laprinmenco (1978), *Những vấn đề lợi ích trong chủ nghĩa Lenin*, Nxb Mátxcova.
 34. V.I.Lenin (1974), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Tiên bộ, Matxcova.
 35. Hoàng Văn Luân (2000), *Lợi ích - động lực của sự phát triển xã hội bền vững*, Luận án Tiến sĩ Triết học, ĐH Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
 36. C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 37. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 38. C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 18, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 39. C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 21, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 40. Phạm Thị Thanh Mai, Nguyễn Vĩnh Thuy (2014), “Nghiên cứu lựa chọn phương pháp quy hoạch năng lượng cho hệ thống điện Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học và công nghệ*, (2), tr.123-128.
 41. Nguyễn Thị Thúy Mai (2022), “Chính sách năng lượng tái tạo của Việt Nam và một số rào cản”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế Chuyển đổi năng lượng, hướng tới công bằng và phát triển bền vững*, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội, tr.176-183.
 42. Nguyễn Cảnh Nam (2021), “Kinh nghiệm quốc tế về phát triển, quản lý, vận hành nguồn năng lượng tái tạo trong hệ thống điện quốc gia”, *Tạp chí Năng lượng Việt Nam*, (191+192), tr.11 - 16.
 43. Năng lượng Việt Nam (2020), Cập nhật số liệu khảo sát cường độ bức xạ mặt trời ở Việt Nam, *tạp chí Năng lượng Việt Nam*, tại trang <https://nangluongvietnam.vn/>, [truy cập ngày 15/12/2022].
 44. Ngô Tuấn Nghĩa (2011), *Bảo đảm quan hệ lợi ích hài hòa về sở hữu trí tuệ*

trong hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

45. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật Bảo vệ môi trường*, số 55/2014/QH13.
46. Tập đoàn Điện lực Việt Nam (2020), *Báo cáo vận hành hàng năm của Điều độ quốc gia và thống kê điện mặt trời áp mái của EVN*, Hà Nội.
47. Tập đoàn Điện lực Việt Nam (2022), *Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch năm 2022 mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2023*, Hà Nội.
48. Tuấn Thành (2021), “Vướng mắc đối với phát triển năng lượng tái tạo và giải pháp khắc phục”, *Tạp chí Ban Tuyên giáo trung ương*, tại trang <https://tuyengiao.vn/thoi-su/vuong-mac-doi-voi-phat-trien-nang-luong-tai-tao-va-giai-phap-khac-phuc-135449>, [truy cập ngày 1/2/2023].
49. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 về Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội.
50. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg về Cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam*, Hà Nội.
51. Thủ tướng Chính phủ (2018), *Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg ngày 10/9/2018 về Cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam*, Hà Nội.
52. Thủ tướng Chính phủ (2019), *Quyết định số 1743/QĐ-TTg ngày 03/12/2019 về Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội.
53. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 13/QĐ-TTg 6/4/2020 về Cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam (thay thế Quyết định 11 năm 2017)*, Hà Nội.
54. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 về Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050*, Hà Nội.
55. Thủ tướng Chính phủ (2023), *Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ*

2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII), Hà Nội.

56. Nguyễn Văn Thuận (2015), “Quan hệ lợi ích giữa người nuôi và doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu trong chuỗi giá trị cá Tra ở đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp chí kinh tế và quản lý*, (13), tr. 43 - 46.
57. Trương Văn Thủy (2021), *Quan hệ lợi ích trong phát triển chuỗi giá trị cà phê ở tỉnh Đắk Lắk*, Luận án tiến sĩ Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
58. Nguyễn Đức Tuyên; Đỗ Văn Long; Trần Quốc Ngữ; Lê Việt Thịnh; Đặng Hoàng Anh; Dương Mạnh Cường (2021), “Tổng quan về điều chỉnh phụ tải qua kinh nghiệm vận hành thị trường điện của một số quốc gia”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Công nghiệp Hà Nội)*, (3), tr.36-43, ISSN.1859-3585.
59. Phạm Thị Thương (2018), *Lợi ích kinh tế của người lao động trong các doanh nghiệp tư nhân ở tỉnh Thừa Thiên Huế*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
60. Bùi Thị Tiến (2022), *Quan hệ lợi ích trong phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Luận án tiến sĩ Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
61. Tresnocop, Đ.I (1973), *Chủ nghĩa duy vật lịch sử với tính cách là xã hội học của chủ nghĩa Mác - Lênin* Nxb Mátxcova.
62. Nguyễn Anh Tuấn (2022), “Chuyển đổi năng lượng trong cung cấp điện và vấn đề phát triển điện hạt nhân”, *Tạp chí Thông tin Khoa học và Công nghệ Hạt nhân*, (71), tr.14-19.
63. Nguyễn Thị Nhâm Tuất, Ngô Văn Giới (2013), ”Đánh giá thực trạng và tiềm năng khai thác năng lượng tái tạo ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên*, Tập 112, (121).
64. Đào Duy Tùng, Phạm Thành, Vũ Hữu Ngoạn, Lê Xuân Tùng, Nguyễn Duy Bảy (1982), *Bàn về các lợi ích kinh tế*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
65. Ánh Tuyết (2023), “Bảo động căng thẳng tài chính từ các dự án năng lượng tái tạo”, *Tạp chí Kinh tế Việt Nam*, (14), tr.28-31.
66. Trần Thị Tuyết, Nguyễn Thị Hòa (2022), “Cơ hội việc làm gắn với phát triển

- năng lượng tái tạo ở Việt Nam”, *Tạp chí Địa lí nhân văn*, (1), tr.83-90.
67. Trần Thị Tuyết, Hà Huy Ngọc, Phạm Mạnh Hà (2021), “Phương thức xác định việc làm gắn với phát triển năng lượng tái tạo”, *Tạp chí Nghiên cứu Địa lí nhân văn*, số 1 tháng 3/2021, tr.48-56.
68. Lê Thị Vân (2019), “Thúc đẩy đồng lợi ích về kinh tế - xã hội trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam”, *Tạp chí Môi trường*, (12).
69. Nguyễn Thị Cẩm Vân (2022), “Tác động của các nhân tố kinh tế, xã hội và môi trường đến tiêu thụ năng lượng tái tạo ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Thương mại*, (161), tr.3-12.
70. Viện Năng lượng, Bộ Công thương (2022), *Đề án Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
71. Viện Năng Lượng (2018), *Quy hoạch phát triển NLTT Việt Nam đến năm 2035*.
72. Viện Năng lượng (2022), *Bộ Công thương, Đề án Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045*.
73. Vietnam Offshore Wind Country Screening and Site Selection (2020), *C2Wind - Denmark*.
74. Cao Hoàng Việt (2017), “Phát triển bền vững ngành năng lượng: chương trình điều chỉnh phụ tải điện trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Phát triển bền vững Vùng*, (4), tr.17-24.
75. Hoàng Thị Xuân (2022), *Phát triển năng lượng tái tạo vì sự phát triển kinh tế bền vững ở một số quốc gia châu Á và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
76. Vũ Thị Thanh Xuân (2016), “Xây dựng kinh tế xanh - kinh nghiệm của cộng hoà Liên Bang Đức và bài học cho Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, số 4, tr.38-46.
77. <https://laodong.vn/kinh-doanh/evn-lo-hon-11-ti-usd-loat-cong-ty-con-bao-lai-nghin-ti-dong-1197604.ldo>, [truy cập ngày 2/6/2023].
78. <https://www.nldc.evn.vn/NangLuongTaiTao>, [truy cập ngày 15/5/2023].

*** Tài liệu tiếng nước ngoài**

79. Aizikovich A.S (1965), *Vazanaja sociologicheskaja problema*, Vopr-Philos.
80. Broom, D., (2019), How Japan became the world leader in floating solar power, *World Economic Forum*.
81. Viola Burton (2016), “*Renewable Energy: Sources, Applications and Emerging Technologies*”, Nova science Publishers, ISBN: 978-1-63485-651-5.
82. Dinica, V. (2006), *Support systems for diffusion of renewable energy technologies - An investor perspective*, Energy Policy.
83. Economic Research Institute for ASEAN and East Asia, ERIA Research Project FY2014 No. 27 (2015), *Financing Renewable Energy Development in East Asia Summit Countries - A Primer of Effective Policy Instruments*, Published September 2015.
84. Edenhofer et al (2012), *Intergovernmental Panel on climate change mitigation, Special report on Renewable energy sources and climate change mitigation*, Cambridge University Press.
85. Emily Folk (2019), “*The Many Economic Benefits of Renewable Energy*”, *Renewable energy magazine*.
86. Gross, R., Blyth, W., & Heptonstall, P. (2010), “Risks, revenues and investment in electricity generation: Why policy needs to look beyond costs”, *Energy Economics*, p.796-804.
87. Idam Infrastructure Advisory Private Limited & London Office Climate Parliament (2014), *RE-Energising India: Policy, Regulation and Financial Initiatives to Augment Renewable Energy deployment in India*.
88. International Monetary Fund (2021), *World Economic Outlook - GDP per capita (PPP)*.
89. Jelti, F.; Allouhi, A.; Bükér, M.S.; Saadani, R.; Jamil (2021), A. Renewable Power Generation: A Supply Chain Perspective. *Sustainability* 2021, 13, 1271. <https://doi.org/10.3390/su13031271>.
90. John Twidell (2021). *Renewable Energy Resources*, Published by Routledge, ISBN 9780415633581.

91. Janos Kornai (1992), *The Socialist System: The Political Economy of Communism*, Clarendon Press.
92. Claire Kremen, Albie Miles (2012), “Ecosystem Services in Biologically Diversified versus Conventional Farming Systems: Benefits, Externalities, and Trades-Offs”, *Ecology and society*, 17 (4), tr.14-40.
93. Krishnan, K.J, (2013), “Implementation of renewable energy to reduce carbon consumption and fuel cell as a back-up power for national broadband network (NBN) in Australia”, College of Engineering and Science Victoria University.
94. Krithika, P. R., Mahajan, S., (2014), *Governance of renewable energy in India: Issues and challenges*, New Delhi: The Energy and resources institute, TERI-NFA Working Paper Series No.14.
95. Lin, B. & Zhu, J., (2019), “Determinants of renewable energy technological innovation in China under CO₂ emissions constraint”, *Journal of Environmental Management*, 247, 662-671.
96. Luiz Augusto Barroso, Gabriela Elizondo Azuela (2012), *Design and performance of Policy instruments to promote the development of renewable energy: Emerging experience in selected developing countries*, World Bank Publications.
97. Maw Maw Tun (2018), “An Overview of Renewable Energy Sources and Their Energy Potential for Sustainable Development in Myanmar”, *European Journal of Sustainable Development Research*, ISSN: 2542-4742.
98. Moomaw, W., F. Yamba, M. Kamimoto, L. Maurice, J. Nyboer, K. Urama, T. Weir (2011), *Introduction. In IPCC Special Report on Renewable Energy Sources and Climate Change Mitigation*
99. Omar et al (2014), “Renewable energy resources: Current status, future prospects and their enabling technology”, *Renewable and Sustainable Energy Reviews*, p 748-764.
100. Hans Poser, Jeffrey Altman, Felix ab Egg, Andreas Granata, Ross Board (2014), *Development and integrataion of renewable energy: Lessons Learned From Germany*, Publisher(s): Finadvice Publication Date: July 1, 2014.

101. Phoebe Grace Saculsan, Akihisa Mori (2020), “Why Developing Countries Go through an Unsustainable Energy Transition Pathway? The Case of the Philippines from a Political Economic Perspective”, *Journal of Sustainability Research*. DOI: 10.20900/jsr20200012.
102. Sawin, J. L., (2015), *Renewable 2015 Global status report*, REN21.
103. Sovacool (2009), *The cultural barriers to renewable energy in the United States*, Technology in Society.
104. Tachev, V., (2021), *Potential of Renewable energy in Japan*, Energy tracher Asia.
105. The International Renewable Energy Agency (IRENA) (2017), *Renewable energy benefits: understanding the socio-economics*.
106. Vietnam Offshore Wind Country Screening and Site Selection - C2Wind - Denmark - 2020.
107. Visal Veng, Beni Suryadi, Aloysius Damar Pranadi, Nadhilah Shani, (2019), “A review of renewable energy development and its policy under nationally determined contributions in ASEAN”, *International Journal of Smart Grid and Clean Energy*. doi: 10.12720/sgce.9.1.149-16
108. Wang. X, (2007), *Legal and policy frameworks for renewable energy to mitigate climate change*”, Issue 2 Winter 2007: Climate Law reporter 2007.
109. Wang, B. et al (2018), *Role of renewable energy in China’s energy security and climate change mitigation: an index decomposition analysis*, Renewable and Sustainable Energy Reviews, Volume 90, July 2018, pp.187-194.
110. Roland Wengenmayr và Thomas Bührke, (2013), *Renewable Energy: Sustainable Energy Concepts for the Energy Change*, Wiley-VCH; 2nd edition (February 11, 2013).
111. Wing, L. C., & Jin, Z. (2014), *Risk management methods applied to renewable and sustainable energy: A review*, *Journal of Electrical and Electronic Engineering*, Published online October 16, 2014, doi: 10.11648/j.jeee.s.2015030101.11.

112. Zhao, X. & Luo, D., (2017), “*Drivers of Renewable Energy Growth in China: Environment, Regulations, and Employment*”, Renewable and Sustainable Energy Reviews.
113. <https://www.irena.org/publications/2021/Aug/Renewable-energystatistics-2021>, [truy cập ngày 14/12/2022].
114. <https://www.iea.org/reports/japan-2021>, [truy cập ngày 21/12/2022].
115. <https://www.reuters.com/business/energy/japan-aims-36-38-energycome-renewables-by-2030-2021-10-22/>, [truy cập ngày 15/1/2023].